|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | |  | |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** | |
| **CỤC AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN**  Số: /BC-ATBXHN | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2019* | |

**BÁO CÁO QUỐC GIA**

**Về công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân năm 2018**

**LỜI GIỚI THIỆU**

Thực hiện Chiến lược ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình đến năm 2020, sau gần 15 năm, ứng dụng năng lượng nguyên tử và kỹ thuật hạt nhân trong các ngành kinh tế - xã hội của nước ta đã đạt được nhiều thành tựu và kết quả to lớn, đặc biệt là trong chẩn đoán và điều trị bệnh bằng các trang thiết bị và kỹ thuật tiên tiến, ứng dụng công nghệ bức xạ trong các lĩnh vực công nghiệp, chiếu xạ thực phẩm và xử lý bức xạ, soi chiếu an ninh hải quan.

Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn, an ninh có thể gây ảnh hưởng đến con người và môi trường. Vì vậy, cùng với việc đẩy mạnh các ứng dụng năng lượng nguyên tử trong các ngành kinh tế-xã hội, chúng ta cần tăng cường công tác quản lý Nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân, an ninh nguồn phóng xạ.

Theo quy định của Luật Năng lượng nguyên tử, Bộ Khoa học và Công nghệ là Cơ quan quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân, trong đó tại Điều 8 đã quy định Cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc Bộ KH&CN sẽ giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực này. Cục An toàn bức và hạt nhân với vai trò của Cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân, trong những năm qua đã nỗ lực cố gắng trong việc hoàn thiện khuôn khổ luật pháp, tăng cường năng lực của cơ quan quản lý trên các phương diện thanh tra, cấp phép, hỗ trợ kỹ thuật, anh ninh và thanh sát hạt nhân.

Để có thể đánh giá hiện trạng cũng như đề xuất các giải pháp tăng cường và nâng cao hiệu quả của công tác quản lý nhà nước đối với các ứng dụng năng lượng nguyên tử trong các ngành kinh tế-xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ đã giao Cục An toàn bức xạ và hạt nhân định kỳ hàng năm xây dựng Báo cáo quốc gia công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân. Trên cơ sở nội dung của Báo cáo, các cơ quan Đảng, Chính phủ, Bộ ngành sẽ có thêm căn cứ để đánh giá tình hình, hoạch định đường lối chính sách có liên quan tới công tác quản lý nhà nước về an toàn, an ninh tại các cơ sở bức xạ và hạt nhân từ Trung ương đến địa phương, góp phần tạo niềm tin và sự ủng hộ của các ngành các cấp và người dân đối với các ứng dụng năng lượng nguyên tử.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Cục An toàn bức xạ và hạt nhân xin báo cáo tình hình triển khai công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân trong năm 2018. Đây là năm thứ bảy Cục thực hiện nhiệm vụ này.

**Nguyễn Tuấn Khải**

**Cục trưởng Cục An toàn bức xạ và hạt nhân**

MỤC LỤC

[I. XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ HƯỚNG DẪN PHÁP QUY VÀ TIÊU CHUẨN AN TOÀN 8](#_Toc26435755)

[1. Thực hiện Kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2018 8](#_Toc26435756)

[2. Tiếp tục nghiên cứu sửa đổi Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008 9](#_Toc26435757)

[3. Tham gia soạn thảo, góp ý các văn bản quy phạm pháp luật liên quan do các Bộ và các đơn vị trong Bộ KH&CN chủ trì 9](#_Toc26435758)

[II. CẤP PHÉP 10](#_Toc26435759)

[1. Công tác cấp phép trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử năm 2018 10](#_Toc26435760)

[*1.1. Công tác cấp phép* 10](#_Toc26435761)

[*1.2. Công tác thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố* 10](#_Toc26435762)

[*1.3. Cấp giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử và chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử* 10](#_Toc26435763)

[*1.4. Công tác thu gom nguồn phóng xạ, điều kiện hóa nguồn phóng xạ* 11](#_Toc26435764)

[*1.5. Một số hoạt động khác* 11](#_Toc26435765)

[2. Một số khó khăn và bất cập trong hoạt động cấp phép 11](#_Toc26435766)

[III. THANH TRA, XỬ LÝ VI PHẠM 13](#_Toc26435767)

[1. Giới thiệu chung 13](#_Toc26435768)

[2. Hoạt động thanh tra của Cục ATBXHN năm 2018 14](#_Toc26435769)

[*2.1.* *Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở ứng dụng bức xạ trong công nghiệp* 14](#_Toc26435770)

[*2.2.* *Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT* 15](#_Toc26435771)

[*2.3.* *Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở nghiên cứu và đào tạo* 16](#_Toc26435772)

[*2.4.* *Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở y học hạt nhân* 16](#_Toc26435773)

[*2.5.* *Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở xạ trị* 18](#_Toc26435774)

[*2.6.* *Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở X-quang y tế* 19](#_Toc26435775)

[*2.7.* *Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở hoạt động trong lĩnh vực thăm dò địa chất, các cơ sở đo tuổi vàng* 19](#_Toc26435776)

[3. Hoạt động thanh tra của các Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trong cả nước năm 2018...... 20](#_Toc26435777)

[4. Đánh giá chung về công tác thanh tra, xử lý vi phạm về an toàn bức xạ và hạt nhân năm 2018 21](#_Toc26435778)

[5. Kiến nghị - đề xuất qua hoạt động thanh tra 22](#_Toc26435779)

[*5.1.* *Về xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật* 22](#_Toc26435780)

[*5.2.* *Về công tác quản lý nhà nước về ATBXHN* 23](#_Toc26435781)

[IV. TRIỂN KHAI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ 25](#_Toc26435782)

[1. Triển khai Công ước chung về An toàn quản lý nhiên liệu đã qua sử dụng và An toàn quản lý chất thải phóng xạ 25](#_Toc26435783)

[2. Triển khai Công ước An toàn hạt nhân 25](#_Toc26435784)

[3. Triển khai thực hiện Công ước bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân 26](#_Toc26435785)

[4. Triển khai thực hiện Công ước quốc tế về Ngăn chặn hành động khủng bố hạt nhân... 26](#_Toc26435786)

[5. Triển khai thực hiện Hiệp ước Cấm thử vũ khí hạt nhân toàn diện (CTBT) 27](#_Toc26435787)

[6. Hoạt động của Tổ Công tác liên bộ về điều ước quốc tế trong lĩnh vực hạt nhân 27](#_Toc26435788)

[7. Đánh giá chung tình hình thực hiện các điều ước quốc tế trong lĩnh vực hạt nhân 28](#_Toc26435789)

[V. TÌNH HÌNH BẢO ĐẢM AN TOÀN BỨC XẠ TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG BỨC XẠ VÀ ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ 29](#_Toc26435790)

[1. Công tác kiểm soát chiếu xạ cá nhân 29](#_Toc26435791)

[2. Tình hình bảo đảm an toàn bức xạ của Viện Nghiên cứu hạt nhân 30](#_Toc26435792)

[3. Tình hình đảm bảo an toàn bức xạ tại các cơ sở chiếu xạ công nghiệp 33](#_Toc26435793)

[4. Tình hình đảm bảo an toàn bức xạ tại các cơ sở xạ trị và y học hạt nhân 36](#_Toc26435794)

[5. Tình hình đảm bảo an toàn bức xạ tại các cơ sở chụp ảnh phóng xạ công nghiệp 38](#_Toc26435795)

[VI. AN TOÀN ĐỐI VỚI LÒ PHẢN ỨNG HẠT NHÂN NGHIÊN CỨU 42](#_Toc26435796)

[1. Giới thiệu chung 42](#_Toc26435797)

[2. Hoạt động quản lý bảo đảm an toàn Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt của Cơ quan pháp quy hạt nhân 42](#_Toc26435798)

[3. Xây dựng các VBQPPL cho lò phản ứng nghiên cứu 43](#_Toc26435799)

[VII. AN NINH NGUỒN PHÓNG XẠ, VẬT LIỆU HẠT NHÂN VÀ CƠ SỞ HẠT NHÂN 45](#_Toc26435800)

[1. Tình hình quản lý an ninh nguồn phóng xạ 45](#_Toc26435801)

[2. Tình hình quản lý an ninh vật liệu hạt nhân và cơ sở hạt nhân 45](#_Toc26435802)

[3. Xây dựng năng lực hỗ trợ kỹ thuật phục vụ quản lý an ninh nguồn phóng xạ và vật liệu hạt nhân 46](#_Toc26435803)

[VIII. THANH SÁT HẠT NHÂN 47](#_Toc26435804)

[1. Hoạt động thanh sát hạt nhân của IAEA tại Việt Nam 47](#_Toc26435805)

[2. Hoạt động thanh sát năm 2018 47](#_Toc26435806)

[*2.1. Thực hiện Hiệp định Thanh sát* 47](#_Toc26435807)

[*2.2. Thực hiện Nghị định thư bổ sung (AP)* 47](#_Toc26435808)

[*2.3. Thực hiện đánh giá báo cáo thanh sát hạt nhân tại các cơ sở* 48](#_Toc26435809)

[IX. QUẢN LÝ CHẤT THẢI PHÓNG XẠ, NGUỒN PHÓNG XẠ ĐÃ QUA SỬ DỤNG 49](#_Toc26435810)

[1. Giới thiệu về hệ thống quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng...... 49](#_Toc26435811)

[2. Hoạt động của kho lưu giữ nguồn phóng xạ đã qua sử dụng tại Trung tâm Đánh giá không phá hủy (NDE) 50](#_Toc26435812)

[*2.1. Thống kê số lượng nguồn đã qua sử dụng đang lưu giữ* 50](#_Toc26435813)

[*2.2. Công tác đảm bảo an ninh* 55](#_Toc26435814)

[*2.3. Công tác kiểm xạ khu vực làm việc* 55](#_Toc26435815)

[3. Hoạt động của kho lưu giữ chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng của Viện Nghiên cứu hạt nhân 55](#_Toc26435816)

[*3.1. Công tác quản lý chất thải phóng xạ phát sinh trong quá trình vận hành lò phản ứng* 55](#_Toc26435817)

[*3.2. Công tác quản lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng* 56](#_Toc26435818)

[4. Hoạt động của kho lưu giữ nguồn phóng xạ đã qua sử dụng của Liên doanh dầu khí Vietsopetro 58](#_Toc26435819)

[5. Hoạt động của các cơ sở lưu giữ nguồn phóng xạ khác đã được cấp giấy phép 59](#_Toc26435820)

[6. Hoạt động xây dựng năng lực hỗ trợ kỹ thuật phục vụ quản lý nhà nước về chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng 59](#_Toc26435821)

[7. Đánh giá chung và kiến nghị 60](#_Toc26435822)

[X. ỨNG PHÓ SỰ CỐ BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN 62](#_Toc26435823)

[1. Giới thiệu chung về hệ thống tổ chức quản lý ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân 62](#_Toc26435824)

[*1.1. Hệ thống văn bản quy định về chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân* 62](#_Toc26435825)

[*1.2. Hệ thống tổ chức quản lý ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân* 62](#_Toc26435826)

[2. Tình hình triển khai Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp quốc gia 63](#_Toc26435827)

[3. Tình hình xây dựng và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân của các tỉnh, thành trong cả nước 64](#_Toc26435828)

[4. Hoạt động diễn tập ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân 64](#_Toc26435829)

[5. Hoạt động xây dựng năng lực hỗ trợ kỹ thuật phục vụ công tác ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân 64](#_Toc26435830)

[XI. QUẢN LÝ PHÓNG XẠ MÔI TRƯỜNG 66](#_Toc26435831)

[1. Quy hoạch mạng lưới và hoạt động của các trạm quan trắc phóng xạ môi trường 66](#_Toc26435832)

[*1.1. Quy hoạch mạng lưới quan trắc và cảnh báo Phóng xạ môi trường quốc gia* 66](#_Toc26435833)

[*1.2. Hoạt động của các trạm quan trắc chính* 68](#_Toc26435834)

[*1.2.1. Hoạt động của các trạm quan trắc thuộc Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam....* 68](#_Toc26435835)

[*1.2.2. Hoạt động của trạm quan trắc tại Viện Hóa học quân sự - Bộ Quốc phòng* 69](#_Toc26435836)

[*1.2.3. Hoạt động của trạm quan trắc tại Trung tâm HTKT An toàn bức xạ hạt nhân và ứng phó sự cố - Cục ATBXHN* 70](#_Toc26435837)

[2. Thu thập dữ liệu phóng xạ môi trường 70](#_Toc26435838)

[XII. HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO AN TOÀN BỨC XẠ VÀ ĐÀO TẠO CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT 72](#_Toc26435839)

[XIII. HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN 75](#_Toc26435840)

[1. Thông tin tuyên truyền phổ biến pháp luật 75](#_Toc26435841)

[2. Xuất bản các ấn phẩm của cơ quan pháp quy hạt nhân 75](#_Toc26435842)

[3. Duy trì và cập nhật thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Cục ATBXHN 76](#_Toc26435843)

[4. Hoạt động thông tin khoa học phục vụ công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân 76](#_Toc26435844)

[5. Kết luận và đề xuất 77](#_Toc26435845)

[XIV. HỢP TÁC QUỐC TẾ 78](#_Toc26435846)

[Tổng quan về hoạt động hợp tác quốc tế về an toàn, an ninh và không phổ biến hạt nhân 78](#_Toc26435847)

[1. Hợp tác đa phương 79](#_Toc26435848)

[*1.1. Hợp tác với IAEA* 79](#_Toc26435849)

[*1.2. Hợp tác với Liên minh Châu Âu* 80](#_Toc26435850)

[*1.3. Mạng lưới các cơ quan pháp quy về năng lượng nguyên tử của các quốc gia khu vực Đông Nam Á* 81](#_Toc26435851)

[*1.4. Tổ chức cấm thử vũ khí hạt nhân toàn diện (CTBTO)* 82](#_Toc26435852)

[2. Hợp tác song phương 82](#_Toc26435853)

[*2.1. Hợp tác với Hoa Kỳ* 82](#_Toc26435854)

[*2.2. Hợp tác với Nhật Bản* 83](#_Toc26435855)

[*2.3. Hợp tác với Liên bang Nga* 83](#_Toc26435856)

[*2.4. Hợp tác với Trung Quốc* 84](#_Toc26435857)

[*2.5. Hợp tác với Hàn Quốc* 84](#_Toc26435858)

[*2.6. Hợp tác với các quốc gia khác* 84](#_Toc26435860)

[XVI. CÁC SỰ CỐ BỨC XẠ NĂM 2018 VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM 86](#_Toc26435861)

[1. Các sự cố bức xạ năm 2018 86](#_Toc26435862)

[2. Bài học kinh nghiệm 87](#_Toc26435863)

[3. Kế hoạch tăng cường công tác bảo đảm an toàn bức xạ và hạt nhân 87](#_Toc26435864)

[XVII. CÁC PHỤ LỤC 88](#_Toc26435865)

[PHỤ LỤC 1. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN, AN NINH VÀ THANH SÁT HẠT NHÂN 88](#_Toc26435866)

[PHỤ LỤC 2. HOẠT ĐỘNG CẤP PHÉP CỦA CƠ QUAN PHÁP QUY HẠT NHÂN NĂM 2018 93](#_Toc26435867)

[1. Tình trạng cấp phép và thống kê giấy phép đã cấp năm 2018 93](#_Toc26435868)

[2. Thống kê số giấy phép đã cấp năm 2018 theo lĩnh vực 94](#_Toc26435869)

[3. Thống kê số giấy phép đã cấp trong năm 2018 theo địa phương 97](#_Toc26435870)

[4. Thống kê số Chứng chỉ nhân viên bức xạ, chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử đã cấp năm 2018 99](#_Toc26435871)

[PHỤ LỤC 3. THỐNG KÊ HOẠT ĐỘNG CẤP PHÉP CỦA CÁC SỞ KH&CN CÁC TỈNH NĂM 2018 100](#_Toc26435872)

[PHỤ LỤC 4. DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ DO CỤC AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN THANH TRA NĂM 2018 103](#_Toc26435873)

[PHỤ LỤC 5. DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ TIẾN HÀNH CÔNG VIỆC BỨC XẠ DO SỞ KH&CN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ THANH, KIỂM TRA NĂM 2018 114](#_Toc26435874)

[PHỤ LỤC 6. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN CỦA LÒ PHẢN ỨNG NGHIÊN CỨU NĂM 2018 198](#_Toc26435875)

[1. Tình hình hoạt động của lò phản ứng nghiên cứu 198](#_Toc26435876)

[2. Tình hình quản lý và bảo đảm an toàn hạt nhân, an toàn bức xạ đối với lò phản ứng nghiên cứu 199](#_Toc26435877)

[PHỤ LỤC 7. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO AN TOÀN CỦA CÁC CƠ SỞ CHIẾU XẠ CÔNG NGHIỆP TRONG NĂM 2018 205](#_Toc26435878)

[1. Tình trạng cấp phép và thống kê thiết bị chiếu xạ 205](#_Toc26435879)

[2. Thống kê số nhân viên bức xạ 207](#_Toc26435880)

[3. Đánh giá tình hình hoạt động và đảm bảo an toàn bức xạ 208](#_Toc26435881)

[PHỤ LỤC 8. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO AN TOÀN CỦA CÁC CƠ SỞ XẠ TRỊ VÀ Y HỌC HẠT NHÂN 212](#_Toc26435882)

[1. Cơ sở xạ trị sử dụng nguồn phóng xạ 212](#_Toc26435883)

[2. Cơ sở xạ trị sử dụng máy gia tốc 214](#_Toc26435884)

[3. Thống kê số cơ sở sử dụng y học hạt nhân 219](#_Toc26435885)

[PHỤ LỤC 9. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN CỦA CÁC CƠ SỞ CHỤP ẢNH PHÓNG XẠ CÔNG NGHIỆP NĂM 2018 223](#_Toc26435886)

[1. Tình hình hoạt động chụp ảnh phóng xạ công nghiệp 223](#_Toc26435887)

[2. Đánh giá tình hình hoạt động và đảm bảo an toàn bức xạ 223](#_Toc26435888)

# I. XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ HƯỚNG DẪN PHÁP QUY VÀ TIÊU CHUẨN AN TOÀN

## 1. Thực hiện Kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2018

***a) Các văn bản đã ban hành***

Thực hiện Kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2018 đã được phê duyệt, Cục An toàn bức xạ và hạt nhân (ATBXHN) đã chủ trì soạn thảo, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) ban hành 02 thông tư sau:

- Thông tư số 13/2018/TT-BKHCN ngày 05/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/11/2018.

- Thông tư số 14/2018/TT-BKHCN ngày 15/11/2018 về việc ban hành 03 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị X-quang dùng trong y tế:

1. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị X-quang di động dùng trong y tế (QCVN 15:2018/BKHCN)

2. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình dùng trong y tế (QCVN 16:2018/BKHCN)

3. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị X-quang răng dùng trong y tế (QCVN 17:2018/BKHCN)

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/6/2019.

***b) Các văn bản chuẩn bị ban hành***

Cục ATBXHN đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan ở trong và ngoài Cục xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định điều kiện tiến hành công việc bức xạ và điều kiện hoạt động dịch vụ ứng dụng năng lượng nguyên tử; trình Bộ trưởng ký ban hành Tờ trình Chính phủ số 3458/TTr-BKHCN ngày 30/10/2018 kèm theo Hồ sơ dự thảo Nghị định và tiếp tục làm việc với Văn phòng Chính phủ hoàn thiện dự thảo Nghị định để có thể ban hành trong năm 2019.

Cục ATBXHN cũng tiếp tục làm việc với Bộ Tài chính về việc ban hành Thông tư của Bộ Tài chính quy định về phí sử dụng dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử nhằm đáp ứng nhu cầu cấp bách của việc quản lý an toàn, an ninh các nguồn phóng xạ đã qua sử dụng.

## 2. Tiếp tục nghiên cứu sửa đổi Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008

Cục ATBXHN tiếp tục nghiên cứu, đề xuất nội dung để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi) trong bối cảnh tình hình mới. Cục ATBXHN đã làm việc với Công ty Lightbridge (Hoa Kỳ) về khả năng hợp tác giữa hai bên trong việc sửa đổi Luật năng lượng nguyên tử.

Trong khuôn khổ Dự án “Nâng cao năng lực và tính hiệu quả cho Cục ATBXHN và các tổ chức hỗ trợ kỹ thuật của Cục”( Dự án VN3.10/13) do Ủy ban Châu Âu (EC) tài trợ, riêng trong năm 2018 Cục ATBXHN đã có hai đợt làm việc với chuyên gia EC đến từ các cơ quan quản lý hạt nhân của Đức (GRS), Pháp (ASN) và Phần Lan (STUK) để thảo luận, hoàn thiện khung của Luật năng lượng nguyên tử (sửa đổi) và một số chương quan trọng về tổ chức quản lý, cấp phép, thanh tra, an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và ứng phó sự cố.

## 3. Tham gia soạn thảo, góp ý các văn bản quy phạm pháp luật liên quan do các Bộ và các đơn vị trong Bộ KH&CN chủ trì

Trong năm 2018, Cục ATBXHN đã tham gia nghiên cứu, soạn thảo hoặc đóng góp ý kiến cho các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do các Bộ và các đơn vị trong Bộ soạn thảo như: Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung các Luật liên quan đến quy hoạch (trong đó có sửa đổi, bổ sung các quy định tại Chương II Luật năng lượng nguyên tử liên quan đến quy hoạch); Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công; Dự thảo Luật quản lý thuể (sửa đổi); Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quy hoạch; Dự thảo Nghị định về vận tải đa phương thức; Dự thảo Nghị định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; Dự thảo Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 20/6/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 127/2007/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 134/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số diều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam; Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Cục ATBXHN tham gia soạn thảo Nghị định quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử./.

# II. CẤP PHÉP

## 1. Công tác cấp phép trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử năm 2018

### *1.1. Công tác cấp phép*

Thực hiện theo các quy định của Luật NLNT và Thông tư số 08/2010/TTBKHCN ngày 22/7/2010 của Bộ KH&CN về việc cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ và chứng chỉ nhân viên bức xạ, tính đến 31/12/2018 (01/01/2018- 31/12/2018), Cục ATBXHN đã giải quyết, xử lý hơn 1400 hồ sơ đề nghị cấp giấy phép, giấy đăng ký, chứng chỉ hành nghề và chứng chỉ nhân viên bức xạ các loại, công văn liên quan đến cấp phép và công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ. Đã ban hành và trình Bộ KH&CN ban hành các loại giấy phép tiến hành công việc bức xạ, giấy đăng ký, chứng chỉ nhân viên bức xạ.

**Bảng 1: Số giấy phép, giấy đăng ký, chứng chỉ nhân viên bức xạ đã cấp trong năm 2018**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Số lượng** |
| 1 | Số lượng hồ sơ đến | 1400 |
| 2 | Số lượng Giấy phép Cục cấp/Giấy phép trình Bộ ký ban hành | 964/26 |
| 3 | Số lượng chứng chỉ đã cấp (chứng chỉ NVBX/chứng chỉ hành nghề) | 731/98 |

### *1.2. Công tác thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố*

Thực hiện theo quy định của Luật NLNT và Thông tư số 25/2014/TTBKHCN ngày 08/10/2014 của Bộ KH&CN quy định việc chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân, lập và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân, trong năm 2018, Cục ATBXHN đã tiếp nhận và xử lý, tổ chức họp hội đồng thẩm định và trình Bộ trưởng phê duyệt đối với 06/08 kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Cục ATBXHN đã phê duyệt đối với 215 bộ hồ sơ phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở.

### *1.3. Cấp giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử và chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử*

Thực hiện theo quy định của Luật NLNT, tính đến ngày 31/12/2018, Cục  
ATBXHN đã thực hiện thẩm định và cấp 67 giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. Những giấy đăng ký dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử chủ yếu gồm: Kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị bức xạ, thiết bị ghi đo bức xạ, đo liều chiếu xạ cá nhân, dịch vụ kiểm xạ, dịch vụ đào tạo an toàn bức xạ.

### *1.4. Công tác thu gom nguồn phóng xạ, điều kiện hóa nguồn phóng xạ*

Cục ATBXHN đã hướng dẫn, cấp phép cho các cơ sở có nguồn phóng xạ đã qua sử dụng thu gom về lưu giữ tại Viện Khoa học và Kỹ thuật hạt nhân (KHKTHN) và Viện Nghiên cứu hạt nhân (NCHN) đảm bảo an toàn bức xạ và an ninh nguồn phóng xạ.

Cục ATBXHN đã tham gia giám sát quá trình tháo dỡ, điều kiện hóa các nguồn phóng xạ đã qua sử dụng đang được lưu giữ tại 02 đơn vị trên theo dự án RAS/9/085 về tăng cường cơ sở hạ tầng quản lý chất thải phóng xạ tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Kết quả đã tháo dỡ, điều hóa 129 nguồn phóng xạ tại Viện KHKTHN cho vào 04 capsule và 278 nguồn phóng xạ tại Viện NCHN đưa vào lưu giữ tại 06 capsule.

### *1.5. Một số hoạt động khác*

- Tham mưu cho lãnh đạo hoàn thành việc hỗ trợ, hướng dẫn Tập đoàn ROSATOM, ĐSQ Liên bang Nga về việc vận chuyển đến, quá cảnh vật liệu hạt nhân quá cảnh lãnh thổ Việt Nam;

- Tham mưu cho lãnh đạo Bộ và Chính phủ đối với việc phê chuẩn cho tàu sân bay SS Carl chạy bằng năng lượng hạt nhân của Hoa Kỳ trong chuyến thăm thành phố Đà Nẵng từ ngày 5/3 – 9/3/2018.

- Triển khai thực hiện đề án dịch vụ công cấp phép trực tuyến của Cục, xây dựng yêu cầu kỹ thuật đối với hệ thống cấp phép trực tuyến trong 2018 đáp ứng yêu cầu cấp bách của xã hội về cải cách thủ tục hành chính công trong giai đoạn mới;

- Triển khai thực hiện xây dựng và đưa hệ thống phần mềm ASEAN 1 cửa cấp phép xuất nhập khẩu nguồn phóng xạ.

## 2. Một số khó khăn và bất cập trong hoạt động cấp phép

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động cấp phép vẫn còn một số tồn  
tại, khó khăn như sau:

* Một số loại hình đào tạo chuyên môn nghiệp vụ đối với nhân viên bức xạ và nhân viên hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử như đào tạo về nhân viên kiểm định X quang y tế, đọc liều chiếu xạ cá nhân, kiểm xạ (ghi đo bức xạ), lắp đặt nguồn phóng xạ…. đã được triển khai, tuy nhiên, hiện vẫn chưa có văn bản hướng dẫn chi tiết về chương trình đào tạo, nội dung đào tạo đối với một số loại hình này.
* Một số VBQPPL liên quan phục vụ công tác thẩm định ATBX, an  
  ninh nguồn phóng xạ, quy trình thủ tục, điều kiện cấp phép còn có những bất  
  cập, vướng mắc cần được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản bổ sung mới để hoàn thiện hệ thống văn bản phục vụ công tác thẩm định cấp phép như: Nghị định quy định về điều kiện cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ và giấy đăng ký hoạt động dịch vụ và chứng chỉ hành nghề hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên cần sớm được ban hành đáp ứng yêu cầu của xã hội, phục vụ doanh nghiệp, người dân và phù hợp với quy định trong Luật đầu tư kinh doanh.
* Một số văn bản liên quan đến kiểm định và hiệu chuẩn thiết bị bức xạ,  
  thiết bị ghi đo bức xạ đang được hoàn thiện, chưa được ban hành, dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý nhà nước như thiếu các quy chuẩn kỹ thuật về kiểm định thiết bị X –quang./.

# III. THANH TRA, XỬ LÝ VI PHẠM

1. **Giới thiệu chung**

Hoạt động thanh tra chuyên ngành về an toàn bức xạ hạt nhân hiện nay được thực hiện bởi Thanh tra Bộ KH&CN, Cục ATBXHN (Thanh tra Cục), Thanh tra các Sở KH&CN địa phương, trong đó:

Thanh tra Bộ KH&CN là tổ chức trực thuộc Bộ KH&CN, giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh tra chuyên ngành ATBXHN, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiến hành thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện thanh tra và hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra đối với cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực ATBXHN và Thanh tra Sở KH&CN các địa phương.

Thanh tra Cục là tổ chức trực thuộc Cục ATBXHN, có chức năng tham mưu, giúp Cục trưởng triển khai và thực hiện hoạt động thanh tra chuyên ngành ATBXHN, tiến hành thanh tra đối với tất cả các cơ sở tiến hành công việc bức xạ và các cơ sở hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử trên phạm vi toàn quốc.

Thanh tra Sở KH&CN là tổ chức trực thuộc Sở KH&CN tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, có chức năng giúp Giám đốc Sở tiến hành thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật. Trong đó bao gồm tiến hành các hoạt động thanh tra các cơ sở tiến hành công việc bức xạ trên địa bàn toàn tỉnh, thành phố của địa phương đó. Thanh tra Sở KH&CN nhận sự chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành từ Thanh tra Bộ KH&CN và chuyên môn từ Cục ATBXHN.

Chức năng nhiệm vụ của các tổ chức thanh tra chuyên ngành về ATBXHN nêu trên được quy định theo Nghị định số 213/2013/NĐ-CP ngày 20/12/2013 của Chính phủ quy định về Tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành KH&CN và Nghị định số 27/2017/NĐ-CP ngày 15/3/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 213/2013/NĐ-CP.

1. **Hoạt động thanh tra của Cục ATBXHN năm 2018**

Năm 2018, Cục ATBXHN đã chủ trì triển khai 18 đoàn thanh tra với tổng số 79 cơ sở được thanh tra trên địa bàn 17 tỉnh, thành phố. Trong đó, 71 cơ sở được thanh tra theo kế hoạch và 08 cơ sở được thanh tra đột xuất. Trọng tâm thanh tra năm 2018 tiếp tục tập trung vào các cơ sở lớn sử dụng, lưu giữ nhiều nguồn phóng xạ, các cơ sở mới được cấp phép sử dụng nguồn phóng xạ, các cơ sở không gửi báo cáo thực trạng an toàn tiến hành công việc bức xạ định kỳ, các cơ sở hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.

Đặc biệt, trong năm 2018, Cục ATBXHN đã tiến hành thanh tra đối với Viện Nghiên cứu hạt nhân (Đà Lạt) - đây là cơ sở hạt nhân duy nhất của nước ta có nhiều loại hình hoạt động gồm nghiên cứu, đào tạo, sản xuất đồng vị phóng xạ, sử dụng và lưu giữ các nguồn phóng xạ, quản lý thải phóng xạ từ hoạt động của lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng.

Ngoài ra, Cục ATBXHN đã tiến hành thanh tra đối các cơ sở y tế tiến hành nhiều loại hình công việc bức xạ, sử dụng số lượng lớn nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ trong khám chữa bệnh như Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện K; các cơ sở sử dụng nhiều nguồn phóng xạ trong nghiên cứu, đào tạo, cung cấp dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT như Viện Khoa học và Kỹ thuật hạt nhân; cơ sở lưu giữ một lượng lớn nguồn phóng xạ như Liên đoàn Vật lý địa chất.

Các Đoàn thanh tra của Cục ATBXHN đã lập biên bản vi phạm hành chính và chuyển Cục trưởng Cục ATBXHN ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 22 cơ sở với tổng số tiền phạt là 219 triệu đồng.

* 1. ***Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở ứng dụng bức xạ trong công nghiệp***

Năm 2018, Cục ATBXHN đã tiến hành thanh tra 30 cơ sở ứng dụng bức xạ trong công nghiệp, chiếm 38% tổng số cơ sở được thanh tra. Số lượng cơ sở ứng dụng bức xạ trong công nghiệp được thanh tra năm 2018 giảm nhiều so với năm trước là do năm 2017 Bộ KH&CN đã tiến hành thanh tra chuyên đề diện rộng về ATBXHN đối với các tất cả các cơ sở sử dụng, lưu giữ nguồn phóng xạ trong đó có một lượng lớn các cơ sở ứng dụng bức xạ trong công nghiệp. Trọng tâm thanh tra năm 2018 tập chung chủ yếu vào các cơ sở sử dụng, lưu giữ số lượng lớn nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ; sử dụng nguồn phóng xạ mới được cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ; các cơ sở không báo cáo thực trạng an toàn tiến hành công việc bức xạ định kỳ hàng năm cho cơ quan quản lý và các cơ sở hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.

Các cơ sở được thanh tra năm 2018 hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất giấy, bao bì, chế biến gỗ và một số cơ sở có sử dụng nguồn phóng xạ để đo độ dày vật liệu, đo mức chất lỏng hoặc phân tích thành phần vật liệu.

Qua thanh tra, Cục ATBXHN đã phát hiện và xử lý vi phạm hành chính đối với 13 cơ sở ứng dụng bức xạ trong công nghiệp chiếm 62% tổng số cơ sở bị xử lý trong năm 2018 với tổng số tiền phạt là 143 triệu đồng, tất cả các cơ sở đã chấp hành việc nộp phạt theo quy định.

Các hành vi vi phạm hành chính điển hình đã bị xử lý bao gồm:

* Sử dụng hoặc lưu giữ nguồn phóng xạ không có giấy phép tiến hành công việc bức xạ.
* Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thời hạn báo cáo thực trạng an toàn tiến hành công việc bức xạ hằng năm;
* Không báo cáo cho Cục ATBXHN khi có thay đổi thông tin so với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.
  1. ***Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT***

Năm 2018, Cục ATBXHN đã tiến hành thanh tra đối với 24 cơ sở hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT. Kết quả thanh tra cho thấy, các cơ sở đã chấp hành các quy định trong lĩnh vực NLNT nói chung và quy định đối với hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT tử nói riêng như việc đề nghị cấp giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT. Tuy nhiên, bên cạnh những cơ sở đã thực hiện tốt các quy định vẫn còn có cơ sở chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ các quy định về hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT. Trong năm 2018, Cục ATBXHN đã xử phạt vi phạm hành chính đối với 05 cơ sở với tổng số tiền xử phạt là 47 triệu đồng.

Các hành vi vi phạm hành chính đã bị xử lý bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT không đúng với nội dung đã đăng ký được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;

- Không thực hiện đúng quy trình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt;

- Không khai báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau 07 ngày làm việc, kể từ ngày có thiết bị X-quang;

- Lưu giữ nguồn phóng xạ không có giấy phép;

- Thực hiện không đầy đủ kết luận thanh tra.

Kết quả các cuộc thanh tra đối với các cơ sở hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT những năm qua cho thấy hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có liên quan tới lĩnh vực hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT là tương đối đầy đủ nhưng cần tiếp tục bổ sung, hoàn thiện chế tài xử lý vi phạm hành chính cả về nội dung và khung hình phạt hướng tới nâng cao chất lượng dịch vụ.

* 1. ***Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở nghiên cứu và đào tạo***

Năm 2018, Cục ATBXHN đã tiến hành thanh tra 03 cơ sở nghiên cứu và đào tạo, chiếm ~ 3,8% tổng số cơ sở được Cục ATBXHN thanh tra. Các cơ sở này đều sử dụng các nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ trong công tác đào tạo, tiến hành thí nghiệm, nghiên cứu khoa học và triển khai một số hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT.

Kết quả thanh tra cho thấy hầu hết các cơ sở đều có ý thức chấp hành các quy định pháp luật về an toàn bức xạ như: 100% các cơ sở đã được cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ; bổ nhiệm người phụ trách an toàn có chứng chỉ nhân viên bức xạ, có kiến thức và nắm được quy định pháp luật về an toàn bức xạ; báo cáo công tác đảm bảo an toàn bức xạ định kỳ cho cơ quan quản lý. Tuy nhiên, vẫn còn một số thiếu sót cần được khắc phục như: Chưa theo dõi liều chiếu xạ cá nhân đầy đủ cho các nhân viên bức xạ (01/03 cơ sở), chưa có quy chế đảm bảo an ninh nguồn phóng xạ (02/03 cơ sở).

* 1. ***Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở y học hạt nhân***

Năm 2018, Cục ATBXHN đã thanh tra đối với 05 cơ sở có hoạt động y học hạt nhân, chiếm 6,3% tổng số cơ sở được Cục ATBXHN thanh tra.

Kết quả thanh tra cho thấy về cơ bản, các cơ sở đã có cố gắng thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm ATBX, an ninh nguồn phóng xạ, tuy nhiên vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại cần khắc phục tại các cơ sở này. Trong đó, các vấn đề nổi bật là:

- Hệ thống quản lý bảo đảm ATBX hoạt động chưa hiệu quả, sự phối hợp giữa các đơn vị trong cơ sở và với người phụ trách an toàn trong công tác quản lý bảo đảm ATBX chưa tốt, chưa có văn bản quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của người phụ trách an toàn; chưa tuân thủ đầy đủ quy định về khai báo, xin cấp giấy phép đối với các nguồn phóng xạ dùng để chuẩn thiết bị; chưa hiệu chuẩn định kỳ đầy đủ cho các thiết bị đo nhiễm bẩn, đo suất liều, thiết bị chia liều.

- Cơ sở vật chất bảo đảm ATBX cho hoạt động y học hạt nhân của một số cơ sở còn chưa đầy đủ hoặc đã bị xuống cấp như: còn những vị trí sàn và tường tại các phòng có nguy cơ bị nhiễm bẩn phóng xạ chưa được phủ bằng vật liệu nhẵn, dễ tẩy xạ; quạt thông gió, tủ hút tại phòng chia liều không hoạt động; không có thiết bị đo nhiễm bẩn.

- Một số vấn đề tồn tại trong công tác quản lý chất thải phóng xạ đã được phát hiện như: chưa dán nhãn cho các túi đựng chất thải phóng xạ rắn; chưa thực hiện đầy đủ việc đo kiểm tra nước thải phóng xạ trước khi thải ra môi trường; chưa có biện pháp cách ly, bảo vệ tránh nứt vỡ cho đường ống thu gom chất thải phóng xạ lỏng nằm lộ thiên.

Bên cạnh đó, qua các đợt thanh tra đối với các cơ sở có hoạt động y học hạt nhân còn cho thấy có tình trạng các cơ sở lớn (quản lý số lượng lớn nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ) chưa chủ động trong công tác quản lý bảo đảm ATBX, còn phụ thuộc vào các cơ sở liên kết xã hội hóa và các cơ sở chuyên làm dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT nên công tác quản lý thực tế còn nhiều bất cập.

Qua công tác thanh tra, Cục ATBXHN đã yêu cầu các cơ sở nghiêm túc thực hiện các biện pháp khắc phục, tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật, bảo đảm ATBX, an ninh nguồn phóng xạ. Cục ATBXHN đã xử phạt vi phạm hành chính đối với 01 cơ sở có hoạt động y học hạt nhân về hành vi sử dụng nguồn phóng xạ (nguồn phóng xạ để chuẩn thiết bị) mà không có giấy phép.

Ngoài những tồn tại trong việc thực hiện các quy định về bảo đảm ATBX ở các cơ sở có hoạt động y học hạt nhân nêu trên, kết quả thanh tra các cơ sở y học hạt nhân còn cho thấy bất cập trong các quy định của pháp luật về quản lý chất thải phóng xạ. Chưa có sự thống nhất về mức cho phép xả thải quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế số 28:2010/BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường và quy định tại Thông tư số 22/2014/TT-BKHCN ngày 25/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ quy định về quản lý chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng, cụ thể:

- QCVN 28:2010/BTNMT quy định giá trị tối đa cho phép của tổng hoạt độ phóng xạ α và β lần lượt là 0,1 Bq/lít và 1,0 Bq/lít (giá trị này bằng với mức cho phép trong nước sinh hoạt, ăn uống quy định tại QCVN 01:2009/BYT của Bộ Y tế).

- Thông tư số 22/2014/TT-BKHCN quy định về quản lý chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng quy định mức cho phép thải ra môi trường đối với chất thải dạng lỏng theo từng loại đồng vị phóng xạ, như: I-131 là 107 Bq/năm; Tc-99m là 1.109 Bq/năm. (quy định này phù hợp với hướng dẫn của Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế-IAEA).

Như vậy, có trường hợp hoạt độ chất thải phóng xạ chứa I-131 có thể thải ra môi trường theo quy định của Thông tư 22/2014/TT-BKHCN nhưng lại không đủ tiêu chuẩn thải theo quy định tại QCVN 28:2010/BTNMT. Hơn nữa, theo quy định tại Khoản 10 Điều 14 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, mức xử phạt đối với hành vi xả chất thải chứa chất phóng xạ vượt quy chuẩn kỹ thuật cho phép có thể lên đến 01 tỷ đồng. Việc này đang gây khó khăn cho cơ sở có hoạt động y học hạt nhân trong xử lý chất thải phóng xạ.

* 1. ***Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở xạ trị***

Năm 2018, Cục ATBXHN đã tiến hành thanh tra đối với 05 cơ sở có hoạt động xạ trị chiếm 6,3 % tổng số các cơ sở được thanh tra. Các cơ sở xạ trị được thanh tra đều là những bệnh viện lớn, có quy mô và số lượng bệnh nhân điều trị xạ trị tăng nhanh qua các năm. Phần lớn các cơ sở này đã trang bị thiết bị xạ trị bằng máy gia tốc tuyến tính, thiết bị xạ trị áp sát suất liều cao dùng nguồn phóng xạ Ir-192.

Kết quả thanh tra đối với các cơ sở xạ trị cho thấy, mặc dù là cơ sở y tế lớn, sử dụng các hệ trang thiết bị tiên tiến trong xạ trị, tuy nhiên tại các cơ sở này vẫn còn tồn tại một số thiếu sót mang tính hệ thống lặp lại tại nhiều cơ sở, cụ thể như: không thực hiện gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ trong thời hạn theo quy định; thuê cơ sở dịch vụ chưa được Cục ATBXHN cấp giấy đăng ký dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT thực hiện kiểm định máy gia tốc, nạp nguồn xạ trị; chưa kiểm xạ định kỳ hằng năm khu vực xạ trị; chưa lập sổ kiểm đếm nguồn phóng xạ định kỳ; nhân viên vận hành thiết bị xạ trị chưa được cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ.

* 1. ***Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở X-quang y tế***

Năm 2018, Cục ATBXHN đã tiến hành thanh tra đối với 09 cơ sở có sử dụng thiết bị X-quang y tế, phần lớn các cơ sở này đều là các bênh viện có quy mô hoạt động lớn nên ngoài việc sử dụng thiết bị X-quang các bệnh viện còn có hoạt động y học hạt nhân, xạ trị.

Kết quả thanh tra cho thấy, các cơ sở đã duy trì và thực hiện tốt một số quy định về ATBX như: tổ chức đào tạo kiến thức về ATBX, trang bị liều kế cá nhân cho các nhân viên bức xạ; xây dựng và niêm yết nội quy an toàn bức xạ, trang bị đèn, biển cảnh báo phóng xạ tại các phòng đặt thiết bị bức xạ. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đã đạt được các cơ sở vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế như: chưa khai báo và xin cấp giấy phép đầy đủ cho tất cả các thiết bị; chưa tổ chức đọc liều kế cá nhân định kỳ ít nhất 01 lần trong 3 tháng; chưa kiểm xạ khu vực làm việc theo đúng tần suất quy định. Đặc biệt, còn tình trạng một số cơ sở không thực hiện báo cáo Sở KH&CN địa phương khi tiến hành thay thế các bộ phận của thiết bị (như: bóng phát tia X, bàn điều khiển...) sau khi đã được cấp phép. Cục ATBXHN đã tiến hành xử phạt vi phạm hành chính đối với 02 cơ sở với tổng số tiền phạt là 25 triệu đồng.

* 1. ***Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở hoạt động trong lĩnh vực thăm dò địa chất, các cơ sở đo tuổi vàng***

Năm 2018, Cục ATBXHN đã tiến hành thanh tra đối với 04 cơ sở sử dụng thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ dùng trong xác định tuổi vàng và 01 cơ sở sử dụng nguồn phóng xạ trong lĩnh vực thăm dò địa chất tại 03 tỉnh, thành phố: Thái Nguyên, Tây Ninh và thành phố Hà Nội,

Kết quả thanh tra cho thấy phần lớn các cơ sở này đã thực hiện các quy định về việc xin cấp giấy phép (04/05 cơ sở), có quy trình sử dụng vận hành thiết bị (04/05 cơ sở), có Nội quy an toàn bức xạ (05/05 cơ sở), người phụ trách an toàn đã được cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (04/05 cơ sở). Tuy nhiên, qua thanh tra các một số cơ sở vẫn còn thiếu sót cần được khắc phục như: Chưa khắc phục tốt tất cả các yêu cầu kiến nghị của các Đoàn thanh tra trước đây (03/05 cơ sở); chưa thực hiện việc báo cáo thực trạng công tác đảm bảo an toàn bức xạ tới cơ quan quản lý nhà nước về ATBXHN (02/05 cơ sở); chưa thực hiện đầy đủ việc theo dõi liều xạ cá nhân cho các nhân viên bức xạ theo tần suất quy định (04/05) cơ sở; chưa thực hiện việc xin cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ cho hoạt động lưu giữ nguồn phóng xạ (01/05 cơ sở). Cục ATBXHN đã xử phạt vi phạm hành chính đối với 02 cơ sở với tổng số tiền phạt là 17 triệu đồng.

1. **Hoạt động thanh tra của các Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trong cả nước năm 2018**

Theo kết quả tổng hợp báo cáo công tác quản lý ATBXHN năm 2018 của 63 Sở KH&CN các tỉnh, thành phố gửi Cục ATBXHN, tổng số cơ sở tiến hành công việc bức xạ được các Sở KH&CN tiến hành thanh tra trong năm 2018 là 866 cơ sở, số cơ sở bị lập biên bản xử lý vi phạm hành chính là 49 cơ sở (chiếm 5,6 % tổng số cơ sở được thanh tra) với tổng số tiền xử phạt là 306 triệu đồng.

Kết quả thanh tra năm 2018 của các Sở KH&CN cho thấy: Số lượng cơ sở X-quang y tế được các Sở KH&CN thanh tra vẫn chiếm tỷ lệ chủ yếu (737 cơ sở chiếm 85 %); số lượng cơ sở quản lý, sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ do Cục ATBXHN cấp phép chiếm tỷ lệ (15%) thấp hơn so với năm 2017 (là năm thực hiện thanh tra chuyên đề về ATBXHN đối với các cơ sở quản lý, sử dụng nguồn phóng xạ). Tuy nhiên, kết quả này so với các năm trở về trước vẫn chiếm tỷ lệ cao hơn và tập trung chủ yếu do một số Sở KH&CN địa phương nơi có nhiều cơ sở quản lý nguồn phóng xạ như: Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Dương, Long An, TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng và Nam Định. Đây là một dấu hiệu chuyển biến tích cực trong công tác thanh tra về ATBX của các Sở KH&CN địa phương trong năm 2018 và từng bước đảm bảo được tần suất thanh tra theo yêu cầu đối với các cơ sở bức xạ, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ thanh tra về an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ cho các cán bộ thanh tra của Sở KH&CN và nâng cao hiệu quả của công tác quản lý đối với các cơ sở quản lý, sử dụng nguồn phóng xạ trên từng địa phương.

Bên cạnh công tác thanh tra, trong năm 2018 Sở KH&CN các tỉnh, thành phố cũng đã tiến hành kiểm tra tại 345 cơ sở, góp phần chấn chỉnh kịp thời các hạn chế trong công tác bảo đảm ATBX tại các cơ sở tiến hành công việc bức xạ trên toàn quốc.

1. **Đánh giá chung về công tác thanh tra, xử lý vi phạm về an toàn bức xạ và hạt nhân năm 2018**

Qua hoạt động thanh tra chuyên ngành về ATBXHN của Thanh tra Bộ KH&CN, Cục ATBXHN và Sở KH&CN các tỉnh, thành phố cho thấy: Hoạt động thanh tra đã góp phần chấn chỉnh, nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật về năng lượng nguyên tử tại các cơ sở tiến hành công việc bức xạ; ngăn chặn và xử lý kịp thời một số trường hợp có nguy cơ mất an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ, đặc biệt tại các cơ sở gặp khó khăn trong hoạt động, sản xuất, kinh doanh. Công tác thanh tra còn giúp phát hiện những thiếu sót, bất cập trong cơ chế chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong công tác bảo đảm an toàn bức xạ tại cơ sở, đồng thời kiến nghị các giải pháp khắc phục kịp thời.

Trong năm 2018, chất lượng các cuộc thanh tra đã được nâng cao so với các năm trước đây, thể hiện qua việc thanh tra theo chiều sâu về chuyên môn đối với lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu Đà Lạt, các cơ sở bức xạ lớn và các cơ sở dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử, đồng thời đánh giá cả hệ thống tổ chức nhân sự trong công tác bảo đảm an toàn bức xạ, giúp các cơ sở xác định được trách nhiệm cụ thể của mỗi cá nhân trong việc bảo đảm an toàn, an ninh, tăng cường sự giám sát trong chính nội bộ của cơ sở, giảm thiểu nguy cơ xảy ra mất an toàn, an ninh hoặc sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân.

Hoạt động thanh tra năm 2018 cũng thể hiện sự phối hợp chặt chẽ, gắn kết và hiệu quả giữa Thanh tra Bộ KH&CN, Cục ATBXHN với các Sở KH&CN địa phương trong quá trình xây dựng kế hoạch thanh travà tiến hành thanh tra tại các địa phương, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ của các cơ quan quản lý từ trung ương đến địa phương.

Thông qua hoạt động thanh tra, Cục ATBXHN cùng với các Sở KH&CN xử lý vi phạm hành chính đối với 71 cơ sở với tổng số tiền phạt là 525 triệu đồng.

Một số các vi phạm điển hình của các cơ sở được phát hiện và xử lý, bao gồm:

- Không khai báo nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ, không có giấy phép tiến hành công việc bức xạ;

- Vi phạm điều kiện giấy phép tiến hành công việc bức xạ, giấy đăng ký dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử;

- Không có hoặc chứng chỉ nhân viên bức xạ, chứng chỉ đào tạo ATBX đã hết hiệu lực;

- Không trang bị liều kế, không đánh giá liều chiếu xạ cá nhân cho nhân viên bức xạ ít nhất 1 lần trong 3 tháng;

- Thiếu chỉ dẫn an toàn, an ninh, cảnh báo bức xạ, nội quy ATBX; không tiến hành kiểm đếm nguồn phóng xạ định kỳ; không lập sổ nhật ký vận hành nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ;

- Không kiểm định thiết bị X-quang y tế, hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ, kiểm xạ theo tần suất quy định;

- Không thực hiện báo cáo thực trạng an toàn tiến hành công việc bức xạ định kỳ hàng năm;

- Không lập kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ.

1. **Kiến nghị - đề xuất qua hoạt động thanh tra**
   1. ***Về xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật***

- Kiến nghị Chính phủ sửa đổi và bổ sung một số điều về xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm về hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử vào Nghị định số 107/2013/NĐ-CP ngày 20/9/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử như: Sử dụng nhân viên có chứng chỉ hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử không phù hợp để thực hiện dịch vụ; Sử dụng không đúng thiết bị được cho phép theo Giấy đăng ký; Vi phạm một trong các điều kiện của Giấy đăng ký; Không bảo đảm ATBX cho các nhân viên thực hiện dịch vụ theo các quy định hiện hành đối với nhân viên bức xạ; Không trang bị liều kế cá nhân cho nhân viên thực hiện dịch vụ có làm việc trực tiếp với bức xạ; Không tổ chức đánh giá liều chiếu xạ cá nhân cho nhân viên thực hiện dịch vụ có làm việc trực tiếp với bức xạ ít nhất một lần trong 03 tháng; Không báo cáo thực trạng hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử hàng năm cho Cục ATBXHN theo quy định.

- Kiến nghị Bộ KH&CN phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Y tế nghiên cứu, đề xuất phương án xử lý những bất cập trong các quy định hiện hành đối với mức cho phép thải của chất thải phóng xạ vào môi trường.

- Kiến nghị Bộ KH&CN và Thanh tra Chính phủ nghiên cứu, rà soát và chỉnh sửa quy định liên quan đến trình tự, thủ tục trong hoạt động thanh tra để phù hợp với hoạt động thanh tra chuyên ngành, cụ thể: xem xét điều chỉnh quy định về các hình thức công khai kết luận thanh tra, việc yêu cầu bắt buộc cử đoàn đến cơ sở để công bố kết luận thanh tra là không khả thi vì hoạt động thanh tra chuyên ngành ATBX thông thường diễn ra trong thời gian ngắn, các đoàn thanh tra của Cục ATBXHN trên phạm vi toàn quốc do vậy yêu cầu này dẫn đến phát sinh kinh phí không cần thiết.

- Kiến nghị Bộ KH&CN ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ đọc liều chiếu xạ cá nhân.

- Kiến nghị Bộ KH&CN ban hành các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho các loại thiết bị bức xạ sử dụng trong y tế như thiết bị X-quang vú, thiết bị X –quang đo loãng xương, thiết bị xạ trị áp sát.

- Kiến nghị Bộ KH&CN ban hành quy định về quản lý chất thải phóng xạ có nguồn gốc tự nhiên (NORM/TENORM);

* 1. ***Về công tác quản lý nhà nước về ATBXHN***

*Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý về ATBXHN*

- Các Sở KH&CN cùng các cơ quan liên quan của địa phương cần phối hợp chặt chẽ với Cục ATBXHN, thường xuyên trao đổi thông tin về các cơ sở tiến hành công việc bức xạ trên địa bàn, thông báo ngay cho Cục ATBXHN khi phát hiện các dấu hiệu mất an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ tại cơ sở để nhận được sự hướng dẫn của Cục ATBXHN một cách kịp thời.

*Tăng cường nhân lực, trang thiết bị cho hoạt động thanh tra chuyên ngành ATBXHN:*

- Các cơ quan có thẩm quyền cần có chính sách để tăng cường số lượng cán bộ, thường xuyên tập huấn về nghiệp vụ cho lực lượng thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về ATBXHN từ trung ương đến địa phương;

- Tăng cường các trang thiết bị kỹ thuật cho các Sở KH&CN để hỗ trợ hoạt động thanh tra, đặc biệt là các thiết bị đo có độ nhạy cao, thiết bị có khả năng nhận dạng nguồn phóng xạ./.

# IV. TRIỂN KHAI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

## 1. Triển khai Công ước chung về An toàn quản lý nhiên liệu đã qua sử dụng và An toàn quản lý chất thải phóng xạ

Việt Nam tham gia Công ước chung về An toàn quản lý nhiên liệu đã qua sử dụng và An toàn quản lý chất thải phóng xạ từ tháng 10/2013 và trở thành thành viên của Công ước từ tháng 01/2014. Năm 2018, Cục ATBXHN đã tham dự Cuộc họp đánh giá Công ước chung về An toàn quản lý nhiên liệu đã qua sử dụng và An toàn quản lý chất thải từ ngày 21/5-01/6 tại Trụ sở Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA), Viên, Cộng hòa Áo.

Theo quy định của Công ước, Cuộc họp đánh giá được tổ chức ba năm một lần để tiến hành đánh giá đồng cấp đối với việc các Quốc gia thành viên thực hiện các nghĩa vụ cũng như yêu cầu của Công ước về việc quản lý nhiên liệu đã qua sử dụng và chất thải phóng xạ. Theo quy định bảy tháng trước khi Cuộc họp đánh giá diễn ra, các Quốc gia thành viên phải nộp Báo cáo quốc gia cho Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (dạng văn bản và bản điện tử tải lên trang web bảo mật của Công ước). Để chuẩn bị Báo cáo quốc gia, Bộ KH&CN đã chỉ đạo Cục ATBXHN tổ chức thu thập thông tin để soạn thảo và gửi Báo cáo xin ý kiến các Bộ, đơn vị liên quan trước trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Báo cáo quốc gia của Việt Nam đã được gửi đến IAEA đúng thời hạn. Bộ KH&CN cũng tổ chức việc đặt câu hỏi cho các Quốc gia thành viên (6 câu hỏi) và trả lời các câu hỏi (19 câu hỏi) của các quốc gia thành viên khác gửi cho Việt Nam, xin ý kiến các đơn vị liên quan và tải các câu hỏi, trả lời lên trang web này. Trên cơ sở Báo cáo quốc gia, Bộ KH&CN cũng đã xây dựng bài trình bày tại Cuộc họp đánh giá.

## 2. Triển khai Công ước An toàn hạt nhân

Tháng 7/2010, Việt Nam chính thức trở thành quốc gia thành viên của Công ước An toàn hạt nhân. Ngày 10/8/2010, Việt Nam đã gửi báo cáo quốc gia đầu tiên theo quy định của Công ước. Sau khi trở thành thành viên chính thức, Việt Nam đã tham gia đầy đủ các cuộc họp đánh giá định kỳ, trù bị và bất thường theo quy định của Công ước, bao gồm: Cuộc họp bất thường lần 2 và Cuộc họp chuẩn bị cho Hội nghị đánh giá lần 6 (năm 2012); Cuộc họp chuẩn bị cho Hội nghị đánh giá lần thứ 7 (năm 2015) và các Hội nghị đánh giá Công ước lần thứ 5 (năm 2011), thứ 6 (năm 2014) và thứ 7 (năm 2017) . Để chuẩn bị cho Cuộc họp đánh giá Công ước An toàn hạt nhân lần thứ 8 (năm 2020) theo đúng kế hoạch đã được thống nhất, Cục ATBXHN đã tham dự cuộc họp trù bị của Công ước An toàn hạt nhân tại Áo (tháng 10/2018) và gấp rút chuẩn bị xây dựng và nộp Báo cáo quốc gia theo đúng hạn định.

Việc tham gia Cuộc họp chuẩn bị cho Hội nghị đánh giá Công ước An toàn hạt nhân lần thứ 8 thể hiện trách nhiệm của Việt Nam trong việc thực hiện các yêu cầu của Công ước. Việc tham gia các Cuộc họp này giúp Việt Nam có những chuẩn bị kỹ lưỡng và kịp thời cho Hội nghị đánh giá lần thứ 8 tổ chức năm 2020.

Bên cạnh đó Cục ATBXHN cũng tiến hành các nghiên cứu nhằm thực hiện hiệu quả Công ước:

- Nghiên cứu cơ chế hợp tác trao đổi, cung cấp thông tin giữa quốc gia có NMĐHN với quốc gia láng giềng chịu ảnh hưởng của nhà máy điện hạt nhân (NMĐHN) làm cơ sở thực hiện Điều 17 Công ước;

- Nghiên cứu cơ chế thông báo sớm sự cố của quốc gia có NMĐHN tới quốc gia láng giềng chịu ảnh hưởng của NMĐHN làm cơ sở thực hiện Điều 17 Công ước.

## 3. Triển khai thực hiện Công ước bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân

Công ước Bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân đã được Chủ tịch nước phê duyệt gia nhập và có hiệu lực từ tháng 10/2012.

Trong năm 2018, Cục ATBXHN đã nghiên cứu các yêu cầu về bảo vệ thực thể đối với lò phản ứng nghiên cứu để thực hiện cam kết của Việt Nam trong khuôn khổ Công ước.

## 4. Triển khai thực hiện Công ước quốc tế về Ngăn chặn hành động khủng bố hạt nhân

Tháng 7/2016, Chủ tịch nước đã ký Quyết định gia nhập Công ước quốc tế về Ngăn chặn hành động khủng bố hạt nhân. Để việc thực hiện Công ước có hiệu quả, đáp ứng các nghĩa vụ của Công ước, cần tiếp tục có các nghiên cứu về sự phù hợp của văn bản quy phạm pháp luật trong nước với các quy định của Công ước và trên cơ sở đó đề xuất chỉnh sửa nếu cần thiết.

Cục ATBXHN đã thực hiện nghiên cứu các quy định trong nước về các hành vi vi phạm hình sự và so sánh với yêu cầu của Công ước để đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định trong nước về dẫn độ.

## 5. Triển khai thực hiện Hiệp ước Cấm thử vũ khí hạt nhân toàn diện (CTBT)

Việt Nam đã phê chuẩn CTBT từ năm 2006. Để hỗ trợ kỹ thuật cho thực hiện Hiệp ước, Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam đã hợp tác với Tổ chức Hiệp ước Cấm thử vũ khí hạt nhân toàn diện(CTBTO) xây dựng Trung tâm Dữ liệu thông tin quốc gia (NDC).

Cục ATBXHN thực hiện Phân tích số liệu hạt nhân phóng xạ từ các trạm quan trắc hạt nhân phóng xạ của CTBTO trong vùng Đông Nam Á trong năm 2018 và so sánh với kết quả xử lý tại Trung tâm dữ liệu quốc tế của CTBTO nhằm nâng cao năng lực của Việt Nam phục vụ công tác kiểm chứng Hiệp ước CTBT.

Bên cạnh đó Cục ATBXHN đã phối hợp với Viện Vật lý địa cầu thực hiện nghiên cứu ứng dụng hệ thống quan trắc quốc tế của CTBTO trong công tác báo tin động đất và cảnh báo sóng thần.

## 6. Hoạt động của Tổ Công tác liên bộ về điều ước quốc tế trong lĩnh vực hạt nhân

Tổ Công tác liên bộ về các điều ước quốc tế trong lĩnh vực hạt nhân đã được Bộ KH&CN thành lập từ năm 2009. Trong những năm qua, Tổ Công tác đã hoạt động rất hiệu quả với nhiều điều ước quốc tế được Tổ Công tác đề xuất và được Chủ tịch nước, Chính phủ quyết định gia nhập. Đến nay, Việt Nam đã tham gia hầu hết các điều ước quốc tế trong lĩnh vực hạt nhân.

Đầu năm 2016 một số thành viên của tổ công tác đã thay đổi công việc hoặc nhân nhiệm vụ mới theo yêu cầu của tổ chức nên Tổ công tác đã có sự thay đổi. Ngày 31/8/2016, Bộ trưởng Bộ KH&CN đã ban hành Quyết định số 2444/QĐ-BKHCN về việc thành lập Tổ công tác liên Bộ về các điều ước quốc tế trong lĩnh vực hạt nhân nhiệm kỳ mới từ tháng 9/2016 do Thứ trưởng Bộ KH&CN làm Tổ trưởng và giao Cục ATBXHN là Bộ phận thường trực. Tổ Công tác liên bộ có nhiệm vụ nghiên cứu toàn diện các điều ước quốc tế liên quan đến hạt nhân, đề xuất với Bộ trưởng Bộ KH&CN phương án tham gia, phân công trách nhiệm giữa các Bộ, ngành có liên quan khi triển khai thực hiện điều ước.

Trên cơ sở nghiên cứu và đề xuất của Tổ Công tác, Bộ KH&CN đã trình Chính phủ về việc tham gia Công ước quốc tế về Ngăn chặn hành động khủng bố hạt nhân và Chính phủ đã trình Chủ tịch nước về việc này. Ngày 14/7/2016, Chủ tịch nước đã ký Quyết định số 1457/2016/QĐ-CTN về việc Việt Nam gia nhập Công ước quốc tế về Ngăn chặn hành động khủng bố hạt nhân và Công ước đã có hiệu lực đối với Việt Nam từ ngày 23/10/2016. (Trùng y hệt với 2017).

## 7. Đánh giá chung tình hình thực hiện các điều ước quốc tế trong lĩnh vực hạt nhân

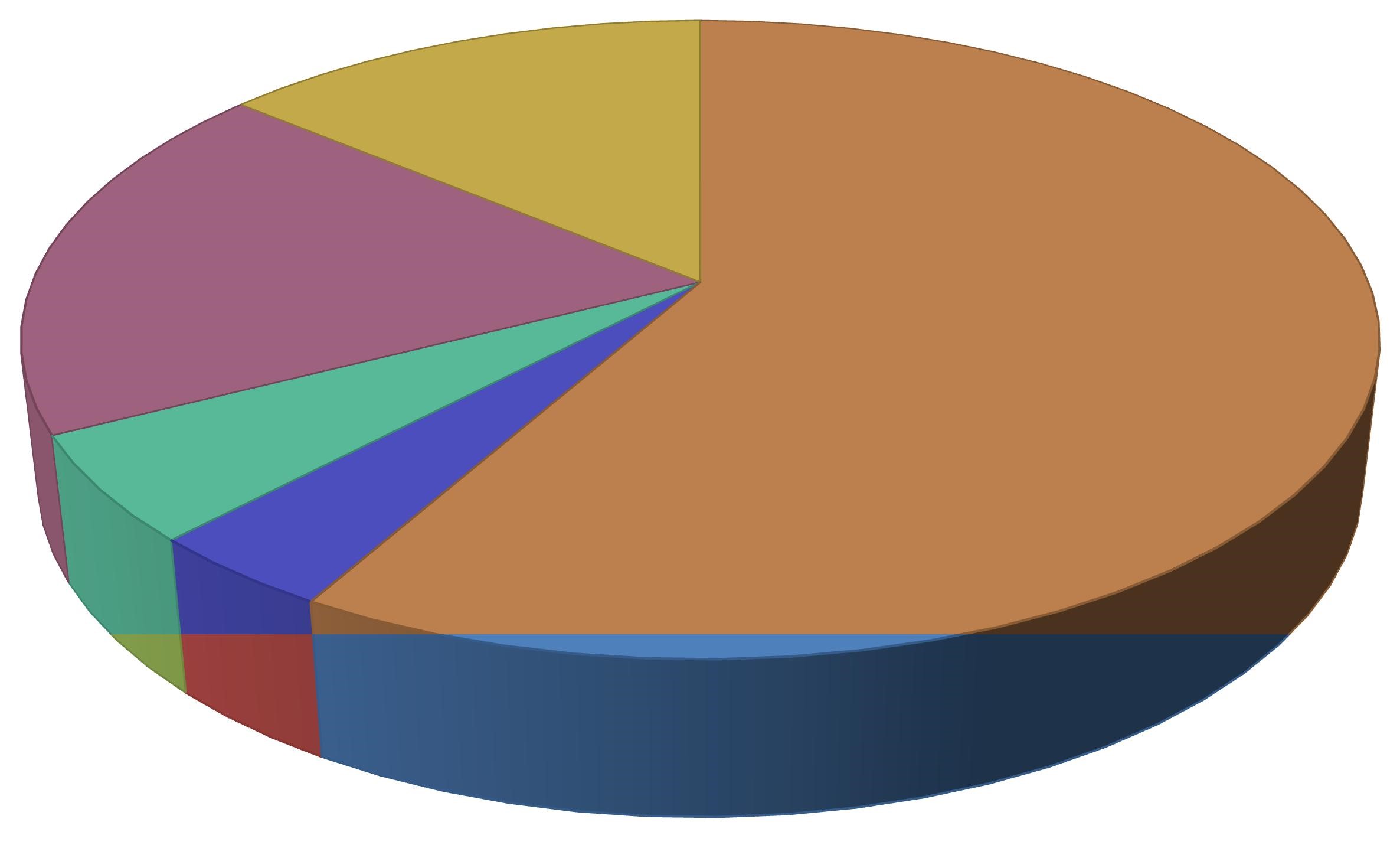
Việt Nam đã tham gia hầu hết các điều ước quốc tế quan trọng trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, điều này thể hiện chính sách nhất quán của Việt Nam là chỉ sử dụng năng lượng hạt nhân cho mục đích hoà bình. Thông qua các kết quả trong việc thực hiện các điều ước quốc tế, Việt Nam đã tạo được lòng tin và nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ của cộng đồng quốc tế trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng năng lượng hạt nhân vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Trong năm 2018, chúng ta đã đạt được nhiều kết quả trong việc thực hiện các điều ước quốc tế liên quan đến không phổ biến vũ khí hạt nhân cũng như các nghĩa vụ cơ bản mà các điều ước quốc tế quy định như nộp Báo cáo quốc gia, tham dự các cuộc họp đánh giá định kỳ và các cuộc họp bất thường.

Kết quả thực hiện các quy định này đã được IAEA, cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện thanh sát quốc tế, đánh giá cao./.

# V. TÌNH HÌNH BẢO ĐẢM AN TOÀN BỨC XẠ TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG BỨC XẠ VÀ ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ

Theo thống kê về số lượng cơ sở tiến hành công việc bức xạ năm 2018, trên cả nước có khoảng 1500 cơ sở tiến hành công việc bức xạ có sử dụng nguồn phóng xạ và các thiết bị phát bức xạ (trừ cơ sở X-quang dùng trong chẩn đoán y tế), tăng 25% so với năm 2017 và được phân bố trong nhiều lĩnh vực khác nhau như sau:



**Công nghiệp – 60%**

**Nghiên cứu, đào tạo**

**4%**

**Y tế - 4%**

**Kinh** **doanh**

**19**

**%**

**Khác**

**Hình 1. Phân bố số lượng các cơ sở tiến hành công việc bức xạ theo lĩnh vực hoạt động năm 2018**

Thống kê về số lượng nguồn phóng xạ năm 2018, trên cả nước có khoảng 3348 nguồn phóng xạ kín đang sử dụng được phân bố trong nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó lĩnh vực công nghiệp có khoảng 2000 nguồn phóng xạ, chiếm 60% tổng số nguồn phóng xạ trên toàn quốc.

Trong năm 2018, tình hình bảo đảm an toàn bức xạ của các cơ sở này như sau:

1. **Công tác kiểm soát chiếu xạ cá nhân**

Tính đến ngày 31/12/2018, trên cả nước có 7 cơ sở thực hiện dịch vụ đọc liều chiếu xạ cá nhân:

* Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt;
* Trung tâm hạt nhân TP. Hồ Chí Minh;
* Viện Khoa học và Kỹ thuật hạt nhân;
* Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Bình Dương;
* Công ty TNHH Dịch vụ Khoa học Hoàng Nguyên;
* Công ty TNHH Tư vấn và Chuyển giao công nghệ Tiên Tiến.
* Trung tâm Kỹ thuật Thí nghiệm và Ứng dụng Khoa học Công nghệ tỉnh Đồng Tháp.

**Đánh giá kết quả đọc liều cá nhân của một số đơn vị:**

* Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ Bình Dương: Đọc liều cho 348 cơ sở, số người được đọc là 1017 người. Trong đó, không có giá trị đo liều chiếu vượt giới hạn (20mSv/1 năm).
* Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt: tính đến tháng 10/2018 đọc liều cho 5.335 nhân viên bức xạ (trong đó 3.820 nhân viên của 340 cơ sở y tế và 1.415 nhân viên của 65 cơ sở công nghiệp);
* Công ty TNHH Dịch vụ Khoa học Hoàng Nguyên: Đọc liều cho 205 cơ sở, số người được đọc là 4325 người. Trong đó, không có giá trị đo liều chiếu vượt giới hạn (20 mSv/1 năm);

Nhận xét: Trong 15067 trường hợp được theo dõi đọc liều thì có 17 giá trị vượt giới hạn liều (chiếm 0,1%) > 20 mSv.

1. **Tình hình bảo đảm an toàn bức xạ của Viện Nghiên cứu hạt nhân**

Công tác bảo đảm an toàn bức xạ năm 2018 tại Viện Nghiên cứu hạt nhân (NCHN) được thực hiện nghiêm túc theo hướng dẫn tại các các văn bản quy định hiện hành của nhà nước về bảo đảm an toàn bức xạ, hạt nhân. Một số nội dung chính liên quan đến việc tình hình bảo đảm an toàn bức xạ tại Viện NCHN như sau:

* **Kiểm soát liều khu vực và nhiễm bẩn phóng xạ bề mặt**

Việc kiểm soát suất liều gamma và suất liều nơtron ở khu vực lò phản ứng (LPƯ) trong thời gian lò hoạt động ở công suất 500 kW đã được thực hiện đều đặn trong các đợt vận hành lò dài ngày. Việc kiểm soát liều bức xạ gamma trong khu vực nhà lò được thực hiện bằng Hệ kiểm soát suất liều bức xạ cố định DORA (tại 12 vị trí) và máy đo liều xách tay (tại 10 vị trí). Kết quả đo suất liều gamma ở các vị trí trong khu vực nhà lò không thay đổi nhiều và ở mức thấp hơn so với năm 2017. Tại các khu vực có nhân viên làm việc, suất liều nằm trong giới hạn cho phép (khoảng từ 0,14 – 8,93 µSv/h). Việc kiểm soát suất liều nơtron được thực hiện tại 6 vị trí trong khu vực nhà lò, bao gồm các kênh ngang số 1 (tại cửa kênh), các kênh ngang số 2, 3 và 4 (tại vị trí có người thường xuyên làm việc), cột nhiệt và một vị trí trên mặt lò. Trong năm 2018, suất liều nơtron trung bình đo được trên các kênh ngang số 2 và số 4 thấp hơn so với năm 2017 và nằm trong khoảng từ 1,66 ÷ 2,57 (suất liều tại các kênh ngang số 1 và 3 thấp hơn ngưỡng phát hiện của thiết bị đo), cột nhiệt và vị trí trên mặt lò có giảm hơn so với những năm trước và nằm trong khoảng từ 0,02 – 0,74 µSv/h; Tại vị trí mặt lò, suất liều nơtron là 0,94 µSv/h và tại vị trí cột nhiệt là 1,21 µSv/h, cao hơn so với năm 2017 nhưng không đáng kể.

Việc kiểm soát liều khu vực tại các phòng thí nghiệm ở tòa nhà số 1, nhà số 2, nhà số 2A, nhà số 5, nhà đặt nguồn Co-60 và Trung tâm Đào tạo đã được thực hiện mỗi tháng một lần. Suất liều gamma trung bình tại phòng thí nghiệm sản xuất I-ốt viên nang đo tại vị trí làm việc ở thời điểm sản xuất vào khoảng 24,22 µSv/h, tuy nhiên thời gian làm việc tổng cộng của một nhân viên trong phòng này cho cả đợt sản xuất không quá 02 giờ nên liều tích lũy khi làm việc trong một ngày nằm trong giới hạn cho phép. Suất liều gamma ở các khu vực còn lại tương tự như những năm trước và đều ở dưới mức giới hạn cho phép (dưới 10 µSv/h).

Việc kiểm soát nhiễm bẩn phóng xạ bề mặt tại khu vực nhà lò và các phòng thí nghiệm được tiến hành sau khi LPƯ ngừng hoạt động và bắt đầu công việc sản xuất đồng vị phóng xạ. Việc phát hiện nhiễm bẩn phóng xạ và tiến hành công việc tẩy xạ ở những nơi có mức nhiễm bẩn phóng xạ bề mặt vượt giới hạn cảnh báo (giới hạn này do Viện NCHN thiết lập để kiểm soát và bằng 1/2 mức cho phép) được thực hiện kịp thời. Năm 201, mức nhiễm bẩn phóng xạ tại các vị trí kiểm soát ở khu vực nhà số 1 nằm trong giới hạn cho phép và không tang so với năm 2017 (mức nhiễm bẩn phóng xạ bề mặt trung bình đo được tại khu vực sản xuất đồng vị là 8,35 Bq/cm2 cho nhân phát beta và gamma).

Việc kiểm soát nồng độ 131I trong không khí ở Phòng Điều khiển LPƯ, một số phòng sản xuất đồng vị phóng xạ và hành lang nhà số 1 được thực hiện sau một ngày sản xuất đồng vị phóng xạ (ngày làm việc đầu tiên sau đợt sản xuất đồng vị phóng xạ). Tại khu vực sản xuất 131I (phòng Đồng vị 2), nồng độ Iốt phóng xạ trong không khí trung bình ở mức 674,69 Bq/m3 (theo ICRP PUBLICATION 78, nồng độ 131I cho phép cực đại là 760 Bq/m3 với điều kiện làm việc thường xuyên 8 giờ/ngày và 5 ngày/tuần và 5 ngày/tuần). Ở các vị trí kiểm soát còn lại, mức I ốt phóng xạ trong không khí luôn thấp hơn nhiều so với mức giới hạn cho phép.

* **Kiểm soát liều cá nhân**

Việc theo dõi liều chiếu trong cho các nhân viên có nguy cơ bị chiếu trong cao (4 nhân viên thuộc Trung tâm An toàn bức xạ và 09 nhân viên thuộc Trung tâm Nghiên cứu và Điều chế đồng vị phóng xạ) bằng phương pháp lấy mẫu nước tiểu và đo trên hệ phổ kế gamma được thực hiện thường xuyên sau mỗi đợt sản xuất đồng vị phóng xạ. Kết quả theo dõi liều chiếu trong (chủ yếu gây ra bởi 131I) cả năm đối với các nhân viên của Trung tâm Nghiên cứu và Điều chế đồng vị phóng xạ cho người thấp nhất là 0,62 mSv và người cao nhất là 3,54 mSv (năm 2017, tổng liều chiếu trong cả năm cho người thấp nhất là 0,01 mSv và người cao nhất là 5,61 mSv).

Việc theo dõi liều chiếu ngoài cho cán bộ công nhân viên của Viện được thực hiện với chu kỳ 2 tháng/lần và cho các nhân viên làm việc ở Trung tâm Nghiên cứu và Điều chế đồng vị phóng xạ là 1 tháng/lần. Liều cá nhân đối với nhóm sản xuất đồng vị phóng xạ đo được từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2018 nằm trong khoảng 0,80 ÷ 19,95 mSv; những nhân viên còn lại của Viện có liều chiếu ngoài năm 2018 nằm trong khoảng 0,15 ÷ 2,14 mSv.

* **Quan trắc phóng xạ môi trường xung quanh khu vực Lò phản ứng:**

Đối tượng được quan trắc xung quanh LPƯ là son khí, suất liều gamma môi trường, nước bề mặt và sa lắng. Hoạt độ của các nguyên tố phóng xạ thu được trong quá trình quan trắc môi trường xung quanh LPƯHNĐL năm 2018 chỉ ở phóng xạ môi trường, tương đương với các vị trí quan trắc khác như ở Ninh Thuận và thành phố Hồ Chí Minh. Dưới đây là những kết quả quan trắc cụ thể thu được:

**+ Thành phần phóng xạ trong không khí:**

*Dải hoạt độ các đồng vị phóng xạ trong son khí ở Đà Lạt năm 2018:*

7Be: (0,82 ÷ 3,62) x 10-3 Bq/m3

40K: (0,05 ÷ 0,37) x 10-4 Bq/m3

232Th: (0,52 ÷ 2,32) x 10-6 Bq/m3

238U: (0,02 ÷ 0,16) x 10-5 Bq/m3

134Cs: < 0,07 x 10-6 Bq/m3

137Cs: < 0,07 x 10-6 Bq/m3

*Mật độ rơi lắng các đồng vị phóng xạ ở Đà Lạt năm 2018:*

7Be: 1,3 ÷ 92,2 Bq/m2

40K: 0,90 ÷ 13,00 Bq/m2

232Th: 0,07 ÷ 0,27 Bq/m2

238U: 0,04 ÷ 0,61 Bq/m2

134Cs: < 0,02 Bq/m2

137Cs: < 0,02 Bq/m2

∑β: 1,9 ÷ 34,1 Bq/m2

Hoạt độ của các đồng vị phóng xạ tự nhiên 7Be, 40K, 232Th, 238U không thay đổi nhiều so với những năm trước. Đồng vị 137Cs (được sinh ra do việc xả thông lệ hoặc sự cố từ LPƯ hạt nhân hoặc sinh ra từ các vụ thử vũ khí hạt nhân) có hoạt độ rất thấp, dải hoạt độ thu được từ 10 ÷ 100 lần thấp hơn ở các thành phố Châu Âu và Nhật Bản.

**+ Suất liều chiếu ngoài gamma môi trường**

Suất liều chiếu ngoài gamma môi trường nằm trong dải từ 1,50 - 1,71 mSv/năm ở Đà Lạt, các giá trị suất liều này gây ra bởi các nguyên tố U, Th, K có trong đất, đá, thực vật, … và 7Be từ tia vũ trụ.

**+ Thành phần phóng xạ trong nước thải sinh hoạt và nước hồ Xuân Hương**

Dải tổng hoạt độ phóng xạ bêta trong nước thải sinh hoạt được thu góp tại của xả hồ lắng của Viện Nghiên cứu hạt nhân năm 2018:

∑β: (99 ÷ 201) mBq/L

Dải hoạt độ các đồng vị phóng xạ trong nước hồ Xuân Hương năm 2018:

238U: (1,1 ÷ 4,7) mBq/L

226Ra: (1,7 ÷ 6,9) mBq/L

232Th: (2,9 ÷ 5,8) mBq/L

40K: (93 ÷ 279) mBq/L

137Cs: < 0,20 mBq/L

∑β: (158 ÷ 253) mBq/L

Các nguyên tố phóng xạ nhân tạo phát gamma chỉ có 137Cs ở mức rất thấp – nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp, hoạt độ không có thay đổi gì so với mức phông trước khi Lò phản ứng hoạt động. Các nguyên tố phóng xạ tự nhiên chủ yếu là 238U, 226Ra, 232Th, 40K, trong đó thông số phóng xạ đáng quan ngại nhất trong nước là 226Ra, tuy nhiên, ở đây vẫn còn thấp xa (khoảng 100 lần) so với nồng độ cho phép của 226Ra trong nước sinh hoạt theo TCVN-4397-87 (0,370 Bq/L). Tổng hoạt độ phóng xạ β trong mẫu nước quan trắc, đều thấp hơn so với giới hạn cho phép của nước tự nhiên nêu trong QCVN 08 - MT:2015/BTNMT (1 Bq/L). So với các năm trước, hoạt độ của các đồng vị phóng xạ trong nước hồ Xuân Hương không có biến động gì đáng kể.

**+ Thành phần phóng xạ trong đất**

Dải hoạt độ các đồng vị phóng xạ trong đất xung quanh LPƯ năm 2018:

238U: (62,7 ÷ 69,4) Bq/Kg

232Th: (79,2 ÷ 87,2) Bq/kg

40K: (43 ÷ 105) Bq/kg

137Cs: (0,85 ÷ 1,05) Bq/kg

134Cs: < LOD (LOD = 0,08 Bq/kg)

∑β: (453 ÷ 479) Bq/kg

Kết quả về hoạt độ các đồng vị phóng xạ tự nhiên (40K, 232Th, 238U, 226Ra) và nhân tạo (134Cs, 137Cs) trong đất xung quanh LPƯ nằm ở mức phông bình thường và không có biến động gì đáng kể.

1. **Tình hình đảm bảo an toàn bức xạ tại các cơ sở chiếu xạ công nghiệp**

Hiện tại Việt Nam có 06 cơ sở chiếu xạ công nghiệp, gồm:

* Công ty cổ phần chiếu xạ An Phú;
* Công ty cổ phần chiếu xạ An Phú – Chi nhánh 1;
* Công ty TNHH Thái Sơn;
* Công ty CP Chế biến Thủy Hải Sản Sơn Sơn;
* Trung tâm chiếu xạ Hà Nội;
* Trung tâm Nghiên cứu và Triển khai Công nghệ Bức xạ.

Các cơ sở trên sử dụng 06 thiết bị chiếu xạ sử dụng nguồn phóng xạ Co-60 và 03 thiết bị chiếu xạ sử dụng máy gia tốc. 100% các thiết bị đã được cấp phép tiến hành công việc bức xạ - vận hành thiết bị chiếu xạ và còn hiệu lực.

Tổng số nhân viên bức xạ của 06 cơ sở là 74 nhân viên.

**Bảng 2. Công tác đảm bảo an toàn bức xạ của các cơ sở chiếu xạ công nghiệp**

| **STT** | **Tình hình thực hiện hoạt động đảm bảo an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ** | **Đánh giá** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Thực hiện quy định về Khai báo và Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ | 100% cơ sở thực hiện tốt việc khai báo, đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ |
| 2 | Những thay đổi so với hồ sơ cấp phép | - 100% cơ sở khi có thay đổi thông tin so với hồ sơ cấp phép (như địa chỉ, người phụ trách an toàn....) đều có văn bản khai báo với Cục ATBXHN theo quy định.  - Các đơn vị nạp nguồn bổ sung đều được Cục ATBXHN phê duyệt cấp phép sử dụng bổ sung nguồn phóng xạ vào thiết bị chiếu xạ đã được Bộ KHCN cấp giấy phép vận hành. |
| 3 | Đào tạo và huấn luyện cho nhân viên bức xạ | - 100% người phụ trách và nhân viên vận hành thiết bị chiếu xạ được cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ.  - Các nhân viên bức xạ được đào tạo về an toàn bức xạ định kỳ theo quy định. Hồ sơ đào tạo được lưu giữ đầy đủ tại cơ sở. |
| 4 | Kiểm soát liều chiếu xạ cá nhân | - 100% cơ sở đã trang bị liều kế cá nhân và tổ chức đọc liều định kỳ 3 tháng/1 lần cho các nhân viên bức xạ.  - Các nhân viên bức xạ đều được thông báo kết quả đọc liều sau mỗi lần đọc. Trong năm 2018, không có cá nhân nào nhận mức liều lớn hơn giá trị giới hạn liều hàng năm đối với nhân viên bức xạ.  - Các cơ sở đã tổ chức lưu giữ hồ sơ đọc liều của nhân viên bức xạ. Tuy nhiên phần lớn các cơ sở chưa lập sổ theo dõi liều cá nhân cho từng nhân viên theo quy định tại Thông tư 19/2012/TTBKHCN về kiểm soát chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng. |
| 5 | Hồ sơ theo dõi sức khoẻ của nhân viên bức xạ | 100% nhân viên bức xạ được khám sức khỏe định kỳ theo quy định. Chưa có nhân viên nào qua theo dõi sức khỏe phát hiện có dấu hiệu ảnh hưởng do bức xạ gây ra. |
| 6 | Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ | - 100% cơ sở đã xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tại cơ sở, 85% cơ sở chưa được Cục ATBXHN phê duyệt theo quy định tại Thông tư 25/2014/TT-BKHCN quy định về chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân, lập và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân.  - Trong năm 2018 các cơ sở không để xảy ra sự cố nào tại các đơn vị. |
| 7 | Kiểm xạ khu vực làm việc | - 100% các cơ sở thường xuyên thực hiện đo đánh giá an toàn bức xạ tại khu vực sử dụng thiết bị chiếu xạ, các đơn vị đều trang bị thiết bị đo suất liều bức xạ xách tay và thiết bị đo bức xạ lắp cố định để giám sát an toàn trong thời gian vận hành. |
| 8 | Đảm bảo an ninh nguồn phóng xạ | - 100% các cơ sở đã trang bị hệ thống đảm bảo an ninh nguồn phóng xạ như: khóa liên động, camera an ninh... kết hợp với kiểm soát hành chính và đội ngũ bảo vệ 24/24 giờ.  - Kiểm đếm nguồn phóng xạ: hầu hết các cơ sở đều thực hiện việc kiểm đếm nguồn phóng xạ định kỳ theo quy định (ngoài trừ Trung tâm chiếu xạ Hà Nội, do đặc trưng của loại thiết bị chiếu xạ này nguồn phóng xạ lưu giữ trong bể khô với hệ thống hầm che chắn nên không thể thực hiện kiểm đếm thông thường như hệ bể lưu giữ bằng nước).  - Trong năm 2018 không cơ sở nào có tình trạng bất ổn về an ninh nguồn. |
| 9 | Biển cảnh báo bức xạ và tín hiệu cảnh báo bức xạ, các thiết bị bảo đảm an toàn | - 100% các cơ sở đã trang bị đầy đủ hệ thống cảnh báo bức xạ (hình ảnh và âm thanh....) và thiết bị đảm bảo an toàn bức xạ (hệ thống dừng khẩn cấp, khóa liên động, thiết bị theo dõi bức xạ.....).  - Các thiết bị ghi đo bức xạ đều được kiểm chuẩn định kỳ hàng năm. |
| 10 | Quy trình vận hành, nhật ký vận hành và hồ sơ thiết bị chiếu xạ, nội quy an toàn bức xạ | - 100% các cơ sở đã xây dựng và áp dụng nội quy an toàn, quy trình vận hành, nhật ký vận hành đến toàn bộ các nhân viên bức xạ.  - Các cơ sở đã tổ chức ghi chép đầy đủ hoạt động vận hành và bảo dưỡng trong hồ sơ lưu.  - Hoạt động bảo dưỡng thiết bị sử dụng nguồn phóng xạ chủ yếu do cơ sở tự thực hiện. Tuy nhiên một số đơn vị thực hiện hoạt động bảo dưỡng chưa tốt dẫn đến tình trạng kẹt nguồn trong quá trình hoạt động. |

1. **Tình hình đảm bảo an toàn bức xạ tại các cơ sở xạ trị và y học hạt nhân**

Đến hết năm 2018, Việt Nam có 27 cơ sở xạ trị (trong đó có 22 thiết bị xạ trị sử dụng nguồn phóng xạ và 47 máy gia tốc) và 41 cơ sở y học hạt nhân. 100% các thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ đã được cấp phép tiến hành công việc bức xạ.

Cơ sở xạ trị sử dụng nguồn phóng xạ: hiện có 18 cơ sở xạ trị đang sử dụng nguồn phóng xạ với tổng cộng 22 thiết bị xạ trị trong đó: 12 thiết bị xạ trị từ xa sử dụng nguồn Co-60 (06 thiết bị xạ trị Co-60 thông thường; 06 thiết bị xạ trị Gamma Knife), 10 thiết bị xạ trị áp sát.

Danh sách các cơ sở này được liệt kê tại Phụ lục 8.

100% các thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ đã được cấp phép tiến hành công việc bức xạ.

Kết quả đánh giá tình hình hoạt động và đảm bảo an toàn bức xạ (Căn cứ các báo cáo thực trạng của các cơ sở đã nộp năm 2018) được đưa ra trong Bảng 3.

**Bảng 3. Đánh giá tình hình hoạt động và đảm bảo an toàn bức xạ**

| **STT** | **Tình hình thực hiện hoạt động đảm bảo an toàn bức xạ** | **Đánh giá** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Việc chấp hành các quy định về khai báo, xin cấp phép, các điều kiện giấy phép đã được cấp: | 100% cơ sở thực hiện tốt. |
| 2 | Trách nhiệm, quyền hạn, hiệu quả thực thi nhiệm vụ của người phụ trách an toàn bức xạ | 100% cơ sở đã bổ nhiệm người phụ trách an toàn, người phụ trách an toàn được phân quyền và trách nhiệm theo đúng quy định.  Báo cáo của các cơ sở chưa thể hiện hiệu quả thực thi nhiệm vụ của người phụ trách an toàn. |
| 3 | Chứng chỉ nhân viên bức xạ đối với người phụ trách an toàn, nhân viên bức xạ khác | 100% người phụ trách và nhân viên vận hành thiết bị chiếu xạ được cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ. |
| 4 | Công tác đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ về an toàn bức xạ cho nhân nhiên bức xạ | 100% nhân viên bức xạ được đào tạo ban đầu và đào tạo lại về an toàn bức xạ. |
| 5 | Thực hiện công tác quản lý, đọc liều chiếu xạ cá nhân cho nhân viên bức xạ | 100% nhân viên bức xạ được trang bị liều kế các nhân và được đọc liều định kỳ 3 tháng/1 lần. |
| 6 | Tổ chức công tác theo dõi, kiểm tra sức khỏe định kỳ cho nhân viên bức xạ | 100% nhân viên bức xạ được tổ chức khám sức khỏe định kỳ. |
| 7 | Thực hiện công tác quản lý hồ sơ kỹ thuật của thiết bị bức xạ, các chứng chỉ tài liệu liên quan đến nguồn phóng xạ | 100% các cơ sở đã lập và lưu giữ các hồ sơ kỹ thuật liên quan đến thiết bị và do bộ phận kỹ thuật quản lý. |
| 8 | Lập sổ theo dõi vận hành thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ | 100% các cơ sở đã lập sổ theo dõi (nhật ký vận hành) thiết bị chiếu xạ. |
| 9 | Thực hiện Quy trình hướng dẫn v ận hành thiết bị an toàn, quy trình tiến hành công việc bức xạ khác liên quan | 100% các cơ sở đã xây dựng quy trình vận hành. |
| 10 | Thực hiện Nội quy an toàn bức xạ | 100% các cơ sở đã xây dựng và áp dụng nội quy an toàn đến toàn bộ các nhân viên bức xạ. |
| 11 | Lập và triển khai thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tại cơ sở, trình Cục ATBXHN phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố, công tác triển khai thực hiện diễn tập kế hoạch ƯPSC…  Thống kê các sự cố bức xạ xảy ra (nếu có mô tả sự cố, biện pháp khắc phục, xử lý sự cố, kết quả xử lý, báo cáo kết quả lên cấp trên) | - 100% cơ sở đã xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ tuy nhiên tất cả các cơ sở chưa tổ chức diễn tập ứng phó sự cố.    - Trong năm 2018, các cơ sở không để xảy ra sự cố bức xạ nào. |
| 12 | Thực hiện các quy định đảm bảo an ninh nguồn phóng xạ (chỉ áp dụng đối với các cơ sở sử dụng nguồn phóng xạ) | - 100% cơ sở đã xây dựng quy định về đảm bảo an ninh, có trang bị hệ thống camera theo dõi, bảo vệ 24/24 giờ. |
| 13 | Thực hiện kiểm tra chất lượng thiết bị, kiểm xạ định kỳ khu vực làm việc | 100% cơ sở đã trang bị thiết bị đo suất li ều bức xạ, hàng ngày đều thực hiện kh ảo sát bức xạ tại các khu vực đặt phòng xạ trị. |
| 14 | Công tác trang bị, hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ | 100% cơ sở đã thực hiện hiệu chuẩn thiết bị theo định kỳ. |
| 15 | Quy định các biển cảnh báo bức xạ (thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ, nơi sử dụng thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ) | 100% cơ sở đã thực hiện khoanh vùng, trang bị biển cảnh bảo bức xạ. |
| 16 | Công tác lưu giữ bảo quản thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng | Các nguồn phóng xạ sau khi không còn nhu cầu sử dụng đều được lưu kho an toàn và được cấp giấy phép lưu giữ nguồn phóng xạ. |
| 17 | Thực hiện các yêu cầu của cơ quan QLNN về ATBX và khuyến cáo của kết luận thanh tra (nếu có) | 100% cơ sở đã thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý và các khuyến cáo của đoàn thanh kiểm tra. |

1. **Tình hình đảm bảo an toàn bức xạ tại các cơ sở chụp ảnh phóng xạ công nghiệp**

Theo thống kê trong năm 2018 cả nước có 71 cơ sở tiến hành công việc bức xạ trong lĩnh vực chụp ảnh phóng xạ công nghiệp (NDT) có sử dụng nguồn phóng xạ và thiết bị phát tia X chiếm khoảng 5% tổng số cơ sở tiến hành bức xạ trong công nghiệp. Các cơ sở tiến hành công việc bức xạ trong NDT đều đã được Cục ATBXHN cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ. Hiện có khoảng 184 nguồn phóng xạ đang sử dụng trong NDT chiếm khoảng 9% tổng số nguồn đang sử dụng trên toàn quốc.

Thống kê công tác đảm bảo an toàn bức xạ của các cơ sở này được đưa ra trong Bảng 4 dưới đây.

**Bảng 4. Tình hình thực hiện hoạt động đảm bảo an toàn bức xạ tại các cơ sở chụp ảnh phóng xạ công nghiệp**

| **STT** | **Tình hình thực hiện hoạt động đảm bảo an toàn bức xạ** | **Đánh giá** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Thực hiện quy định về Khai báo và Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ | 100% cơ sở thực hiện việc khai báo, đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ, sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ.  Việc thực hiện khai báo khi nạp nguồn phóng xạ trong quá trình sử dụng thiết bị chụp ảnh phóng xạ dùng nguồn phóng xạ của hầu hết các cơ sở tốt. |
| 2 | Những thay đổi so với hồ sơ cấp phép | 100% cơ sở khi có thay đổi thông tin so với hồ sơ c ấp phép (như địa chỉ, người phụ trách an toàn....) đều có văn bản khai báo với Cục ATBXHN theo quy định. |
| 3 | Đào tạo và huấn luyện cho nhân viên bức xạ | 100% người phụ trách và nhân viên chụp ảnh phóng xạ công nghiệp được cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ. Các nhân viên bức xạ được đào tạo về an toàn bức xạ định kỳ theo quy định. Hồ sơ đào tạo được lưu giữ đầy đủ tại cơ sở. Hiện nay, theo quy định của Thông tư 34/2014/TT- BKH&CN ngày 27/11/2014 Quy định về đào tạo an toàn bức xạ đối với nhân viên bức xạ, người phụ trách an toàn và hoạt động dịch vụ đào tạo an toàn bức xạ, các nhân viên bức xạ mới đang dần chuyển sang học theo quy định này khi chứng nhận đào tạo hết hạn hoặc khi nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ mới. |
| 4 | Kiểm soát liều chiếu xạ cá nhân | 100% cơ sở đã trang bị liều kế cá nhân và tổ chức đọc liều định kỳ 3 tháng/1 lần cho các nhân viên bức xạ.  Các nhân viên bức xạ đều được thông báo kết quả đọc liều sau mỗi lần đọc.  - Các quy định tại Thông tư 19/2012/TT-BKHCN về kiểm soát chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng. |
| 5 | Hồ sơ theo dõi sức khoẻ của nhân viên bức xạ | 100% nhân viên bức xạ được khám sức khỏe định kỳ theo quy định.  Chưa có nhân viên nào qua theo dõi sức khỏe phát hiện có dấu hiệu ảnh hưởng do bức xạ gây ra. |
| 6 | Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ | 100% cơ sở đã xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tại cơ sở và lập hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố gửi Cục ATBXHN phê duyệt theo quy định tại Thông tư 25/2014/TT-BKHCN quy định về chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân, lập và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân. |
| 7 | Kiểm xạ khu vực làm việc | 100% các cơ sở thường xuyên thực hiện giám sát và đánh giá an toàn bức xạ tại khu vực tiến hành công việc bức xạ tại hiện trường, tại kho lưu giữ khi không sử dụng; 100% đơn vị trang bị thiết bị đo suất liều bức xạ xách tay và thiết bị đo bức xạ được hiệu chuẩn định kỳ theo quy định. |
| 8 | Đảm bảo an ninh nguồn phóng xạ | 100% các cơ sở tuân thủ quy định hiện hành về công tác bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ: kiểm kê, kiểm đếm, bảo đảm an ninh khi vận chuyển hoặc khi không sử dụng, ...  Việc triển khai thực hiện quy định lắp đặt thiết bị giám sát nguồn phóng xạ theo quy định của Thông tư 13/2015/TT-BKHCN ngày 21/7/2015 sửa đổi bổ sung cho Thông tư 23/2010/TT-BKHCN còn nhiều tranh cãi và bất cập.  Các cơ sở đều ủng hộ và 06 cơ sở tình nguyện tham gia dự án RadLot về lắp đặt thiết bị giám sát nguồn phóng xạ của Việt Nam do IAEA và Hàn Quốc tài trợ. 06 cơ sở được lựa chọn tham gia lắp đặt thử thiết bị giám sát nguồn phóng xạ do các tổ chức trong nước sản xuất, chế tạo và thử nghiệm. |
| 9 | Biển cảnh báo bức xạ và tín hiệu cảnh báo bức xạ, các thiết bị bảo đảm an toàn | 100% các cơ sở đã trang bị đầy đủ hệ thống cảnh báo bức xạ (biển cảnh báo, còi cảnh báo, đèn cảnh báo) và thiết bị đảm bảo an toàn bức xạ cũng như các trang thiết bị phục vụ công tác ứng phó sự cố.  Các thiết bị ghi đo bức xạ đều được kiểm chuẩn định kỳ hàng năm. |
| 10 | Quy trình vận hành, nhật ký vận hành và hồ sơ thiết bị chiếu xạ, nội quy an toàn bức xạ | 100% các cơ sở đã xây dựng và áp dụng nội quy an toàn, quy trình vận hành, nhật ký vận hành đến toàn bộ các nhân viên bức xạ.  Các cơ sở đã tổ chức ghi chép đầy đủ hoạt động vận hành và bảo dưỡng trong hồ sơ lưu.  Hoạt động bảo dưỡng thiết bị sử dụng nguồn phóng xạ chủ yếu do cơ sở tự thực hiện. Tuy nhiên một số đơn vị thực hiện hoạt động bảo dưỡng chưa tốt dẫn đến tình trạng kẹt nguồn trong quá trình hoạt động.  Ngoài ra, do nhận thức về văn hóa an toàn, an ninh còn chưa được nâng cao nên tại một số đơn vị còn xuất hiện việc nhân viên chụp ảnh phóng xạ không tuân thủ các quy trình làm việc, nội quy an toàn dẫn đến các sự cố như bị chiếu xạ vượt quá giới hạn hoặc để mất nguồn phóng xạ. |

# VI. AN TOÀN ĐỐI VỚI LÒ PHẢN ỨNG HẠT NHÂN NGHIÊN CỨU

1. **Giới thiệu chung**

Hiện nay, nước ta đang có 01 lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu là lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt. Đây là lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu được xây dựng theo công nghệ TRIGA Mark II của Mỹ với công suất ban đầu là 250 kW và được đưa vào vận hành từ những năm 60 của thế kỷ trước. Sau một thời gian tạm dừng hoạt động (1968-1975), với sự trợ giúp của Liên Xô cũ, lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt được thay đổi cấu trúc vùng hoạt, nhiên liệu sử dụng và nâng công suất lên 500 kW. Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt được tái vận hành vào tháng 3 năm 1984. Tính từ lúc tái vận hành đến nay, lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt đã hoạt động được gần 35 năm với nhiều đóng góp đáng kể trong lĩnh vực khoa học-công nghệ và kinh tế-xã hội. Năm 2013, lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt được cấp phép vận hành sau quá trình thay đảo nhiên liệu từ nhiên liệu có độ làm giàu cao sang nhiên liệu có độ làm giàu thấp.

Trong những năm qua, công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân đối với lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt vẫn được Cục ATBXHN duy trì thông qua các hoạt động thanh tra an toàn bức xạ, hạt nhân và đánh giá an toàn. Năm 2018, Cục ATBXHN cũng đã tiến hành thanh tra định kỳ về an toàn bức xạ và hạt nhân đối với lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt.

Hiện tại, do tuổi thọ lên tới gần 60 năm, lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt đang phải đối mặt với các vấn đề về lão hóa của các cấu trúc và hệ thống. Bên cạnh đó, lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt có công suất thấp nên không đáp ứng đủ nhu cầu nghiên cứu, sản xuất đồng vị phóng xạ trong tương lai. Do vậy, Chính phủ đã có chủ trương xây dựng Trung tâm Nghiên cứu khoa học công nghệ hạt nhân, với trọng tâm là lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu hạt nhân mới với công suất 10MW (và có thể được nâng công suất đến 15 MW). Ngày 19/11/2018, Thủ tưởng Chính phủ đã ký Quyết định số 75/QĐ-TTg phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Trung tâm Nghiên cứu khoa học công nghệ hạt nhân. Hiện nay, Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam đang gấp rút triển khai công tác chuẩn bị cho việc lập hồ sơ trình phê duyệt dự án nghiên cứu đầu tư xây dựng. Đây là lò phản ứng nghiên cứu có công suất lớn hơn nhiều so với lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt, đòi hỏi phải có hành lang pháp lý đầy đủ. Do đó, vấn đề quan tâm hàng đầu hiện nay của Cơ quan pháp quy hạt nhân là sớm hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật phục vụ quản lý lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu từ giai đoạn lựa chọn địa điểm xây dựng cho đến vận hành và khai thác sử dụng để kịp thời tạo hành lang pháp lý khi Dự án được Chính phủ thông qua.

1. **Hoạt động quản lý bảo đảm an toàn Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt của Cơ quan pháp quy hạt nhân**

Trong năm 2018, công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân đối với lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt tiếp tục được duy trì thông qua hoạt động thanh tra định kỳ. Bên cạnh đó, theo quy định hàng năm cơ sở cũng gửi Báo cáo về Cục ATBXHN để báo cáo tình hình hoạt động của Lò phản ứng (LPƯ) và công tác đảm bảo an toàn tại cơ sở. Kết quả thanh tra cho thấy, trong thời gian từ tháng 8/2016 đến tháng 10/2018, LPƯ đã vận hành 30 đợt dài ngày ở công suất 500 kW. Trong quá trình làm việc ở các đợt chạy lò dài ngày đã xảy ra 16 lần dập lò tự động hoặc dừng lò bằng tay ngoài kế hoạch và 01 sự cố kẹt thanh an toàn khi kiểm tra trước khi vận hành lò. Trong đó: 01 lần dừng lò bằng tay do phát hiện motor của bơm vòng 2 (bơm 29-5) nóng hơn bình thường; 09 lần do tín hiệu giả của hệ thống thiết bị công nghệ của lò phản ứng; 07 lần do nháy/mất điện lưới.

Kết quả kiểm tra hồ sơ cho thấy, các sự kiện bất thường đều được ghi chép vào trong sổ nhật ký vận hành lò. Sau sự kiện dập lò tự động do tín hiệu giả từ hệ thống theo dõi các thông số công nghệ LPƯ (hệ PIS), Viện đã họp hội đồng khoa học để tìm hiểu nguyên nhân và cách khắc phục. Tuy nhiên, Viện chưa tìm được ra nguyên nhân gốc gây ra hiện tượng này. Hiện nay, Viện tiếp tục theo dõi để tìm ra nguyên nhân. Theo báo cáo của Viện Nghiên cứu hạt nhân thì Viện đã có kế hoạch mời chuyên gia Nga sang tìm hiểu nguyên nhân. Các sự kiện dẫn đến dừng/dập lò ngoài kế hoạch đã được Viện báo cáo cho Cục ATBXHN trong báo cáo kết quả chạy lò dài ngày sau khi đã kết thúc đợt chạy lò.

Viện Nghiên cứu hạt nhân đã xây dựng quy trình vận hành lò phản ứng theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008, bao gồm 06 quy trình chính:

- Quy trình Vận hành lò phản ứng QT.TTL.01

- Quy trình Chiếu mẫu trên kênh 7-1 lò phản ứng QT.TTL.02

- Quy trình Chiếu mẫu trên kênh 13-2 và cột nhiệt Lò phản ứng QT.TTL.03

- Quy trình Chiếu mẫu trên Lò phản ứng QT.TTL.04

- Quy trình Thí nghiệm trên Lò phản ứng QT.TTL.05

- Quy trình Kiểm tra và bảo dưỡng Lò phản ứng QT.TTL.06

Dựa trên Quy trình kiểm tra và bảo dưỡng lò phản ứng, Viện Nghiên cứu hạt nhân đã xây dựng các quy trình chi tiết cho từng công việc kiểm tra bảo dưỡng kỹ thuật cho từng hệ thống, thiết bị công nghệ cụ thể; các quy trình đo đạc và hiệu chuẩn hệ điều khiển.

1. **Xây dựng các VBQPPL cho lò phản ứng nghiên cứu**

Để chuẩn bị hành lang pháp lý cho việc triển khai Dự án Trung tâm Nghiên cứu khoa học và công nghệ hạt nhân, trong năm 2018, Cục ATBXHN đã tích cực triển khai nghiên cứu hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của Nga cũng như các tiêu chuẩn an toàn của IAEA để xây dựng khung pháp quy và lộ trình cho việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống các văn bản cho lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu. Trước mắt, để phục vụ cho công tác lập và phê duyệt địa điểm, phê duyệt dự án nghiên cứu khả thi và xây dựng lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu, Cục ATBXHN đã triển khai nghiên cứu xây dựng dự thảo thông tu quy định các yêu cầu an toàn cho lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu và dự thảo quyết định của bộ trưởng quy định nội dung báo cáo phân tích an toàn và các báo cáo có liên quan trong hồ sơ phê duyệt địa điểm, phê duyệt dự án đầu tư và cấp phép xây dựng lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu. Theo kế hoạch, các văn bản này sẽ được trình ban hành năm 2019. Các văn bản tiếp theo sẽ được tiếp tục nghiên cứu xây dựng theo lộ trình triển khai thực hiện dự án./.

# VII. AN NINH NGUỒN PHÓNG XẠ, VẬT LIỆU HẠT NHÂN VÀ CƠ SỞ HẠT NHÂN

**1. Tình hình quản lý an ninh nguồn phóng xạ**

Theo thống kê hiện tại, Cục quản lý gần 1000 cơ sở tiến hành công việc bức xạ sử dụng, nguồn phóng xạ với khoảng gần 4000 nguồn phóng xạ theo các nhóm nguồn với các mức độ tiềm tàng nguy hiểm khác nhau (3832 nguồn phóng xạ, trong đó có 2017 nguồn đang sử dụng và 1815 nguồn đang lưu giữ). Trong tổng số 2017 nguồn phóng xạ có: 1337 nguồn phóng xạ được sử dụng cố định và 680 sử dụng di động (chủ yếu trong lĩnh vực công nghiệp như: đo không phá hủy - NDT, máy đo độ ẩm độ chặt, khoan thăm dò dầu khí, dò chất nổ trong kiểm tra an ninh).

Thực tiễn sử dụng nguồn phóng xạ ở Việt Nam cho thấy, việc mất an toàn, an ninh nguồn phóng xạ là có thể, điển hình trong các năm 2005 và 2006 liên tiếp xảy ra các trường hợp mất nguồn phóng xạ gây tâm lý hoang mang cho người dân. Sau sự cố này, các văn bản quy phạm pháp luật quy định việc quản lý nguồn phóng xạ đã được ban hành như: Chỉ thị số 13/2006/CT - BKHCN về việc tăng cường công tác quản lý nguồn phóng xạ và Quyết định số 115/2007/QĐ-TTg ngày 23/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ. Đặc biệt, Luật Năng lượng nguyên tử ban hành đã dành một điều riêng (Điều 22) quy định về bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân. Tuy nhiên, những nội dung quy định trong Luật NLNT còn rất chung, mang tính nguyên tắc.

Ngày 29/12/2010, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ký ban hành Thông tư số 23/2010/TT-BKHCN hướng dẫn bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ, trong đó quy định phân loại các mức an ninh theo mức độ nguy hiểm của nguồn phóng xạ và các biện pháp quản lý, kiểm soát nhằm bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ. Sau khi Thông tư được ban hành, công tác quản lý nguồn phóng xạ kể từ đó đã được tăng cường và có nhiều tiến bộ. Tuy nhiên, sau sự cố mất nguồn tháng 9/2014 tại thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 7 năm 2015 Bộ trưởng Bộ KH&CN ban hành Thông tư 13/2015/TT-BKHCN về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2010/TT-BKHCN ngày 29/12/2010 hướng dẫn bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ, trong đó quy định về việc lắp đặt thiết bị định vị đối với các nguồn phóng xạ di động. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Thông tư 13/2015/TT-BKHCN cho thấy cơ sở hạ tầng kỹ thuật chưa được chuẩn đầy đủ, do vậy thực tế triển khai gặp nhiều khó khăn.

**2. Tình hình quản lý an ninh vật liệu hạt nhân và cơ sở hạt nhân**

Quá trình chuyển đổi nhiên liệu của Lò phản ứng nghiên cứu Đà Lạt được chia làm hai giai đoạn chính là giai đoạn chuyển đổi nhiên liệu độ giàu cao chưa qua sử dụng (2007-2009) và giai đoạn chuyển đổi nhiên liệu độ giàu cao đã qua sử dụng (2010-2013). Đến tháng 7/2013, toàn bộ nhiên liệu hạt nhân có độ giàu cao đã được chuyển ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. Cũng trong hợp tác với phía Hoa Kỳ, Viện nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt đã được hỗ trợ xây dựng hệ thống bảo vệ thực thể và kế hoạch an ninh hạt nhân nhằm bảo đảm an ninh đối với cơ sở và vật liệu. Hiện tại, ngoài Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt, Viện Khoa học và Kỹ thuật hạt nhân và Viện Công nghệ xạ hiếm cũng có các hoạt động nghiên cứu liên quan đến vật liệu hạt nhân. Dựa trên thực tiễn về yêu cầu quản lý đối với vật liệu và các cơ sở hạt nhân, Luật Năng lượng nguyên tử ban hành đã dành một điều riêng (Điều 10) quy định về kiểm soát hạt nhân. Đồng thời, ta cũng đã hình sự hóa các hành vi cụ thể, bao gồm lạm dụng hoặc đe doạ lạm dụng vật liệu hạt nhân để gây tổn hại cho công chúng, ta đã quy định tại Điều 309 Bộ Luật hình sự 2015 (có hiệu lực ngày 01/01/2018), được sửa đổi bởi Khoản 111 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Hình sự 2017 các hình phạt tương ứng đới với các hành vi bất hợp pháp liên quan đến vật liệu hạt nhân và hậu quả do hành vi gây ra. Căn cứ theo Luật Năng lượng nguyên tử, Bộ KH&CN đã ban hành văn bản quy phạm pháp luật để quản lý, kiểm soát và đảm bảo an ninh cho vật liệu và cơ sở hạt nhân bao gồm: thông tư số 08/2010/TT-BKHCN về hướng dẫn việc khai báo, cấp phép và cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ; thông tư số 02/2011/TT-BKHCN về hướng dẫn thực hiện kiểm soát vật liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân nguồn; thông tư số 38/2011/TT-BKHCN quy định yêu cầu về bảo đảm an ninh vật liệu hạt nhân và cơ sở hạt nhân

**3. Xây dựng năng lực hỗ trợ kỹ thuật phục vụ quản lý an ninh nguồn phóng xạ và vật liệu hạt nhân**

Về năng lực kỹ thuật phục vụ quản lý nguồn phóng xạ và vật liệu hạt nhân, Việt Nam đã phối hợp với IAEA, các tổ chức trong nước và quốc tế triển khai các hoạt động nằm nâng cao năng lực kỹ thuật quốc gia. Cụ thể:

- Dự án thử nghiệm việc sử dụng Hệ thống định vị nguồn phóng xạ (RADLOT-VN) tại Việt Nam. Dự án nằm trong khuôn khổ hợp tác ba bên IAEA, Việt Nam và Hàn Quốc, đóng góp vào việc thúc đẩy an ninh hạt nhân tại Việt Nam, đặc biệt đối với an ninh nguồn phóng xạ di động, an ninh vận chuyển nguồn phóng xạ;

- Triển khai các hoạt động trong khuôn khổ Dự án an ninh hạt nhân với IAEA;

- Trên cơ sở bản Kế hoạch Hỗ trợ an ninh tổng hợp giữa Việt Nam và IAEA (INSSP) được cập nhật tại Hội nghị cập nhật Bản INSSP (8-12/12/2014), Cục ATBXHN đã trao đổi với IAEA để thực hiện các hoạt động liên quan. Cụ thể, đến nay IAEA đã nhất trí tiếp tục hỗ trợ thêm: đào tạo 3 tháng cho cán bộ của Cục nhằm xây dựng năng lực về cấu hình và bảo trì các thiết bị phát hiện phóng xạ cầm tay tại Malaysia;

- Phối hợp với Tổng cục Hải quan liên quan đến Chương trình Kiểm soát xuất khẩu và Biên giới liên quan (EXBS) và Sáng kiến Megaport của Hoa Kỳ./.

# VIII. THANH SÁT HẠT NHÂN

1. **Hoạt động thanh sát hạt nhân của IAEA tại Việt Nam**

Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA) về việc áp dụng thanh sát theo Hiệp ước Không phổ biến vũ khí hạt nhân đã được ký kết ngày 02/10/1989 và có hiệu lực từ ngày 23/02/1990. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đã ký Nghị định thư bổ sung (AP) cho cho Hiệp định Thanh sát ngày 10/8/2007. AP đã có hiệu lực đối với Việt Nam từ ngày 17/9/2012. Hiệp định thanh sát và AP là cơ sở cho các hoạt động thanh sát hạt nhân của IAEA tại Việt Nam.

Các hoạt động thanh sát theo Hiệp định thanh sát bao gồm việc tiếp nhận báo cáo từ các cơ sở, xây dựng báo cáo quốc gia định kỳ theo yêu cầu của Hiệp định Thanh sát và nộp cho IAEA; đồng thời tiếp nhận chuyên gia IAEA vào Việt Nam thực hiện thanh sát định kỳ tại Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt và các cơ sở ngoài địa điểm (LOF) tại Viện Nghiên cứu hạt nhân (Đà Lạt), Viện Khoa học và Kỹ thuật hạt nhân và Viện Công nghệ xạ hiếm (Hà Nội).

Việc thực hiện AP bao gồm tiếp nhận các khai báo từ các cơ sở chịu khai báo, xây dựng khai báo định kỳ quốc gia theo yêu cầu của AP và gửi cho IAEA; đồng thời tiếp nhận chuyên gia IAEA vào Việt Nam thực hiện tiếp cận bổ sung.

1. **Hoạt động thanh sát năm 2018**

***2.1. Thực hiện Hiệp định Thanh sát***

+ Gửi các báo cáo thanh sát đến IAEA kịp thời và chính xác. Đến nay đã có 108 báo cáo đối với Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt, 74 báo cáo đối với các địa điểm ngoài cơ sở. Năm 2018, Cục ATBXHN đã làm 8 báo cáo kế toán vật liệu hạt nhân, tạo điều kiện cho các cơ sở của Việt Nam thực hiện các hoạt động liên quan đến vật liệu hạt nhân.

+ Gửi thông báo cho IAEA về các ngày nghỉ lễ trong năm 2018 theo quy định của Hiệp định Thanh sát và Nghị định thư bổ sung.

+ Đã làm thủ tục phê duyệt cho 19 thanh sát viên do IAEA đề cử.

+ Làm việc với chuyên gia IAEA về việc nâng cấp hệ thống kênh bảo mật, đồng thời phối hợp với Trung tâm Công nghệ Thông tin của Bộ KH&CN chuyển kênh bảo mật từ 70 Trần Hưng Đạo về trụ sở Cục tại 113 Trần Duy Hưng.

+ Phối hợp với IAEA tổ chức Hội thảo về An toàn bức xạ cho thanh sát viên nhằm nâng cao nhận thức, năng lực của các cán bộ liên quan trong quá trình thực hiện thanh sát tại cơ sở.

***2.2. Thực hiện Nghị định thư bổ sung (AP)***

+ Xây dựng và gửi khai báo theo quy định của Nghị định thư bổ sung cho IAEA, sử dụng phần mềm mới PR3 do IAEA cung cấp. Đến nay, tổng cộng đã có 103 khai báo gửi cho IAEA, 15 khai báo năm 2018 đã gửi đúng thời hạn.

+ Thực hiện Tiếp cận bổ sung tại Viện Công nghệ xạ hiếm cơ sở 48 Láng Hạ (ngày 15/10/2018).

***2.3. Thực hiện đánh giá báo cáo thanh sát hạt nhân tại các cơ sở***

+ Cục ATBXHN đã tiến hành đánh giá báo cáo thanh sát hạt nhân của Viện Nghiên cứu hạt nhân ngày 15-16/11/2018, Viện Công nghệ xạ hiếm ngày 06/12/2018 và Viện Khoa học và Kỹ thuật hạt nhân ngày 07/12/2018./.

# IX. QUẢN LÝ CHẤT THẢI PHÓNG XẠ, NGUỒN PHÓNG XẠ ĐÃ QUA SỬ DỤNG

1. **Giới thiệu về hệ thống quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng**

Hiện tại, Việt Nam chưa có cơ sở lưu giữ chất thải phóng xạ quốc gia. Chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng được lưu giữ tại nhiều địa điểm trên toàn quốc. Các cơ sở này lưu giữ chất thải từ các hoạt động trong y tế, công nghiệp và nghiên cứu với dự kiến là lưu giữ không thời hạn do chưa có một cơ sở lưu giữ chung của quốc gia. Việc lưu giữ này khá an toàn, nhưng trên thực tế các cơ sở này không được thiết kế với mục đích quản lý chất thải phóng xạ dài hạn. Đồng thời, việc lưu giữ như vậy là không theo với chuẩn mực quốc tế, đặc biệt là theo Công ước chung về An toàn quản lý nhiên liệu đã qua sử dụng và An toàn quản lý chất thải phóng xạ mà Việt Nam đã tham gia năm 2013, theo đó quốc gia phải có cơ sở lưu giữ hoặc chôn lấp quốc gia với các yêu cầu quản lý pháp quy nhằm giảm thiểu rủi ro. Vì vậy, việc xác định các biện pháp quản lý chất thải phóng xạ, lựa chọn được công nghệ hợp lý, giảm thiểu tối đa thể tích chất thải phóng xạ sẽ làm giảm đáng kể công tác quản lý, lưu giữ và chôn cất chất thải phóng xạ và nhiên liệu đã qua sử dụng sau này.

Hiện nay trong toàn quốc có 2 cơ sở quản lý chất thải phóng xạ là Viện Nghiên cứu hạt nhân và Viện Công nghệ xạ hiếm.

* Đối với nguồn phóng xạ đã qua sử dụng trong cả nước có một số cơ sở lưu giữ tập trung sau:

+ Viện Nghiên cứu hạt nhân

+ Viện Khoa học kỹ thuật hạt nhân

+ Trung tâm NDE

+ Viện công nghệ xạ hiếm

+ Liên doanh dầu khí Vietsopetro

* Các cơ sở này đã được Cục ATBXHN cấp giấy phép và thường xuyên được thanh tra Cục thực hiện thanh tra định kỳ. Tổng số nguồn phóng xạ được lưu giữ tại các cơ sở này là khoảng 1250 nguồn.
* Theo quy định tại Thông tư 22/2014/TT-BKHCN, các nguồn phóng xạ đã qua sử dụng sẽ được đưa về lưu giữ tập trung tại cơ sở lưu giữ lâu dài do Bộ KH&CN chỉ định. Để thực hiện yêu cầu này, Bộ KH&CN đã kiến nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép nâng cấp kho lưu giữ của Bộ Tư lệnh hóa học làm cơ sở lưu giữ tập trung lâu dài của quốc gia. Tuy nhiên cho đến thời điểm này (2018) việc này vẫn chưa được xem xét và hiện nay Viện NLNTVN đã có dự án xin phép Bộ KH&CN cho chủ trương về việc xây dựng kho lưu giữ lâu dài nguồn phóng xạ kín đã qua sử dụng.

1. **Hoạt động của kho lưu giữ nguồn phóng xạ đã qua sử dụng tại Trung tâm Đánh giá không phá hủy (NDE)**

***2.1. Thống kê số lượng nguồn đã qua sử dụng đang lưu giữ***

Kho lưu giữ nguồn phóng xạ của NDE tại địa điểm 140 Nguyễn Tuân, Thanh Xuân, Hà Nội được xây dựng từ năm 2003 và đưa vào sử dụng tháng 9 năm 2004.

Hiện nay, NDE đang lưu giữ 975 nguồn phóng xạ đã qua sử dụng. Thống kê số lượng nguồn đã qua sử dụng đang được lưu giữ tại NDE như bảng 5 dưới đây.

**Bảng 5. Bảng thống kê số lượng nguồn đã qua sử dụng đang được lưu giữ tại NDE**

| **TT** | **Tên nguồn** | **Số lượng** | **Hoạt độ** | **Hiện trạng** | **Giấy phép** | **Chủ sở hữu** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Ir - 192 | 530 | 30,81 mCi | Đã được thu gọn thể tích và lưu giữ tập trung trong 1 bình thép | Đã khai báo với Cục An toàn bức xạ | Công ty Cổ phần thiết bị và công nghệ hạt nhân NEAD từ 2006 - 2017 |
| 2 | Se – 75 | 1 | 2,44 Ci | Lưu giữ trong bình chì |  | Công ty Cổ phần thiết bị và công nghệ hạt nhân NEAD |
| 3 | Ir – 192 | 391 | 77,59 mCi | Đã được thu gọn thể tích và lưu giữ tập trung trong 1 bình thép | Đã khai báo với Cục An toàn bức xạ và hạt nhân | Công ty TNHH MTV ứng dụng và phát triển công nghệ NEAD từ 2012 – 2015 |
| 4 | Cs – 137 | 1 | 10 mCi | Lưu giữ | Đã khai báo với Cục An toàn bức xạ và hạt nhân | Đi kèm thiết bị Troxler 3430, Sêri: 29170 của Công ty Cổ phần cơ điện và xây dựng Việt Nam |
| Am – 241/Be | 1 | 40 mCi |
| 5 | Cs – 137 | 1 | 10 mCi | Lưu giữ |  | Đi kèm thiết bị GAUGER 2000, Seri: 4409 của Công ty Cổ phần cơ điện và xây dựng Việt Nam |
| Cf – 252 | 1 | 40 mCi |
| 6 | Ir – 192 | 1 | 0 mCi | Nằm trong Projector GammaMAT TSI5/1 213 | Đã khai báo với Cục An toàn bức xạ và hạt nhân | Đi kèm thiết bị Gamma Projector, Seri: 213 của Liên hiệp UNIPA |
| 7 | Am – 241 | 2 | 200 mCi | Trong bình thép | 253/GP-ATBXHN – 18/10/2006  99/GP-ATBXHN – 30/6/2006 | Công ty Ứng dụng và phát triện công nghệ NEAD |
| 8 | Am – 241 | 1 | 96,23 mCi | Trong côngteno | 187/GP-ATBXHN – 24/5/2012 | Công ty TNHH nước giải khát Coca – Cola |
| 9 | Am – 241 | 1 | 96,31 mCi | Trong côngteno | 13/GP-ATBXHN – 13/1/2012 | Tổng công ty CP bia, rượu, nước giải khát Sài Gòn |
| 10 | Am – 241 | 1 | 93,35 mCi | Trong côngteno | 382/GP-ATBXHN – 28/9/2012 | Công ty TNHH Tribeco Bình Dương |
| 11 | Cs – 137 | 1 | 3,4 Ci |  | 42/GP-ATBXHN – 05/02/2010 | Trung tâm hạt nhân Tp Hồ Chí Minh |
| Cs – 137 | 1 | 12,20 mCi |  |
| Cs – 137 | 1 | 82,94 mCi |  |
| In – 113m | 1 | 0 mCi |  |
| Ir - 192 | 1 | 0 mCi | Trong gamma projector TI-EF |
| Ir - 192 | 1 | 0 mCi | Trong gamma projector Ấn Độ |
| Cs – 134 | 1 | - |  |
| 12 | Cs – 137 | 1 | 4 mCi |  | 636/GP-ATBXHN – 31/12/2014 | Công ty TNHH MTV DAP Vinachem |
| 13 | Cs – 137 | 1 | - |  | Công văn 98/NDE/2013 | Đại học Hải Phòng |
| 14 | Sr – 90 | 1 | 6,40 mCi |  | 73/GP-ATBXHN – 16/4/2009 | Viện KHTKHN |
| Ir – 192 | 1 | 0 mCi | Projector GammaMAT TSI 271 |
| Ir – 192 | 1 | 0 mCi | Projector GammaMAT TSI 148 |
| Cs – 137 | 1 | 13,22 mCi |  |
| 15 | Cs – 137 | 1 | 8,1 mCi | Nằm trong máy Introtek, 3500 Xplorer, Seri: 38203 | 260/GP-ATBXHN – 26/6/2014 | NDE |
| Am – 241/Be | 1 | 39,42 mCi |
| 16 | Cs – 137 | 1 | 6,01 mCi | Nằm trong máy Troxler 3440, Seri: 38203 | 260/GP-ATBXHN – 26/6/2014 | Ban quản lý dự án thủy điện Sơn La |
| Am – 241/Be | 1 | 39,21 mCi |
| 17 | Cs – 137 | 1 | 4,93 mCi | Nằm trong máy Troxler 3440, Seri: 29184 | 260/GP-ATBXHN – 26/6/2014 | Viện Khoa học và Công nghệ xây dựng |
| Am – 241/Be | 1 | 38,7 mCi |
| 18 | Cs – 137 | 1 | 5,09mCi | Nằm trong máy Troxler 3440, Seri: 30659 | 278/GP-ATBXHN – 3/7/2015 | Viện Khoa học công nghệ và kịnh tế xây dựng |
| Am – 241/Be | 1 | 37,4 mCi |
| 19 | Cs – 137 | 1 | 6,16mCi | Nằm trong máy Troxler 3440, Seri: 39672 | 318/GP-ATBXHN – 31/5/2018 | Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng điện I |
| Am – 241/Be | 1 | 39,29 mCi |
| Cs – 137 | 1 | 6,57mCi | Nằm trong máy Troxler 3440, Seri: 63467 |
| Am – 241/Be | 1 | 39,45 mCi |
| Cs – 137 | 1 | 6,59mCi | Nằm trong máy Troxler 3440, Seri: 64285 |
| Am – 241/Be | 1 | 39,49 mCi |
| Cs – 137 | 1 | 5,77mCi | Nằm trong máy Mc-3, Seri: M350507897 |
| Am – 241/Be | 1 | 48,87 mCi |
| 20 | Co – 60 | 1 | 123,4 mCi |  | 90/GP-ATBXHN – 13/3/2014 | Viện Khoa học vật liệu |
| Co – 60 | 1 | 29,6 mCi |
| 21 | Co – 60 | 1 | 226,02 mCi |  | 51/GP-ATBXHN – 13/2/2015 | Bệnh viện hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng |
| 22 | Gamma Projector rỗng | 4 |  |  |  | Công ty TNHH MTV Ứng dụng và phát triển công nghệ NEAD |
| 23 | Gamma Projector rỗng | 5 |  |  |  | Công ty TNHH Vilam Engineering Việt Nam từ năm 2011 - 2016 |
| 24 | Gamma Projector rỗng | 1 |  |  |  | Công ty TNHH MTV Ứng dụng và phát triển công nghệ NEAD năm 2008 |
| 25 | Uran nghèo | 32 thanh | - | - | **-** | Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp |

***2.2. Công tác đảm bảo an ninh***

* Cơ sở sử dụng camera theo dõi, bảo vệ 24/24 tại khu vực kho nguồn.
* Tuân thủ việc kiểm đếm nguồn phóng xạ theo quy định của Thông tư số 23/2010/TT-BKHCN ngày 29/12/2010, định kỳ 1 tháng kiểm đến 1 lần và lần kiểm đếm gần nhất là 28/12/2018.
* Cơ sở lập hồ sơ kiểm kê nguồn định kỳ, có biên bản bàn giao, tiếp nhận nguồn phóng xạ.
* Cơ sở lập sổ theo dõi kho trong đó ghi rõ: tên các thiết bị, nguồn phóng xạ được lưu giữ tại kho, thời gian lưu giữ, thời gian mang nguồn đi sử dụng, người xuất, nhận thiết bị, nguồn …

***2.3. Công tác kiểm xạ khu vực làm việc***

Công tác kiểm xạ khu vực làm việc được cơ sở thực hiện theo quy định, giá trị suất liều bức xạ lớn nhất đo được ngoài kho là 0,19 µSv/giờ ngày 28/12/2018. Kết quả đo được lập thành hồ sơ để lưu giữ.

**3. Hoạt động của kho lưu giữ chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng của Viện Nghiên cứu hạt nhân**

***3.1. Công tác quản lý chất thải phóng xạ phát sinh trong quá trình vận hành lò phản ứng***

* 1. **Công tác quản lý chất thải rắn:**

- Tòa nhà số 5 đang lưu giữ 229 thùng phuy 200 lít chứa các chất thải phóng xạ rắn/lỏng đã điều kiện hóa; 11 thùng phuy 200 lít chứa đất nhiễm xạ Co-60 (trong đó có 01 thùng chứa bao bì, quần áo nhiễm xạ); 306,31 kg mẫu vật Urani (giả); 514,5kg mẫu vật Urani nghèo.

* Quy trình xử lý đối với chất thải rắn:

+ Thu gom: Chất thải rắn được thu gom vào các túi nilong có dán phiếu thông tin về chất thải;

+ Định kì hàng tuần, các đơn vị phát sinh chất thải phóng xạ rắn sẽ chuyển các túi chứa chất thải đến tòa nhà 5 (kho lưu giữ chất thải phóng xạ) để bàn giao cho Phòng CNN & TBX quản lý;

+ Sau 1 năm, chất thải rắn sẽ được phân loại lại và tiến hành điều kiện hóa bằng phương pháp nén ép, thu nhỏ thể tích, đưa vào thùng phi kim loại có thể tích là 200 m3 và lưu giữ lâu dài tại tòa nhà 5.

* Viện có lập sổ theo dõi thu nhận chất thải rắn và chưa xả thải ra môi trường lần nào.
  1. **Công tác quản lý chất thải lỏng:**
* Phân loại: Sơ cấp và thứ cấp

+ Sơ cấp: sinh ra từ vận hành lò phản ứng, các phòng thí nghiệm sử dụng đồng vị phóng xạ hở, Trung tâm NC&DC ĐVPX và trạm giặt đồ bảo hộ bị nhiễm bẩn phóng xạ;

+ Loại thứ cấp: sinh ra từ quá trình xử lý chất thải phóng xạ lỏng sơ cấp tại trạm xử lý.

* Địa điểm xử lý chất thải lỏng: Trạm xử lý đặt tại tòa nhà 2
* Quy trình xử lý đối với chất thải phóng xạ lỏng:

+ Thu gom: Chất thải lỏng sơ cấp được thu gom từ các bồn rửa (lavabour). Từ các lavabour chảy về hố thu nằm trong tòa nhà lò, từ hố thu lại bơm về trạm xử lý tại tòa nhà số 2. Trường hợp phòng thí nghiệm không có lavabour thì sẽ được thu gom vào bình nhựa 20 – 40 lít và sẽ được vận chuyển trực tiếp đến trạm xử lý khi gần đầy bình. Riêng chất thải lỏng từ trạm giặt sẽ được thu gom vào 10 thùng chứa Inox (mỗi thùng có thể tích là 500 lít);

+ Sau khi thu gom, chất thải lỏng sẽ được lưu giữ, chờ phân rã sau đó chuyển vào hố thu gom có ký hiệu Zum thể tích 7 m3 dưới nền nhà 2.

+ Nước thải sau khi xử lý sẽ được lưu giữ tại bể có ký hiệu 16-1 với thể tích là 2 m3, bể Zum tại nhà 2 hoặc bể có ký hiệu 10-1 với thể tích là 2 m3. Nước tại bể 16-1 được dùng để cấp nước bổ sung cho vòng 1 của lò phản ứng, nước tại bể Zum được thải vào bể thải công nghiệp của Viện, nước tại bể 10-1 được chảy tự động vào hệ thống thải nước thải sinh hoạt của Viện

* 1. **Công tác quản lý chất thải khí:**

Không khí bên trong tòa nhà lò được kiểm soát, làm sạch thông qua các đường ống thông khí đưa về hệ kiểm soát khí nhà lò đặt tại Nhà 1, hệ thiết này có chức năng lọc không khí trong tòa nhà lò phản ứng để giữ lại các chất phóng xạ dạng son khí có trong nhà lò và cung cấp không khí sạch cho nhà lò. Không khí từ nhà lò sau khi đi qua phin lọc được dẫn tới ống khói để thải ra môi trường. Hệ thiết bị kiểm soát không khí có lắp đặt bộ phận lấy mẫu khí sau phin lọc để phân tích online hoạt độ phóng xạ trong khí thải. Dữ liệu quan trắc được lưu giữ trên máy tính liên tục. Tại ống khói thoát khí của nhà lò có bố trí các thiết bị quan trắc phóng xạ. Việc quản lý thiết bị kiểm soát không khí nhà lò thuộc Trung tâm An toàn bức xạ, việc quản lý thiết bị quan trắc phóng xạ tại ống khói thuộc Trung tâm Quan trắc phóng xạ môi trường. Viện đã thực hiện phân tích liều bức xạ gây ra từ hoạt động phát thải khí (Trung tâm Quan trắc phóng xạ môi trường thực hiện).

Tại Trung tâm Sản xuất đồng vị phóng xạ có bố trí các hệ thống hút khí riêng, hệ hút khí này có các phin lọc để lọc đồng vị phóng xạ hở I-131 có trong không khí từ hoạt động sản xuất và chia liều I-131.

***3.2. Công tác quản lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng***

Viện đã được Cục ATBXHN cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng và lưu giữ nguồn phóng xạ đã qua sử dụng) số 722/GP-ATBXHN (Gia hạn lần thứ 3) ngày 25/10/2018 có giá trị đến ngày 31/10/2021 cho phép sử dụng 01 kho lưu giữ nguồn phóng xạ đã qua sử dụng gồm 08 hầm bảo đảm các yêu cầu theo quy định về an toàn bức xạ, an ninh đối với nguồn phóng xạ nhóm B

Viện đang quản lý tổng số 974 nguồn phóng xạ, trong đó: sử dụng 116 nguồn phóng xạ; lưu giữ 858 nguồn phóng xạ tại Nhà 5.

Từ tháng 8/2016 đến nay, Viện đã tiếp nhận 79 nguồn phóng xạ (15 nguồn Am-241;11 nguồn Am241/Be; 24 nguồn Cs-137; 02 nguồn C-14; 02 nguồn Ba-133; 03 nguồn Ni-63; 01 nguồn Pm-147; 01 nguồn Co-57; 12 nguồn Ge-68; 01 nguồn Cd-109; 01 nguồn Fe-55; 01 nguồn Ir-192; 01 nguồn Ra-226; 01 nguồn Kr-85; 01 nguồn U-238; 01 nguồn Th-232; 01 nguồn Cf-252). Trong đó 27/79 nguồn phóng xạ được tiếp nhận theo Công văn 505/BKHCN-ATBXHN ngày 24/02/2017 của Bộ KH&CN đối với các nguồn phóng xạ mất an toàn an ninh và 04/79 nguồn phóng xạ được tiếp nhận từ hoạt động ứng phó sự cố của Cục ATBXHN. Trong các nguồn phóng xạ lưu giữ tại nhà 5 có 09 nguồn phóng xạ thuộc mức an ninh B theo quy định tại Thông tư số 23/TT-BKHCN.

1. **Công tác đảm bảo an ninh**

+ Viện có bố trí 02 camera quan sát phía ngoài nhà 5 gồm 01 camera quan sát phía trước và phía bên phải, 01 camera quan sát sau và phía bên trái nhà kho, các camera này được vận hành 24/24, dữ liệu hình ảnh của camera được truyền về máy tính đặt tại nhà 13 của khối hành chính, dữ liệu camera được lưu giữ liên tục theo chu kỳ 30 ngày. Trong nhà 5 nơi lưu giữ nguồn phóng xạ có trang bị 08 camera cố định và 01 camera quay (PTZ).

+ Việc kiểm đếm nguồn phóng xạ lưu giữ trong các hầm được Trung tâm An toàn bức xạ thực hiện định kỳ hàng năm, có lập thành báo cáo gửi Lãnh đạo Viện..

+ Việc tiếp nhận/mang các nguồn phóng xạ vào/ra khỏi các kho thuộc nhà 5 được ghi chép vào Sổ ghi chép đặt tại nhà 5.

+ Kho nguồn có 2 cửa lớn và 1 cửa nhỏ. Hai cửa lớn được khóa bằng 02 khóa, cửa nhỏ được được khóa bằng 02 khóa, các chìa khóa được giao cho Ông Nguyễn Xuân Tân thuộc Phòng Công nghệ nước và thải phóng xạ - Trung tâm Lò phản ứng (CNN&TPX) quản lý. Việc quản lý khóa và chìa khóa kho chứa nguồn phóng xạ mới chỉ được bàn giao trực tiếp tại cuộc họp của Phòng CNN&TPX, chưa được xây dựng và thực hiện thành quy trình quản lý khóa và chìa khoá đối với kho có lưu giữ nguồn phóng xạ thuộc mức an ninh B theo quy định tại Thông tư số 23/2010/TT-BKHCN ngày 29 tháng 12 năm 2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ về Hướng dẫn bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ.

1. **Công tác đảm bảo an toàn bức xạ**

Nhà 5 được đặt trên lưng chừng đồi phía sau Viện, có đường dốc đi lên, nhà được thiết kế dạng nhà khung thép có tường bao quanh bằng tôn, có tường bê tông cao 1,2 mét, có cửa 2 cánh bằng khung bọc thép dày khoảng 10cm có khóa bên ngoài, trên cánh cửa có gắn biển cảnh báo phóng xạ, bên trong cánh cửa bên phải có một cánh cửa nhỏ.

Bên trong nhà 5 có treo Quy trình làm việc với nguồn phóng xạ kín/hở, Nội quy an toàn bức xạ, nội quy an ninh, chưa niêm yết kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ. Các hầm chứa nguồn phóng xạ được thiết kế thành 08 hầm bằng bê tông chìm, có chiều sâu từ 3,7 đến 6,0 mét, có thể tích khoảng 93,0 m3, bên trên mỗi hầm có 03 nắp đậy bằng bê tông dạng chữ T, nặng khoảng 3,5 tấn/nắp có gắn móc treo, phải sử dụng cần cẩu để nhấc các nắp ra. Phía trên sàn nhà 5 có 03 biển cảnh báo phóng xạ di động. Nhà 5 có hệ thống bốc dỡ cầu trục, tải trọng 7 tấn, chiều cao nâng 6m, di chuyển được 3 chiều, có điều khiển cầm tay, có các lỗ khí tự nhiên gần mái nhà.

Công tác kiểm xạ khu vực làm việc được cơ sở thực hiện theo quy định. Kết quả đo được lập thành hồ sơ để lưu giữ.

**4. Hoạt động của kho lưu giữ nguồn phóng xạ đã qua sử dụng của Liên doanh dầu khí Vietsopetro**

Các nguồn phóng xạ của Liên doanh dầu khí Vietsopetro được lưu giữ tại kho nguồn, có khóa đảm bảo an ninh, có niêm phong, có camera quan sát và bảo vệ.

Việc kiểm đếm được thực hiện hàng tuần. Kiểm kê nguồn được thực hiện một năm một lần. Hàng năm nguồn được bảo dưỡng, đo kiểm tra để đánh giá sự rò rỉ.

Các nguồn phóng xạ được chứa trong các container chuyên dụng và lưu giữ tại kho do Viện dầu khí XAKHALIN\_CHLB Nga thiết kế và lắp đặt tại khuôn viên Xí nghiệp Địa vật lý giếng khoan. Kho được xây trong khuôn viên cách biệt, với tường chắn bê tông xung quanh dày 0,4 m. Hầm lưu giữ nguồn là hệ thống gồm 16 giếng, xếp thành 2 dãy, được chống bằng 2 lớp ống thép và đổ bê tông xung quanh và đáy để chống thấm. Kết cấu bên trong giếng có các gióng sắt hai tầng để chứa nguồn, bên trên là tấm cửa sắt bảo vệ. Trên mỗi giếng có hệ thống baling xích để cẩu nguồn mỗi khi xuất, nhập nguồn.

Nguồn được đặt trong container và đặt trên các kệ của gióng sắt trong giếng chứa nguồn, bên trên có cửa sắt bảo vệ. Xung quanh container nguồn là lớp bê tông cốt sắt che chắn.

Kết cấu giếng bảo đảm khô thoáng, điều kiện nhiệt độ môi trường bình thường.

Khuôn viên kho được bảo vệ bằng hàng rào chắn, cổng có khoá, biển cảnh báo xung quanh và camera quan sát. Chỉ có nhân viên bức xạ có nhiệm vụ mới được vào khuôn viên kho dưới sự giám sát của thủ kho. Các kho tạm thời trên công trình có khóa, niêm phong, biển cảnh báo và cách xa khu vực đông người qua lại.

**5. Hoạt động của các cơ sở lưu giữ nguồn phóng xạ khác đã được cấp giấy phép**

Ngoài Viện NCHN, Liên doanh dầu khí Vietsopetro, Viện KHKTHN, Trung tâm NDE, còn có một số cơ sở khác cũng có kho lưu giữ tập trung các nguồn phóng xạ đã qua sử dụng. Tuy nhiên, phần lớn các cơ sở này chưa cung cấp báo cáo hiện trạng quản lý năm 2018 để đưa vào trong Báo cáo này. Cục ATBXHN sẽ lưu ý để từ năm 2019 các cơ sở này phải có trách nhiệm cung cấp cơ sở dữ liệu về quản lý nguồn phóng xạ cho Cục cũng như Cục sẽ có kế hoạch thanh tra các đơn vị này. Một số cơ sở đã gửi báo cáo là Liên đoàn Vật lý địa chất.

**Liên đoàn vật lý địa chất:**

- Số lượng nguồn đang lưu giữ: 697 nguồn phóng xạ

- Công tác đảm bảo an toàn bức xạ:

+ Kiểm xạ: suất liều đo được tại ngoài kho là 0,135 µSv/giờ, ngày 30/10/2018

+ Kiểm soát liều chiếu xạ cá nhân: Có trang bị đầy đủ liều kế cá nhân và đọc kết quả liều cá nhân định kỳ

- Công tác đảm bảo an ninh:

+ Có trang bị camera theo dõi, bảo vệ 24/24 tại khu vực kho nguồn;

+ Kiểm đếm nguồn phóng xạ định kỳ hàng năm. Lần cuối kiểm đếm vào tháng 11/2018. Lập hồ sơ kiểm đếm định kỳ theo quy định của pháp luật.

**6. Hoạt động xây dựng năng lực hỗ trợ kỹ thuật phục vụ quản lý nhà nước về chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng**

Từ ngày 11 – 15/6/2018, Cục ATBXHN phối hợp với IAEA và Viện KHKTHN tổ chức điều kiện hóa các nguồn phóng xạ kín đã qua sử dụng. Sau khi thống nhất giữa danh sách các nguồn được điều kiện hóa do chuyên gia IAEA cung cấp, danh sách nguồn do Cục ATBXHN giám sát và danh sách quản lý của Viện KHKTHN, số lượng nguồn phóng xạ được điều kiện hóa là: 129/441 (129 là số nguồn phóng xạ trên giấy phép, 441 là số nguồn thực tế được tháo dỡ). Các nguồn phóng xạ này được đưa vào 04 capsule (số sêri từ VIE 001 – VIE 004) và được lưu giữ trong 03 kiện đảm bảo an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ.

Từ ngày 10 – 14/9/2018, Cục ATBXHN phối hợp với IAEA và Viện NCHN tổ chức điều kiện hóa các nguồn phóng xạ kín đã qua sử dụng. Trên cơ sở danh sách các nguồn phóng xạ đã qua sử dụng do Viện NCHN cung cấp, chuyên gia IAEA đã tiến hành tháo dỡ 472 nguồn phóng xạ (278 là số nguồn phóng xạ theo danh sách của Viện NCHN, 472 là số nguồn thực tế được tháo dỡ). Các nguồn phóng xạ này được đưa vào 06 capsule (số sêri từ DL 001 đến DL 006) đặt trong 03 kiện để điều kiện hóa (kiện 1 chứa capsule DL 001 và DL 004; kiện 2 chứa capsule DL 002 và DL 005; kiện 3 chứa capsule DL 003 và DL 006) và một số container lẻ (chứa nguồn Kr-85, các nguồn Am-241 dùng cho máy báo khói, Ra-226.

**7. Đánh giá chung và kiến nghị**

Nhìn chung, lượng chất thải phóng xạ hiện có ở Việt Nam còn ít, chủ yếu sinh ra từ các ứng dụng đồng vị phóng xạ, từ các nghiên cứu chế biến quặng urani và một phần nhỏ từ hoạt động của lò phản ứng nghiên cứu. Các nguồn phóng xạ kín đã hết hạn hoặc không còn sử dụng phần lớn được lưu giữ bởi đơn vị sử dụng nguồn. Theo số liệu thống kê của Cục ATBXHN, hiện tại Việt Nam có 1500 cơ sở tiến hành công việc bức xạ (trừ cơ sở X-quang chẩn đoán y tế), với khoảng 3348 nguồn phóng xạ đang sử dụng trong các lĩnh vực khác nhau và khoảng 2728 nguồn phóng xạ không còn sử dụng đang được lưu giữ ngay tại các cơ sở bức xạ rải rác trên khắp cả nước. Việc không có một cơ sở lưu giữ chất thải phóng xạ quốc gia đã buộc các cơ sở có chất thải phóng xạ phải lưu giữ chất thải này trong các điều kiện bảo đảm an toàn và an ninh còn hạn chế. Nhiều bài học trên thế giới đã cho thấy nếu chất thải phóng xạ không được quản lý một cách an toàn và an ninh thì hậu quả xảy ra có thể sẽ rất nghiêm trọng cả về môi trường và kinh tế.

Vì vậy, việc xây dựng một cơ sở quản lý chất thải phóng xạ quốc gia với thiết kế và kết cấu đặc biệt cho việc chôn cất hoặc lưu giữ lâu dài chất thải loại này sẽ giải quyết được các vấn đề trên. Đồng thời, cũng sẽ giúp Việt Nam thực hiện theo chuẩn mực quốc tế, đặc biệt là “Công ước chung về an toàn trong quản lý nhiên liệu đã qua sử dụng và an toàn trong quản lý chất thải phóng xạ” mà Việt Nam đã tham gia năm 2013. Các cơ sở loại này từ lâu đã được vận hành an toàn tại nhiều nước trên thế giới.

Về cơ bản, chính sách quản lý chất thải phóng xạ của các quốc gia đều tuân thủ các nguyên lý quản lý chất thải phóng xạ của IAEA. Tuy nhiên, tùy theo quan điểm, tùy theo điều kiện chính trị, kinh tế và điều kiện tự nhiên mà mỗi nước tuân thủ các nguyên lý của IAEA ở mức độ cao thấp khác nhau (Ví dụ nguyên lý 7: về kiểm soát sự phát thải; nguyên lý 8: về sự phụ thuộc lẫn nhau giữa cơ sở phát thải và cơ sở quản lý thải). Đối với 2 nguyên lý này thì Nga và các nước Đông Âu (Hungari, Bungari, Slovakia...) thường ít quan tâm tới việc giảm tối đa lượng chất thải sinh ra, chất thải thường không được xử lý triệt để, vẫn có thể tích lớn và thường lưu giữ tại các kho chứa lớn ngay tại các cơ sở hạt nhân. Việc chôn cất cuối cùng đối với chất thải này là vấn đề hiện nay nhiều nước Đông Âu đang gặp khó khăn do chi phí cho chôn cất rất lớn và khó đạt các tiêu chuẩn về môi trường theo tiêu chuẩn EU. Chính vì vậy, ngay từ khi chưa có nhiều chất thải phóng xạ, áp lực của việc xử lý, chôn cất chất thải còn thấp, chúng ta không nên chủ quan mà cần phải tính đến việc quản lý chất thải ngay từ đầu.

Ngoài ra còn có một thực tế khác đang tồn tại ở các cơ sở bức xạ đặc biệt là các nhà máy xi măng: các nguồn phóng xạ của các đơn vị này hiện nay không còn sử dụng mà chỉ được lưu giữ trong nhiều năm nhưng không có giấy phép tiến hành công việc bức xạ hoặc có giấy phép nhưng đã hết hạn. Do không có nhu cầu sử dụng, các đơn vị này đều mong muốn được chuyển các nguồn phóng xạ đến cơ sở lưu giữ lâu dài nhưng chưa thực hiện được do gặp khó khăn về kinh phí. Hệ thống nhân sự về bảo đảm an toàn bức xạ tại các đơn vị này hầu như không có do việc sản xuất gặp khó khăn. Chính vì vậy cần có các giải pháp đồng bộ để giải quyết bất cập này.

Tuy nhiên, việc xây dựng một cơ sở lưu giữ như vậy sẽ rất tốn kém và việc quản lý cơ sở này có thể phải kéo dài đến hàng trăm năm. Do vậy, nếu chỉ có nguồn kinh phí riêng, mang tính chất tư nhân thì không thể thực hiện được.

Thực tế trên thế giới cho thấy, hầu hết các nước đều đã có cơ sở lưu giữ trung tâm, do một cơ quan được nhà nước bảo trợ quản lý.

Vì vậy, đối với Việt Nam, xin kiến nghị như sau:

* Cơ sở phát sinh chất thải sẽ xử lý, đóng gói và tạm thời lưu giữ tại cơ sở và sau đó chuyển đến cơ sở lưu giữ, chôn cất quốc gia.
* Cơ quan/Công ty quản lý chất thải phóng xạ quốc gia chịu trách nhiệm tìm lựa chọn địa điểm cũng như các giai đoạn tiếp theo cho cơ sở lưu giữ, chôn cất này. Hiện nay theo chủ trương của Bộ KH&CN, Viện NLNTVN đang soạn thảo đề án xây dựng kho lưu giữ lâu dài nguồn phóng xạ kín quôc gia và có thể sẽ được tiến hành trong năm 2018.
* Tiếp tục thực hiện điều kiện hóa với các nguồn phóng xạ có nguy cơ mất an ninh cao hện đang được lưu giữ tại Viện NCHN và Viện KHKTHN để bảo an toàn và an ninh cũng như để giảm tải công suất về kho lưu giữ nguồn cho 02 đơn vị này.

# X. ỨNG PHÓ SỰ CỐ BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN

## 1. Giới thiệu chung về hệ thống tổ chức quản lý ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân

### *1.1. Hệ thống văn bản quy định về chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân*

* Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12;
* Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13;
* Luật Trưng mua, Trưng dụng tài sản, số 15/2008/QH12;
* Nghị định số 71/2002/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh tình trạng khẩn cấp trong trường hợp có thảm hoạ, dịch bệnh nguy hiểm.
* Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;
* Quyết định số 884/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp quốc gia;
* Quyết định số 1041/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể lĩnh vực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đến năm 2020;
* Thông tư 19/2012/TT-BKHCN ngày 08 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về việc kiểm soát và bảo đảm an toàn trong chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng;
* Thông tư số 25/2014/TT-BKHCN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định việc chuẩn bị ứng phó và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân, lập và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân;
* Thông tư số 01/2019/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ.

### *1.2. Hệ thống tổ chức quản lý ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân*

Theo quy định trong Luật NLNT, hệ thống tổ chức, quản lý ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân hiện nay được chia thành 3 cấp là cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp cơ sở. Tương ứng với mỗi cấp, tổ chức có liên quan phải xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Theo quy định trong Thông tư 25/2014/TT-BKHCN các cấp ứng phó sự cố phải thành lập Ban chỉ huy ứng phó sự cố để tổ chức quản lý ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân theo phân công trách nhiệm.

Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (Nghị định số 30/2017/NĐ-CP) tập trung chính vào phân công quyền hạn, cơ chế chỉ đạo, hệ thống tổ chức ứng phó, công tác xây dựng lực lượng ứng phó sự cố, bao gồm cả sự cố bức xạ, hạt nhân. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quyết định số 884/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 về việc ban hành Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp quốc gia (Quyết định số 884/QĐ-TTg), trong đó quy định các nội dung về chuẩn bị, xây dựng nguồn lực, hệ thống ứng phó sự cố, phương án ứng phó, phân công trách nhiệm bộ, ngành, địa phương trong triển khai ứng phó với sự cố bức xạ, hạt nhân cấp quốc gia.

Về hệ thống tổ chức, trong hệ thống ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, hệ thống tổ chức ứng phó sự cố tại Việt Nam bao gồm cấp quốc gia, cấp bộ, ngành và cấp địa phương. Trong đó, Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn là cơ quan phối hợp liên ngành, có chức năng giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, tổ chức phối hợp thực hiện công tác ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong phạm vi cả nước và hợp tác khu vực, quốc tế. Quyết định số 884/QĐ-TTg nêu trên cũng đã quy định rõ trách nhiệm của các bộ, ngành và địa phương trong công tác ứng phó sự cố, trong đó có sự cố xuyên biên giới.

## 2. Tình hình triển khai Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp quốc gia

Ủy ban quốc gia Ứng phó sự cố thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn (ƯPSCTT&TKCN) và Bộ KH&CN đã có buổi làm việc đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp quốc gia thời gian qua, đặc biệt là các khó khăn, vướng mắc khi thực hiện. Hai bên dự kiến trong năm 2019 sẽ giao cơ quan giúp việc hai bên phối hợp xây dựng lộ trình, kế hoạch cụ thể triển khai Quyết định 884/QĐ-TTg; thành lập đoàn công tác liên bộ (Ủy ban Quốc gia ƯPSCTT&TKCN, Bộ Quốc phòng, KH&CN, Công thương, Y tế) khảo sát đánh giá thực trạng hiện nay về phương tiện lực lượng, văn bản, năng lực kỹ thuật của Bộ, ngành và địa phương trong năm 2019. Qua đó đánh giá khả năng đáp ứng ứng phó theo quy định tại Quyết định 884/QĐ-TTg và làm căn cứ đề xuất Chính phủ xây dựng chương trình hành động. Ủy ban Quốc gia ƯPSCTT&TKCN chủ trì tổ chức diễn tập ứng phó sự cố hạt nhân quy mô nhỏ năm 2019 và quy mô lớn năm 2020.

Nhằm nâng cao năng lực ứng phó sự cố hạt nhân nói chung và đáp ứng yêu cầu đặt ra trong Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp quốc gia nói chung, hiện nay Bộ Quốc phòng đang triển khai Đề án “Nghiên cứu kỹ thuật, an toàn hạt nhân đảm bảo sẵn sàng chiến đấu cho Quân đội giai đoạn 2017 -2020 định hướng tới 2025” (ký hiệu KC.AT). Mục tiêu cơ bản của Đề án là bảo đảm tính chủ động, sẵn sàng chiến đấu của Quân đội khi xảy ra chiến tranh có sử dụng vũ khí hạt nhân, vũ khí bẩn và kiểm soát vật liệu hạt nhân đảm bảo an ninh, an toàn hạt nhân, phát triển các trang bị, khí tài đảm bảo kịp thời ứng phó khắc phục các sự cố phóng xạ, hạt nhân tại các cơ sở hạt nhân trong nước cũng như các cơ sở hạt nhân nằm gần biên giới Việt Nam; làm chủ một số công nghệ đặc thù trong nghiên cứu, chế tạo trang thiết bị, vật tư, hóa chất trong lĩnh vực trinh sát, ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân, trên cơ sở đó xây dựng nghệ thuật chỉ huy, tác chiến phù hợp; xây dựng mạng lưới quan trắc, cảnh báo phóng xạ tại một số vị trí trọng yếu trong mạng lưới quan trắc phóng xạ Quốc gia.

## 3. Tình hình xây dựng và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân của các tỉnh, thành trong cả nước

Tính đến 12/2018 có trên 50 tỉnh, thành phố đã được phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp tỉnh. Các địa phương còn lại cũng đang trong quá trình xây dựng hoặc có kế hoạch xây dựng. Theo đánh giá, trong năm 2019 có thể hoàn thiện được công tác phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố của 63 tỉnh, thành phố.

## 4. Hoạt động diễn tập ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân

Luật NLNT quy định việc tổ chức diễn tập ứng phó sự cố định kỳ trong kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở, cấp tỉnh và cấp quốc gia. Kế hoạch ứng phó sự cố các cấp được ban hành đã quy định cụ thể nội dung liên quan. Hiện nay số địa phương tổ chức diễn tập lần đầu và định kỳ với quy mô khác nhau không ngừng tăng. Năm 2018, các địa phương đã triển khai hoạt động diễn tập ứng phó sự cố bức xạ cấp tỉnh bao gồm Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Bình Định, Quảng Ngãi, Thanh Hóa, Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chương trình diễn tập đã tổ chức thành công và tạo được sự thu hút với các Sở ban ngành trong địa phương cũng như là công chúng. Đây cũng là những bước đầu tiên để nâng cao nhận thức về an toàn bức xạ và ứng phó sự cố của các tổ chức, cá nhân tham gia và hoàn thiện cơ chế phối hợp hiệu quả khi sự cố xảy ra.

## 5. Hoạt động xây dựng năng lực hỗ trợ kỹ thuật phục vụ công tác ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân

Hiện nay Bộ KH&CN là đầu mối quốc gia thực hiện Công ước Thông báo sớm và Công ước trợ giúp trong sự cố bức xạ, hạt nhân. Theo chức năng của cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, Cục ATBXHN tiếp tục tham gia tích cực vào các nhóm chuyên đề ứng phó sự cố trong các dự án hợp tác vùng của IAEA, EC, Mạng lưới an toàn hạt nhân châu Á về chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân, phòng ngừa, phát hiện và ứng phó nguy cơ sự cố CBRN.

Trong năm 2017- 2018, Cục ATBXHN đã tích cực phối hợp với Cơ quan pháp quy hạt nhân Trung Quốc bước đầu triển khai thực hiện các thỏa thuận đã ký kết trong Bản ghi nhớ về hợp tác trong lĩnh vực an toàn hạt nhân giữa hai quốc gia. Các hoạt động được triển khai trong khuôn khổ Bản ghi nhớ sẽ góp phần đáng kể trong việc nâng cao năng lực an toàn hạt nhân, an toàn bức xạ nói chung, chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân nói riêng của Cục ATBXHN.

Cục ATBXHN tiếp tục phối hợp với các Sở KH&CN tổ chức các khóa đào tạo về ứng phó sự cố, phối hợp với các tổ chức hỗ trợ nước ngoài tổ chức các khóa tập huấn, diễn tập về ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân.

Công tác đầu tư, mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác ứng phó sự cố cũng được chú trọng. Bộ trưởng Bộ KH&CN đã phê duyệt dự án tăng cường năng lực kỹ thuật hỗ trợ quản lý các nguồn phóng xạ nằm ngoài kiểm soát pháp quy và kịp thời ứng phó sự cố mất an toàn, mất an ninh nguồn phóng xạ. Các đề tài, nhiệm vụ về ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân vẫn tiếp tục được đề xuất nhằm nghiên cứu cơ sở khoa học để hoàn thiện hệ thống pháp lý và nâng cao năng lực kỹ thuật trong công tác chuẩn bị và ứng phó sự cố./.

# XI. QUẢN LÝ PHÓNG XẠ MÔI TRƯỜNG

1. Quy hoạch mạng lưới và hoạt động của các trạm quan trắc phóng xạ môi trường

### *1.1. Quy hoạch mạng lưới quan trắc và cảnh báo Phóng xạ môi trường quốc gia*

Ngày 31/08/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ra quyết định số 1636/QĐ-TTg phê duyệt “Quy hoạch mạng lưới quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường quốc gia đến năm 2020” với mục tiêu bảo đảm kịp thời phát hiện diễn biến bất thường về bức xạ trên lãnh thổ Việt Nam và hỗ trợ việc chủ động ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân; cung cấp cơ sở dữ liệu về phóng xạ môi trường phục vụ công tác quản lý nhà nước về năng lượng nguyên tử và an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân. Mạng lưới quan trắc và cảnh báo phóng xạ quốc gia bao gồm:

- Trung tâm điều hành quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường đặt tại Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm điều hành): thực hiện việc kết nối thu thập dữ liệu trực tuyến từ các trạm, các điểm quan trắc trong mạng lưới; xử lý kết quả quan trắc, xây dựng cơ sở dữ liệu phóng xạ môi trường quốc gia; hỗ trợ kỹ thuật cho việc phân tích, đánh giá diễn biến và điều hành ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân.

- Trạm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường cấp vùng (Trạm vùng). (thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Đà Lạt): thu nhận dữ liệu quan trắc trực tuyến từ các trạm quan trắc địa phương; quan trắc, thu thập, xử lý và phân tích các chỉ tiêu phóng xạ trong mẫu môi trường; phân tích và tổng hợp số liệu quan trắc; trực tiếp tham gia đánh giá hiện trường trong kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân cấp tỉnh và cấp cơ sở.

- Trạm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường cấp tỉnh (Trạm địa phương): làm nhiệm vụ quan trắc liên tục tại các điểm và các cơ sở hạt nhân trên địa bàn, kết nối trực tuyến với các trạm vùng. Trạm địa phương được xây dựng tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi không có trạm vùng và có khả năng chịu ảnh hưởng của các sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân.

- Hệ thống quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường thuộc Bộ Quốc phòng (Hệ thống trinh sát phóng xạ quân đội): thực hiện quan trắc và cảnh báo phóng xạ theo quy định của Bộ Quốc phòng. Trạm trinh sát phóng xạ thực hiện vai trò chỉ đạo kỹ thuật hệ thống trinh sát, cảnh báo phóng xạ trong quân đội, phục vụ công tác phòng chống vũ khí hạt nhân và ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân.

Theo Quy hoạch cần phải thực hiện các nhiệm vụ như: Lập dự án đầu tư trung tâm điều hành và trạm vùng miền Bắc, miền Trung, Tây Nguyên và Nam Trung bộ, miền Nam; Lập dự án đầu tư và xây dựng trạm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường cấp tỉnh (trạm địa phương); Xây dựng các văn bản pháp luật vê cơ cấu tổ chức hoạt động của mạng lưới, các trạm địa phương thuộc trạm vùng, tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật về quan trắc phóng xạ môi trường, định mức kinh tế kỹ thuật và chỉ tiêu quan trắc, quy chế phối hợp mạng lưới quan trắc phóng xạ môi trường với hệ thống quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia, chế độ chính sách đối với nhân viên trạm quan trắc ở vùng sâu vùng xa, biên giới, hải đảo. Tuy nhiên do chưa có kinh phí nên đến nay Mạng lưới QTCBPXMTQG vẫn chưa được xây dựng theo Quy hoạch 2010.

Song song với đó, Thông tư số 16/2013/TT-BKHCN ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Mạng lưới quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường quốc gia” có đưa ra các quy định kỹ thuật về hạ tầng cơ sở, trang thiết bị và nhân lực của Trung tâm điều hành, các Trạm vùng, các Trạm địa phương.

Tuy vậy, đầu tư xây dựng Mạng lưới QTCBPXMTQG với quy mô như trên đòi hỏi một nguồn vốn tương đối lớn, không thực sự phù hợp với tình hình mới của Chương trình Điện hạt nhân quốc gia. Với khả năng thực tế hiện nay, Viện NLNTVN đã đưa ra 2 phương án để thu xếp nguồn vốn như sau.

***\* Phương án 1***

Khi kinh phí đầu tư để xây dựng Mạng lưới QTCBPXMTQG hạn chế, việc xây dựng được chia thành hai giai đoạn.

**Giai đoạn I (dự kiến từ năm 2017-2020):**

Tập trung xây dựng Trung tâm điều hành quan trắc quốc gia, Trạm vùng thành phố Hà Nội, Trạm vùng thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 1, Trạm vùng Đà Nẵng giai đoạn 1 và các Trạm địa phương tại Quảng Ninh, Lạng Sơn, Lào Cai, Hải Phòng với tổng kinh phí khoảng 250 tỷ VNĐ. Trong đó sẽ đầu tư khoảng 61 tỷ VNĐ từ nguồn vốn đầu tư phát triển cho Trung tâm điều hành quan trắc quốc gia, Trạm vùng thành phố Hà Nội, Trạm vùng Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 1 để xây dựng hạ tầng cơ sở và mua sắm một số trang thiết bị; đầu tư khoảng 189 tỷ VNĐ từ nguồn vốn sự nghiệp khoa học thông qua các dự án tăng cường trang thiết bị để mua sắm các thiết bị quan trắc cho các Trạm địa phương đặt tại các tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Lào Cai, Hải Phòng và Trạm vùng Đà Nẵng giai đoạn 1.

Sau khi triển khai xong Giai đoạn I, hệ thống Quan trắc phóng xạ và ứng phó sự cố sẽ hoạt động như một hệ thống hoàn chỉnh với số lượng các trạm kể trên. Các Trạm còn lại sẽ được bổ sung trong Giai đoạn II của Dự án.

**Giai đoạn II (dự kiến từ năm 2021-2025):**

Xây dựng Trạm vùng Đà Lạt, Trạm vùng thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2 và Trạm vùng Đà Nẵng giai đoạn 2, các trạm địa phương còn lại và hoàn thiện hệ thống với tổng kinh phí khoảng 711 tỷ VNĐ.

Kinh phí đề nghị bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và kinh phí đầu tư, phát triển theo Quyết định số 1636/QĐ-TTg ngày 31/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

***\* Phương án 2***

Tìm kiếm nguồn vốn ODA hoặc vốn vay ưu đãi của chính phủ các nước Hungary, Nhật Bản và Liên bang Nga để xây dựng toàn Mạng lưới. Tuy nhiên khó khăn của phương án này là cơ chế tài chính trong nước để bố trí nguồn lực hoàn trả vốn. Trong phương án này Bộ Khoa học và Công nghệ cần đề xuất với Chính phủ cơ chế đảm bảo vốn chi ngân sách hàng năm dành cho xây dựng và phát triển Mạng lưới QTCBPXMTQG đủ tích lũy hoàn trả vốn theo thời hạn vay vốn của Hiệp định khung Hợp tác tín dụng giữa Việt Nam và nước đối tác.

Hiện nay, mặc dù các trạm chưa được triển khai xây dựng một cách đồng bộ nhưng đang được hoàn thiện dần với kế hoạch bổ sung trước mắt 04 hệ ghi phổ gamma tại Móng Cái, Nghệ An, Cao Bằng và Đà Nẵng ; 03 hệ đo suất liều gamma môi trường tại đảo Bạch Long Vĩ, Hà Nội, Bãi Cháy và Sơn La ; 04 hệ thu thập mẫu sol khí tại Móng Cái, Bãi Cháy, Hải Phòng và Lào Cai; cùng 02 hệ thu thập mẫu rơi lắng tại Móng Cái và Lạng Sơn. Kế hoạch này hiện đang được phê duyệt và chuẩn bị cấp kinh phí để triển khai.

### *1.2. Hoạt động của các trạm quan trắc chính*

*1.2.1. Hoạt động của các trạm quan trắc thuộc Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam*

Từ năm 1997 đến nay, Viện NLNTVN đã và đang duy trì vận hành 2 trạm quan trắc phóng xạ môi trường thuộc Mạng lưới QTTNMTQG tại Hà Nội và Đà Lạt để cung cấp số liệu quan trắc (theo quý) cho Bộ TN&MT. Các thiết bị của 2 trạm quan trắc trên được Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN) đầu tư từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học thông qua các dự án tăng cường trang thiết bị và vận hành bằng kinh phí quan trắc môi trường thường xuyên do Bộ TN&MT cấp thông qua các nhiệm vụ hàng năm. Hoạt động của 2 trạm quan trắc đã giúp Bộ KH&CN nắm được các thông tin về phóng xạ môi trường, đặc biệt khi xảy ra sự cố hạt nhân Fukushima. Các thông số quan trắc là các nhân phóng xạ tự nhiên và nhân tạo trong các đối tượng môi trường khí, nước, rơi lắng, thực vật với tần suất từ 4-6 lần trong một năm. Hạn chế chính của các trạm quan trắc phóng xạ môi trường trong Mạng lưới QTTNMTQG là các thông số quan trắc chỉ là các thông số cơ bản nhất, số lượng các điểm quan trắc ít và không có các quan trắc trực tuyến. Do vậy các trạm quan trắc này không có khả năng phát hiện nhanh các diễn biến bất thường về bức xạ trên lãnh thổ Việt Nam hỗ trợ công tác ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân.

Hiện tại Viện NLNTVN đã lắp đặt thêm một số thiết bị đo suất liều bức xạ gamma trực tuyến ***tại 05 vị trí trong khu vực Bắc Bộ gồm Quảng Ninh (Móng Cái), Hải Phòng, Lạng Sơn, Lào Cai và Hà Nội, nhằm nâng cao khả năng phát hiện sớm các diễn b***iến bất thường về phóng xạ trên lãnh thổ Việt Nam, đặc biệt là trong mối quan ngại hiện nay về sự cố hạt nhân từ các nhà máy điện hạt nhân của Trung Quốc gần biên giới. Các dữ liệu quan trắc về suất liều bức xạ gamma từ các điểm quan trắc này được truyền trực tuyến và liên tục về Viện Khoa học và kỹ thuật hạt nhân. Tuy nhiên, trong việc thu thập và đánh giá dữ liệu gặp nhiều khó khăn và thách thức do các hệ thống trang thiết bị đặt tại các trạm này được lắp đặt từ các nguồn và công nghệ khác nhau (SARA và RADMON) nên dữ liệu còn chưa đồng bộ và cần được hiệu chỉnh khi tổng hợp đánh giá, thêm vào đó cần xử lý để tách phần đóng góp của phóng xạ tự nhiên, nhất là từ khí phóng xạ radon với hiệu ứng ngày-đêm được ghi nhận khá rõ nét trong kết quả. Hiện Viện vẫn đang tích cực tích lũy kinh nghiệm xử lý dữ liệu cũng như tham khảo các kinh nghiệm quốc tế để khắc phục các vấn đề nói trên.

*1.2.2. Hoạt động của trạm quan trắc tại Viện Hóa học quân sự - Bộ Quốc phòng*

Trạm Quan trắc - cảnh báo môi trường độc - xạ Miền Bắc thuộc Viện Hóa học- Môi trường quân sự (Bộ tư lệnh Hoá học-Bộ Quốc phòng) được thành lập ngày 28 tháng 11 năm 1994 và là thành viên của Hệ thống quan trắc môi trường quốc gia có chức năng thực hiện quan trắc, cảnh báo, phân tích, các tác nhân hóa học, phóng xạ phục vụ nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu; tư vấn về kỹ thuật quan trắc, cảnh báo phóng xạ, hóa học cho các trạm quan trắc của các Quân khu; thực hiện nhiệm vụ của thành viên trong hệ thống quan trắc, cảnh báo hóa học, phóng xạ quốc gia; tham gia đào tạo cán bộ kỹ thuật chuyên ngành về quan trắc môi trường, xử lý môi trường độc xạ.

Nhiệm vụ của Trạm bao gồm:

- Quan trắc, cảnh báo phát hiện các biến động ô nhiễm môi trường hoá độc, xạ, kịp thời nắm bắt tình trạng ô nhiễm và thông báo cho cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện nhiệm vụ của thành viên trong mạng lưới quan trắc, cảnh báo ô nhiễm hóa học, phóng xạ quốc gia theo kế hoạch của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tham gia phân tích xác định các tác nhân hoá học, phóng xạ trong các tình huống; khắc phục các sự cố độc xạ và đánh giá tác động môi trường quân sự theo nhiệm vụ của Binh chủng và Bộ Quốc phòng.

- Nghiên cứu, chế tạo các phương tiện đo phục vụ cho nhiệm vụ quan trắc. Tư vấn, trợ giúp kỹ thuật cho các Trạm quan trắc, cảnh báo phóng xạ, hoá học các quân khu.

- Phối hợp với các cơ sở nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước nâng cao trình độ chuyên ngành.

Tính đến hết năm 2017, Trạm Quan trắc và Phân tích môi trường Hóa học - Phóng xạ I (Trạm Quan trắc - cảnh báo môi trường độc - xạ Miền Bắc) đã thực hiện quan trắc phóng xạ môi trường ở nhiều địa phương trải dài trên cả nước bao gồm: Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hà Nội, Thái Nguyên, thành phố Đà Nẵng, khu vực cảng Hải Phòng, tại xã Vĩnh Hải - huyện Ninh Hải và xã Phước Dinh - huyện Thuận Nam (tỉnh Ninh Thuận), căn cứ quân sự Cam Ranh (Khánh Hòa), Vùng 5 Hải quân (Phú Quốc, Kiên Giang). Số liệu quan trắc phân tích hàng năm là cơ sở dữ liệu đánh giá chất lượng môi trường phóng xạ tại các khu vực quan trắc.

Ngày 12 tháng 1 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 90/2016/QĐ-TTg về việc phê duyệt “Quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc  
tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030”, theo đó Trạm Quan trắc và Phân tích môi trường Hóa học - Phóng xạ I/ Trung tâm Công nghệ xử lý Môi trường/Bộ Tư lệnh Hóa học đảm nhiệm quan trắc cảnh báo phóng xạ môi trường khu vực các tỉnh phía bắc. Để thực hiện nhiệm vụ quan trắc phóng xạ môi trường theo đúng khu vực đã được phân công và phù hợp với mạng lưới quan trắc phóng xạ - hóa học hiện có trong quân đội, từ năm 2018, Trạm Quan trắc và Phân tích môi trường Hóa học - Phóng xạ I đã đề xuất quan trắc tại các khu vực sau: Thành phố Hà Nội, Thành phố Việt Trì (Quân khu II), Thành phố Thái Nguyên (Quân khu I), Thành phố Hải Phòng (Quân khu III), khu vực cửa khẩu Móng Cái và Thành phố Hạ Long (Quảng Ninh) và khu vực cửa khẩu Tân Thanh (Lạng Sơn).

*1.2.3. Hoạt động của trạm quan trắc tại Trung tâm HTKT An toàn bức xạ hạt nhân và ứng phó sự cố - Cục ATBXHN*

Trạm quan trắc tại Trung tâm HTKT ATBXHN và ƯPSC, Cục ATBXHN (Trung tâm HTKT) là hệ thống cho phép đo liên tục chỉ tiêu suất liều gamma môi trường, kèm theo các thông số trực tiếp về nhiệt độ, áp suất, lượng mưa trong môi trường tại vị trí đo. Hệ thống quan trắc này đã được đưa vào vận hành sử dụng tại địa điểm 56 Linh Lang, Ba Đình, Hà Nội từ những năm 2006 và đã đóng góp quan trọng trong việc thu thập và xử lý thông tin phóng xạ môi trường tại Hà Nội liên quan đến sự cố Fukushima năm 2011.

Từ giữa năm 2014, hệ thống hoạt động không ổn định vì một số phụ kiện bị hỏng và đã tạm dừng hoạt động do Trung tâm thay đổi địa điểm làm việc. Sau khi Trung tâm chuyển đến địa điểm mới ở 76 Nguyễn Trường Tộ, hệ thống đã được kiểm tra, sửa chữa và thay thế một số linh kiện đã bị hỏng do hao mòn trong quá trình sử dụng. Hiện hệ thống đã được gia cố với các phương tiện bảo vệ, che chắn phù hợp để lắp đặt ngoài trời nhằm đảm bảo quá trình hoạt động an toàn và hiệu quả, và đã đi vào vận hành lại từ năm 2018, tiếp tục cung cấp số liệu thường xuyên phục vụ giám sát hiện trạng phóng xạ môi trường.

2. Thu thập dữ liệu phóng xạ môi trường

Bên cạnh việc thiết lập, duy trì và hoàn thiện lại Quy hoạch mạng lưới quan trắc phóng xạ môi trường phù hợp với hoàn cảnh và nhiệm vụ mới, việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về phông nền phóng xạ môi trường cũng là một nhiệm vụ cấp thiết. Dữ liệu này sẽ là căn cứ quan trọng để đánh giá ảnh hưởng, tác động khi xảy ra sự cố trong và ngoài biên giới, đặc biệt là trong trường hợp có sự cố hạt nhân gây phát thải phóng xạ từ các nhà máy điện Trung Quốc.

Hiện nay, nhiệm vụ này đã đi vào triển khai, với Dự án “Điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu phóng xạ môi trường trong khu vực có khả năng chịu ảnh hưởng sớm bởi sự cố hạt nhân ngoài biên giới phía Bắc nhằm phục vụ công tác ứng phó sự cố” lấy kinh phí từ nguồn sự nghiệp môi trường. Dự án được dự kiến thực hiện trong 03 năm từ 2017-2019, với các chỉ tiêu về suất liều gamma môi trường, hoạt độ nhân phóng xạ trong mẫu đất và mẫu nước biển tại 03 địa phương gần biên giới phía Bắc là: Quảng Ninh, Hải Phòng và Lạng Sơn.

Trong hai năm 2017 và 2018, Dự án đã tiến hành đo suất liều gamma trong không khí trên 5000 điểm đo thuộc địa bàn 03 địa phương nói trên, đồng thời thu thập và phân tích 80 mẫu đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng, 180 mẫu đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, 140 mẫu đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn và 04 mẫu nước ven biển tỉnh Quảng Ninh và Hải Phòng.

Ngoài ra, Cục ATBXHN đã gửi Công văn tới 18 tỉnh, thành phố phía Bắc có khả năng chịu ảnh hưởng từ sự cố hạt nhân ngoài biên giới để thu thập dữ liệu phông phóng xạ nền dựa trên những hoạt động quan trắc mà tỉnh đã thực hiện. Kết quả đã thu được dữ liệu sơ bộ từ 06 địa phương bao gồm Hải Phòng, Phú Thọ, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Hải Dương, Lạng Sơn.

Bên cạnh đó, Trung tâm HTKT cũng đã phối hợp với các Sở KH&CN cũng như các cơ sở bức xạ tiến hành đo đạc, khảo sát phóng xạ môi trường tại nhiều địa phương như Sơn La, Lạng Sơn, Khánh Hòa, Tây Ninh, Yên Bái, Hà Tĩnh, Đà Nẵng... Trong năm 2018, Trung tâm đã thực hiện công việc quan trắc phóng xạ môi trường này tại các tỉnh Quảng Nam, Bình Định, Đà Nẵng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Lai Châu, .

Các dữ liệu này hiện nay đã được thu thập và tổng hợp. Tuy nhiên cần có kế hoạch, lộ trình cũng như chỉ đạo từ Bộ xuống các địa phương, cơ quan nghiên cứu chuyên ngành để thu nhận dữ liệu trên diện rộng, hướng tới mục tiêu xây dựng nên bộ cơ sở dữ liệu một cách hệ thống và đồng bộ, phục vụ công tác quản lý phóng xạ môi trường xuyên suốt và lâu dài./.

# 

# XII. HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO AN TOÀN BỨC XẠ VÀ ĐÀO TẠO CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT

**1. Giới thiệu chung về hoạt động đào tạo an toàn bức xạ và đào tạo  
chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Luật NLNT**

Người lao động trong tất cả các lĩnh vực liên quan đến bức xạ Ion hóa cần được đào tạo về an toàn bức xạ theo nội dung và thời lượng phù hợp. Chỉ những người đạt điểm sát hạch sau mỗi khóa đào tạo này mới được cấp chứng nhận về an toàn bức xạ và đủ điều kiện lao động trước pháp luật trong lĩnh vực cụ thể và sau 3 năm phải được đào tạo lại.

Để cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ và chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT, cá nhân ngoài chứng nhận đào tạo ATBX theo quy định tại Thông tư 34/2014/TT-BKHCN, cần phải có chứng nhận đào tạo chuyên môn nghiệp vụ liên quan.

Ngoài ra, theo Khoản 1 Điều 70 Luật Năng lượng nguyên tử, những người thực hiện công việc dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử phải qua khoá đào tạo dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử tại cơ sở đào tạo. Theo quy định tại Khoản 3 – Điều 70 Luật NLNT thì Bộ KH&CN phải quy định về cơ sở đào tạo dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT, trong đó có đào tạo chuyên môn và an toàn bức xạ cho nhân viên bức xạ và cho cá nhân tiến hành hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT.

**2. Hoạt động đào tạo chuyên môn nghiệp vụ**

Hiện tại chưa có văn bản hướng dẫn dưới luật đối với nội dung đào tạo chuyên môn nghiệp vụ.

Việc đào tạo sử dụng thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ trong công nghiệp, ứng dụng y tế thường được tìm kiếm đầu mối từ các công ty, đơn vị sự nghiệp liên quan hoặc của nhà cung cấp có đủ năng lực.

Hiện nay mới có một vài đơn vị thực hiện dịch vụ đào tạo chuyên môn nghiệp vụ đối với một vài loại hình như: dịch vụ đào tạo về đọc liều chiếu xạ cá nhân, dịch vụ đào tạo kiểm tra chất lượng thiết bị X quang chẩn đoán y tế, dịch vụ đào tạo về ghi đo bức xạ, dịch vụ đào tạo về vận hành thiết bị chiếu xạ....Khi Nghị định quy định điều kiện tiến hành công việc bức xạ và điều kiện hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử được ban hành sẽ khắc phục được những tồn tại trên.

Riêng về lĩnh vực sử dụng nguồn bức xạ trong kiểm tra không phá hủy (NDT) yêu cầu có giảng viên được cấp chứng chỉ đặc thù (chứng chỉ NDT cấp 3) nên loại hình này hiện nay có một số đơn vị làm dịch vụ tổ chức đào tạo.

**3. Hoạt động đào tạo ATBX**

Thông tư 34/2014/TT-BKHCN ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về “đào tạo an toàn bức xạ đối với nhân viên bức xạ,  
người phụ trách an toàn và dịch vụ đào tạo an toàn bức xạ”. Mục tiêu của việc tổ chức đào tạo theo Thông tư 34 là nhằm để nâng cao nhận thức, trách nhiệm và chất lượng hoạt động bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ đối với nhân viên bức xạ của cơ sở, người phụ trách an toàn, người quản lý của cơ sở và nhằm xây dựng văn hóa an toàn an ninh của cá cơ sở có các hoạt động tiến hành công việc bức xạ như: sử dụng nguồn phóng xạ theo từng loại hình tiến hành công việc bức xạ ví dụ như X quang trong y tế, sử dụng trong công nghiệp, trong nghiên cứu, đào tạo, lưu giữ nguồn phóng xạ … Các tổ chức, cá nhân tiến hành công việc bức xạ trên phạm vi toàn quốc khi tổ chức đào tạo cho nhân viên bức xạ của đơn vị mình phải chấp hành nghiêm các quy định về đào tạo an toàn bức xạ đối với nhân viên bức xạ và người phụ trách an toàn, cụ thể:

- Đào tạo Nhân viên bức xạ phải qua đào tạo an toàn bức xạ tương ứng với loại hình công việc bức xạ đang tiến hành;

- Đối với người phụ trách an toàn của cơ sở, ngoài việc phải tham gia khóa đào tạo ATBX đối với loại hình công việc bức xạ đang thực hiện, như đã nêu tại điểm 1. Đồng thời, phải tham dự khóa đào tạo bổ sung dành riêng cho người phụ trách an toàn bức xạ. Người phụ trách an toàn phải được cơ sở dịch vụ đào tạo cấp giấy chứng nhận đối với 2 khóa đào tạo nêu trên và phải được bổ nhiệm bằng văn bản của cơ sở đang công tác.

- Định kỳ 3 năm 1 lần, cơ sở phải cử nhân viên bức xạ, người phụ trách an toàn bức xạ tham dự khóa đào tạo để cập nhật lại các kiến thức về an toàn bức xạ, những quy định văn bản quy phạm pháp luật mới có liên quan nhằm bảo đảm an toàn an ninh và nâng cao chất lượng cho các hoạt động ứng dụng năng lượng nguyên tử

- Các cơ sở phải có kế hoạch để người quản lý/ chủ sơ sở tiến hành công việc bức xạ tham dự khóa đào tạo an toàn bức xạ để có trách nhiệm trong công tác quản lý của cơ sở, tăng cường công tác bảo đảm an toàn, an ninh và xây dựng văn hóa an toàn, an ninh tại cơ sở. Đây cũng là một trong những căn cứ quan trọng để thẩm định, xem xét đánh giá đối với các hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ, chứng chỉ nhân viên bức xạ. Hiện tại có 14 cơ sở đã được Cục cấp giấy đăng ký hoạt động dịch vụ đào tạo ATBX. Nhìn chung các cơ sở đã chấp hành tốt các quy định tại Thông tư 34/2014/TT-ATBXHN tổ chức đào tạo và cấp chứng nhận đào tạo an toàn bức xạ cho các cơ sở, cá nhân theo loại hình tiến hành công việc bức xạ, các hoạt động đào tạo ATBX dần dần đi vào nề nếp. Năm 2018, Cục ATBXHN đã tổ chức đoàn kiểm tra, giám sát các hoạt động đào tạo ATBX của hầu hết các tổ chức dịch vụ. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, giám sát, đoàn đã trực tiếp nhắc nhở các cơ sở đào tạo về các tồn tại; các cơ sở đào tạo đã hứa chấn chỉnh và hoàn thiện các tồn tại ngay. Đoàn cũng đã có báo báo lên Cục trưởng Cục ATBXHN về kết quả kiểm tra giám sát.

**4. Hoạt động đào tạo nhân lực của Cơ quan pháp quy hạt nhân**

Sau khi Quốc hội thông qua nghị quyết dừng chủ trương đầu tư Dự án Điện hạt nhân Ninh Thuận, Cục ATBXHN tiếp tục phối hợp với IAEA và các đối tác quốc tế khác như EC, Nhật Bản, Liên bang Nga, Hoa Kỳ,...tổ chức một số khoá đào tạo cho cán bộ của Cục ATBXHN, Viện NLNT Việt Nam, Cục Năng lượng nguyên tử và Tập đoàn Điện lực Việt Nam ở trong nước và nước ngoài. Kinh phí thực hiện các khóa đào tạo trong nước do phía đối tác tài trợ, phía Việt Nam chi kinh phí tổ chức lớp học; với các khóa đào tạo tại nước ngoài, phía đối tác chịu toàn bộ kinh phí. Thông qua các khóa đào tạo này, cán bộ trong lĩnh vực Năng lượng nguyên tử đã nâng cao trình độ và kỹ năng, từng bước đáp ứng các yêu cầu chuyên môn theo từng vị trí việc làm.

# XIII. HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN

Thông tin, tuyên truyền là một trong những chức năng, nhiệm vụ của Cục ATBXHN. Cụ thể:

1. Duy trì hệ thống thông tin quốc gia về an toàn, an ninh và thanh sát hạt nhân;
2. Thực hiện hoạt động thông tin khoa học và thông tin đại chúng về an toàn, an ninh và thanh sát hạt nhân.

Trong năm 2018, Cục ATBXHN đã triển khai nhiều hoạt động thông tin, tuyên truyền về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân; an ninh nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân, cơ sở hạt nhân và thanh sát hạt nhân nhằm thông tin kịp thời cho các cấp Lãnh đạo, các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan tổ chức có liên quan cũng như nâng cao hiểu biết, nhận thức của đông đảo quần chúng nhân dân, góp phần phục vụ công tác quản lý nhà nước về ATBXHN cũng như đảm bảo sự công khai minh bạch của cơ quan pháp quy hạt nhân quốc gia.

1. **Thông tin tuyên truyền phổ biến pháp luật**

Công tác thông tin tuyên truyền phổ biến pháp luật đã được chú trọng trong thời gian qua. Các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử được cập nhật đầy đủ trên Cổng thông tin điện tử của Bộ và của CụcATBXHN. Các văn bản mới được phổ biến tới các đối tượng chịu sự tác động chính là các cơ sở bức xạ.

1. **Xuất bản các ấn phẩm của cơ quan pháp quy hạt nhân**

Cục đã xây dựng Báo cáo công tác quản lý nhà nước về ATBXHN năm 2017. Đây là tài liệu mà cơ quan pháp quy hạt nhân phải báo cáo hàng năm lên Lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Chính phủ và các thành viên Chính phủ, Hội đồng ATHNQG, Hội đồng phát triển ứng dụng NLNT quốc gia, các Bộ, ngành và các đối tượng có liên quan. Báo cáo đã đánh giá tình hình chung về công tác xây dựng VBQPPL, cấp phép, thanh tra, an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân, an ninh và thanh sát hạt nhân, ứng phó sự cố, thông tin và đào tạo, hợp tác quốc tế,... cũng như cung cấp các thống kế hoạt động cấp phép, danh sách các đơn vị thanh tra, quản lý liều chiếu xạ của nhân viên bức xạ trong cả nước, tình hình hoạt động và bảo đảm an toàn của lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt, của các cơ sở bức xạ trong lĩnh vực công nghiệp, y tế, hỗ trợ ứng dụng NLNT,... Bản điện tử Báo cáo được đưa lên Cổng thông tin điện tử của Cục.

Tập san Thông tin pháp quy hạt nhân được xây dựng và xuất bản một năm 2 số nhằm cung cấp thông tin cho bạn đọc về các hoạt động trong quản lý nhà nước về ATBXHN ở cấp Trung ương và địa phương và các bài viết chuyên sâu của các chuyên gia lĩnh vực pháp quy hạt nhân. Riêng năm 2018 chỉ xuất bản một số (số 15) với 8 bài viết.

## 3. Duy trì và cập nhật thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Cục ATBXHN

Trong năm 2018, Cổng thông tin điện tử của Cục tiếp tục duy trì với việc đăng tải đầy đủ các thông tin phục vụ công tác quản lý như các thủ tục hành chính, hướng dẫn cấp phép, VBQPPL,... và thường xuyên cung cấp tin tức về hoạt động của Cục, tin tức trong và ngoài nước trong lĩnh vực NLNT, các tài liệu về an toàn, an ninh và thanh sát hạt nhân, các bài viết nghiên cứu chuyên sâu, ý kiến trao đổi của các nhà quản lý, nhà khoa học. Trang tiếng Anh cũng được duy trì và cập nhật thông tin.

Các thông tin được đăng tải đầy đủ và kịp thời, góp phần tăng cường thông tin, tuyên truyền và phổ biến kiến thức về ATBXHN cũng như đảm bảo tính công khai, minh bạch của cơ quan pháp quy hạt nhân. Trong năm 2018 đã có 80 tin bài, 107 ảnh được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Cục. Tính đến tháng 12/2018 đã có gần 5 triệu lượt truy cập Cổng.

Năm 2018, Cục cung cấp cho Cổng thông tin điện tử của Bộ 29 tin (vượt chỉ tiêu so với yêu cầu, mỗi đơn vị cung cấp trung bình 2 tin/tháng).

## 4. Hoạt động thông tin khoa học phục vụ công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân

Trong năm vừa qua, Cục đã có những hoạt động thông tin khoa học phục vụ công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ hạt nhân:

- Thu thập, tổ chức bảo quản và phân loại vốn tài liệu khoa học theo loại hình và nội dung tài liệu.

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của thư viện, từng bước xây dựng thư viện hiện đại, đáp ứng được nhu cầu tin của cán bộ trong cơ quan

- Xây dựng, từng bước phân loại và quản lý và vận hành các CSDL về sách, tạp chí, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến an toàn bức xạ và hạt nhân.

- Phát triển nguồn lực thông tin và các dịch vụ thông tin theo hướng hiện đại hóa, trong đó chú trọng vào các nguồn thông tin điện tử và các nguồn thông tin số hóa.

Hiện nay, Thư viện Cục đã có được một số lượng tài liệu bao gồm:

+ Tài liệu văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân

+ Tài liệu dạng tệp dữ liệu từ các hội thảo, các khóa đào tạo trong lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân.

Trong thời gian tới, Thư viện Cục An toàn bức xạ và hạt nhân sẽ tiếp tục xây dựng, đẩy mạnh phát triển thư viện số, hiện đại phù hợp với tình hình phát triển không ngừng của công nghệ thư viện, phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dùng bằng việc liên kết và phát triển nguồn tài liệu số với các đơn vị có số lượng tạp chí chuyên ngành lớn như Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc Gia nhằm cung cấp cho cán bộ nhiều loại hình tài liệu (truyền thống, tài liệu văn bản điện tử, âm thanh, hình ảnh,...). Tổ chức bảo quản, phân loại vốn tài liệu khoa học một cách hệ thống. Đưa thông tin đến với người dùng thông qua nhiều kênh khác nhau, người dùng có thể khai thác trực tiếp hoặc gián tiếp nguồn thông tin của thư viện thông qua Internet. Đồng thời cũng sẽ tổ chức các loại hình dịch vụ cung ứng thông tin đa dạng như: dịch vụ cung cấp thông tin qua mạng, dịch vụ cung cấp tài liệu tham khảo hoặc theo chuyên đề.

## 5. Kết luận và đề xuất

Tuy còn khó khăn về cơ sở hạ tầng thông tin cũng như hạn chế về nguồn nhân lực, trong những năm qua, hoạt động thông tin pháp quy hạt nhân đã có những bước phát triển, các hoạt động triển khai tăng cả về số lượng và chất lượng, góp phần phục vụ công tác quản lý nhà nước về ATBXHN.

Trong thời gian tới, trước những yêu cầu và thách thức mới nhằm nâng cao nhận thức về bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phòng xạ thì cần tăng cường hơn nữa các hoạt động thông tin tuyên truyền về an toàn bức xạ và hạt nhân đáp ứng nhu cầu thông tin ngày càng tăng và cho các đối tượng khác nhau, góp phần nâng cao nhận thức về ATBXHN, nâng cao văn hóa an toàn, tạo niềm tin của công chúng đối với cơ quan pháp quy. Một số đề xuất cụ thể như sau:

* Cơ quan pháp quy cần xây dựng một chiến lược truyền thông dài hạn với việc xác định rõ các mục tiêu, giá trị, nguyên tắc, đối tượng và hoạt động;
* Xây dựng các quy trình về thông tin để tạo thuận lợi cho việc triển khai và phối hợp triển khai giữa các đơn vị trong Cục;
* Thông tin trong trường hợp khẩn cấp cần đươc nghiên cứu, chuẩn bị và thực hành;
* Xem xét việc sử dụng các công cụ truyền thông mới như mạng xã hội.

# XIV. HỢP TÁC QUỐC TẾ

Tổng quan về hoạt động hợp tác quốc tế về an toàn, an ninh và không phổ biến hạt nhân

Trong năm 2018, Cục ATBXHN tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế (HTQT) song phương và đa phương, tập trung chủ yếu vào việc nâng cao năng lực cán bộ và góp phần củng cố công tác đảm bảo an toàn, an ninh và không phổ biến hạt nhân. Có thể nói, hoạt động HTQT của Cục đang bước vào giai đoạn mới, chú trọng hơn đến chất lượng và hiệu quả hợp tác, đóng góp thiết thực cho các hoạt động quản lý nhà nước của Cục. Các kết quả tiêu biểu:

- Đề xuất xây dựng dự án hợp tác kỹ thuật với IAEA giai đoạn 2020-2021 về tăng cường cơ sở hạ tầng pháp quy đối với các ứng dụng trong y tế và công nghiệp tại Việt Nam.

- Tiếp tục thực hiện các hoạt động thuộc khuôn khổ các Dự án hỗ trợ kỹ thuật TC/VIE, các Dự án hợp tác khu vực IAEA/RAS, Mạng lưới An toàn hạt nhân Châu Á (ANSN), Diễn đàn hợp tác pháp quy (RCF);

- Điều phối và triển khai thực hiện 04 dự án hợp tác quốc tế tiêu biểu: i) Dự án hợp tác với EC VN3.01/13 “Hỗ trợ kỹ thuật nâng cao khung pháp lý về an toàn hạt nhân và tăng cường năng lực cho Cơ quan pháp quy của Việt Nam và Tổ chức hỗ trợ kỹ thuật của Cơ quan pháp quy” (10 Hội thảo và Khóa đào tạo tại Hà Nội); (ii) Dự án hợp tác với USDOE/NNSA về quản lý sự cố bức xạ hạt nhân và năng lực ứng phó sự cố; (iii) Dự án hợp tác với USDOE/NNSA về tăng cường an ninh của các nguồn phóng xạ có hoạt độ cao tại Việt Nam (08 Hội thảo tại Hà Nội); (iv) Sáng kiến của Liên minh Châu Âu (EU) về thiết lập Trung tâm hợp tác tiên tiến (CoE) trong khu vực Đông Nam Á nhằm phòng chống và giảm thiểu các nguy cơ liên quan đến hóa học, sinh học, phóng xạ và hạt nhân (CBRN) (05 Hội thảo và Khóa tập huấn).

- Tổ chức thành công 12 hội nghị, hội thảo và khóa tập huấn (đạt khoảng 80% kế hoạch năm 2018);

- Làm thủ tục và chủ trì tổ chức đón tiếp 14 đoàn chuyên gia vào làm việc (đạt khoảng 80% kế hoạch năm);

- Tư vấn và làm thủ tục cho khoảng hơn 400 lượt cán bộ đi công tác nước ngoài (số lượng tương đương so với năm 2017).

Tư vấn và làm thủ tục cho hơn 200 lượt cán bộ đi công tác nước ngoài (số lượng tương đương so với năm 2017). Phòng HTQT cũng tiến hành các thủ tục cử cho các đoàn ra quan trọng như: Đại hội đồng lần thứ 61 Cơ quan Năng lượng quốc tế IAEA, các Đoàn tham dự họp Điều phối viên các Dự án: EC/VN3.01/13, ANSN, RCF, ASEANTOM, CBRN v.v.

Cụ thể, các hoạt động HTQT đã triển khai trong năm 2018 như sau:

## 1. Hợp tác đa phương

### *1.1. Hợp tác với IAEA*

*a) Tình hình thực hiện:*

- Cục đã cử khoảng 150 lượt cán bộ tham dự các Hội thảo, Cuộc họp, khóa học do IAEA tổ chức liên quan đến an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, ứng phó sự cố, quản lý chất thải phóng xạ và các hoạt động quản lý khác thuộc chức năng và nhiệm vụ của Cục; và tổ chức đón tiếp 09 đoàn chuyên gia vào làm việc và phối hợp với Cục tổ chức các Hội thảo, khóa học về các lĩnh vực chuyên môn có liên quan.

- Tiếp tục thực hiện các Dự án hợp tác kỹ thuật của Cục với IAEA:

+ Triển khai Dự án VIE9019 bao gồm: (i) tổ chức 01 đoàn cấp cao do Lãnh đạo Cục làm trưởng đoàn đi thăm quan khoa học tại Trung Quốc và Nga để học tập về vấn đề quan trắc phóng xạ môi trường và thanh tra pháp quy lò phàn ứng nghiên cứu; (ii) gửi 01 cán bộ đi thực tập chuyên môn về quản lý dự án tại IAEA, Viên, Áo trong thời gian 02 tháng nhằm nâng cao năng lực quản lý cho cơ quan pháp quy; (iii) gửi 01 cán bộ đi thực tập chuyên môn tại Malaysia trong thời gian 02 tháng về bảo vệ bức xạ đối với cán bộ tiến hành công việc bức xạ, bệnh nhân và công chúng.

+ Tổ chức xây dựng đề xuất và hoàn thiện thiết kế dự án hợp tác kỹ thuật giai đoạn 2020-2021;

- Tiếp tục triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế với IAEA về an ninh hạt nhân: (i) tiếp tục trao đổi về dự án lắp đặt cổng phát hiện phóng xạ tại các sân bay quốc tế; (ii) đón 02 đoàn chuyên gia IAEA vào đề hỗ trợ đánh giá và cập nhật Kế hoạch hỗ trợ an ninh hạt nhân tích hợp (INSSP) của Việt Nam; (i) tổ chức Cuộc họp về an ninh vận chuyển.

- Triển khai thực hiện các dự án hợp tác kỹ thuật vùng (RAS) của IAEA do Cục làm điều phối: Phòng HTQT đã làm thủ tục cho 28 lượt cán bộ tham dự các Cuộc họp, hội thảo và khóa đào tạo trong khuôn khổ các Dự án RAS do Cục làm điều phối như RAS9077, RAS9078, RAS9080, RAS9081, RAS9085, RAS9086, RAS9089; tổ chức 03 Hội thảo trong các khuôn khổ dự án RAS này.

- Triển khai các hoạt động trong khuôn khổ Mạng lưới an toàn hạt nhân Châu Á (ANSN): Năm 2018, Cục đã đề cử 12 lượt cán bộ tham dự các Hội thảo, khóa đào tạo và các cuộc họp thuộc Mạng lưới ANSN. Bên cạnh đó, Cục cũng làm thủ tục đón 02 đoàn chuyên gia IAEA và đại biểu quốc tế vào tổ chức Hội thảo khu vực tại Hà Nội.

- Hợp tác 3 bên IAEA-Lào-Campuchia:

+ Từ ngày 11-13/6/2018, Cuộc họp xây dựng dự án hợp tác ba bên Việt Nam– IAEA – Campuchia/Lào tổ chức tại Viên có sự tham dự của đại diện các cơ quan có liên quan của Việt Nam, Lào/Campuchia và IAEA đã thảo luận về các lĩnh vực hợp tác, hình thức hợp tác và trách nhiệm tài chính của mỗi bên. Hiện nay, Cục ATBXHN đã triển khai bước đầu một số hoạt động hợp tác với Lào và Campuchia (cụ thể nêu ở phần hợp tác song phương với Lào và Campuchia).

*b) Đánh giá kết quả:*

Quan hệ hợp tác giữa Cục và IAEA trong nhiều năm qua luôn được lãnh đạo Cục chú trọng như một trong những quan hệ hợp tác trọng yếu. Các hoạt động được thực hiện đã góp phần quan trọng hỗ trợ Cục trong xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, tăng cường năng lực kỹ thuật thông qua hoạt động đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng kế hoạch xây dựng và phát triển cơ quan pháp quy hạt nhân.

### *1.2. Hợp tác với Liên minh Châu Âu*

1.2.1. Triển khai Dự án hợp tác song phương với Uỷ bản Châu Âu VN3.01/13

*a) Tình hình thực hiện*

- Hợp tác trong khuôn khổ dự án VN3.01/13: trong năm 2018, Cục tổ chức đón tiếp 09 đoàn chuyên gia EC vào Việt Nam để tổ chức các hội thảo, khóa đào tạo trong khuôn khổ Dự án, 01 đoàn chuyên gia EC vào thực hiện nhiệm vụ đánh giá độc lập về việc triển khai và tính hiệu quả của Dự án. Bên cạnh đó, Cục đã cử 05 đoàn cán bộ của Việt Nam tham dự các khóa tập huấn, đào tạo thực hành tại các quốc gia Châu Âu nhằm học hỏi kinh nghiệm của các quốc gia EU trong việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, giám sát phóng xạ môi trường, quản lý chất thải phóng xạ, v.v và 01 đoàn cán bộ Việt Nam tham dự Cuộc họp tiến độ dự án tại Bỉ (tháng 9/2018) nhằm đánh giá tiến độ thực hiện dự án, rà soát các hoạt động còn lại của dự án cũng như đề xuất về việc tổ chức Cuộc họp kết thúc dự án vào tháng 4/2019.

*b) Đánh giá kết quả*

Các hoạt động hợp tác trong khuôn khổ Dự án VN3.01/13 đã hỗ trợ thiết thực cho Cục ATBXHN trong việc hoàn thiện hạ tầng quốc gia về pháp quy, hỗ trợ Cục xây dựng các quy trình, thủ tục nội bộ và nâng cao năng lực cán bộ cho cơ quan pháp quy hạt nhân của Việt Nam cũng như tạo cơ hội cho các cán bộ của Cục được tham dự các hội thảo, khóa tập huấn, đào tạo nhằm chia sẻ kinh nghiệm và nâng cao năng lực cho cán bộ của Việt Nam về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân, quan trắc phóng xạ môi trường, ứng phó sự cố, v.v.

*1.2.2. Triển khai Sáng kiến CBRN*

*a) Tình hình thực hiện*

Trong khuôn khổ Sáng kiến CBRN, năm 2018, Cục đã tổ chức đón tiếp thành công 06 đoàn chuyên gia EU vào triển khai các hoạt động trong khuôn khổ Sáng kiến. Bên cạnh đó, Cục cũng đã điều phối cử 01 đoàn cán bộ của Việt Nam tham dự Hội nghị thường niên của các Điều phối viên quốc gia trong khuôn khổ Sáng kiến; 01 đoàn cán bộ Việt Nam tham dự Lễ kỷ niệm lần thứ 5 của Ban thư ký Sáng kiến CBRN khu vực Đông Nam Á; 03 đoàn cán bộ Việt Nam tham dự các cuộc họp, khóa đào tạo nhằm nâng cao năng lực cán bộ về giảm thiểu nguy cơ hóa học, sinh học, phóng xạ và hạt nhân. Đặc biệt, 01 cán bộ Phòng HTQT đã được mời tham dự 03 đoàn ra với vai trò Chuyên gia khu vực sang Lào, Myanmar, Philipines tham dự các hoạt động trong khuôn khổ Sáng kiến khu vực Đông Nam Á (Hội thảo thuộc Dự án số 46 của Sáng kiến tại Myanmar, Cuộc họp Kết thúc Dự án số 46 tại Lào, Hội thảo Kế hoạch triển khai Kế hoạch hành động quốc gia về CBRN của Philipines).

*b) Đánh giá kết quả*

Nhìn chung, các hoạt động hợp tác với Liên minh châu Âu trong khuôn khổ Sáng kiến CBRN đã tạo cơ hội cho cán bộ của Cục và các bộ ngành có liên quan được đào tạo, nâng cao nhận thức, năng lực chuyên môn và trình độ, hỗ trợ Việt Nam hoàn thiện khung pháp lý và xây dựng các quy định nội bộ về phòng chống các nguy cơ về hóa học, sinh học, phóng xạ và hạt nhân, điều này đặc biệt có ý nghĩa trong quá trình Việt Nam xây dựng và hiện tại đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về phòng ngừa, phát hiện và ứng phó với các nguy cơ và sự cố CBRN, giai đoạn 2018-2025.

*1.2.3. Triển khai Dự án INSC Training and Tutoring*

*a) Tình hình triển khai*

Năm 2018, Cục đã làm thủ tục đề cử 22 lượt (37 cán bộ) tham dự các khóa đào tạo, tập huấn từ 1 tuần đến 2 tháng về khung pháp luật và pháp quy, ứng phó sự cố, thanh tra, an toàn hạt nhân v.v. tại các quốc gia phát triển như: Pháp, Ý, Phần Lan, Slovenia, Singapore, v.v do 02 đơn vị tổ chức thực hiện là Viện Đào tạo an toàn hạt nhân Châu Âu (ENSTTI) và Công ty Thẩm định và đánh giá kỹ thuật độc lập (ITER-CONSULT).

*b) Đánh giá kết quả*

Các hoạt động hợp tác trong khuôn khổ Dự án INSC Training and Tutoring đã hỗ trợ thiết thực cho Cục ATBXHN trong việc nâng cao năng lực cán bộ về các lĩnh vực quản lý do Cục phụ trách.

### *1.3. Mạng lưới các cơ quan pháp quy về năng lượng nguyên tử của các quốc gia khu vực Đông Nam Á*

Với mục đích tăng cường hợp tác giữa Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và IAEA trong lĩnh vực ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình và góp phần đảm bảo duy trì mục tiêu của ASEAN về một khu vực Đông Nam Á phi vũ khí hạt nhân, ASEAN và IAEA đã trao đổi, thống nhất xây dựng Thỏa thuận dàn xếp giữa ASEAN và IAEA về hợp tác trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và ứng dụng hạt nhân, an toàn, an ninh và thanh sát hạt nhân. Mạng lưới Cơ quan pháp quy về năng lượng nguyên tử của các quốc gia khu vực Đông Nam Á (ASEANTOM) được giao là đơn vị đầu mối xây dựng thỏa thuận này. Dự kiến, Tổng thư ký ASEAN, ông Dato Lim Jock Hoi, sẽ thay mặt Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN, ký bản thoản thuận với Tổng Giám đốc IAEA.

Bên cạnh đó, tại Cuộc họp thường niên lần thứ 5 của ASEANTOM tổ chức tại Singapore vào tháng 6/2018, nhất trí với đề xuất của đại diện Cục ATBXHN, ASEANTOM đã thống nhất đưa vào Chương trình hành động của ASEANTOM về đề xuất xây dựng Hệ thống trạm quan trắc phóng xạ cảnh báo sớm cho khu vực Đông Nam Á đặt tại Việt Nam. Hiện tại, Việt Nam đang tiến hành trao đổi với Ủy ban Châu âu (EC) về số lượng các trạm quan trắc sẽ được cung cấp cho Việt Nam.

### *1.4. Tổ chức cấm thử vũ khí hạt nhân toàn diện (CTBTO)*

Với vai trò là đầu mối quốc gia với CTBTO, Cục đã tiếp nhận thông tin về các hội thảo, cuộc họp, khóa đào tạo do CTBTO tổ chức. Trong năm 2018, Cục đã làm thủ tục cho 16 lượt cán bộ Cục và các cơ quan có liên quan đến CTBT trong giám sát và xử lý số liệu IDC/NDC tham gia các hội thảo và thử nghiệm do CTBTO tổ chức.

## 2. Hợp tác song phương

### *2.1. Hợp tác với Hoa Kỳ*

*a) Tình hình thực hiện*

Trong năm 2018, hoạt động hợp tác với Hoa Kỳ tiếp tục được triển khai tích cực, cụ thể: Cục đã tổ chức đón tiếp 05 đoàn của Văn phòng An ninh nguồn phóng xạ của Chương trình Chống phổ biến hạt nhân quốc phòng (DNN ORS) thuộc Bộ Năng lượng Hoa Kỳ. Trong khuôn khổ hợp tác này, khoảng 100 cán bộ làm việc trong lĩnh vực an ninh nguồn phóng xạ của cơ quan pháp quy, cơ sở vận hành và cơ quan liên quan (như Sở KH&CN địa phương, công an địa phương,..) đã được đào tạo và thực hành liên quan đến công tác an ninh nguồn phóng xạ. Bên cạnh đó, Cục cũng đã đón tiếp 04 đoàn chuyên gia của Cơ quan An ninh hạt nhân quốc gia (NNSA) thuộc Bộ Năng lượng Hoa Kỳ tổ chức các hoạt động đào tạo về an ninh mạng và kế hoạch ứng phó sự cố cơ sở bức xạ và hạt nhân.Thông qua trao đổi hợp tác song phương, 02 cán bộ của Việt Nam đã được Cơ quan An ninh hạt nhận quốc gia đài thọ kinh phí để tham dự khóa đào tạo sử dụng thiết bị phát hiện phóng xạ tại Hoa Kỳ trong tháng 9/2018.

*b) Đánh giá kết quả*

Các hoạt động hợp tác với Hoa Kỳ được tổ chức thành công và đạt được hiệu quả tốt, quan hệ hợp tác với các đối tác tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh trong các lĩnh vực an ninh, thanh sát hạt nhân và đào tạo nguồn nhân lực trong những chuyên ngành này. Các khóa đào tạo đều nhận được phản hồi tích cực từ các học viên và có nguyện vọng được tham gia các khóa đào tạo tương lai gần.

Các Thỏa thuận đã ký kết có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc nâng cao năng lực cán bộ của Cục, góp phần thắt chặt quan hệ hợp tác giữa hai quốc gia Việt Nam - Hoa Kỳ, đặc biệt trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và phát triển năng lượng sạch, đồng thời khẳng định Việt Nam sẽ ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình đảm bảo an toàn và an ninh*.*

### *2.2. Hợp tác với Nhật Bản*

*a) Tình hình thực hiện*

Trong năm 2018, Cục đã tổ chức đón tiếp 01 đoàn chuyên gia Công ty phát triển năng lượng nguyên tử quốc tế Nhật Bản (JINED) vào tổ chức hội thảo khoa học nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ của Cục trong việc xây dựng khung pháp quy cho lò phản ứng nghiên cứu; tiếp xã giao 01 đoàn chuyên gia Cơ quan Năng lượng nguyên tử Nhật Bản (JAEA) vào trao đổi đẩy mạnh hợp tác đào tạo nhân lực trong lĩnh vực năng lượng hạt nhân.

Năm 2018, Cục đã cử 04 đoàn cán bộ của Cục sang tham dự các hội nghị, hội thảo, khóa tập huấn tại Nhật Bản về các lĩnh vực Cục quản lý.

*b) Đánh giá kết quả*

Trong năm 2018, các hoạt động hợp tác với Nhật Bản chủ yếu là các hoạt động thường niên theo kế hoạch và các hoạt động cử cán bộ tham dự các hội thảo, khóa đào tạo nhằm nâng cao năng lực cán bộ của Cục. Trong năm 2019, Cục cần triển khai nhiều hoạt động hợp tác hơn nữa với Nhật Bản, đặc biệt trong việc nâng cao năng lực cho cán bộ trong việc xây dựng khung pháp quy cho lò phản ứng nghiên cứu.

### *2.3. Hợp tác với Liên bang Nga*

*a) Tình hình thực hiện*

Năm 2018, Cục ATBXHN vẫn tiếp tục tăng cường hợp tác trong lĩnh vực quản lý an toàn bức xạ và hạt nhân trong việc sử dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình với các đối tác của Liên bang Nga. Cụ thể, từ ngày 16-17/7/2018, Cục đã tổ chức 01 đoàn ra trong khuôn khổ VIE9019 thăm quan khoa học tại Liên bang Nga để ký Nghị định thư sửa đổi Thỏa thuận hợp tác giữa Cơ quan giám sát Môi trường, Công nghiệp và Hạt nhân Liên bang Nga (Rostechnadzor) và Cục ATBXHN về pháp quy an toàn bức xạ và hạt nhân trong sử dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình ký ngày 31/10/2010; trao đổi với một số đơn vị quản lý và hỗ trợ kỹ thuật của Rostechnadzor trong hợp tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về lò phản ứng nghiên cứu và hỗ trợ kỹ thuật giữa hai cơ quan pháp quy hai nước.

*b) Đánh giá kết quả*

Hoạt động hợp tác với Liên bang Nga năm 2018 còn hạn chế, không có nhiều hoạt động. Trong năm tới, Cục cần đẩy mạnh hợp tác trong việc xây dựng các văn bản pháp quy cho các cơ sở hạt nhân nghiên cứu, đặc biệt trong giai đoạn chuẩn bị cho lò phản ứng nghiên cứu mới tại Việt Nam.

### *2.4. Hợp tác với Trung Quốc*

*a) Tình hình thực hiện*

Thực hiện Bản ghi nhớ hợp tác với Trung Quốc về an toàn hạt nhân, năm 2018 Cục ATBXHN đã tổ chức 01 đoàn cán bộ quản lý và ký thuật ngành năng lượng nguyên tử sang thăm và làm việc với Cục Quản lý an toàn hạt nhân quốc gia Trung Quốc (NNSA) để trao đổi về các nội dung hợp tác: pháp quy an toàn hạt nhân, quan trắc phóng xạ môi trường và ứng phó sự cố. Đây là hoạt động hợp tác song phương chính thức đầu tiên kể từ khi hai Bên ký Bản Ghi nhớ hợp tác (MOU) về quản lý pháp quy an toàn hạt nhân năm 2017. Phía Trung Quốc khẳng định ủng hộ các đề xuất hợp tác của Việt Nam trong lĩnh vực an toàn hạt nhân, công nghệ Điện hạt nhân và hỗ trợ Việt Nam trong việc đào tạo nguồn nhân lực và ứng phó sự cố hạt nhân.

*b) Đánh giá kết quả*

Qua các buổi làm việc với lãnh đạo, các chuyên gia của NNSA cho thấy phía Trung Quốc tôn trọng và mong muốn thúc đẩy hợp tác với Việt Nam trong lĩnh vực an toàn hạt nhân, sẵn sàng hỗ trợ Việt Nam trong công tác đào tạo nguồn nhân lực và khẳng định công nghệ ĐHN của Trung Quốc tiên tiến, an toàn, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế. Năm 2019, Cục ATBXHN cần tích cực triển khai các nội dung hợp tác với Trung Quốc trong khuôn khổ MOU, tạo điều kiện đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu và đào tạo, trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm giữa hai nước trong lĩnh vực an toàn hạt nhân và công nghệ ĐHN.

### *2.5. Hợp tác với Hàn Quốc*

*a) Tình hình thực hiện*

Năm 2018, Cục cử 05 đoàn cán bộ tham dự các khóa đào tạo về an ninh và thanh sát hạt nhân tại Hàn Quốc

*b) Đánh giá kết quả*

Các hoạt động hợp tác với Hàn Quốc hiện mới chỉ dừng lại ở các hoạt động liên quan đến đào tạo cán bộ trong lĩnh vực an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân và kiểm soát xuất/nhập khẩu vật liệu liên quan. Trong năm tới, Cục cần tích cực triển khai hơn nữa các hoạt động trong khuôn khổ MoU giữa Cục với các cơ quan liên quan của Hàn Quốc, đặc biệt là Cơ quan An toàn và an ninh hạt nhân Hàn Quốc (NSSC).

### *2.6. Hợp tác với các quốc gia khác*

*a) Vương Quốc Anh*

Năm 2018, Cục ATBXHN cử 02 đoàn cán bộ tham dự Hội thảo về Văn hóa an ninh hạt nhân, an ninh nguồn phóng xạ và các nguyên tắc bảo vệ thực thể tại Anh (do trường Đại học King College London mời).

*b) Hợp tác với Cộng hòa Ý*

Cục ATBXHN và OSDIFE đã thống nhất nội dung các hoạt động hợp tác trong lĩnh vực an toàn, an ninh và phòng chống nguy cơ về hoá học, sinh học, phóng xạ, hạt nhân và chất nổ (CBRNe), trong đó có nhấn mạnh đến việc trao đổi thông tin, trao đổi các đoàn chuyên gia/nghiên cứu viên, và đặc biệt là các hoạt động đào tạo nguồn nhân lực.

Ngày 22/8/2018, Cục ATBXHN đã làm việc với đại diện của Trung tâm OSDIFE, ĐH Rome “Tor Vergata” về việc triển khai các hoạt động đã thống nhất trong Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa Cục và OSDIFE.

*c. Hợp tác với Lào và Campuchia*

Năm 2018, Cục đã ký với Vụ khoa học, Bộ Khoa học và công nghệ Lào Bản ghi nhớ Hợp tác (MOU) tập trung vào các lĩnh vực như: tăng cường năng lực kỹ thuật về công tác cấp phép; thẩm định, thanh tra an toàn bức xạ; khảo sát, đánh giá an toàn bức xạ; quan trắc phóng xạ môi trường và cung cấp các thiết bị ghi đo phóng xạ cần thiết cho phía Lào.

Cục đã tiếp xã giao 01 đoàn cán bộ cấp cao của Cam-pu-chia do Thứ trưởng Tun Lean làm Trưởng đoàn nhằm thảo luận về việc triển khai các hoạt động hợp tác và phía Cam-pu-chia mong muốn nhận được sự hỗ trợ từ phía Cục ATBXHN trong việc xây dựng hệ thống quản lý nhà nước về an toàn bức xạ, đào tạo cán bộ của Cam-pu-chia về cấp phép, thanh tra và thống kê khai báo nguồn phóng xạ,...

Cũng trong năm 2018, IAEA đã tiến hành một cuộc họp tham vấn tại trụ sở IAEA với mục tiêu phát triển hợp tác 3 bên giữa Việt Nam- Cam-pu-chia và Lào và vạch ra các hoạt động cụ thể cho các thỏa thuận hợp tác và thực hiện giữa 3 bên, có thể được hỗ trợ thông qua các dự án hợp tác kỹ thuật của IAEA./.

# XVI. CÁC SỰ CỐ BỨC XẠ NĂM 2018 VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

**1. Các sự cố bức xạ năm 2018**

**Sự cố container nhiễm bẩn phóng xạ của Công ty Phúc Thành**

Ngày 10/4/2018, Cục ATBHXN nhận được đề nghị phối hợp từ Tổng Cục Hải quan (TCHQ) về việc có thông báo từ phía Hoa Kỳ về container số hiệu TEMU8598553 của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu thương mại quốc tế Phúc Thành (công ty Phúc Thành), nhập khẩu lô hàng thiết bị xây dựng đã qua sử dụng từ Nhật Bản về cảng Cát Lái, TP Hồ Chí Mình có tín hiệu phóng xạ.

Cục ATBXHN đã phối hợp với TCHQ, Sở KH&CN TP Hồ Chí Minh và các cơ quan có liên quan trong việc kiểm tra, đánh giá an toàn bức xạ của container nêu trên. Các bên liên quan đã thực hiện việc đo đạc và đánh giá bên ngoài container, tuy nhiên việc đo hàng hóa bên trong container không thể thực hiện được do khó khăn phía Cảng vụ Cảng Sài Gòn khu vực 1 trong khâu bố trí nhân lực cũng như lo ngại về an toàn bức xạ, ngoài ra hiện nay hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam chưa có quy định rõ về mức phóng xạ được phép nhập khẩu hoặc buộc tái xuất đối với hàng hóa là máy móc đã qua sử dụng.

Ngày 31/12/2018, theo đề nghị của chủ hàng là Công ty Phúc Thành và sự đồng thuận của các bên liên quan, toàn bộ lô hàng trong container số hiệu TEMU8598553 đã được tái xuất về Nhật Bản.

**Sự cố phát hiện nguồn phóng xạ nằm ngoài kiểm soát tại Bình Dương**

Ngày 3/4/2018, Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Long Chi (Công ty Long Chi), địa chỉ tại Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương chở container phế liệu cung cấp cho Công ty TNHH Thép Vina Kyoie, tại KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Khi kiểm tra nguyên liệu đầu vào, Công ty Thép Vina Kyoie sử dụng thiết bị đo suất liều cầm tay phát hiện giá trị cao hơn mức phông môi trường (1.786 µSv/h) và quyết định không nhận container phế liệu trên, đồng thời thông báo cho Sở KH&CN tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công ty Long Chi sau đó chở container phế liệu về tập kết tại khu vực kho phế liệu của Công ty tại tỉnh Bình Dương.

Ngày 4/4/2018, Sở KH&CN tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu điện thoại báo Sở KH&CN Bình Dương về sự việc, Sở KH&CN Bình Dương đã phối hợp với Công ty Long Chi xác minh, tìm kiếm nguồn phóng xạ Ra-226 trong container hàng phế liệu. Đến 17h cùng ngày, Sở KH&CN Bình Dương phát hiện và lập biên bản thu hồi nguồn phóng xạ Ra-226 về lưu giữ tạm thời tại kho lưu giữ của Sở. Ngày 9/4/2018, Cục ATBXHN đã phối hợp với các cơ quan liên quan họp thống nhất phương án xử lý.

Ngày 21/06/2018, nguồn phóng xạ vô chủ được chuyển về kho lưu giữ lâu dài tại Viện Nghiên cứu hạt nhân.

**Sự cố phát hiện nguồn phóng xạ nằm ngoài kiểm soát tại công ty thép Vina Kyoei, Bà Rịa Vũng Tàu**

Ngày 21/5/2018, Sở KH&CN tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu nhận được thông báo qua điện thoại của Công ty TNHH thép Vina Kyoei về việc phát hiện suất liều bức xạ trong phế liệu của Công ty.

Ngày 22/5/2018, Sở KH&CN phối hợp với Cục ATBXHN, Công an tỉnh làm việc với Công ty Vina Kyoei tiến hành đánh giá và thu gom 01 vật thể có hình dạng giống thiết bị chụp ảnh NDT (giống dạng bình chứa nguồn phóng xạ Ir-192, suất liều cao nhất đo được là 17,56 µSv/h). Sau đó khối vật thể trên được vận chuyển và lưu giữ lâu dài tại Viện Nghiên cứu hạt nhân.

**2. Bài học kinh nghiệm**

Các sự cố nêu trên cho thấy sự cần thiết trong việc tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát an toàn bức xạ đối hàng hóa nhập khẩu và phế liệu từ nguồn trong và ngoài nước. Cùng với việc hoàn thiện các quy định pháp lý về biện pháp phát hiện phóng xạ tại cửa khẩu, tại các cơ sở nhập khẩu, tiêu thụ sắt thép phế liệu làm nguyên liệu sản xuất thì cần nâng cao nhận thức cho các đơn vị, tổ chức và cơ quan có liên quan về công tác bảo đảm an toàn bức xạ và hạt nhân tại cửa khẩu đối với các loại hàng hóa nhập khẩu nói chung và sắt théo phế liệu nói riêng có nguồn gốc từ trong nước hoặc ngoài nước.

**3. Kế hoạch tăng cường công tác bảo đảm an toàn bức xạ và hạt nhân**

Thực hiện công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ đề “Tăng cường công tác quản lý phế liệu sắt, thép và hàng hóa nhiễm xạ tại Việt Nam” đối với các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Đánh giá và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về biện pháp phát hiện phóng xạ tại cửa khẩu và các cơ sở tiêu thụ và sử dụng sắt thép phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, quy định về an toàn bức xạ đối với các mặt hàng nhập khẩu.

Xem xét cơ chế phối hợp, xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho các cơ quan, tổ chức có liên quan về công tác bảo đảm an toàn bức xạ, biện pháp phát hiện và xử lý phóng xạ.

# XVII. CÁC PHỤ LỤC

## PHỤ LỤC 1. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN, AN NINH VÀ THANH SÁT HẠT NHÂN

**(Tính đến hết tháng 12/2018 – Đang còn hiệu lực thi hành)**

| **TT** | **Văn bản** | **Số hiệu** | **Ngày thông qua/ ban hành** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **LUẬT** | | |
| 1 | Luật Năng lượng nguyên tử | 18/2008-QH 12 | 03/6/2008 |
| **II** | **NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ** | | |
|  | Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử | 07/2010/NĐ-CP | 25/01/2010 |
|  | Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về Nhà máy điện hạt nhân | 70/2010/NĐ-CP | 22/6/2010 |
|  | Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử  *(Thay thế Nghị định số 111/2009/NĐ-CP ngày 11/12/2009)* | 107/2013/NĐ-CP | 20/9/2013 |
|  | Quy định về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành khoa học và công nghệ | 213/2013/NĐ-CP | 20/12/2013 |
| **III** | **QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** | | |
|  | Thành lập, tổ chức và hoạt động của Hội đồng An toàn hạt nhân quốc gia | 446/QĐ-TTg | 07/4/2010 |
|  | Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hoà bình đến năm 2020 | 957/QĐ-TTg | 24/6/2010 |
|  | Phê duyệt Đề án “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử” | 1558/QĐ-TTg | 18/8/2010 |
|  | Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc và cảnh báo phóng xạ quốc gia đến năm 2020 | 1636/QĐ-TTg | 31/8/2010 |
|  | Phê duyệt định hướng quy hoạch địa điểm lưu giữ, chôn cất chất thải phóng xạ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 | 2376/QĐ-TTg | 28/12/2010 |
|  | Phê duyệt “Đề án Triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử” | 450/QĐ-TTg | 25/3/2011 |
|  | Danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật thuộc lĩnh vực năng lượng nguyên tử | 27/2011/QĐ-TTg | 10/5/2011 |
|  | Phê duyệt Đề án “Tăng cường năng lực nghiên cứu - triển khai và hỗ trợ kỹ thuật phục vụ phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử và bảo đảm an toàn, an ninh” | 265/QĐ-TTg | 05/3/2012 |
|  | Phê duyệt Quy hoạch phát triển chuẩn đo lường quốc gia đến năm 2020 | 1361/QĐ-TTg | 08/8/2013 |
|  | Ban hành **Kế hoạch ứng phó sự cố** bức xạ và **hạt nhân** cấp quốc gia | 884/QĐ-TTg | 16/6/2017 |
| **IV** | **THÔNG TƯ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | | |
|  | Hướng dẫn đánh giá sơ bộ về an toàn hạt nhân đối với địa điểm nhà máy điện hạt nhân trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư | 13/2009/TT-BKHCN | 20/5/2009 |
|  | Hướng dẫn việc khai báo, cấp phép và cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ | 08/2010/TT-BKHCN | 22/7/2010 |
|  | Ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn bức xạ - miễn trừ khai báo, cấp giấy phép” | 15/2010/TT-BKHCN | 14/9/2010 |
|  | Hướng dẫn thanh tra chuyên ngành an toàn bức xạ và hạt nhân | 19/2010/TT-BKHCN | 28/12/2010 |
|  | Ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn bức xạ - phân nhóm và phân loại nguồn phóng xạ” | 24/2010/TT-BKHCN | 29/12/2010 |
|  | Hướng dẫn đo lường bức xạ, hạt nhân và xây dựng, quản lý mạng lưới quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường | [27/2010/TT-BKHCN](http://www.most.gov.vn/Desktop.aspx/Van-ban-KHCN/Bo-KHCN/D8E3222A10714A7888E1D8C4472CD850/) | 30/12/2010 |
|  | Hướng dẫn thực hiện kiểm soát vật liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân nguồn | [02/2011/TT-BKHCN](http://www.most.gov.vn/Desktop.aspx/Van-ban-KHCN/Bo-KHCN/EA21AB59385841A5A7C01FD9E5775990/) | 16/3/2011 |
|  | Quy định yêu cầu về an toàn hạt nhân đối với địa điểm nhà máy điện hạt nhân | 28/2011/TT-BKHCN | 28/11/2011 |
|  | Quy định yêu cầu về bảo đảm an ninh vật liệu hạt nhân và cơ sở hạt nhân | 38/2011/TT-BKHCN | 30/12/2011 |
|  | Quy định về kiểm soát chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng | 19/2012/TT-BKHCN | 08/11/2012 |
|  | Hướng dẫn vận chuyển an toàn vật liệu phóng xạ | 23/2012/TT-BKHCN | 23/11/2012 |
|  | Quy định danh mục và yêu cầu kiểm soát vật liệu và thiết bị trong chu trình nhiên liệu hạt nhân | 25/2012/TT-BKHCN | 12/12/2012 |
|  | Hướng dẫn về nội dung, quy trình, thủ tục thẩm định báo cáo phân tích an toàn ở giai đoạn phê duyệt địa điểm nhà máy điện hạt nhân | 29/2012/TT-BKHCN | 19/12/2012 |
|  | Quy định yêu cầu về an toàn hạt nhân đối với thiết kế nhà máy điện hạt nhân | 30/2012/TT-BKHCN | 28/12/2012 |
|  | Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mạng lưới quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường quốc gia | 16/2013/TT-BKHCN | 30/7/2013 |
|  | Hướng dẫn thực hiện quy định về khai báo của Nghị định thư bổ sung của Hiệp định giữa nước CHXHCN Việt Nam và Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế về việc áp dụng thanh sát theo Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân | 17/2013/TT-BKHCN | 30/7/2013 |
|  | Quy định quy trình, thủ tục kiểm tra, thanh tra an toàn hạt nhân trong quá trình khảo sát, đánh giá địa điểm nhà máy điện hạt nhân | 20/2013/TT-BKHCN | 06/9/2013 |
|  | Quy định việc áp dụng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về an toàn hạt nhân trong lựa chọn địa điểm, thiết kế, xây dựng, vận hành và tháo gỡ tổ máy điện hạt nhân | 21/2013/TT-BKHCN | 12/9/2013 |
|  | Quy định nội dung Báo cáo phân tích an toàn trong hồ sơ phê duyệt dự án đầu tư xây dựng nhà máy điện hạt nhân | 08/2014/TT-BKHCN | 26/5/2014 |
|  | *(Thông tư liên tịch với Bộ Y tế)* Quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế | 13/2014/TT-BKHCN-BYT | 09/6/2014 |
|  | Hướng dẫn quản lý chất thải, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng | 22/2014/TT-BKHCN | 25/8/2014 |
|  | [Quy định việc chuẩn bị ứng phó và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân, lập và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân](http://varans.vn/van-ban/150/25/2014/TT-BKHCN.html)  *(Thay thể Thông tư 24/2012/TT-BKHCN ngày 04/12/2012)* | 25/2014/TT-BKHCN | [08/10/2014](http://varans.vn/van-ban/150/25/2014/TT-BKHCN.html) |
|  | Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 107/2013/NĐ-CP ngày 20/9/ 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử  *(Thay thế Thông tư số 26/2010/TT-BKHCN ngày 29/12/2010)* | 27/2014/TT-BKHCN | 10/10/2014 |
|  | Quy định về đào tạo an toàn bức xạ đối với nhân viên bức xạ, người phụ trách an toàn và hoạt động dịch vụ an toàn bức xạ | 34/2014/TT-BKHCN | 22/11/2014 |
|  | Quy định về phân tích an toàn đối với nhà máy điện hạt nhân | 12/2015/TT-BKHCN | 08/7/2015 |
|  | Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị chụp X quang tổng hợp dùng trong y tế | 28/2015/TT-BKHCN | 30/12/2015 |
|  | Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị chụp cắt lớp vi tính dùng trong y tế | 02/2016/TT-BKHCN | 25/3/2016 |
|  | Quy định về thẩm định báo cáo đánh giá an toàn bức xạ trong hoạt động thăm dò, khai thác quặng phóng xạ | 04/2016/TT-BKHCN | 04/4/2016 |
|  | Quy định về việc cấp Giấy đăng ký và cấp Chứng chỉ hành nghề đối với một số hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử | 06/2016/TT-BKHCN | 22/4/2016 |
|  | Quy định về nội dung báo cáo phân tích an toàn trong hồ sơ cấp phép xây dựng nhà máy điện hạt nhân | 10/2016/TT-BKHCN | 13/6/2016 |
|  | Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với máy gia tốc tuyến tính dùng trong xạ trị | 15/2017/TT-BKHCN | 05/12/2017 |
|  | Sửa đổi Thông tư liên tịch 13/ 2014/TTLT-BKHCN-BYT quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế | 13/2018/TT-BKHCN | 05/9/2018 |
|  | Ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị X-quang dùng trong y tế | 14/2018/TT-BKHCN | 15/11/2018 |
| **V** | **THÔNG TƯ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG** | | |
| 1 | Quy định nội dung, quy trình thẩm định và phê duyệt thiết kế công trình nhà máy điện hạt nhân | 23/2013/TT-BCT | 18/10/2013 |
| 2 | Quy định danh mục, quản lý, sử dụng hồ sơ tài liệu liên quan đến nhà máy điện hạt nhân | 24/2013/TT-BCT | 21/10/2013 |
| **VI** | **THÔNG TƯ CỦA BỘ TÀI CHÍNH** | | |
| 1 | *(Thông tư liên tịch với Bộ KH&CN)* Hướng dẫn cơ chế phối hợp và xử lý trong việc kiểm tra, phát hiện chất phóng xạ tại các cửa khẩu | 112/2015/TTLT-BTC-BKHCN | 29/7/2015 |
| 2 | Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử | 287/2016/TT-BTC | 15/11/2016 |

## PHỤ LỤC 2. HOẠT ĐỘNG CẤP PHÉP CỦA CƠ QUAN PHÁP QUY HẠT NHÂN NĂM 2018

1. **Tình trạng cấp phép và thống kê giấy phép đã cấp năm 2018**

Theo thống kê, hiện tại Việt Nam có khoảng 1500 cơ sở tiến hành công việc bức xạ trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: công nghiệp, y tế (ngoại trừ các cơ sở X quang y tế), nông nghiệp, nghiên cứu, đào tạo, …

Theo phân cấp về hoạt động cấp phép trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, Cục ATBXHN cấp phép hoặc tổ chức thẩm định trình Bộ KH&CN cấp phép đối với tất cả các lĩnh vực ngoại trừ các thiết bị X quang chẩn đoán trong y tế, cụ thể

- Số giấy phép đã cấp trong năm 2018: 964 giấy phép;

- Thẩm định và trình Bộ KH&CN cấp trong năm 2018: 26 giấy phép

- Số giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT cấp trong năm 2018: 67 giấy đăng ký;

- Số chứng chỉ nhân viên bức xạ cấp trong năm 2018: 731 chứng chỉ nhân viên bức xạ;

- Số chứng chỉ hành nghề dịch vụ cấp trong năm 2018: 98 chứng chỉ.

1. **Thống kê số giấy phép đã cấp năm 2018 theo lĩnh vực**

**a) Kết quả thống kê giấy phép đã cấp trong năm 2018 theo các lĩnh vực do Bộ KHCN: 25 giấy phép**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên cơ sở** | **Loại hình** | **Số Giấy phép** | **Ngày cấp** |
|  | Bệnh viện Chợ Rẫy | Vận hành 02 máy gia tốc tuyến tính | 04/GP-BKHCN | 24/01/2018 |
|  | Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh | Gia hạn Giấy phép 02/GP-BKHCN - Sử dụng 02 mày gia tốc | 03/GP-BKHCN | 19/01/2018 |
|  | Trung tâm Nghiên cứu và triển khai công nghệ bức xạ | Gia hạn 04/GP-BKHCN - cấp giấy phép chiếu xạ, khử trùng (01 máy gia tốc) | 06/GP-BKHCN | 25/01/2018 |
|  | Bệnh viện Nhi đồng TP. Hồ Chí Minh | Vận hành 01 máy gia tốc trong xạ trị | 12/GP-BKHCN | 09/4/2018 |
|  | Công ty cổ phần khoáng sản Biotan | Xuất khẩu và vận chuyển 01 nguồn 05 kiện vật liệu hạt nhân nguồn có mức độ nguy hiểm dưới trung bình | 07/GP-BKHCN | 30/01/2018 |
|  | Cục Hải quan TP. Đà Nẵng | Sửa giấy phép 12/GP-BKHCN - Sửa địa chỉ + hồ sơ gia hạn | 11/GP-BKHCN | 05/4/2018 |
|  | Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất | Sửa đổi giấy phép 10/GP-BKHCN vận hành máy gia tốc | 10/GP-BKHCN | 15/3/2018 |
|  | Bệnh viện Ung bướu Hà Nội | Gia hạn giấy phép 14/GP-BKHCN - Sử dụng 01 thiết bị xạ trị áp sát dùng nguồn phóng xạ | 16/GP-BKHCN | 22/5/2018 |
|  | Công ty TNHH Một thành viên Bệnh viện đa khoa Hợp Lực Thanh Hóa | Xây dựng cơ sở bức xạ | 14/GP-BKHCN | 26/4/2018 |
|  | Công ty TNHH Y tế Viễn Đông Việt Nam | Gia hạn giấy phép 16/GP-BKHCN - Vận hành 01 máy gia tốc tuyến tính trong xạ trị từ xa | 18/GP-BKHCN | 25/6/2018 |
|  | Chi nhánh Công ty TNHH Bolleré Logistics Việt Nam | Vận chuyển quá cảnh 01 chuyến hàng | 19/GP-BKHCN | 26/6/2018 |
|  | Bệnh viện Bãi Cháy | vận hành 01 máy gia tốc trong xạ trị ung thư | 26/GP-BKHCN | 20/8/2018 |
|  | Chi nhánh Công ty TNHH Bolleré Logistics Việt Nam | Sửa Giấy phép 19/GP-BKHCN - sửa mã số liên hợp quốc | 23/GP-BKHCN | 01/8/2018 |
|  | Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng | Sửa giấy phép 39/GP-BKHCN - sửa địa chỉ Bệnh viện | 48/GP-BKHCN | 18/12/2018 |
|  | Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai | Gia hạn giấy phép 24/GP-BKHCN - Sử dụng 01 máy gia tốc | 33/GP-BKHCN | 10/10/2018 |
|  | Bệnh viện Ung bướu TP. Hồ Chí Minh | Vận hành 02 máy gia tốc trong điều trị | 35/GP-BKHCN | 12/10/2018 |
|  | Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh | Gia hạn giấy phép 29/GP-BKHCN - Sử dụng 02 máy gia tốc | 39/GP-BKHCN | 25/10/2018 |
|  | Bệnh viện Truyền máu -huyết học | Gia hạn giấy phép 28/GP-BKHCN - sử dụng 01 thiết bị chiếu xạ sử dụng nguồn phóng xạ để chiếu xạ khử trùng máu | 38/GP-BKHCN | 22/10/2018 |
|  | Bệnh viện 19-8 | Vận hành 01 máy gia tốc trong xạ trị ung thư | 34/GP-BKHCN | 12/10/2018 |
|  | Bệnh viện Phổi Trung ương | Gia hạn giấy phép 31/GP-BKHCN - Vận hành 01 máy gia tốc trong xạ trị từ xa | 44/GP-BKHCN | 28/11/2018 |
|  | Bệnh viện quân y 103 | Gia hạn giấy phép 37/GP-BKHCN - Sử dụng 02 máy gia tốc và 01 thiết bị xạ trị áp sát suất liều cao | 53/GP-BKHCN | 28/12/2018 |
|  | Công ty TNHH Y tế Viễn Đông Việt Nam | Vận hành máy gia tốc trong xạ trị | 40/GP-BKHCN | 14/11/2018 |
|  | Công ty TNHH Chiếu xạ Toàn Phát | Sử dụng thiết bị chiếu xạ công nghiệp sử dụng nguồn phóng xạ | 51/GP-BKHCN | 26/12/2018 |
|  | Trung tâm Nghiên cứu và triển khai công nghệ bức xạ | Vận hành thiết bị chiếu xạ công nghiệp | 52/GP-BKHCN | 28/12/2018 |
|  | Công ty cổ phần khoáng sản Biotan | Xuất khẩu và vận chuyển 01 nguồn 03 chuyến hàng vật liệu hạt nhân nguồn | 46/GP-BKHCN | 14/12/2018 |

**b) Kết quả thống kê giấy phép đã cấp trong năm 2018 theo các lĩnh vực do Cục ATBXHN cấp**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Lĩnh vực** | **Công việc bức xạ liên quan** | **Số lượng giấy phép** |
| 1 | Công nghiệp | Hệ đo trong công nghiệp (Đo mức, phân tích, đo độ dày, hệ điều khiển...) | 406 |
| Thăm dò địa vật lý | 23 |
| Chụp ảnh phóng xạ công nghiệp | 80 |
| Soi kiểm tra trong công nghiệp | 142 |
| Chiếu xạ công nghiệp | 2 |
| 2 | Nghiên cứu và đào tạo | Tại các viện nghiên cứu, trường đại học, các đơn vị thuộc cơ quan quản lý nhà nước.. | 13 |
| 3 | Y tế | Cơ sở Y học hạt nhân, xạ trị | 35 |
| 5 | Kinh doanh | Phân tích tuổi vàng, kinh doanh nguồn (xuất nhập khẩu)... | 55 |
| 6 | Lĩnh vực khác | Soi chiếu kiểm tra an ninh, hàng hóa… | 208 |
|  | **Tổng cộng:** |  | **964** |

1. **Thống kê số giấy phép đã cấp trong năm 2018 theo địa phương**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***STT*** | **Địa phương (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)** | **Số giấy phép tiến hành công việc bức xạ** | ***STT*** | **Địa phương (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)** | **Số giấy phép tiến hành công việc bức xạ** |
| *1* | [An Giang](http://vi.wikipedia.org/wiki/An_Giang) | **5** | *33* | [Kiên Giang](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ki%C3%AAn_Giang) | **4** |
| *2* | [Bà Rịa - Vũng Tàu](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%A0_R%E1%BB%8Ba_-_V%C5%A9ng_T%C3%A0u) | **74** | *34* | [Kon Tum](http://vi.wikipedia.org/wiki/Kon_Tum) | **1** |
| *3* | [Bạc Liêu](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%A1c_Li%C3%AAu) | **2** | *35* | [Lai Châu](http://vi.wikipedia.org/wiki/Lai_Ch%C3%A2u) | **2** |
| *4* | [Bắc Kạn](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_K%E1%BA%A1n) | **2** | *36* | [Lào Cai](http://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%A0o_Cai) | **4** |
| *5* | [Bắc Giang](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_Giang) | **8** | *37* | [Lạng Sơn](http://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BA%A1ng_S%C6%A1n) | **2** |
| *6* | [Bắc Ninh](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_Ninh) | **72** | *38* | [Lâm Đồng](http://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%A2m_%C4%90%E1%BB%93ng) | **17** |
| *7* | [Bến Tre](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%BFn_Tre) | **4** | *39* | [Long An](http://vi.wikipedia.org/wiki/Long_An) | **11** |
| *8* | [Bình Dương](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%ACnh_D%C6%B0%C6%A1ng) | **62** | *40* | [Nam Định](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nam_%C4%90%E1%BB%8Bnh) | **5** |
| *9* | [Bình Định](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%ACnh_%C4%90%E1%BB%8Bnh) | **5** | *41* | [Nghệ An](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ngh%E1%BB%87_An) | **10** |
| *10* | [Bình Phước](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%ACnh_Ph%C6%B0%E1%BB%9Bc) | **11** | *42* | [Ninh Bình](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ninh_B%C3%ACnh) | **5** |
| *11* | [Bình Thuận](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%ACnh_Thu%E1%BA%ADn) | **0** | *43* | [Ninh Thuận](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ninh_Thu%E1%BA%ADn) | **1** |
| *12* | [Cà Mau](http://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%A0_Mau) | **1** | *44* | [Phú Thọ](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%BA_Th%E1%BB%8D) | **8** |
| *13* | [Cao Bằng](http://vi.wikipedia.org/wiki/Cao_B%E1%BA%B1ng) | **0** | *45* | [Phú Yên](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%BA_Y%C3%AAn) | **1** |
| *14* | [Cần Thơ](http://vi.wikipedia.org/wiki/C%E1%BA%A7n_Th%C6%A1) | **7** | *46* | [Quảng Bình](http://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3ng_B%C3%ACnh) | **2** |
| *15* | [Đà Nẵng](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C3%A0_N%E1%BA%B5ng) | **17** | *47* | [Quảng Nam](http://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3ng_Nam) | **1** |
| *16* | [Đắk Lắk](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%AFk_L%E1%BA%AFk) | **1** | *48* | [Quảng Ngãi](http://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3ng_Ng%C3%A3i) | **5** |
| *17* | [Đắk Nông](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%AFk_N%C3%B4ng) | **0** | *49* | [Quảng Ninh](http://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3ng_Ninh) | **15** |
| *18* | [Đồng Nai](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%93ng_Nai) | **33** | *50* | [Quảng Trị](http://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3ng_Tr%E1%BB%8B) | **1** |
| *19* | [Đồng Tháp](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%93ng_Th%C3%A1p) | **3** | *51* | [Sóc Trăng](http://vi.wikipedia.org/wiki/S%C3%B3c_Tr%C4%83ng) | **0** |
| *20* | [Điện Biên](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90i%E1%BB%87n_Bi%C3%AAn) | **0** | *52* | [Sơn La](http://vi.wikipedia.org/wiki/S%C6%A1n_La) | **4** |
| *21* | [Gia Lai](http://vi.wikipedia.org/wiki/Gia_Lai) | **4** | *53* | [Tây Ninh](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%A2y_Ninh) | **2** |
| *22* | [Hà Giang](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_Giang) | **1** | *54* | [Thái Bình](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1i_B%C3%ACnh) | **2** |
| *23* | [Hà Nam](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_Nam) | **10** | *55* | [Thái Nguyên](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1i_Nguy%C3%AAn) | **25** |
| *24* | [Hà Nội](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i) | **224** | *56* | [Thanh Hóa](http://vi.wikipedia.org/wiki/Thanh_H%C3%B3a) | **10** |
| *25* | [Hà Tĩnh](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_T%C4%A9nh) | **7** | *57* | [Thừa Thiên - Huế](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BB%ABa_Thi%C3%AAn_-_Hu%E1%BA%BF) | **8** |
| *26* | [Hải Dương](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BA%A3i_D%C6%B0%C6%A1ng) | **10** | *58* | [Tiền Giang](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BB%81n_Giang) | **4** |
| *27* | [Hải Phòng](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BA%A3i_Ph%C3%B2ng) | **21** | *59* | [Trà Vinh](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%C3%A0_Vinh) | **1** |
| *28* | [Hòa Bình](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%B2a_B%C3%ACnh) | **4** | *60* | [Tuyên Quang](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tuy%C3%AAn_Quang) | **1** |
| *29* | [Hậu Giang](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BA%ADu_Giang) | **0** | *61* | [Vĩnh Long](http://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%A9nh_Long) | **1** |
| *30* | [Hưng Yên](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C6%B0ng_Y%C3%AAn) | **20** | *62* | [Vĩnh Phúc](http://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%A9nh_Ph%C3%BAc) | **28** |
| *31* | [TP. Hồ Chí Minh](http://vi.wikipedia.org/wiki/TP_H%E1%BB%93_Ch%C3%AD_Minh) | **166** | *63* | [Yên Bái](http://vi.wikipedia.org/wiki/Y%C3%AAn_B%C3%A1i) | **0** |
| *32* | [Khánh Hòa](http://vi.wikipedia.org/wiki/Kh%C3%A1nh_H%C3%B2a) | **9** |  |  |  |
| ***Tổng số giấy phép*** | | ***964*** | | | |

1. **Thống kê số Chứng chỉ nhân viên bức xạ, chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử đã cấp năm 2018**

Trong năm 2018, Cục ATBXHN đã thẩm định và cấp tổng cộng **829** chứng chỉ các loại, trong đó:

* Tổng số chứng chỉ nhân viên bức xạ là: **731** chứng chỉ;
* Tổng số chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT là: **98** chứng chỉ.

**PHỤ LỤC 3. THỐNG KÊ HOẠT ĐỘNG CẤP PHÉP CỦA CÁC SỞ KH&CN CÁC TỈNH NĂM 2018**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên sở** | **Tổng số cơ sở sử dụng thiết bị X quang trong y tế** | **Tổng số thiết  bị X quang của các cơ sở** | **Số lượng  Giấy phép đã cấp năm 2018** | **Số lượng thiết bị  X quang đã cấp năm 2018** | **Số lượng thiết  bị X quang đã cấp phép còn hiệu lực** | **Ghi chú** |
| 1 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang | 49 | 76 | 23 | 36 | 76 |  |
| 2 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh  Bà Rịa - Vũng Tàu | 53 | 103 | 24 | 30 | 103 |  |
| 3 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bạc Liêu | 19 | 54 | 9 | 13 | 41 |  |
| 4 | Sở Khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Giang | 49 | 92 | 30 | 30 | 92 |  |
| 5 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Kạn | 13 | 24 | 0 | 0 | 24 |  |
| 6 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Ninh | 56 | 131 | 23 | 31 | 131 |  |
| 7 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bến Tre | 39 | 79 | 25 | 30 | 68 |  |
| 8 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Định | 45 | 121 | 39 | 43 | 107 |  |
| 9 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Dương | 40 | 181 | 47 | 80 | 181 |  |
| 10 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Phước | 51 | 72 | 27 | 32 | 70 |  |
| 11 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Thuận | 41 | 91 | 15 | 19 | 73 |  |
| 12 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cà Mau | 28 | 66 | 17 | 22 | 60 |  |
| 13 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cần Thơ | 58 | 172 | 30 | 57 | 130 |  |
| 14 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng | 26 | 33 | 8 | 8 | 29 |  |
| 15 | Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng | 27 | 173 | 114 | 114 | 173 |  |
| 16 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk | 58 | 109 | 8 | 8 | 108 |  |
| 17 | Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đắk Nông | 30 | 55 | 16 | 19 | 42 |  |
| 18 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Điện Biên | 24 | 58 | 6 | 10 | 58 |  |
| 19 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai | 72 | 310 | 72 | 129 | 166 |  |
| 20 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Tháp | 37 | 84 | 24 | 28 | 76 |  |
| 21 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai | 61 | 86 | 18 | 18 | 73 |  |
| 22 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Giang | 28 | 49 | 14 | 14 | 49 |  |
| 23 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hậu Giang | 21 | 39 | 9 | 12 | 29 |  |
| 24 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hải Dương | 55 | 50 | 37 | 50 | 50 |  |
| 25 | Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng | 57 | 233 | 57 | 57 | 226 |  |
| 26 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Nam | 15 | 46 | 15 | 17 | 46 |  |
| 27 | Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội | 354 | 1016 | 164 | 300 | 992 |  |
| 28 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Tĩnh |  | 78 | 28 | 42 | 78 |  |
| 29 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên | 47 | 68 | 16 | 4 | 64 |  |
| 30 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hòa Bình | 31 | 45 | 13 | 18 | 42 |  |
| 31 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa | 50 | 119 | 32 | 53 | 116 |  |
| 32 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Kiên Giang | 62 | 129 | 22 | 31 | 104 |  |
| 33 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Kon Tum | 31 | 42 | 10 | 10 | 26 |  |
| 34 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lai Châu | 15 | 22 | 2 | 2 | 21 |  |
| 35 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng | 56 | 60 | 17 | 22 | 60 |  |
| 36 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lạng Sơn | 38 | 70 | 19 | 19 | 55 |  |
| 37 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai | 35 | 57 | 7 | 8 | 57 |  |
| 38 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Long An | 50 | 100 | 21 | 11 | 93 |  |
| 39 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nam Định | 58 | 96 | 17 | 21 | 85 |  |
| 40 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An | 86 | 203 | 35 | 67 | 185 |  |
| 41 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Ninh Bình | 46 | 77 | 18 | 19 | 77 |  |
| 42 | Sở Khoa học và Công nghệ tinh Ninh Thuận | 20 | 49 | 7 | 11 | 42 |  |
| 43 | Sở Khoa học và Công nghệ tinh Phú Yên | 29 | 52 | 13 | 23 | 48 |  |
| 44 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Bình | 32 | 54 | 16 | 16 | 50 |  |
| 45 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Nam | 46 | 124 | 15 | 29 | 115 |  |
| 46 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi | 39 | 61 | 3 | 3 | 61 |  |
| 47 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ninh | 56 | 197 | 30 | 45 | 177 |  |
| 48 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị | 30 | 56 | 11 | 17 | 55 |  |
| 49 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sóc Trăng | 31 | 63 | 14 | 18 | 41 |  |
| 50 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tây Ninh | 49 | 90 | 25 | 11 | 47 |  |
| 51 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Bình | 42 | 68 | 5 | 11 | 52 |  |
| 52 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên | 48 | 128 | 32 | 32 | 111 |  |
| 53 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thanh Hóa | 121 | 205 | 59 | 80 | 125 |  |
| 54 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tiền Giang | 56 | 111 | 21 | 49 | 97 |  |
| 55 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Trà Vinh | 40 | 70 | 19 | 27 | 65 |  |
| 56 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang | 15 | 45 | 8 | 15 | 45 |  |
| 57 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Long | 31 | 80 | 14 | 20 | 47 |  |
| 58 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Phúc | 57 | 94 | 31 | 49 | 87 |  |
| 59 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế | 50 | 154 | 24 | 36 | 122 |  |
| 60 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Yên Bái | 26 | 56 | 22 | 23 | 45 |  |
| 61 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh TP. Hồ Chí Minh | 228 | 2068 | 261 | 520 | 2016 |  |
| 62 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sơn La | 53 | 59 | 9 | 9 | 59 |  |
| 63 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Phú Thọ |  | 119 | 26 | 31 | 113 |  |
|  | **Tổng** | **3110** | **8772** | **1793** | **2609** | **7956** |  |
|  | | | | | | |  |

## PHỤ LỤC 4. DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ DO CỤC AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN THANH TRA NĂM 2018

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên cơ sở** | **Địa chỉ** | **Lĩnh vực hoạt động** | | | | | |
| *Công nghiệp* | *Y tế* | *Dịch vụ ATBX* | *Nghiên cứu* | *XNK, sa khoáng* | *GD-ĐT, Hải quan, Địa chất, Vàng* |
| 1 | Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 | Km9 + 200, đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội | x |  |  |  |  |  |
| 2 | Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài – Chi nhánh Tổng công ty hàng không Việt Nam | Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Tp. Hà Nội | x |  |  |  |  |  |
| 3 | Công ty TNHH Phát triển công nghệ Anh Hồng | Tầng 4A tòa nhà StarCity, số 81 đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội |  |  | x |  |  |  |
| 4 | Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng 1 | Số 8 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội | x |  |  |  |  |  |
| 5 | Công ty TNHH Dịch vụ và Thiết bị bức xạ, hạt nhân Việt Nam – Vinarad | Số 5 ngách 35, ngõ 173, đường Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, Tp. Hà Nội |  |  | x |  |  |  |
| 6 | Công ty Cổ phần công nghệ XEN\_LU\_LO | Số 59 đường Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội |  |  | x |  |  |  |
| 7 | Công ty Cổ phần Khoa học kỹ thuật Bình Kiến | Xóm 18B, thôn Trù II, xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, Tp. Hà Nội |  |  | x |  |  |  |
| 8 | Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi | Nhà G, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội | x |  |  |  |  |  |
| 9 | Công ty TNHH Dịch vụ và Thiết bị kỹ thuật An Việt | Thôn Đa, xã Di Trạch, huyện Hoài Đức, Tp. Hà Nội |  |  | x |  |  |  |
| 10 | Công ty TNHH Tư vấn và Chuyển giao công nghệ Tiên Tiến | Số 7B ngõ 420/10, đường Khương Đình, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội |  |  | x |  |  |  |
| 11 | Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Thương mại TEKA | Số 41, ngõ 59 Hoàng Cầu, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội |  |  | x |  |  |  |
| 12 | Công ty Cổ phần Công nghệ và Môi trường PT | Số 368A đường Phúc Diễn, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội |  |  | x |  |  |  |
| 13 | Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Thiên Ân | Số 6, ngách 399/39 Hoàng Mai, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Tp. Hà Nội. |  |  | x |  |  |  |
| 14 | Viện Trang thiết bị công trình y tế | Số 40 Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội |  |  | x |  |  |  |
| 15 | Bệnh viện Bạch Mai | Số 78 đường Giải Phóng, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội. |  | x |  |  |  |  |
| 16 | Liên đoàn Vật lý địa chất | Số 1, ngõ 95 đường Chiến Thắng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Tp. Hà Nội | x |  |  |  |  |  |
| 17 | Trường Đại học Y Hà Nội | Số 1 Tôn Thất Tùng, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội |  | x |  |  |  |  |
| 18 | Trung tâm Chiếu xạ Hà Nội | Xã Minh Khai, quận Từ Liêm, Tp. Hà Nội | x |  |  |  |  |  |
| 19 | Công ty TNHH MTV Đồng vị phóng xạ | Số 24 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội. | x |  |  |  |  |  |
| 20 | Trung tâm DV Khoa học Kỹ thuật Sức khỏe và Môi trường | Số57 đường Lê Quý Đôn, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội. |  |  | x |  |  |  |
| 21 | Bệnh viện K | Số 30 đường Cầu Bươu, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì,p. Hà Nội |  | x |  |  |  |  |
| 22 | Viện Khoa học và Kỹ thuật hạt nhân | Số 179 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội | x |  | x | x |  |  |
| 23 | Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Thăng Tiến | Số 11, ngõ 259, ngách 9, phố Vọng, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội |  |  |  |  | x |  |
| 24 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Chuyển giao công nghệ ASP | Phòng 203, D5C đường Trần Thái Tông, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội |  |  |  |  | x |  |
| 25 | Công ty Liên doanh Y học Việt - Hàn | KCN Công nghệ cao, khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km 29 Đại lộ Thăng Long, xã Hạ Bằng, huyện Thạch Thất, Tp. Hà Nội |  |  |  |  | x |  |
| 26 | Công ty TNHH Công nghệ đo lường | Số 320 đường Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội |  |  |  |  | x |  |
| 27 | Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Vĩnh Thắng | Số 14A Hàn Thuyên, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội |  |  |  |  | x |  |
| 28 | Công ty Cổ phần Miza | Cụm Công nghiệp vừa và nhỏ Nguyên Khê, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, Tp. Hà Nội | x |  |  |  |  |  |
| 29 | Tổng Công ty Trực thăng Việt Nam | Số 172 đường Trường Chinh, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội |  |  |  |  |  | x |
| 30 | Công ty Cổ phần Giấy Vạn Điểm | Thị trấn Phú Minh, huyện Phú Xuyên, Tp. Hà Nội. | x |  |  |  |  |  |
| 31 | Ban điều hành Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 | Xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. | x |  |  |  |  |  |
| 32 | Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên | Số 971 đường Dương Tự Minh, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên |  | x |  |  |  |  |
| 33 | Công ty TNHH Hoàng Huynh Thái Nguyên | Số 05, tổ 14, thị trấn Chùa Hang, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. |  |  |  |  |  | x |
| 34 | Doanh nghiệp tư nhân vàng bạc Thủy Vân | Số 819 Phố Mới, thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên |  |  |  |  |  | x |
| 35 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa | Số 19 Yersin, phường Lộc Thọ, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa |  | x |  |  |  |  |
| 36 | Công ty Cổ phần Đường Khánh Hòa | Xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa | x |  |  |  |  |  |
| 37 | Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước Miền Trung | Đường 2/4, phường Vĩnh Hải, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; |  |  |  |  |  | x |
| 38 | Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Khánh Hòa | Cụm công nghiệp Diên Phú, xã Diên Phú, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa | x |  |  |  |  |  |
| 39 | Công ty TNHH Gỗ You Hao | Số 1F5-1F6, đường CN6, KCN Tân Bình, xã Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương | x |  |  |  |  |  |
| 40 | Công ty TNHH Yokohama Tyre Việt Nam | Số 17 đường số 10, KCN VSIP, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương | x |  |  |  |  |  |
| 41 | Công ty TNHH Giấy Tân Định | Số 261/12A, khu phố 3, phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. | x |  |  |  |  |  |
| 42 | Công ty Cổ phần An Phú | Ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương. | x |  |  |  |  |  |
| 43 | Công ty Cổ phần Thép Tuệ Minh | Lô A5, đường D2, KCN Đất Cuốc (khu B), xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương | x |  |  |  |  |  |
| 44 | Công ty TNHH Thép Kim Trường Hưng | Số 139/1B, đường 744, ấp Bến Giảng, xã Phú An, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương | x |  |  |  |  |  |
| 45 | Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Dongwha | Lô G, KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước | x |  |  |  |  |  |
| 46 | Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng tỉnh Bình Phước | Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước |  |  | x |  |  |  |
| 47 | Công ty Cổ phần giấy Minh Hưng | Lô H9-H10-H11, đường D4, KCN Minh Hưng 3, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước | x |  |  |  |  |  |
| 48 | Doanh nghiệp Tư nhân Hồng Phát | Số 141/2, Báo Quốc Từ, khóm 2, thị trấn Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh |  |  |  |  |  | x |
| 49 | Công ty TNHH Sailun Việt Nam | Lô 37-1…42-6-1, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, Tây Ninh | x |  |  |  |  |  |
| 50 | Công ty Cổ phần kim khí Nam Hưng | Lô D2-4, đường VL 2, KCN Vĩnh Lộc 2, ấp Voi Lá, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An | x |  |  |  |  |  |
| 51 | Chi nhánh tại Long An - Công ty cổ phần Smart Think | MD7, KCN Đức Hòa 1, ấp 5, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An | x |  |  |  |  |  |
| 52 | Công ty Cổ phần Bao bì Tín Thành | Lô C20, Cụm công nghiệp nhựa Đức Hòa Hạ, ấp Bình Tiền, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An | x |  |  |  |  |  |
| 53 | Trung tâm Kiểm định và Kiểm nghiệm Đồng Tháp | Số 23, đường 26/3, phường 1, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp |  |  | x |  |  |  |
| 54 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đồng Tháp | Số 144, đường Mai Văn Khải, phường Mỹ Tân, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp |  | x |  |  |  |  |
| 55 | Công ty TNHH Kurabe Industrial Bắc Ninh | Số 5, đường 7, VSIP Bắc Ninh, xã Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh | x |  |  |  |  |  |
| 56 | Công ty Cổ phần Giấy Phong Khê | Cụm công nghiệp Phong Khê, Tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh | x |  |  |  |  |  |
| 57 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương | Số 225 Nguyễn Lương Bằng, Tp. Hải Dương, tỉnh Hải Dương |  | x |  |  |  |  |
| 58 | Công ty TNHH Teikoku (Việt Nam) | KCN Phúc Điền, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương | x |  |  |  |  |  |
| 59 | Trung tâm Quan trắc Môi trường – Hải Phòng | Số 275 Lạch Tray, quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng |  |  |  | x |  |  |
| 60 | Công ty TNHH Dịch vụ Khoa học công nghệ Hoàng Nguyên | Số 136/4 đường TA06, khu phố 7, phường Thới An, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh |  |  | x |  |  |  |
| 61 | Trung tâm Hạt nhân Tp. Hồ Chí Minh | Số 217 Nguyễn Trãi, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh |  |  | x |  |  |  |
| 62 | Công ty TNHH Đạt Technical | Số 75/39 Đường 48, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh |  |  | x |  |  |  |
| 63 | Trung tâm Nghiên cứu và chuyển giao công nghệ TP. Hồ Chí Minh | Số 176/9A Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh |  |  | x |  |  |  |
| 64 | Công ty TNHH SX&TM Giấy và Bao bì giấy Tiến Phát | Ấp Trạm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh | x |  |  |  |  |  |
| 65 | Văn phòng đại diện Công ty LMS Technologies PTE LTD | Tầng 5, Tòa nhà Dali, số 24C Phan Đăng Lưu, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh |  |  | x |  |  |  |
| 66 | Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ kỹ thuật T.S.T | Số 180/28/39, đường Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh |  |  | x |  |  |  |
| 67 | Viện Kiểm định thiết bị và đo lường | Số 014 tòa nhà Thái An, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh |  |  | x |  |  |  |
| 68 | Công ty TNHH TM Dịch vụ du lịch Đội Ngũ Việt | Số 202/5 Hoàng Văn Thụ, phường 5, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh |  |  | x |  |  |  |
| 69 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đồng Nai | Số 2 đường Đồng Khởi, phường Tam Hoà, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  | x |  |  |  |  |
| 70 | Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KHCN tỉnh Đồng Nai | Số 1597 Phạm Văn Thuận, phường Thống Nhất, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |  | x |  |  |  |
| 71 | Công ty Dầu khí Nhật Việt JVPC | Lầu 7, Petro Vietnam Towers, số 8 Hoàng Diệu, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu | x |  |  |  |  |  |
| 72 | Xí nghiệp Khai thác dầu khí | Số 15 - 17 Lê Quang Định, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | x |  |  |  |  |  |
| 73 | Công ty TNHH Starflex Việt Nam | Cụm công nghiệp Tóc Tiên, xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu | x |  |  |  |  |  |
| 74 | Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | Số 202 Bạch Đằng, phường Phước Trung, Tp. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu |  |  | x |  |  |  |
| 75 | Công ty TNHH Sông Xanh | Lầu 2 - Tòa nhà 416A Lê Hồng Phong, phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | x |  |  |  |  |  |
| 76 | Viện Nghiên cứu hạt nhân | Số 01, Nguyên Tử Lực, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng |  |  | x | x |  |  |
| 77 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng | Số 04 Phạm Ngọc Thạch, phường 4, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng |  | x |  |  |  |  |
| 78 | Trung tâm Ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong công nghiệp CANTI | Số 1, đường ĐT 723, phường 12, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng | x |  |  |  |  |  |
| 79 | Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh - Thanh Hóa | Thôn Tam Sơn, xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa | x |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:*** *Tổng số cơ sở tiến hành công việc bức xạ được Cục ATBXHN thanh tra năm 2018 là 79 cơ sở.*

## PHỤ LỤC 5. DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ TIẾN HÀNH CÔNG VIỆC BỨC XẠ DO SỞ KH&CN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ THANH, KIỂM TRA NĂM 2018

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | | **Tên cơ sở** | **Địa chỉ** | **Ghi chú** |
| **1** | **An Giang** | | | |
|  |  | Phòng khám Bs. Nguyễn Thị Diễm Trang | Ấp Vĩnh Lợi, xã Vĩnh Lộc, huyện An phú, tỉnh An Giang |  |
|  |  | Phòng chụp X quang cử nhân Huỳnh Phúc Hậu | Số 32 Phan Văn Vàng, Châu Phú B, TP. Châu Đốc, tỉnh An Giang |  |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Tịnh Biên | Khóm Sơn Đông, thị trấn Nhà Bàng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Kiều Lương | Số 184-186-188 Tân lộ Kiều Lương, khóm 8, Châu Phú A, TP. Châu Đốc, tỉnh An Giang |  |
|  |  | Phòng khám Bs.Huỳnh Trung Dũng | Ấp Vĩnh Hưng, xã Vĩnh Thạnh, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang |  |
|  |  | Bệnh viện Sản nhi An Giang | Số 02 Lê Lợi, Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Tâm Đức | Số 26, ấp Trung Bình, xã Thoại Giang, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang |  |
|  |  | Bệnh viện Mắt - Tai mũi Họng - Răng Hàm Mặt | Số 12B Lê Lợi, Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang |  |
|  |  | Phòng X quang ngoài giờ Bs.Trương Công Dũng | Số 116, ấp Mỹ Lương, thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang |  |
|  |  | Công ty Cổ phần Trung tâm Y khoa Medic An Giang | Số 2/7 Châu Văn Liêm, Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang | 18 tr |
|  |  | Phòng chụp X quang Lại Công Bình | Số 3769 Bạch Đằng, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang | \* |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh An Giang | Số 917 Tôn Đức Thắng, Vĩnh Mỹ, huyện Châu Đốc, tỉnh An Giang | \* |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa khu vực Tân Châu | Đường Nguyễn Tri Phương, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang | \* |
|  |  | Phòng khám Đa khoa tiến TS.Châu Hữu Hầu | Số 19 Đường Nguyễn Chí Thanh, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang | \* |
|  |  | Phòng chẩn đoán Y khoa Hoàn Hảo II | Huyện Phú Tân, tỉnh An Giang | \* |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Quân dân y tỉnh An Giang | Phường Bình Khánh, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang | \* |
|  |  | Phòng khám X quang Bs. Nguyễn Việt Quang | Số 32 Trần Quốc Toản, phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang | \* |
|  |  | Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Nhân Dân | Số 207/3A Trần Quang Diệu, phường Mỹ Xuyên, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang | \* |
|  |  | Bệnh xá Công an | Lê Lai, phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang | \* |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Lê Minh | Số 36 Hai Bà Trưng, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang | \* |
|  |  | Phòng khám X quang Bs. Đinh Xuân Thu | Số 2/4 Lê Triệu Kiết, Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang | \* |
|  |  | Doanh nghiệp tư nhân Bệnh viện Đa khoa Bình Dân | Số 39 Trần Hưng Đạo, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang. | \* |
| **2** | **Bà Rịa - Vũng Tàu** | | | |
|  |  | Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ - Chi nhánh Công ty TNHH MTV – Tổng công ty Phát điện 3 | KCN Phú Mỹ I, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu |  |
|  |  | Công ty Dịch vụ sửa chữa các nhà máy điện | Số 332 đường Độc Lập, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu |  |
|  |  | Công ty TNHH Thép SMC | Số 1B, KCN Phú Mỹ I, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu |  |
|  |  | Công ty TNHH Nhà máy bia Heineken Việt Nam – Vũng Tàu | KCN Mỹ Xuân A2, xã Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu |  |
|  |  | Công ty TNHH NS Bluescope Việt Nam | KCN Phú Mỹ I, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu |  |
|  |  | Công ty TNHH Hóa chất AGC Việt Nam | KCN Cái Phép, xã Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu |  |
|  |  | Công ty Cổ phần dầu khí V-GAS – KCN Phú Mỹ I | Số 2B KCN Phú Mỹ I, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu |  |
|  |  | Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam – Trạm nghiền clinker Thị Vải | KCN Phú Mỹ I, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu |  |
|  |  | Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Kiểm tra kỹ thuật Alpha | Đường 11, KCN Đông Xuyên, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu |  |
|  |  | Chi nhánh Công ty TNHH Apave Châu Á Thái Bình Dương tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu | Số 24K đường 30/4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu |  |
|  |  | Công ty TNHH Sang Fang Việt Nam | Lô II-4, KCN Mỹ Xuân A2, xã Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu |  |
|  |  | Chi nhánh Nhà máy Tập đoàn Tôn Hoa Sen Phú Mỹ - Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ | Số 1B, KCN Phú Mỹ I, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu |  |
| **3** | **Bắc Giang** | | | |
|  |  | Công ty TNHH Haem Vina | Lô B4, KCN Song Khê, Nội Hoàng, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang |  |
|  |  | Công ty TNHH New Wing Interconnect Technology | KCN Vân Trung, xã Vân TRung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang |  |
|  |  | Công ty TNHH Điện tử Broad Việt Nam | Lô CN 03, KCN Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang |  |
|  |  | Bệnh viện Y học Cổ truyền Lan Q | Đường Á Lữ, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang | \* |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Bảo Minh | Đường Minh Khai, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang | \* |
|  |  | Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng | Xã Quế Nham, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang | \* |
|  |  | Phòng Chẩn đoán hình ảnh Nguyễn Văn Sở | Thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang | \* |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Việt Yên | Khu I, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang | \* |
|  |  | Phòng chụp X-quang Xuân Mai | Phố Thanh Xuân, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang | \* |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Tân Yên | Thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang | \* |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa tư nhân Sông Thương | Đường Lê Lợi, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang | \* |
|  |  | Phòng khám Đa khoa tư nhân Thanh Xuân | Phố Thanh Xuân, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang | \* |
| **4** | **Bắc Kạn** | | | |
|  |  | Doanh nghiệp Tư nhân Tâm Hưng | Tổ 3, thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn |  |
|  |  | Cửa hàng Vàng bạc Chu Văn Cao | Khu chợ 2, xã Bằng Vân, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn |  |
|  |  | Cửa hàng Vàng bạc Vượng Thắm | Khu 2, xã Vân Tùng, Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn |  |
|  |  | Cửa hàng Vàng bạc Dũng Dung | Phố Ngân Sơn, xã Vân Tùng, Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn |  |
|  |  | Doanh nghiệp Tư nhân Vàng bạc Vĩnh Tín Na Rì | Thị trấn Yến Lạc, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn |  |
|  |  | Cửa hàng Vàng bạc Quốc Hùng | Tổ 3, thị trấn Chợ Mới, Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn |  |
|  |  | Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Minh Hoa | Số 137, đường Trường Chinh, phường Đức Xuân, TP. Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn |  |
|  |  | Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Bắc Kạn | Tổ 2, phường Đức Xuân, TP. Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Kạn | Tổ 12, phường Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn | \* |
|  |  | Trạm xá Công an tỉnh | Tổ 11C, phường Đức Xuân, TP. Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn | \* |
|  |  | Trung tâm Y tế thành phố Bắc Kạn | Tổ 11C, phường Đức Xuân, TP. Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn | \* |
|  |  | Trung tâm Kiểm soát bệnh tất tỉnh Bắc Kạn | Tổ 10, phường Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn | \* |
| **5** | **Bạc Liêu – Không tiến hành thanh tra, kiểm tra ATBX năm 2018** | | | |
| **6** | **Bắc Ninh – Năm 2018 thanh tra đối với 20 cơ sở, không gửi danh sách cụ thể các đơn vị được thanh tra** | | | |
| **7** | **Bến Tre** | | | |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cù Lao Minh | Ấp Tân Lộc, xã Tân Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre |  |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Giồng Trôm | Ấp 6, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa Khu vực Ba Tri | Khu phố 6, thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre |  |
|  |  | Phòng khám Tư nhân Lê Ngọc Bảy | Số 349B Đoàn Hoàng Minh, phường 5, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre |  |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Thạnh Phú | Ấp 7, thị trấn Thạnh Phú, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre |  |
|  |  | Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh Bến Tre | Số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre |  |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Châu Thành, cơ sở Hàm Long | Ấp Chánh, xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre |  |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Chợ Lách | Khóm 3, thị trấn Chợ Lách, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre |  |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Bình Đại | Khu phố I, thị trấn Bình Đại, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre |  |
|  |  | Phòng Chẩn đoán hình ảnh Bs. Dương Duy Minh | Số 164B1-165B Nguyễn Văn Tư, phường 5, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Phúc Lâm | Số 4, khu phố 6, phuòng Trần Hưng Đạo, thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Phúc Thịnh | Khu phố 1, thị trấn Chợ Lách, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre |  |
| **8** | **Bình Định – Không tiến hành thanh tra, kiểm tra ATBX năm 2018** | | | |
| **9** | **Bình Dương** | | | |
|  | 1 | Công ty Cổ phần S.I Casting Việt Nam | Lô F9, F8-2 (khu B3), đường D2, KCN Rạch Bắp, xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 2 | CN Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn – Nhà máy Sản xuất Bình áp lực Mỹ Phước | Đường D-3B-CN, KCN Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát tỉnh Bình Dương |  |
|  | 3 | Công ty TNHH KDK Electric Wire Việt Nam | Lô G-6, KCN Mỹ Phước 2, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 4 | Công ty TNHH Nitto Denko VN | Số 6, đường Số 3, KCN VSIP, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 5 | Công ty Cổ phần Thép Nam Kim | Lô B2.2-B2.3, đường Đ3, KCN Đồng An 2, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 6 | Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc | Ô 13D, lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 7 | Công ty TNHH Tribeco Bình Dương | Số 8, đường 11, KCN Việt Nam-Singapore, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 8 | Công ty TNHH Giấy Nam Tiến | Số 109A/3, tổ 3, khu phố 2, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 9 | Công ty TNHH Guyo March Việt Nam | DT 743, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 10 | Công TNHH Giấy Hưng Thịnh | Lô M5, đường D4, KCN Nam Tân Uyên, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 11 | Viện Khoa học Thủy lợi Miền Nam | Địa chỉ trụ sở: Số 658 Vỗ Văn Kiệt, phường 1, quận 5, TP. Hồ Chí Minh  Địa chỉ cơ sở 2: Đường 22/12, khu phố Hòa Lân, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 12 | Công ty TNHH Xưởng giấy Chánh Dương | Đường D15, KCN Mỹ Phước 1, Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 13 | Trung tâm Y tế Dự phòng | Yersin, phường Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 14 | Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV | Số 230, đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 15 | Công ty TNHH Giấy Đồng Tiến Bình Dương | Khu phố 3, phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 16 | Phòng khám Đa khoa Khu vực Phước Hòa | Ấp 1A, xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 17 | Trung tâm Y tế huyện Tân Uyên | Khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 18 | Công ty Cổ phần Gia Lợi | Tổ 2, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 19 | Bệnh viện Quân đoàn 4 | Số 137, đường ĐT 743, khu phố Thống Nhất 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương |  |
| **10** | **Bình Phước** | | | |
|  | 1 | Công ty Cổ phần Kim Tín MDF | Đường Tôn Đức Thắng, khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 2 | Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 - Nhà máy Xi măng Bình Phước | Ấp Thanh Bình, xã Thanh Lương, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 3 | Công ty Cổ phần FSC Việt Nam | Lô C1-C14, đường Số 1, KCN Nam Đồng Phú, xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 4 | Trung tâm Y tế huyện Bù Đốp | Khu phố Thanh Xuân, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 5 | Trung tâm Y tế huyện Lộc Ninh | Khu phố Ninh Hòa, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 6 | Bệnh viện Nhân Ái | Xã Phú Văn, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 7 | Trung tâm Y tế huyện Chơn Thành | Khu phố Trung Lợi, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 8 | Trung tâm Y tế thị xã Bình Long | Số 82, đường Phan Bội Châu, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước | 3 tr |
|  | 9 | Bệnh viện Quân dân y 16 thuộc Binh đoàn.. | Khu phố Phước An, phường Tân Xuân, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 10 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Phước | Quốc lộ 14, xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 11 | Bệnh viện Y học Cổ truyền tỉnh Bình Phước | Quốc lộ 14, phường Tân Thiện, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 12 | Trung tâm Y tế thị xã Đồng Xoài | Quốc lộ 14, phường Tân Thiện, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 13 | Bệnh viện Đa khoa tư nhân Thánh Tâm | Ấp 3, xã Tiến Hưng, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước | 12 tr |
|  | 14 | Trung tâm Y tế huyện Đồng Phú | Khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 15 | Trung tâm Y tế huyện Bù Đăng | Đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 16 | Trung tâm Y tế thị xã Phước Long | Phường Long Thủy, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 17 | Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long | Quốc lộ 13, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 18 | Công TNHH MTV Cao su Lộc Ninh | Khu phố Ninh Thuận, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 19 | Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng | Đường ĐT 741, thôn Phú Thịnh, xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước |  |
| **11** | **Bình Thuận** | | | |
|  | 1 | Bệnh viện Phổi tỉnh Bình Thuận | Số 3B Nguyễn Hội, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận |  |
| 1. 2 | 2 | Bệnh viện Đa khoa Bắc Bình Thuận | Số 06 Hải Thượng Lãn Ông, thị trấn Chợ Lầu, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận |  |
|  | 3 | Trung tâm Y tế thành phố Phan Thiết | Số 114 Hải Thượng Lãn Ông, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận |  |
|  | 4 | Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe sinh sản | Số 3A Nguyễn Hội, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận |  |
|  | 5 | Trung tâm Y tế huyện Hàm Thuận Nam | Số 20 Trần Phú, thị trấn Thuận Nam, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận |  |
|  | 6 | Trung tâm Y tế huyện Hàm Tân | Khu phố 1, thị trấn Tân Nghĩa, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận |  |
|  | 7 | Bệnh viện Đa khoa Khu vực phía Nam | Thôn 2, xã Đức Chính, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận |  |
|  | 8 | Công ty TNHH Khám chữa bệnh và Tư vấn sức khỏe – Phòng khám Đa khoa Kiều Linh | Thôn Bình Long, xã Phan Rí Thành, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận |  |
|  | 9 | Phòng chụp X-quang Trần Văn Thiện | Tổ 1, khu phố 7, thị trấn Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận |  |
|  | 10 | Phòng chụp X-quang kỹ thuật số Nguyễn Văn Bích | Số 111, đường CMT 8, thị trấn Võ Xu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận |  |
|  | 11 | Phòng chụp X-quang Bs. Lê Đình Ấn | Số 232, đường 25/12, thị trấn Lạc Tánh, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận |  |
|  | 12 | Cơ sở Dịch vụ kỹ thuật Y tế | Tổ 01, khu phố 3, thị trấn Võ Xu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận |  |
|  | 13 | Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật PHATECO | Số 5A/613 đường Thiên Lôi, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng | \* |
|  | 14 | Viện Cơ khí năng lượng và mỏ - Vinacomin | Số 565 Nguyễn Trải, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội | \* |
|  | 15 | Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ kỹ thuật Việt | Số 213 Khánh Hội, phường 3, quận 4, TP. Hồ Chí Minh | \* |
| **12** | **Cao Bằng** | | | |
|  | 1 | Bệnh viện Đa khoa huyện Trùng Khánh | Tổ 9, thị trấn Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng |  |
|  | 2 | Bệnh viện Đa khoa huyện Phục Hòa | Thị trấn Hòa Thuận, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng |  |
|  | 3 | Bệnh viện Đa khoa huyện Thông Nông | Thị trấn Thông Nông, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng |  |
|  | 4 | Bệnh viện Đa khoa huyện Thạch An | Thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng |  |
|  | 5 | Bệnh viện Đa khoa huyện Trà Lĩnh | Thị trấn Cao Chương, huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng |  |
|  | 6 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh | Phường Tân Giang, TP. Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng |  |
|  | 7 | Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Quảng | Thị trấn Xuân Hòa, Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng |  |
|  | 8 | Công ty TNHH Tập đoàn Vàng bạc đá quý Kim Tín Cao Bằng | Số 03, phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, TP. Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng |  |
| **13** | **Cà Mau** | | | |
|  | 1 | Bệnh viện Đa khoa Cà Mau | Số 16 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 6, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau | \* |
|  | 2 | Phòng khám chuyên khoa Bs. Khanh | Số 5E Hải Thượng Lãn Ông, phường 6, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau | \* |
|  | 3 | Bệnh viện Đa khoa Khu vực Trần Văn Thời | Khóm 7, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau | \* |
|  | 4 | Trung tâm Y tế huyện U Minh | Khóm 3, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau | \* |
|  | 5 | Phòng khám Đa khoa 63 Ngô Quyền | Số 63 Ngô Quyền, khóm 1, phường 9, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau | \* |
|  | 6 | Công ty TNHH Thành Lợi | Số 1327D, đường Nguyễn Tất Thành, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau | \* |
|  | 7 | Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Hoàn Mỹ Minh Hải | Số 09 Lạc Long Quân – Âu Cơ, khóm 5, phường 7, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau | \* |
|  | 8 | Bệnh viện Medic Cà Mau | Số 320 Trần Hưng Đạo, khóm 2, phường Tân Thành, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau | \* |
|  | 9 | Trung tâm Y tế huyện Phú Tân | Khóm 2, thị Trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau | \* |
|  | 10 | Phòng khám Đa khoa Quốc tế | Số 18, đường Hùng Vương, phường 7, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau | \* |
|  | 11 | Phòng khám Đa khoa Chí Nhân | Số 01-02, đường Trần Hưng Đạo, phường 7, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau | \* |
|  | 12 | Trung tâm Y tế huyện Phú Tân | Khóm 2, thị Trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau | \* |
|  | 13 | Bệnh viện Đa khoa TP. Cà Mau | Số 36 đường Lý Bôn, phường 2, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau | \* |
|  | 14 | Phòng khám Đa khoa Hồng Đức | Số 66, đường Lý Thường Kiệt, phường 6, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau | \* |
|  | 15 | Bệnh viện Đa khoa Khu vực Năm Căn | Số 306 Nguyễn Tất Thành, khóm 6, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau | \* |
| **14** | **Thành phố Cần Thơ** | | | |
|  |  | Phòng chụp X-quang Bảo Thanh 1 | Số 457 Lê tHị Tạo, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ |  |
|  |  | Phòng khám bệnh Tư nhân An Bình | B6 Trung tâm Thương mại Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa quận Ô Môn | Đường Cách Mạng Tháng 8, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ |  |
|  |  | Bệnh viện Trường Đại học Y dược Cần Thơ | Số 79 Nguyễn Văn Cừ, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ |  |
|  |  | Hộ kinh doanh La Minh Tân | Số 70, đường 30/4, phường An Phú, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ |  |
|  |  | Nha khoa Việt Pháp | Số 10 Võ Văn Kiệt, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ | 3 tr |
|  |  | Hộ kinh doanh Mai Hoàng Khanh | Số 98 Nguyễn Thái Học, phường Tân An, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ | 3 tr |
|  |  | Hộ kinh doanh Nguyễn Thành Đồng | Số 144 Nguyễn An Ninh, phường Tân An, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ |  |
|  |  | Công ty TNHH FUJI MEDIC – Phòng khám Đa khoa FUJI MEDIC | Số 88, đường A1, khu dân cư Hưng Phú 1, khu vực 8, phường Hưng Phú, quận Cái Răng, TP. Cần Thơ |  |
|  |  | Nha khoa Sài Gòn – Bs. Lâm | Số 251 Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ | 14 tr |
|  |  | Trung tâm Chỉnh hình và Phục hổi chức năng Cần Thơ | Số 21 Cách Mạng Tháng 8, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ |  |
|  |  | Công ty TNHH Quốc tế TRI – VIET | Lô 2-9A, KCN Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ |  |
|  |  | Công ty Cổ phần Y khoa Trí Quang | Số 166, quốc lộ 1A, phường Lê Bình, quận Cái Răng, TP. Cần Thơ |  |
|  |  | Doanh nghiệp Tư nhân tiệm vàng Kim Hoàng | Số 29A1 Hồ Tùng Mậu, Trung tâm Thương mại, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ |  |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Phong Điền | Ấp Nhơn Lộc 2, thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ | 4 tr |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ | Số 04 Châu Văn Liêm, phường An Lạc, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ |  |
|  |  | Công ty Cổ phần Phòng khám Đa khoa Ngọc Thạch | Số 187 Lê Hồng Phong, phường Trà An, Bình Thủy, TP. Cần Thơ | 6 tr |
| **15** | **Thành phố Đà Nẵng** | | | |
|  | 1 | Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung | Tổ 26, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng |  |
|  | 2 | Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 2 | Số 02 Ngô Quyền, TP. Đà Nẵng |  |
|  | 3 | Trung tâm Kỹ thuật đường bộ 3 | Số 59 B Lê Lợi, TP. Đà Nẵng |  |
|  | 4 | Đài khí tượng thủy văn trung trung bộ | Số 666 Trưng Nữ Vương, TP. Đà Nẵng |  |
|  | 5 | Chi nhánh Công ty THH Apave Châu Á-Thái Bình Dương | Tầng 4, tòa nhà VNPT, 346 đường 2/9, TP. Đà Nẵng |  |
|  | 6 | Xí nghiệp Địa kỹ thuật và kiểm định công trình thuộc Công ty cổ phần tư vấn xây dựng công trình giao thông 5 | Số 229 Trường Chinh, TP. Đà Nẵng |  |
|  | 7 | Trung tâm Y tế quận Cẩm Lệ | Phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng |  |
|  | 8 | Bệnh viện C Đà Nẵng | Số 122 Hải Phòng, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng |  |
|  | 9 | Bệnh viện Đa khoa bình dân Đà Nẵng | Số 376 Trần Cao Vân, TP. Đà Nẵng |  |
|  | 10 | Bệnh viện Đa khoa quốc tế Vinmec Đà Nẵng | Đường 30/4, KDC số 4, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng |  |
|  | 11 | Bệnh viện Tâm trí Đà Nẵng | Số 64 đường Cách Mạng Tháng 8, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng |  |
|  | 12 | Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Toàn | Số 49 Lê Duẩn, TP. Đà Nẵng |  |
|  | 13 | Bệnh viện Quân y 17 | Số 02 Nguyễn Hữu Thọ, TP. Đà Nẵng |  |
|  | 14 | Công ty Cổ phần Y khoa Thiện Phước | Số 82 Quang Trung, TP. Đà Nẵng |  |
|  | 15 | Bệnh viện Phụ nữ Đà Nẵng | Số 26C Chu Văn An, TP. Đà Nẵng |  |
|  | 16 | Phòng Khám Đa khoa Đông Phương | Số 142 Triệu Nữ Vương, TP. Đà Nẵng |  |
| **16** | **Đắk Lắk** | | | |
|  | 1 | Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk | Số 07 Nguyễn Chí Thanh, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk | \* |
|  | 2 | Bệnh viện Đa khoa Công an tỉnh Đắk Lắk | Số 25 Hà Huy Tập, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk | \* |
|  | 3 | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh Đắk Lắk | Km3, tỉnh lộ 1, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk | \* |
|  | 4 | Viện vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên | Số 59 Hai Bà Trưng, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk | \* |
|  | 5 | Bệnh viện Đa khoa huyện Ea Kar | Thị trấn Ea Kar, huyện Ea kar, Đăk Lăk | \* |
|  | 6 | Bệnh viện Đa khoa khu vực 333 | Ea Knốp, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk | \* |
|  | 7 | Bệnh viện Đa khoa huyện Krông Pak | Thị trấn Phước An, huyện Krông Pak, tỉnh Đắk Lắk | \* |
|  | 8 | Phòng khám bệnh Siêu âm - X-quang | Số 222 Giải Phóng, thị trấn Phước An, huyện Krông Pắk, tỉnh Đắk Lắk | \* |
|  | 9 | Bệnh viện Đa khoa huyện Krông Bông | Thị trấn Krông Kmar, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk | \* |
|  | 10 | Bệnh viện Đa khoa huyện Buôn Đôn | Trung tâm huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk | \* |
|  | 11 | Bệnh viện Đa khoa huyện Ea Sup | Thị trấn Ea sup, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk | \* |
|  | 12 | Bệnh viện Đa khoa huyện M’Đrak | Thị trấn M’Đrăk, huyện M’Đrăk, tỉnh Đắk Lắk | \* |
|  | 13 | Bệnh viện Đa khoa huyện Lắk | Thị trấn Liên Sơn, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk | \* |
|  | 14 | Bệnh viện Đa khoa huyện Ea H’leo | Thị trấn Ea Đrăng, huyện Ea H’leo, tỉnh Đắk Lắk | \* |
|  | 15 | Bệnh viện Đa khoa huyện Cư M’gar | Thị trấn Quảng Phú, huyện Cư Mgar, tỉnh Đăk Lăk | \* |
|  | 16 | Bệnh viện Đa khoa Huyện Krông Năng | Thị trấn Krông Năng, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk | \* |
|  | 17 | Bệnh viện Đa khoa huyện Krông Ana | Số 197 Nguyễn Tất Thành, thị trấn Buôn Trấp, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk | \* |
|  | 18 | Bệnh viện Đa khoa huyện CưKuin | Km13, quốc lộ 27, xã Ea Ktur, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk | \* |
|  | 19 | Bệnh viện Đa khoa thị xã Buôn Hồ | Số 12 Nơ Trang Long, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk | \* |
|  | 20 | Phòng Khám Đa khoa Trí Vui | Số 360 Giải Phóng, Phước An, huyện Krông Pak, tỉnh Đắk Lắk | \* |
|  | 21 | Phòng khám Đa Khoa Thành Tâm | Tổ dân phố 5, Krông Kma, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk | \* |
|  | 22 | Phòng khám bệnh Ngoài giờ | Tổ dân phố 2, thị trấn Krông Kmar, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk | \* |
|  | 23 | Phòng khám Đa khoa Hùng Vương | Đường Hùng Vương, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk | \* |
|  | 24 | Nha khoa Phúc Nguyên - Công ty TNHH sản xuất Nha khoa Phúc Nguyên | Số 246 Nguyễn Tất Thành, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk | \* |
|  | 25 | Phòng khám Đa khoa An Bình | Số 112-114 Hùng Vương, thị trấn Quảng Phú, huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk | \* |
|  | 26 | Phòng Chuẩn đoán hình ảnh Bs. Trần Kỹ Dũng | Số 445 Hùng Vương, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk | \* |
|  | 27 | Phòng khám Đa khoa Buôn Hồ | Số 167 Trần Hưng Đạo, TT Buôn Hồ, Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk | \* |
|  | 28 | Phòng khám Đa khoa Thanh Tâm | Số 93 Hai Bà Trưng, TX Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk | \* |
|  | 29 | Phòng khám Đa khoa Quảng đại | Số 80 Cách Mạng Tháng 8, thị trấn Quảng Phú, huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk | \* |
|  | 30 | Phòng khám Đa khoa Ea Kar | Số 267 Nguyễn Tất Thành, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk | \* |
|  | 31 | Hộ Kinh doanh Nguyễn Hữu Thành | Số 153, thôn 13, xã Ea Tiêu, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk | \* |
|  | 32 | Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk | Số 07 Nguyễn Chí Thanh, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk | \* |
|  | 33 | Bệnh viện Đa khoa Công an tỉnh Đắk Lắk | Số 25 Hà Huy Tập, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk | \* |
| **17** | **Đắk Nông** | | | |
|  | 1 | Phòng khám Toàn Đức | Khối 9, thị trấn Kiến Đức, huyện Đắk R’lấp, tỉnh Đắk Nông |  |
|  | 2 | Phòng khám ngoài giờ Bs. Cường | Số 154, đường Nguyễn Tất Thành, thị trấn Đăk Mil, huyện Đăk Mil, tỉnh Đắk Nông |  |
|  | 3 | Bệnh viện Đa khoa huyện Cư Jút | Thi trấn Eatling, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông |  |
|  | 4 | Bệnh viện Đa khoa huyện Đắk R’lấp | Khối 1, thị trấn Kiến Đức, huyện Đắk R’lấp, tỉnh Đắk Nông |  |
|  | 5 | Phòng khám Bs. Hoàng | Thôn Đức Vinh, xã Đức Mạnh, huyện Đăk Mil, tỉnh Đắk Nông |  |
|  | 6 | Bệnh viện Đa khoa huyện Tuy Đức | Thôn 2, xã Đăk Búk So, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông |  |
|  | 7 | Bệnh viện Đa khoa huyện Krông Nô | Thôn Nam Thạnh, xã Nam Đà, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông | 6 tr |
|  | 8 | Phòng khám Phúc An | Tổ dân phố 9, thị trấn Kiến Đức, huyện Đăk R’lấp, tỉnh Đắk Nông |  |
|  | 9 | Bệnh viện Đa khoa huyện Đăk Song | Thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông |  |
|  | 10 | Trung tâm Chẩn đoán Y khoa chất lượng cao | Số 44, đường Lý Thường Kiệt, phường Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông |  |
|  | 11 | Bệnh viện Đa khoa huyện Đắk Mil | Thôn Thuận Sơn, xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông |  |
|  | 12 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đắk Nông | Tổ 4, phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông |  |
|  | 13 | Trung tâm Chẩn đoán Y khoa Đắk Nông | TỉnhĐắk Nông |  |
|  | 14 | Phòng khám Đa khoa Bs. Nguyên | Thôn Kẻ Đọng, xã Đức Minh, Đăk Mil, tỉnhĐắk Nông |  |
|  | 15 | Phòng khám Tâm Đức | Tổ 4, phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông |  |
|  | 16 | Phòng khám Đa khoa An Bình | Huyện Cư Jut, tỉnh Đăk Nông |  |
|  | 17 | Bệnh viện Đa khoa huyện Đắk Glong | Thôn 3, xã Quảng Kê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông |  |
|  | 18 | Phòng khám Bs. Đặng Thành | Tổ dân phố 1, thị trấn Kiến Đức, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông |  |
|  | 19 | Phòng khám Đa khoa An Tâm | Số 61 Nguyễn Văn Linh, Ea T'Ling, huyện Cư Jút, tỉnhĐăk Nông |  |
|  | 20 | Bệnh xá Công an tỉnh | Tổ dân phố 2, phường Nghĩa Phú, huyện Gia Nghĩa, tỉnhĐăk Nông |  |
|  | 21 | Phòng khám Thiên Phước | Khối 1, thị trấn Kiến Đức, huyện Đắk R’lấp, tỉnh Đắk Nông |  |
|  | 22 | Trường Giáo dục đào tạo và Giải quyết việc làm số 1 | Thôn 2, xã Đăk Tik, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông |  |
|  | 23 | Phòng khám Đa khoa 68 Hùng Vương | Số 134 Hùng Vương, phường Nghĩa Trung, Thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông |  |
|  | 24 | Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV | Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông |  |
|  | 25 | Công ty Cổ phần kỹ nghệ gỗ MDF BiSon | Ngã 3 quốc lộ 14 và 14C, xã Thuận Hạnh, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông |  |
| **18** | **Điện Biên – Không tiến hành thanh tra, kiểm tra ATBX năm 2018** | | | |
| **19** | **Đồng Nai** | | | |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Tân Phú | Km126, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Phòng chụp X-quang Đặng Cường Quốc | Số 27, ấp Phú Dũng, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Phòng X-quang Bùi Văn Tùy | Số 2051, ấp Thanh Thọ, xã Phú Xuân, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Phòng chụp X-quang Nguyễn Văn Tiến | Số 734, tổ 1, khu 9, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Hào | Số 52, phố 1, ấp 3, xã Phú Vinh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Chi nhánh Công ty TNHH Vạn Thành Sài Gòn tại Định Quán | Số 45, phố 1, ấp 1, xã Phú Lợi, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Phòng X-quang Nguyễn Hữu Đức | Số 25, khu dân cư 6, ấp 7, xã Gia Canh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Phước Thiền | Số 9B, tỉnh lộ 769, ấp Chợ, xã Phước Thiền, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Tâm Bình An | Số 52, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Phúc Trạch | Ấp 3, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Thành | Khu Phước Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty TNHH MTV Phòng khám Đa khoa Lê Thành | Số 76/7, khu Phước Thuận, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty TNHH MTV Phòng khám Đa khoa Xuân Triệu | K1/25, khu Văn Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Sài Gòn Tam Phước | Số 15, ấp 3, xã Tam Phước, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Ái Nghĩa Đồng Khởi | C4-C5, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Ái Nghĩa Biên Hòa | Số 122-124, Đồng Khởi, khu phố 4, phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty cổ phần Phòng khám Đa khoa Y Sài Gòn | Số 2/8, khu phố 6, phường Tam Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Phòng khám Nội khoa chẩn đoán hình ảnh bác sĩ Lê Nam | Ấp Bảo Định, xã Xuân Định, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Hộ kinh doanh chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh Phan Quang Hải | Quốc lộ1A, ấp Việt Kiều, xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc | Ấp Việt Kiều, xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ | Xã Long Giao, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Trung tâm Y tế thị xã Long Khánh | Số 3, đường CMT8, phường Xuân An, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Hộ kinh doanh phòng chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh Bình | Số 135 Hùng Vương, xã Xuân Hòa, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Sài Gòn - Long Khánh | Số 57 Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố 5, xã Xuân An, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty TNHH Thủy Trung Phòng khám Đa khoa Hoàng Dũng | Số 131, quốc lộ 1A, xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Phòng khám RHM Trần Thị Bích Hà | Số 02/06, ấp Trần Cao Vân, xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Trung tâm y tế huyện Thống Nhất | Xã Bàu Hàm, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Tín Đức | Ấp 3, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Bệnh viện chuyên khoa răng hàm mặt Việt Anh Đức - Chi nhánh công ty cổ phần Việt Anh Đức | Số 3/10-3/11, khu phố 6, đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai | Số 02 Đồng Khởi, phường Tam Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất Đồng Nai | Số 234, quốc lộ 1, phường Tân Biên, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Phòng X-quang Bs. Lại Thế An | Số 574, khu phố 10, phường Tân Biên, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Bệnh viện Quân dân y 7B | Đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | 20 tr |
|  |  | Bệnh xá Công an tỉnh Đồng Nai | Số 32 Hoàng Minh Châu, phường Hòa Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Bệnh viện Nhi Đồng Nai | Khu phố 5, phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Bệnh viện Tâm thần Trung ương 2 | Phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty TNHH Nha khoa Sài gòn B.H | Số 8-8B Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa An Bình Nasa | Số 04 Bùi Văn Hòa, khu phố 11, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty TNHH MTV Thiền Tâm | Số 80, ấp Tân Cang, xã Phước Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Sinh Hậu | Số 27/13, khu phố 5, phường Trảng Dài, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty TNHH Y Công Minh | Số 151/9 Bùi Trọng Nghĩa, khu phố 2, phường Trảng Dài, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Y Đức | Số 93/81/2B, khu phố 8, phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Nha khoa Nam Sài Gòn | Số 141/7, khu phố 6, đường Phạm Văn Thuận, khu phố 5, phường Tam Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty TNHH MTV Phòng khám Đa khoa Thành Tâm | Tổ 14, khu 3, ấp 7, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Long Thành | Khu Phước Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Duy Khang - Chi nhánh Long Thành | Số A1-9, A1-10, khu chợ mới Long Thành, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Long Bình Tân | Số 02 D2, quốc lộ 51, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Phòng khám bệnh Đa khoa - Trung tâm Y tế - Môi trường Lao động Công thương | Tổ 10, khu phố 2, phường Long Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Phòng X-quang Nguyễn Xuân Thơi | Số 30/F2, khu phố 1, phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Tân Long | Số 06, 23, 24/F6, phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Chi nhánh Công ty TNHH MTV Huỳnh Phụng - Phòng khám đa khoa Hoàng Dũng | Số 6/1/2, ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Trảng Bom | Khu phố 5, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Tâm Hồng Phước | Số 148, khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Nha khoa Kiều Phú | Số 229B, đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Phòng khám chuyên khoa RHM Hoàng Gia BH | Số 217A/1, khu phố 4, đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Phòng khám chuyên khoa RHM Tuấn Hường | Số 156-158, khu phố 4, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty TNHH Vạn Thành Sài Gòn | Số 1535 Phạm Văn Thuận, phường Thống Nhất, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Chi nhánh Vạn Thành Sài Gòn | Số 269, đường CMT 8, phường Hòa Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Nha khoa Kim Khôi | Số 164-166, đường 30/4, tổ 9, khu phố 3, phường Trung Dũng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty TNHH Phòng chuyên RHM Ngọc Anh | Số 40, đường Bùi Văn Hòa, khu phố 11, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Quốc tế Mỹ Đức | Số 392, đường Bùi Văn Hòa, tổ 20, khu phố 3, phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Đông Sài Gòn VSLĐ | Số 1A, tỉnh lộ 16, xã Hóa An. TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Trung tâm Bảo vệ sức khỏe lao động và môi trường Đồng Nai | Quốc lộ 1, khu phố 1, phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Dân Y | Số 1/C2, quốc lộ 51, khu phố 1, phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Phòng khám chuyên khoa RHM  Thành Đạt Sài Gòn | Số 13 Nguyễn Ái Quốc, khu phố 8, phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Phòng chụp X-quang Đỗ Minh Mẫn | Số 24, đường Võ Thị Sáu, khu phố 3, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Nhi Sài Gòn - Chi nhánh tại Đồng Nai | Số 185 Phan Trung, khu phố 2, phường Tân Mai, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Phòng X-quang Nguyễn Hoàng Trung | Số 40, đường 30/4, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Hoàng Anh Đức | Trung đoàn 22, Quân đoàn 4, phường Long Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Bệnh viện Y Dược cổ truyền Đồng Nai | Khu phố 9, phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Trung tâm Y tế thành phố Biên Hòa | Số 98/487, khu phố 2, đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Mai, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa Cao su Đồng Nai | Ấp Dưỡng Đường, xã Suối Tre, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Phòng chụp X-quang Cử nhân Lê Quang Hoàng | Số 7, đường Bùi Thị Xuân, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Hộ kinh doanh Nha khoa Vạn Thành Sài Gòn | Số 17 Hùng Vương, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Hộ kinh doanh Phòng khám chuyên khoa X-quang Bs. Nguyễn Trọng Lịch | Số 48 Hùng Vương, xã Xuân Hòa, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Hộ kinh doanh Vạn Thành Sài Gòn | Số 14D Phúc Nhạc, xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Phòng chụp X-quang Nguyễn Thị Nhàn | Số 39/1D, ấp Tây Nam, xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Ái Nghĩa Long Khánh | Số 505 Hồ Thị Hương, xã Bàu Trâm, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Kho cảng tổng hợp tại Đồng Nai – Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại DVSX Hồng Mộc | Kho cảng tổng hợp Đồng Nai, KCN Ông Kèo, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty TNHH Chin Well Fasteners (Việt Nam) | KCN Nhơn Trạch 3, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty TNHH King Car | KCN Nhơn Trạch 3, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Công ty TNHH Unicity Labs Việt Nam | Lô 244, đường số 12, KCN Amata, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Tân Phú | Km126, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Phòng chụp X-quang Đặng Cường Quốc | Số 27, ấp Phú Dũng, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Phòng X-quang Bùi Văn Tùy | Số 2051, ấp Thanh Thọ, xã Phú Xuân, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Phòng chụp X-quang Nguyễn Văn Tiến | Số 734, tổ 1, khu 9, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Hào | Số 52, phố 1, ấp 3, xã Phú Vinh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Chi nhánh Công ty TNHH Vạn Thành Sài Gòn tại Định Quán | Số 45, phố 1, ấp 1, xã Phú Lợi, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Phòng X-quang Nguyễn Hữu Đức | Số 25, khu dân cư 6, ấp 7, xã Gia Canh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Phước Thiền | Số 9B, tỉnh lộ 769, ấp Chợ, xã Phước Thiền, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Tâm Bình An | Số 52, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Phúc Trạch | Ấp 3, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Thành | Khu Phước Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty TNHH MTV Phòng khám Đa khoa Lê Thành | Số 76/7, khu Phước Thuận, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty TNHH MTV Phòng khám Đa khoa Xuân Triệu | K1/25, khu Văn Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Sài Gòn Tam Phước | Số 15, ấp 3, xã Tam Phước, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Ái Nghĩa Đồng Khởi | C4-C5, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Ái Nghĩa Biên Hòa | Số 122-124, Đồng Khởi, khu phố 4, phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty cổ phần Phòng khám Đa khoa Y Sài Gòn | Số 2/8, khu phố 6, phường Tam Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Phòng khám Nội khoa chẩn đoán hình ảnh bác sĩ Lê Nam | Ấp Bảo Định, xã Xuân Định, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Hộ kinh doanh chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh Phan Quang Hải | Quốc lộ1A, ấp Việt Kiều, xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc | Ấp Việt Kiều, xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ | Xã Long Giao, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Trung tâm Y tế thị xã Long Khánh | Số 3, đường CMT8, phường Xuân An, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Hộ kinh doanh phòng chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh Bình | Số 135 Hùng Vương, xã Xuân Hòa, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Sài Gòn - Long Khánh | Số 57 Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố 5, xã Xuân An, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty TNHH Thủy Trung Phòng khám Đa khoa Hoàng Dũng | Số 131, quốc lộ 1A, xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Phòng khám RHM Trần Thị Bích Hà | Số 02/06, ấp Trần Cao Vân, xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Trung tâm y tế huyện Thống Nhất | Xã Bàu Hàm, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Tín Đức | Ấp 3, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Bệnh viện chuyên khoa răng hàm mặt Việt Anh Đức - Chi nhánh công ty cổ phần Việt Anh Đức | Số 3/10-3/11, khu phố 6, đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai | Số 02 Đồng Khởi, phường Tam Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất Đồng Nai | Số 234, quốc lộ 1, phường Tân Biên, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Phòng X-quang Bs. Lại Thế An | Số 574, khu phố 10, phường Tân Biên, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Bệnh viện Quân dân y 7B | Đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Bệnh xá Công an tỉnh Đồng Nai | Số 32 Hoàng Minh Châu, phường Hòa Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Bệnh viện Nhi Đồng Nai | Khu phố 5, phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Bệnh viện Tâm thần Trung ương 2 | Phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty TNHH Nha khoa Sài gòn B.H | Số 8-8B Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa An Bình Nasa | Số 04 Bùi Văn Hòa, khu phố 11, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty TNHH MTV Thiền Tâm | Số 80, ấp Tân Cang, xã Phước Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Sinh Hậu | Số 27/13, khu phố 5, phường Trảng Dài, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty TNHH Y Công Minh | Số 151/9 Bùi Trọng Nghĩa, khu phố 2, phường Trảng Dài, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Y Đức | Số 93/81/2B, khu phố 8, phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Nha khoa Nam Sài Gòn | Số 141/7, khu phố 6, đường Phạm Văn Thuận, khu phố 5, phường Tam Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty TNHH MTV Phòng khám Đa khoa Thành Tâm | Tổ 14, khu 3, ấp 7, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Long Thành | Khu Phước Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Duy Khang - Chi nhánh Long Thành | Số A1-9, A1-10, khu chợ mới Long Thành, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Long Bình Tân | Số 02 D2, quốc lộ 51, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Phòng khám bệnh Đa khoa - Trung tâm Y tế - Môi trường Lao động Công thương | Tổ 10, khu phố 2, phường Long Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Phòng X-quang Nguyễn Xuân Thơi | Số 30/F2, khu phố 1, phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Tân Long | Số 06, 23, 24/F6, phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Chi nhánh Công ty TNHH MTV Huỳnh Phụng - Phòng khám đa khoa Hoàng Dũng | Số 6/1/2, ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Trảng Bom | Khu phố 5, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Tâm Hồng Phước | Số 148, khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Nha khoa Kiều Phú | Số 229B, đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Phòng khám chuyên khoa RHM Hoàng Gia BH | Số 217A/1, khu phố 4, đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Phòng khám chuyên khoa RHM Tuấn Hường | Số 156-158, khu phố 4, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty TNHH Vạn Thành Sài Gòn | Số 1535 Phạm Văn Thuận, phường Thống Nhất, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Chi nhánh Vạn Thành Sài Gòn | Số 269, đường CMT 8, phường Hòa Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Nha khoa Kim Khôi | Số 164-166, đường 30/4, tổ 9, khu phố 3, phường Trung Dũng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty TNHH Phòng chuyên RHM Ngọc Anh | Số 40, đường Bùi Văn Hòa, khu phố 11, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Quốc tế Mỹ Đức | Số 392, đường Bùi Văn Hòa, tổ 20, khu phố 3, phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Đông Sài Gòn VSLĐ | Số 1A, tỉnh lộ 16, xã Hóa An. TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Trung tâm Bảo vệ sức khỏe lao động và môi trường Đồng Nai | Quốc lộ 1, khu phố 1, phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Dân Y | Số 1/C2, quốc lộ 51, khu phố 1, phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Phòng khám chuyên khoa RHM  Thành Đạt Sài Gòn | Số 13 Nguyễn Ái Quốc, khu phố 8, phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Phòng chụp X-quang Đỗ Minh Mẫn | Số 24, đường Võ Thị Sáu, khu phố 3, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Nhi Sài Gòn - Chi nhánh tại Đồng Nai | Số 185 Phan Trung, khu phố 2, phường Tân Mai, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Phòng X-quang Nguyễn Hoàng Trung | Số 40, đường 30/4, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Hoàng Anh Đức | Trung đoàn 22, Quân đoàn 4, phường Long Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Bệnh viện Y Dược cổ truyền Đồng Nai | Khu phố 9, phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Trung tâm Y tế thành phố Biên Hòa | Số 98/487, khu phố 2, đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Mai, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa Cao su Đồng Nai | Ấp Dưỡng Đường, xã Suối Tre, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Phòng chụp X-quang Cử nhân Lê Quang Hoàng | Số 7, đường Bùi Thị Xuân, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Hộ kinh doanh Nha khoa Vạn Thành Sài Gòn | Số 17 Hùng Vương, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Hộ kinh doanh Phòng khám chuyên khoa X-quang Bs. Nguyễn Trọng Lịch | Số 48 Hùng Vương, xã Xuân Hòa, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Hộ kinh doanh Vạn Thành Sài Gòn | Số 14D Phúc Nhạc, xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Phòng chụp X-quang Nguyễn Thị Nhàn | Số 39/1D, ấp Tây Nam, xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Ái Nghĩa Long Khánh | Số 505 Hồ Thị Hương, xã Bàu Trâm, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Kho cảng tổng hợp tại Đồng Nai – Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại DVSX Hồng Mộc | Kho cảng tổng hợp Đồng Nai, KCN Ông Kèo, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty TNHH Chin Well Fasteners (Việt Nam) | KCN Nhơn Trạch 3, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty TNHH King Car | KCN Nhơn Trạch 3, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai | \* |
|  |  | Công ty TNHH Unicity Labs Việt Nam | Lô 244, đường số 12, KCN Amata, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | \* |
| **20** | **Đồng Tháp** | | | |
|  | 1 | Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hồng Ngự | Phường An Lộc, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp |  |
|  | 2 | Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tháp Mười | Khóm 2, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp |  |
|  | 3 | Bệnh viện Quốc tế Thái Hòa | Số 01 Lê Thị Riêng, phường 1, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp |  |
|  | 4 | Trung tâm Y tế huyện Cao Lãnh | Số 20, đường 30/4, khóm Mỹ Tây, thị trấn Mỹ Tho, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp |  |
|  | 5 | Trung tâm Y tế huyện Thanh Bình | Ấp Tân Đông A, thị trấn Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp |  |
|  | 6 | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Tháp | Số 394 Lê Đại Hành, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp |  |
|  | 7 | Trung tâm Y tế huyện Tam Nông | Tôn Thất Tùng, K4, thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp |  |
|  | 8 | Trung tâm Y tế huyện Đồng Tháp | Khóm 2, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp |  |
| **21** | **Gia Lai** | | | |
|  |  | Bệnh viện Nhi Gia Lai | Xã Trà Đà, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai |  |
|  |  | Bệnh viện Lao phổi Gia Lai | Thôn 1, xã Trà Đà, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai |  |
|  |  | Bệnh viện Y dược Cổ truyền và Phục hồi chức năng Gia Lai | Đường Đặng Thùy Trâm, phường Hoa Lư, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa khu vực AyunPa | Số 89 Nguyễn Huệ, thị xã AyunPa, tỉnh Gia Lai |  |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Krông Pa | Số 142 Thống Nhất, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai |  |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Đak Pơ | Thôn 2, thị trấn Đak Pơ, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai |  |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Đức Cơ | Đường Tăng Bạt Hổ, thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai |  |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện ChưPrông | Thị trấn ChưPrông, huyện ChưPrông, tỉnh Gia Lai |  |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Kbang | Số 67 Lê Lợi, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai |  |
| **22** | **Hà Giang** | | | |
| 1. 3 |  | Cửa hàng Vàng bạc đá quý Bảo Ngọc Đức Anh | Số 107 Trần Hưng Đạo, TP. Hà Giang, tỉnh Hà Giang |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa huyện Vị Xuyên | Tổ 10, thị trấn Vị Xuyên, Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang |  |
|  |  | Bệnh viện Phục hồi chức năng Hà Giang | Thôn Vạt, xã Việt Lâm, Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa khu vực huyện Bắc Quang | Tổ 01, thị trấn Việt Quang, Bắc Quang, tỉnh Hà Giang |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Đặng Phúc Diệp | Tổ 01, thị trấn Việt Quang, Bắc Quang, tỉnh Hà Giang |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Bs. Hoàng Văn Tháy | Xã Tân Quang, Bắc Quang, tỉnh Hà Giang |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Trí Đức | Tổ 01, thị trấn Việt Quang, Bắc Quang, tỉnh Hà Giang |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Y cao Hà Nội | Tổ 12, thị trấn Việt Quang, Bắc Quang, tỉnh Hà Giang |  |
|  |  | Phòng khám Nha khoa Cao cấp Thành Giang | Tổ 15, phường Minh Khai, TP. Hà Giang, tỉnh Hà Giang |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Bảo Phúc | Số 43 Nguyễn Thái Học, tổ 10, phường Minh Khai, TP. Hà Giang, tỉnh Hà Giang |  |
|  |  | Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược liệu Tùng Anh – Phòng khám Đa khoa Trí Đức | Tổ 1, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa Nà Trì | Xã Nà Trì, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang | Tổ 10, phường Minh Khai, TP. Hà Giang, tỉnh Hà Giang |  |
|  |  | Bệnh viện Y học Cổ truyền | Tổ 8, phường Ngọc Hà, TP. Hà Giang, tỉnh Hà Giang |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Đức Minh | Phường Nguyễn Trãi, TP. Hà Giang, tỉnh Hà Giang |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hoàng Su Phì | Tổ dân phố III, thị trấn Trần Vinh Quang, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa huyện Quang Bình | Thị trấn Yên Bình, huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang |  |
| **23** | **Hà Nam – Không tiến hành thanh tra, kiểm tra ATBX năm 2018** | | | |
| **24** | **Thành phố Hà Nội** | | | |
|  |  | Nha khoa Hom | Số 30 Triệu Việt Vương, Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Nha khoa Liên Thanh | Số 30A phố Hạ Hồi, đường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Hộ kinh doanh Phòng khám chuyên khoa Xquang tư nhân Thụy Ứng | Tầng 1 nhà 22, phố Tây Sơn, thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Công ty TNHH Y khoa Bạch Mai | Số 188 phố Tây Sơn, thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Công ty Cổ phần Y tế Minh Anh | Số 53 Bế Văn Đàn, quận Hà Đông, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa 125 Thái Thịnh – Công ty Cổ phần Bệnh viện Thái Thịnh | Số 125 Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa 68A | Số 111 Phùng Hưng, quận Hà Đông, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Bình Minh | Số 101 -103 đường Giải Phòng, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Công ty TNHH Y dược Sơn Tùng | Số 595 Hoàng Hoa Thám, quận Ba Đình, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Chi nhánh Công ty TNHH Sức khỏe trọn đời tại thành phố Hà Nội (Phòng khám đa khoa Raffles) | Số 51 Xuân Diệu, phường Quảng An, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Công ty TNHH Y tế Ánh Dương | Số 34 Thợ Nhuộm, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Công ty Cổ phần Phát triển khoa học kỹ thuật y sinh | Số 589 Hoàng Hoa Thám, quận Ba Đình, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Công ty TNHH Khám chữa bệnh và Tư vấn sức khỏe Ngọc Khánh | Số 140 Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Công ty Cổ phần Y tế Hoàng Long | Tầng 10, tòa tháp VCCI, số 9 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Công ty Cổ phần Phát triển kỹ thuật Minh Ngọc | Số 517 đường Lạc Long Quân, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Công ty Cổ phần GreenPet | Lô đất A2CN4, cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Công ty Cổ phần đầu tư MEDI Long Biên | Số 32 phố Việt Hưng, quận Long Biên, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Công ty TNHH Y tế AMTIC | Số 17 Biệt thự 2, khu đô thị Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa Việt Anh | Số 138 Vũ Phạm Hàm, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Công ty Cổ phần Y học Kỳ Hưng | Số 7 lô 01D, khu đô thị Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Xuân Mai | Xã Xuân Trung, Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Phòng khám bệnh Giao thông vận tải Gia Lâm | Số 481 phố Ngọc Lâm, quận Long Biên, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Công ty Cổ phần Phát triển y tế chăm sóc sức khỏe cộng đồng Thanh Xuân | Số 2016 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đồng Hưng | Ngã tư phố Phú Hà, Phú Thịnh, thị xã Sơn Tây, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Công ty Cổ phần Y dược 198 | Số 147 Kim Bài, thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Công ty TNHH Nha khoa Nagomi | Phòng số 221-222-223 Trung tâm Thương mại Indochina Plaza, số 239 Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Công ty Cổ phần Y tế Thành Thịnh | Số 185 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Công ty Cổ phần Dịch vụ giáo dục và y tế Hà Vân (Phòng khám Đa khoa Yecxanh) | Số 221 phố Vọng, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Công ty Cổ phần Y tế VIP 12 | Tầng 3, Tòa nhà Hòa Phát, số 257 Giải Phóng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Công ty TNHH Công nghệ y tế Toàn Cầu | Số 9, ngõ 83 Nguyễn Khang, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Công ty Cổ phần Bệnh viện thẩm mỹ Kangnam | Số 190 A+B, đường Trường Chinh, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Chi nhánh Hoàn Kiếm – Công ty TNHH Bệnh viện Răng hàm mặt quốc tế Sài Gòn | Số 74 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Hộ kinh doanh Răng Hà Nội | Số 117 Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa quốc tế Bắc Hà – Chi nhánh Công ty TNHH Minh Hưng | Số 137 Nguyễn Văn Cừ, quận Long Biên, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Công ty Cổ phần Công nghệ y học Hồng Đức | Số 9 Ngô Thì Nhậm, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội | Số 40A – 40B Tràng Thi, phường Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Phụ sản Trung ương | Số 43 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Nhi Trung ương | Số 18, ngõ 879 đường La Thành, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Phụ sản Hà Nội | Số 929 Đê La Thành, quận Ba Đình, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn | Số 12 Chu Văn An, quận Ba Đình, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Thận Hà Nội | Số 70 Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Nội tiết Trung ương | Khu B Yên Lãng, phường Thái Thịnh, quận Đống Đa và ngõ 215 đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện E | Số 89 Trần Cung, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Tim Hà Nội | Số 92 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm và đường Võ Chí Công, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Phổi Trung ương | Số 463 Hoàng Hoa Thám, quận Ba Đình, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Công ty TNHH Bệnh viện Hồng Ngọc | Số 55 Yên Ninh, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Chi nhánh Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec – Bệnh viện Đa khoa quốc tế Vinmec Times City | Số 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Chuyên khoa Nam học và Hiếm muộn Hà Nội – Chi nhánh số 1 Công ty TNHH Y khoa Việt | Lô 01-8A, cụm tiểu thủ công nghiệp Hai Bà Trưng, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Công ty TNHH Công nghệ và Xét nghiệp Y học | Số 42-44 phố Nghĩa Dũng, phường Phúc Xá, quận Ba Đình, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam – Cu Ba | Số 37 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Mắt Trung ương | Số 85 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Bưu Điện | Số 49 phố Trần Điền, phường Định Công, quận Hoàng Mai và Số 1 phố Yên Bái II, phường phố Huế, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt | Số 1 Tôn Thất Tùng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Công ty TNHH Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội | Số 1 Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp | Xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì và số 16 ngõ 183 Đặng Tiến Đông, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa Vân Đình | Số 1 Thanh Ấm, thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa huyện Ba Vì | Xã Đồng Thái, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Xây dựng | Phố Nguyễn Quý Đức, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Ung bướu Hưng Việt – Công ty Cổ phần kinh doanh Hưng Việt | Số 34 Đại Cổ Việt, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa Đống Đa | Số 192 Nguyễn Lương Bằng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Trung tâm Y tế quận Đống Đa | Số 107 Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Tràng An | Số 59 ngõ Thông Phong, phường Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa Hà Đông | Số 2 Bế Văn Đàn, phường Quang Trung, quận Hà Đông, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Y học Cổ truyền Trung ương | Số 29 Nguyễn Bỉnh Khiêm, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Đại học Quốc gia Hà Nội | Số 144 Xuân Thủy, quận Cầu Giấy  (Tiến hành CVBX: Phòng khám Đa khoa 182 Lương Thế Vinh, quận Thanh Xuân) , TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Da Liễu Trung ương | Số 15A Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Công ty TNHH MTV Bệnh viện Hy vọng mới | Km, đường 5, KCN Phú Thị, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa huyện Mỹ Đức | Thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa huyện Quốc Oai | Thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Công ty TNHH Bệnh viện Việt Bỉ | Số 23 Nguyễn Văn Trỗi, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao Hà Nội | Phố Đỗ Xuân Hợp, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Trung tâm Y tế Bách khoa | Số 5 Tạ Quang Bửu, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Viện sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương | Số 35 đường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa huyện Thường Tín | Thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa huyện Thanh Oai | Thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa Sóc Sơn | Xã Tiên Dược, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Công ty Cổ phần Kinh doanh và Điều trị y tế Đức Kiên (Bệnh viện Đa khoa Hồng Hà) | Số 16 phố Nguyễn Như Đổ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Công ty Cổ phần Dịch vụ y tế Hà Thành (Bệnh viện Đa khoa tư nhân Hà Thành) | Số 61 Vũ Thạch, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Công ty Cổ phần Dịch vụ y tế 7A Quang Vinh | Số 185 Phùng Hưng, quận Hà Đông, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Công an thành phố Hà Nội | Số 9 phố Văn Phú, quận Hà Đông, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Dệt May | Số 454 Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Viện Huyết học truyền máu Trung ương | Phố Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa Nam Thăng Long | Số 40 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Trung tâm Y tế quận Ba Đình | Số 101 Quán Thánh, quận Ba Đình, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Ứng Hòa | Thanh Ấm, thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Trung tâm Pháp y Hà Nội | Số 35 Trần Bình, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Trung tâm Y tế quận Bắc Từ Liêm | Tầng 6, tòa nhà CT5, khu tái định cư Kiều Mai, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Trung tâm Y tế quận Tây Hồ | Số 695 Lạc Long Quân, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường | Số 1B Yecxanh, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Việt Mỹ | Số 84 Ngô Gia Khảm, quận Long Biên, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Phòng khám Chuyên khoa Nhật Việt 4 | Số 266 Lê Thanh Nghị, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Đức Minh | Số 32 Phùng Hưng, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội |  |
| **25** | **Hà Tĩnh** | | | |
|  | 1 | Bệnh viện Đa khoa thành phố Hà Tĩnh | TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh | \* |
|  | 2 | Phòng khám Bs. Toản | TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh | \* |
|  | 3 | Bệnh viện Đa khoa Lộc Hà | Huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh | \* |
|  | 4 | Bệnh viện Đa khoa Thị xã Hồng Lĩnh | Thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh | \* |
|  | 5 | Phòng khám Đa khoa Hồng Hà | Thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh | \* |
|  | 6 | Phòng khám Đa khoa Bình An | Huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh | \* |
|  | 7 | Bệnh viện Đa khoa Vũ Quang | Huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh | \* |
|  | 8 | Phòng khám Việt Pháp | Huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh | \* |
|  | 9 | Bệnh viện Đa khoa Hương Khê | Huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh | \* |
|  | 10 | Bệnh viện Đa khoa huyện Nghi Xuân | Huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh | \* |
|  | 11 | Bệnh viện Đa khoa huyện Kỳ Anh | Huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh | \* |
|  | 12 | Phòng khám Thọ Vinh | Thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh | \* |
|  | 13 | Bệnh viện Đa khoa Cẩm Xuyên | Huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh | \* |
| **26** | **Hải Dương** | | | |
|  |  | Công ty Cổ phần Y tế Bảo An | Khu Phụ Sơn, thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Nam Sơn | Thôn Hiệp Thạch, xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương |  |
|  |  | Công ty Cổ phần Phòng khám Đa khoa Phúc An Hải Dương | Xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương |  |
|  |  | Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Y tế Hiển Minh | Thôn Kim Chuế, xã An Đức, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Thành Đông I thuộc Công ty TNHH Dược phẩm Thành Đông | Thôn Như Trại, xã Bình Giang, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương |  |
|  |  | Công ty Cổ phần Đông dược Thuận Thiên Đường | Lô 30.2-1, khu đô thị An Phú, phường Tân Bình, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương | 5 tr |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Thiện Đức | Thôn Lãng Xuyên, xã Gia Tân, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Hà Nội | Thôn Thái Mông, xã Phúc Thành, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Hải Dương- Thanh Miện | Số 225 Nguyễn Lương Bằng, thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Chất lượng cao Hà Nội | Số 316 Nguyễn Trãi II, Sao Đỏ, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa chẩn đoán hình ảnh BS Giang | Số 686 Trần Phú, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Y cao Thanh Hà | Thôn Cầu Răng, xã Tân An, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương |  |
| **27** | **Thành phố Hải Phòng** | | | |
|  | 1 | Phòng khám Đa khoa Chữ thập đỏ Vĩnh Bảo | Số 37 khu dân cư Bắc Hải, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, TP. Hải Phòng |  |
|  | 2 | Bệnh viện Đa khoa quận Hồng Bà | Số 34 Kỳ Đồng, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng |  |
|  | 3 | Bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Bảo | Số 154 tiểu khu Tân Hòa, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, TP. Hải Phòng |  |
|  | 4 | Viện Y học Hải quân | Số 13 Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, TP. Hải Phòng | 6 tr |
|  | 5 | Phòng khám Đa khoa Nam Cường | Số 139 phố 3/2, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, TP. Hải Phòng |  |
|  | 6 | Chi nhánh Công ty Cổ phần y tế Bình Dân tại Vĩnh Bảo | Xóm 2, xã Tam Cường, huyện Vĩnh Bảo, TP. Hải Phòng |  |
|  | 7 | Bệnh viện Giao thông vận tải Hải Phòng | Số 40 Quốc lộ 5, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng |  |
|  | 8 | Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế GREEN | Số 738 Nguyễn Văn Linh, phường Nệm Nghĩa, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng |  |
|  | 9 | Bệnh viện Phục hồi chức năng Hải Phòng | Khu 1, phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn, TP. Hải Phòng |  |
|  | 10 | Phòng khám Đa khoa Hòa Bình | Số 8 Hòa Bình, phường Tần Thành Ngọ, quận Kiến An, TP. Hải Phòng |  |
|  | 11 | Bệnh viện Đa khoa huyện Thủy Nguyên | Xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng |  |
|  | 12 | Công ty Cổ phần y tế Liên Am | Quốc lộ 37, xã Liên Am, huyện Vĩnh Bảo, TP. Hải Phòng |  |
|  | 13 | Phòng khám Đa khoa Thiên Hương | Xã Trịnh Xá, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng |  |
|  | 14 | Phòng khám Đa khoa 268 Đà Nẵng | Số 268 Đà Nẵng, phường Cầu Tre, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng |  |
|  | 15 | Phòng khóa Đa khoa Đức Trung | Cống Chu – Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng |  |
|  | 16 | Công ty TNHH thương mại Hòa Nga | Số 464 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng |  |
|  | 17 | Bệnh viện Đa khoa Đôn Lương | Khi I, thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, TP. Hải Phòng |  |
|  | 18 | Bệnh viện Trẻ em | Số 285 Trường Chinh, quận Kiến An, TP. Hải Phòng |  |
|  | 19 | Trung tâm Y tế quận Kiến An | Số 360 Trần Thành Ngọ, phường Trần Thành Ngọ, quận Kiến An, TP. Hải Phòng |  |
|  | 20 | Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng | Số 225C Lạch Tray, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng |  |
|  | 21 | Bệnh viện Kiến An | Số 35 Trần Tất Văn, quận Kiến An, TP. Hải Phòng |  |
|  | 22 | Bệnh viện Đa khoa huyện An Lão | Số 99 Nguyễn Văn Trội, thị trấn An Lão, huyện An Lão, TP. Hải Phòng |  |
|  | 23 | Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng | Số 124 Nguyễn Đức Cảnh, phường Cát Dài, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng |  |
|  | 24 | Bệnh viện Đa khoa huyện Kiến Thụy | Thị trấn Kiến Thụy, huyện Kiến Thụy, TP. Hải Phòng |  |
|  | 25 | Bệnh viện Đa khoa huyện Tiên Lãng | Khu 8 thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, TP. Hải Phòng |  |
|  | 26 | Trung tâm Y tế huyện An Dương | Tổ 3 thị trấn An Dương, huyện An Dương, TP. Hải Phòng |  |
|  | 27 | Bệnh viện Đa khoa quận Đồ Sơn | Số 229 Lý Thánh Tông, quận Đồ Sơn, TP. Hải Phòng |  |
|  | 28 | Bệnh viện Y học cổ truyền | Thôn Cái Tắt, xã An Đồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng |  |
|  | 29 | Bệnh viện Đa khoa quận Hải An | Khu K2 Trần Hoàn, phường Đằng Hải, quận Hải An, TP. Hải Phòng |  |
|  | 30 | Công ty TNHH khám chữa bệnh Vạn Phúc | Thôn Trại, xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng |  |
|  | 31 | Bệnh viện Đa khoa Thái Sơn | Số 59 Lầm Tường, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng |  |
|  | 32 | Phòng khám Đa khoa Tân Dương | Số 191 Phố Mới, xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng |  |
|  | 33 | Phòng khám Đa khoa 999 Ngô Gia Tự | 999 Ngô Gia Tự, phường Đằng Hải, quận Hải An, TP. Hải Phòng |  |
|  | 34 | Công ty TNHH khám chữa bệnh số 8 Lán Bè | Số 8A Lán Bè, phường Lam Sơn, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng |  |
|  | 35 | Bệnh viện Đa khoa quận Ngô Quyền | Số 21 Lê Lợi, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng |  |
|  | 36 | Phòng khám Đa khoa Trung Hà | Thôn Rúp, xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng | 2 tr |
|  | 37 | Bệnh viện Tâm thần | Cụm 2, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng |  |
|  | 38 | Phòng khám Đa khoa 118 Trân Tất Văn | Số 138 Trần Tất Văn, phường Phù Liên, quận Kiến An, TP. Hải Phòng | 3,5 tr |
|  | 39 | Viện Y học biển | Đường Hồ Sen, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng |  |
|  | 40 | Phòng khám Đa khoa 324 Trần Nguyên Hãn | Số 324 Trần Nguyên Hãn, Nện Nghĩa, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng | 3,5 tr |
|  | 41 | Phòng khám Đa khoa khu vực 3 thị trấn Tiên Lãng | Khu 3, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, TP. Hải Phòng |  |
|  | 42 | Cong ty TNHH Đầu tư và dịch vụ y tế Điện Biên Phủ | Số 73 Điện Biên Phủ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng |  |
|  | 43 | Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng USCO – Trung tâm Thí nghiệm và kiểm định xây dựng Hải Phòng | Số 2A Phạm Phú Thử, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng |  |
|  | 44 | Công ty Cổ phần dịch vụ kỹ thuật Phateco | Số 5A/613 Thiên Lôi, phương Vĩnh Niệm, quân Lê Chân, TP. Hải Phòng |  |
|  | 45 | Công ty Cổ phần công nghiệp Cửu Long | Km 9 đường Hà Nội, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng |  |
|  | 46 | Công ty Cổ phần Luyện thép cao cấp Việt Nhật | CN3, KCN Nam Cầu Kiều, xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng |  |
|  | 47 | Công ty Cổ phần Habeco – Hải Phòng | Thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão, TP. Hải Phòng |  |
|  | 48 | Viện Tài nguyên và môi trường biển | Số 246 Đà Nẵng, phường Cầu Tre, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng |  |
|  | 49 | Công ty TNHH Dịch vụ kiểm soát chất lượng SQC | Số 14/389 đường 5/1, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng |  |
|  | 50 | Công ty Cổ phần vàng Quang Hạnh | Số 96-98-100 Cầu Đất, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng |  |
|  | 51 | Trường Đại học Hàng hải Việt Nam | Số 484 Lạch Tray, quận Lạch Tray, TP. Hải Phòng |  |
| **28** | **Hậu Giang** | | | |
|  | 1 | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hậu Giang | Ấp 14, khu vực 1, phường III, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang |  |
|  | 2 | Phòng khám Đa khoa Khu vực thị trấn Kinh Cùng | Ấp Hòa Phụng B, thị trấn Kinh Cùng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang |  |
|  | 3 | Phòng X-quang ngoài giờ Lê Thanh Vũ | Số 491 Trần Hưng Đạo, khu vực 3, phường I, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang |  |
|  | 4 | Trung tâm Y tế huyện Châu Thành | Tỉnh lộ 925, ấp Thuận Hưng, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang |  |
|  | 5 | Trung tâm Y tế thị xã Ngã Bảy | Số 228, đường 30/4, khu vực 5, phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang |  |
|  | 6 | Trung tâm Y tế huyện Long Mỹ | Ấp 3, xã Vĩnh Viễn, Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang |  |
|  | 7 | Trung tâm Y tế TP. Vị Thanh | Đường 19/8, ấp 4, xã Vị Tân, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang |  |
| **29** | **Hòa Bình** | | | |
|  | 1 | Phòng khám Đa khoa Tư nhân Đồng Tiến | Phường Đồng Tiến, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 2 | Phòng khám Đa khoa Bảo Nam | Phường Đồng Tiến, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 3 | Phòng khám Đa khoa Tư nhân Hoàng Long | Phường Đồng Tiến, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 4 | Phòng khám Đa khoa Tư nhân Hòa Bình | Phường Đồng Tiến, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 5 | Phòng khám Đa khoa Hải Dương | Phường Đồng Tiến, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 6 | Phòng khám Đa khoa Hà Nội – Hòa Bình | Phường Tân Thịnh, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 7 | Phòng khám Đa khoa SEPENTRUNG Tây Bắc | Đường Trần Hưng Đạo, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 8 | Phòng khám Đa khoa Thái Bình | Phường Thái Bình, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 9 | Bệnh xá – BCH Quân sự tỉnh Hòa Bình | Phường Chăm Mát, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 10 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình | Phường Đồng Tiến, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 11 | Bệnh viện Y học Cổ truyền tỉnh Hòa Bình | Đường Trần Hưng Đạo, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 12 | Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hòa Bình | Phường Đồng Tiến, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 13 | Bệnh viện Đa khoa TP. Hòa Bình | Phường Tân Hòa, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 14 | Công ty TNHH Sankoh Việt Nam | Phường Hữu Nghị, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 15 | Trung tâm Phòng, chống bệnh xã hội tỉnh Hòa Bình | Phường Hữu Nghị, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 16 | Trung tâm Y tế huyện Đà Bắc | Thị trấn Đà Bắc, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 17 | Trung tâm Y tế huyện Kỳ Sơn | Xã Dân Hạ, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 18 | Trung tâm Y tế huyện Cao Phong | Thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 19 | Trung tâm Y tế huyện Kim Bôi | Xã Hạ Bì, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 20 | Trung tâm Y tế huyện Lạc Sơn | Xã Liên Vũ, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 21 | Phòng khám Mỹ Đức | Thị trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 22 | Trung tâm Y tế huyện Lạc Thủy | Thị trấn Chi Nê, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 23 | Phòng khám Chẩn đoán hình ảnh Tuân Khương | Xã Thanh Nông, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 24 | Phòng khám nội tổng hợp Bình An | Thị trấn Chi Nê, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 25 | Trung tâm Y tế huyện Tân Lạc | Xã Mãn Đức, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 26 | Phòng khám Đa khoa Tâm Đức | Thị trấn Mường Khến, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 27 | Trung tâm Y tế huyện Yên Thủy | Thị trấn Hàng Phạm, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 28 | Trung tâm Y tế huyện Mai Châu | Thị trấn Mai Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 29 | Phòng khám Đa khoa Chúc Dần | Thị trấn Mai Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 30 | Phòng khám Đa khoa tư nhân Co Lương | Xã Vạn Mai, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 31 | Công ty TNHH HNT Vina | KCN Lương Sơn, Km 36, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 32 | Công ty TNHH Doosung Tech Vietnam | KCN Lương Sơn, Km 36, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 33 | Công ty TNHH CNPLUS VINA | KCN Lương Sơn, Km 36, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 34 | Trung tâm Y tế huyện Lương Sơn | Thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 35 | Kho lưu giữ nguồn phóng xạ, mẫu chất phóng xạ đã qua sử dụng của Liên đoàn Vật lý Địa chất | Xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình  Địa chỉ trụ sở: Số 1, ngõ 95 đường Chiến Thắng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, TP. Hà Nội. | \* |
|  | 36 | Công ty Cổ phần Xi măng Lương Sơn | Thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 37 | Bệnh xá – Công an tỉnh Hòa Bình | Phường Tân Hòa, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | \* |
| **30** | **Thành phố Hồ Chí Minh** | | | |
|  | 1 | Công ty Cổ phần Chăm sóc sức khỏe AMY | Số 166B Trần Đình Xu, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh | 6 tr |
|  | 2 | Hộ kinh doanh Phòng X quang Bảo Châu | Số 247 Trần Bình Trọng, phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 3 | Công ty TNHH Phòng Khám Đa khoa Nhật Anh | Số 20 Ngô Quyền, phường 6, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh | 6 tr |
|  | 4 | Chi nhánh Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa quốc tế Hạnh Phúc | Số 97 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 5 | Công ty TNHH Một thành viên Bệnh viện Quốc Ánh | Số 104-106-108-110 đường số 54, Khu dân cư Tân Tạo, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh | 6 tr |
|  | 6 | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Vạn Phước | Số 1153, quốc lộ 1A, khu phố 9, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 7 | Bệnh viện quận Bình Tân | Số 809 Hương Lộ 2, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 8 | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Phú Lâm | Số 01-03-05, đường 33A, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 9 | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Quốc tế Sài Gòn | Số 9-11-13-15 Trịnh Văn Cấn, phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 10 | Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Mỹ Đức | Số 04 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 11 | Công ty TNHH Bệnh viện Thánh Mẫu | Số 118 Bành Văn Trân, phường 7, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 12 | Bệnh viện quận Tân Phú | Số 609-611 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 13 | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Hy Vọng | Số 1031B Thoại Ngọc Hầu, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 14 | Công ty TNHH Một thành viên Bệnh viện phụ sản MêKông | Số 243A Hoàng Văn Thụ, phường 1, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 15 | Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng thành phố Hồ Chí Minh | Số 1A Lý Thường Kiệt, phường 7, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 16 | Chi nhánh Công ty Cổ phần Y dược Vietlife-Phòng khám Đa khoa Tư nhân Vietlife-MRI | Số 583 Sư Vạn Hạnh, phường 13, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 17 | Công ty TNHH Nha khoa AAA | Số 416 Lý Thái Tổ, phường 10, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 18 | Trung tâm Y tế Cao su trực thuộc Tổng Công ty Cao su Việt Nam | Số 410 Trường Chinh, phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 19 | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Mặt Trời | Số 89-91 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 20 | Công ty TNHH HECKMANN | Số 4, đường Đoàn Thị Điểm, phường 01, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 21 | Công ty TNHH Xét nghiệm bệnh lý học Việt Nam | Số 630 Nguyễn Chí Thanh, phường 4, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh | 6 tr |
|  | 22 | Công ty TNHH Thực phẩm Tam Hợp | Lầu 5, số 881 Trần Xuân Soạn, phường Tân Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 23 | Công ty TNHH Khám chữa bệnh Nancy | Số 615A Trần Hưng Đạo, phường 01, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh | 6 tr |
|  | 24 | Bệnh viện Quân y 7A | Số 466 Nguyễn Trãi, phường 8, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 25 | Bệnh viện Thống Nhất | Số 01 Lý Thường Kiệt, phường 7, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 26 | Công ty Cổ phần Phòng khám Đa khoa Duy Khang | Số 51-53 đường D4, khu đô thị mới Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh | 6 tr |
|  | 27 | Công ty TNHH MTV Chăm sóc sức khỏe Bờ Biển Tây | Norfolk Mansion, 17-19-21 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 28 | Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Chấn thương Chỉnh hình Sài Gòn | Số 305 Lê Văn Sỹ, phường 1, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 29 | Công ty Cổ phần đầu tư Bệnh viện Xuyên Á | Số 42 quốc lộ 22, ấp Chợ, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 30 | Công ty TNHH Y khoa Quốc tế Thiên Phúc | Số 741-743 quốc lộ 22, thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 31 | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Medic City | Số 4/27A đường Quang Trung, ấp Nam Thới, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 32 | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Xuân Thới | Số 20/4A tổ 1, ấp 2, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 33 | Công ty Cổ phần đầu tư và Dịch vụ Trường Giang Sài Gòn | Số 09 Phùng Khắc Khoan, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 34 | Nha khoa Hoàn Vũ | Số 791 Trần Hưng Đạo, phường 01, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh | 3 tr |
|  | 35 | Hộ kinh doanh Vạn Phước – Nha khoa Vạn Phước | Số 306 đường 3/2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 36 | Trung tâm Kiểm định và khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật phía Nam | Số 28 Mạc Đỉnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 37 | Viện Nghiên cứu dầu và cây có dầu | Số 171 – 175 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 38 | Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh-Công ty Thí nghiệm Điện lực TP. Hồ Chí Minh | Số B84A Bạch Đằng, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 39 | Chi nhánh Viện Ứng dụng ông nghệ tại TP. Hồ Chí Minh | Số 366A Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 40 | Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vi Na | Số 826 An Dương Vương, phường 13, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 41 | Bệnh viện Truyền máu – Huyết học trực thuộc Sở Y tế thành phố | Số 118 đường Hồng Bàng, phường 12, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 42 | Công ty Xuất nhập khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh | Số 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 43 | Công ty TNHH Juki Việt Nam | Lô BE.28-40, đường Tân Thuận và Lô BI.29-33, đường số 6, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 44 | Công ty TNHH Kyoshin Việt Nam | Đường số 12, khu chế xuất Tân Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 45 | Công ty TNHH Sonion Việt Nam | Lô I3-9, khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, Quận 9 |  |
|  | 46 | Công ty TNHH Nidec Việt Nam Coporation | Lô I1-N2, khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh | 10 tr |
|  | 47 | Công ty TNHH một thành viên dược Sài Gòn | Số 18-20 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 48 | Công ty TNHH Sanyo Semiconductor Việt Nam | Đường số 8, khu chế xuất Tân Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 49 | Công ty Cổ phần Kỹ thuật môi trường Việt An | Số 32 Lam Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 50 | Công ty TNHH MTV Ba Son | Số 02 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 51 | Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Phúc An Khang | Số 800 Đồng Văn Cống, khu phố 1, phường Thạnh Mỹ Lộc, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 52 | Công ty Cổ phần Y tế Bảo Ngọc | Số 218 Nguyễn Trãi, phường 3, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh |  |
| **31** | **Hưng Yên** | | | |
|  | 1 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh | Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường An Tảo, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 2 | Bệnh viện Phổi Hưng Yên | Đường Phạm Bạch Hổ, phường Lam Sơn, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 3 | Bệnh viện Sản-Nhi tỉnh Hưng Yên | Thôn Tân Cầu, xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 4 | Bệnh viện Đa khoa tư nhân Hưng Hà | Đường Sơn Nam, phường Lam Sơn, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 5 | Trung tâm Y tế huyện Yên Mỹ | Thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 6 | Phòng khám Đa khoa Việt Mỹ 1 | Số 2 Phố Nối, thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 7 | Phòng khám Đa khoa Thăng Long | Văn Nhuế, thị trấn Bần, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 8 | Phòng khám Đa khoa Thăng Long- Hà Nội | Số 49 Phạm Ngũ Lão, thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 9 | Trung tâm Y tế huyện Văn Lâm | Xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 10 | Phòng khám Đa khoa Thiên Đức | Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 11 | Trung tâm Y tế huyện Văn Giang | Thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 12 | Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc | Khu D, KCN Phố Nối A, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 13 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thái Dương | KCN Phố Nối A, Lạc Đạo, Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 14 | Phòng khám Đa khoa Y Cao Hà Nội | đường 38, xã Minh Đức, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 15 | Trung tâm Y tế Đường bộ II | Xã Cửu Cao, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên |  |
| **32** | **Khánh Hòa** | | | |
|  |  | Bệnh viện 87 Hải Quân – Tổng Cục Hậu cần | Số 78 Tuệ Tĩnh, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa |  |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Khánh Sơn | Thôn Tà Nĩa, xã Sơn Trung, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa |  |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Diên Khánh | Thôn Đông 1, xã Diên Điền, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa |  |
|  |  | Phòng khám Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh Diên Khánh | Số 175 đường Lạc Long Quân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa |  |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Khánh Vĩnh | Tổ 07, thị Trấn Khánh Vĩnh, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa |  |
|  |  | Trung tâm Y tế TP. Nha Trang (Phòng khám Đa khoa khu vực I, II, III, V) | Số 13 Lê Lợi, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa |  |
|  |  | Công ty TNHH SONG HI L-P | Số 1274 đường 2/4, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa |  |
|  |  | Bệnh viện Giao thông vận tải Nha Trang | Phú Thạnh, Vĩnh Thạnh, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Tín Đức | Số 39 Trần Quý Cáp, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa |  |
|  |  | Trường Cao đẳng y tế Khánh Hòa | Số 84 đường Quang Trung, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa |  |
|  |  | Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa | Phường Ninh Hiệp, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa |  |
|  |  | Phòng khám X-quang 120 Tân Định | Số 120 Tân Định, huyện Ninh Hòa, TP. Khánh Hòa |  |
|  |  | Phòng khám chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh Thái Trường | Quãng Hội 2, xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa |  |
| **33** | **Kiên Giang** | | | |
|  | 1 | Bệnh viện Đa khoa huyện An Biên | Thị trấn Thứ Ba, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 2 | Phòng khám Bs. Đồng Vân Trường | Thị trấn Thứ Ba, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 3 | Phòng khám Bs. Lân Hùng Bi | Thị trấn Thứ Ba, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 4 | Bệnh viện Đa khoa huyện An Minh | Khu vực II, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 5 | Phòng khám Nội tổng hợp Bs. Viễn | Ấp 7 sáng, xã Đông Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 6 | Trung tâm Y tế huyện Giang Thành | Ấp Giồng Kè, xã Phú Lợi, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 7 | Phòng khám Đa khoa Bình Dương | Thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 8 | Bệnh viện Đa khoa huyện Gò Quao | Thị trấn Gò Quao, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 9 | Bệnh viện Đa khoa Hà Tiên | Thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 10 | Phòng khám Bs. Tất | Số 348, quốc lộ 80, ấp Thạch Động, xã Mỹ Đức, thị xã. Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 11 | Phòng khám Đa khoa Mỹ Hạnh | Số 236, quốc lộ 80, khu phố Lò Bom, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 12 | Phòng khám Bs. Nguyễn Phú Hiền | Số 339, quốc lộ 80, khu phố Ngã Ba, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 13 | Phòng khám Bs. Lưu Thái Dũng | Số 45, quốc lộ 80, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 14 | Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Quốc | Số 128 đường 30/4, khu phố 1, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 15 | Bệnh viện Đa khoa Quốc tế VINMEC Phú Quốc | Khu Bãi Dài, xã Gành Dầu, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 16 | Phòng khám Vạn Phúc | Số 469 Ngô Quyền, khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 17 | Phòng khám Đa khoa Sài Gòn-Phú Quốc | Số 299A Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 18 | Phòng khám Đa khoa thị trấn An Thới | Số 93 Nguyễn Văn Cừ, thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 19 | Bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Thuận | Thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 20 | Phòng khám Bs. Hà Văn Nhân | Thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 21 | Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng | Huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 22 | Trung tâm Y tế TP. Rạch Giá | Số 71 Mai Thị Hồng Hạnh, Rạch Sỏi, huyện Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 23 | Phòng khám Bs. Nguyễn Ngọc Chúc | Số 03 Mai thị Hồng Hạnh, Rạch Sỏi, huyện Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 24 | Phòng khám Bs. Nguyễn Văn Đài | Số 17 -19 Trần Hưng Đạo, huyện Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 25 | Phòng khám Bs. Trần Quang Phúc | Số 03 Nguyễn Văn Trỗi, phường Vĩnh Thanh Vân, huyện Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 26 | Bệnh viện Đa khoa huyện Tân Hiệp | Thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 27 | Phòng khám Khu vực Tân Thành | Xã Tân Thành, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang |  |
| **34** | **Kon Tum** | | | |
|  | 1 | Công ty Tân Mai-Tây nguyên | Làng Đắk Rao Lớn, thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum |  |
|  | 2 | Bệnh viên Đa khoa Kon Tum | Số 224, đường Bà Triệu, TP. Kon tum, tỉnh Kon Tum |  |
|  | 3 | Trung tâm Y tế huyện KonPlong | Thôn Măng Đen, xã Đăk Long,  huyện KonPlong, tỉnh Kon Tum |  |
|  | 4 | Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy | Thôn 13, xã Đăk Ruồng,  huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum |  |
|  | 5 | Trung tâm Y tế huyện Ngọc Hồi | Số 209 Hùng Vương, thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum |  |
|  | 6 | Trung tâm Y tế huyện Đăk Tô | Khối 9, thị trấn Đăk Tô,  huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum |  |
|  | 7 | Trung tâm Y tế huyện Đăk Hà | Số 05 Đào Duy Từ, thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum |  |
| **35** | **Lai Châu** | | | |
|  | 1 | Phòng khám Đa khoa Hữu nghị 103 Lai Châu | Tổ 1, phường Đoàn kết, TP. Lai Châu, tỉnh Lai Châu | \* |
|  | 2 | Trung tâm Y tế huyện Nậm Nhùn | Thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu | \* |
|  | 3 | Trung tâm Y tế huyện Mường Tè | Khu 8, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu | \* |
|  | 4 | Trung tâm Y tế huyện Than Uyên | Khu 4, thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu | \* |
|  | 5 | Trung tâm Y tế huyện Sìn Hồ | Huyện Sìn Hồ tỉnh Lai Châu | \* |
|  | 6 | Trung tâm Y tế huyện Phong Thổ | Thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu | \* |
| **36** | **Lâm Đồng** | | | |
|  |  | Phòng khám Đa khoa khu vực II Trại Mát | Trại Mát, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | Phòng chụp X-quang Bs. Bùi Thanh Lâm | C60 Phạm Ngọc Thạch, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | Phòng chụp X-quang Bs. Lê Thành Quang | Số 1240 Hùng Vương, thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | Bệnh viện Nhi Lâm Đồng | Số 57 Thánh Mẫu, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | Phòng khám Thiên Ân | Số 4B Phạm Ngọc Thạch, Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | Phòng khám chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh Đông Gia | Số 10 Phan Bội Châu, Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | Phòng X-quang Bác sỹ Lý Minh Thịnh | Quốc lộ 20, Thông Ninh Hòa, Ninh Gia, Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Đạ Tẻh | Khu phố 3 Phạm Ngọc Thạch, thị trấn Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | Phòng chụp X-quang Nguyễn Trí Chức | Số 65 Yên Bình, thị trấn Đinh Văn, Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | Phòng X-quang Bác sỹ Phan Thanh Bình | Số 31 Hải Thượng, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | Trung tâm Y tế Lâm Hà | Km 18, quốc lộ 27, Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | Phòng Chẩn đoán hình ảnh Bình An | Số 09 Đinh Tiên Hoàng, Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng | \* |
|  |  | Phòng chụp X-quang Bác sỹ Nguyễn Đăng Quang | Số 12, đường 28/3, Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng | \* |
|  |  | Phòng X-quang Nguyễn Văn Quang | Khu phố 7, thị trấn Madagui, Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng | \* |
|  |  | Phòng X-quang Minh Phúc | Khu phố 3A, thị trấn Đạ Tẻh, Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng | \* |
|  |  | Phòng chụp X-quang Bác sỹ Nguyễn Tấn Bình | Thôn III, xã Quảng Ngãi, Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng | \* |
|  |  | Phòng chụp X-quang Bác sỹ Bùi Văn Hải | Số 01 Trần Quốc Toản, thị trấn Di Linh, tỉnh Lâm Đồng | \* |
|  |  | Phòng chụp X-quang Nguyễn Đình Minh | Số 25 Lý Thường Kiệt, thị trấn Di Linh, tỉnh Lâm Đồng | \* |
|  |  | Phòng khám Chẩn đoán hình ảnh Bác sỹ Bùi Trọng Khanh | Số 14 Phạm Ngọc Thạch, thị trấn Thạnh Mỹ, Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng | \* |
|  |  | Phòng chụp X-quang Bác sỹ Nguyễn Hoàng Anh | Số 89A Phan Bội Châu, Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng | \* |
|  |  | Phòng chụp X-quang Bác sỹ Hoàng Đăng Sơn | Số 679 Trần Phú, Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng | \* |
|  |  | Phòng chụp X-quang Lê Văn Tám | Số 08 Ngô Gia Tự, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng | \* |
|  |  | Phòng chụp X-quang Bác sỹ Đặng Thanh Quân | Số 14 Hải Thượng, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng | \* |
|  |  | Trung tâm Y tế Đạ Huoai | Khu phố 5, thị trấn Madaguoi, Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng | \* |
|  |  | Trung tâm Y tế Bảo Lâm | Khu 2, thị trấn Lộc Thắng, Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng | \* |
|  |  | Bệnh viện Y học Cổ truyền Bảo Lộc | Số 38 Phạm Ngọc Thạch, Lộc Sơn, Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng | \* |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa 2 Bảo Lộc – Lâm Đồng | Số 02 Đinh Tiên Hoàng, TP. Bảo Lộc, Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng | \* |
|  |  | Trung tâm Y tế thành phố Bảo Lộc | Số 10 Đinh Tiên Hoàng, TP. Bảo Lộc, Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng | \* |
|  |  | Trung tâm Y tế Đam Rông | Thôn Liêng Trang 2, xã Đạ Tông, Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng | \* |
|  |  | Trung tâm Y tế Đơn Dương | Số 46 Phạm Ngọc Thạch, Thạnh Mỹ, Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng | \* |
|  |  | Trung tâm Y tế Lạc Dương | Thôn Hợp Thành, Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng | \* |
|  |  | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Hiếu Thảo | Số 157 Trần Hưng Đạo, xã Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Quảng Trị | \* |
|  |  | Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Lâm Đồng | Số 30B Hải Thượng, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng | \* |
|  |  | Bệnh viện Y học Cổ truyền Phạm Ngọc Thạch | Thôn B Nơh’B, xã Lát, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng | \* |
|  |  | Công ty TNHH Trung tâm Y khoa Pasteur Đà Lạt | Số 35 Hùng Vương, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng | \* |
|  |  | Phòng chụp X-quang Bs. Võ Thành Ngữ | Số 21 Quang Trung, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng | \* |
| **37** | **Lạng Sơn** | | | |
|  |  | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi | Thôn Nà Pàn, đường Song Giáp, xã Hoàng Đồng, TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn |  |
|  |  | Trung tâm Y tế thành phố Lạng Sơn | Số 01, đường Lê Lai, phường Hoàng Văn Thụ, TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn |  |
|  |  | Trung tâm Giám định y khoa | Tầng 3, Khoa khám bệnh, Bệnh viện Đa khoa trung tâm tỉnh Lạng Sơn |  |
|  |  | Phòng khám Nha khoa Cao Chiến | Số 170, đường Trần Đăng Ninh, TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Lạng Sơn | Số 257, đường Trần Đăng Ninh, phường Tam Thanh, TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn |  |
|  |  | Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng | Số 78, đường Lê Hồng Phong, phường Tam Thanh, TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn |  |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Cao Lộc | Khối 6, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn |  |
|  |  | Phòng khám Bắc Sơn | Số 52, tiểu khu Lương Văn Tri, thị trấn Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Tâm Đức | Khối phố Trần Phú, thị trấn Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn |  |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Hữu Lũng | Khu An Ninh, thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa 103 | Số 26, đường Xương Giang, khu An Ninh, thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn | 3 tr |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Chi Lăng | Khu Hòa Bình, thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn | 4 tr |
|  |  | Phòng khám Y khoa Việt Đức | Số 2, đường Hoàng Văn Thụ, khu 1, thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn | 3 tr |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Đình Lập | Khu 5, thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn |  |
|  |  | Phòng khám Hà Nội MEDIC | Số 108, đường Bắc Sơn, thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn |  |
| **38** | **Lào Cai** | | | |
|  |  | Chi nhánh mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai VIMICO | Xã Bản Vược, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Tâm Phúc | Số nhà 495A, đường Hoàng Liên, phường Kim Tân, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Tư nhân Kinh Bắc | Số nhà 158, đường Hàm Nghi, phường Kim Tân, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Số 10 Thanh Phú | Số 10 Thanh Phú, phường Kim Tân, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Trí Đức | Số nhà 06, đường Cao Bá Quát, tổ 10, phường Cốc Lếu, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa Hưng Thịnh | Số nhà 163, đường Tuệ Tĩnh, phường Kim Tân, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa huyện Sa Pa | Tổ 01, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Phòng khám Nội tổng họp Bình Minh | Số nhà 336, đường CMT 8, thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa huyện BảoThắng | Số nhà 299, đường CMT 8, thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Phòng khám Y khoa 103 Hà Nội | Số nhà 308, đường CMT 8, thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa huyện Văn Bàn | Thị trấn Khánh Yên, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Chất lượng cao Minh Hải | Bản Liên Hà 2, xã Bảo Hà, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Hữu Nghị | Tổ dân phố 6B1, thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh | Đường Hàm Nghi, phường Kim Tân, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Hà | Thị trấn Bắc Hà, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa huyện Si Ma Cai | Xã Si Ma Cai, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa huyện Bát Xát | Thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Yên | Khu 7, thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa huyện Mường Khương | Thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Hồng Phúc | Sô nhà 374, đường Hoàng Liên, phường Kim Tân, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Tây Bắc | Số nhà 309, đường Hoàng Quốc Việt, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Bệnh viện Nội tiết tỉnh | phường Kim Tân, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Bệnh viện Y học Cổ truyền tỉnh | Tổ 11, phường Bắc Lệnh, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Phòng khám Tâm Đức – Công ty TNHH Y Tầm Đức | Số nhà 088, đường Hàm Nghi, phường Kim Tân, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Phòng khám Nội tổng hợp Bạch Mai | Số nhà 377A, đường Điện Biên Phủ, tổ 2, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Phòng khám Đa khoa 169 Tuệ Tĩnh | Số nhà 169, đường Tuệ Tĩnh, phường Kim Tân, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh | Phường Bắc Cường, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Cửa hàng Vàng bạc Tính Thúy | Số nhà 020, đường Phan Đình Phùng, phường Phố Mới, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa thành phố Lào Cai | Số 393, đường Điện Biên, phường Duyên Hải, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Cục Hải quan tỉnh Lào Cai | Phường Cốc Lếu, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Phòng khám Bs. Dũng | Số nhà 199b, đường CMT 8, thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa tỉnh | Đường Chiềng On, phường Bình Minh, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Phòng khám Thiên Tâm | Số nhà 088, đường Chiềng On, phường Bình Minh, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Bệnh xá Công an tỉnh | Đường Quang Minh, phường Kim Lân, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | Bệnh xá 24 – Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh | Số 028, đường Hưng Hóa, phường Duyên Hải, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
| **39** | **Long An** | | | |
|  | 1 | Công ty Cổ phần Thép Việt Thành Long An | Km1930, Voi Lá, Long Hiệp, Bến Lức, tỉnh Long An |  |
| 1. 5 | 2 | Công ty TNHH MTV Thép không gỉ Long An | Lô ME7, KCN Đức Hòa 1, ấp 5, Đức Hòa Đông, tỉnh Long An |  |
|  | 3 | Công ty TNHH Sapporo | KCN Việt Hòa, Đức Hòa 3, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An |  |
|  | 4 | Công ty Cổ phần Tập đoàn thép Nguyễn Minh | Lô D1-9-22, KCN Vĩnh Lộc 2, đường VL2, Voi Lá, Long Hiệp, Bến Lức, tỉnh Long An |  |
|  | 5 | Cục Hải quan Long An | Số 398, quốc lộ 1, phường 4, TP. Tân An, tỉnh Long An |  |
|  | 6 | Công ty Cổ phần Sản xuất TM Dịch vụ Phú Thọ | Số 10, ấp 2, Nhựt Chánh, Bến Lức, tỉnh Long An |  |
|  | 7 | Chi nhánh Công ty TNHH Minh Đức - Minh Tâm | Ấp 1, Mỹ Yên, Bến Lức, tỉnh Long An |  |
|  | 8 | Công ty Cổ phần Kim khí Sài Gòn | Km1930, ấp Voi Lá, Long Hiệp, Bến Lức, tỉnh Long An |  |
|  | 9 | Chi nhánh Tổng công ty Liksin- xí nghiệp bao bì Liksin | Đường số 1, KCN Tân Đức, tỉnh Long An |  |
|  | 10 | Công ty TNHH Chiếu xạ Toàn Phát | Lô A24-1, đường Ngang 1, KCN Phú An Thạnh, xã An Thạnh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An |  |
|  | 11 | Công ty Cổ phần TKC Kraft | Lô C13-C16, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), ấp Bình Tiền, xá Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An |  |
|  | 12 | Chi nhánh Tổng công ty Liksin – Xí nghiệp Bao bì An khang Liksin | Số 21-21A, đường Số 3, KCN Tân Đức, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An |  |
|  | 13 | Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cần Giuộc | Số 79 Nguyễn An Ninh, xã Trường Bình, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An |  |
|  | 14 | Công ty TNHH Phong khám Đa khoa An Lộc | Số 28E, đường CMT 8, phường 1, TP. Tân An, tỉnh Long An |  |
|  | 15 | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Mỹ Hạnh | Ấp Mới 2, xã Mỹ Hạn Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An |  |
|  | 16 | Công ty TNHH Dược Phú Khang – Phòng khám Đa khoa Medic Phú Khang | Số 31-33 Nguyễn Hữu Thọ, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An |  |
|  | 17 | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Medic Phước Lợi | Tỉnh lộ 835, ấp 4, xã Phước Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An |  |
|  | 18 | Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Long An SEGAERO | Ấp Mới 1, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An |  |
|  | 19 | Công ty Cổ phần Bệnh viện Tân Tạo | Lô 10, đường Đức Hòa Hạ, KCN Tân Đức, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An |  |
|  | 20 | Công ty Cổ phần Bệnh viện Vạn An 1 | Số 26A, đường Bạch Đằng, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An |  |
|  | 21 | Phòng khám Đa khoa Thanh Lịch | Ấp Long Thới, xã Long Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An |  |
|  | 22 | Phòng khám Bs. Trần Thanh Mân | Khu A, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An |  |
|  | 23 | Phòng khám bệnh Việt An | Khu phố 3, thị trấn Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An |  |
|  | 24 | Trung tâm Y tế huyện Tân Trụ | Đường Nguyễn Trung Trực, thị trấn Tân Trụ, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An |  |
|  | 25 | Công ty TNHH Y khoa 115 | Số 200A, quốc lộ N2, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An |  |
|  | 26 | Phòng X-quang ngoài giờ Bs. Trần Anh Tuấn | Số 16/18 Nguyễn Văn Đẹp, Ô 3, khu A, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An |  |
|  | 27 | Phòng Khám và Xét nghiệm Y khoa Bs. Tâm | Số 13-15 Nguyễn Văn Siêu, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An |  |
| **40** | **Nam Định** | | | |
|  |  | Công ty TNHH Phúc Thành | Số 128-130 Trần Hưng Đạo, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định |  |
|  |  | Công ty TNHH TM Thịnh Vượng | Số 194-196 Trần Hưng Đạo, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định |  |
|  |  | Doanh nghiệp Tư nhân Kinh doanh vàng bạc Đức Hiền | Số 96, khu 3, thị trấn Cồn, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định | 4,5 tr |
|  |  | Doanh nghiệp Tư nhân vàng bạc đá quý Quang Phát | Số 118, khu A1, thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định | 4,5 tr |
|  |  | Doanh nghiệp Tư nhân Quang Thắng | Khu 5, thị trấn Ngô Đồng, huyện Giao Thuỷ, tỉnh Nam Định | 4,5 tr |
|  |  | Doanh nghiệp Tư nhân Vàng bạc Kim Châu Xuân Tiến | Xóm 8, xã Xuân Tiến, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định |  |
|  |  | Doanh nghiệp Tư nhân Vàng bạc Kim Ngọc Xuân Tiến | Xóm 8, xã Xuân Tiến, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định |  |
|  |  | Doanh nghiệp Tư nhân Vàng bạc Kim Đào Xuân Tiến | Xóm 8, xã Xuân Tiến, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định | 4,5 tr |
|  |  | Công ty TNHH Đại Phát Vượng | Số 146 Trần Hưng Đạo, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định | 4,5 tr |
|  |  | Công ty Cổ phần Nam Liên | Khu Cồn Vịt, phường Hạ Long, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa cao cấp Sông Hồng | Số 102 Tô Hiệu, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định |  |
|  |  | Phòng khám Chẩn đoán hình ảnh | Số 360B Trường Chinh, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Nam Đô Hà Nội | Số 72, đường 21B, thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định |  |
| **41** | **Nghệ An – Không tiến hành thanh tra, kiểm tra ATBX năm 2018** | | | |
| **42** | **Ninh Bình – Không tiến hành thanh tra, kiểm tra ATBX năm 2018** | | | |
| **43** | **Ninh Thuận** | | | |
|  | 1 | Phòng chụp X-quang Bs. Trần Ngọc Hiệp | Số 9B, đường 21/8, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận |  |
|  | 2 | Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh | Số 113 Trần Phú, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận |  |
|  | 3 | Bệnh viên Giao thông vận tải Tháp Chàm | Số 95, đường Ngỗ Gia Tự, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận |  |
|  | 4 | Bệnh xá Tỉnh đội | Phường Đô Vinh, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận |  |
|  | 5 | Bệnh xá Công an tỉnh | Số 1 Hàm Nghi, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận |  |
|  | 6 | Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe sinh sản | Số 6, đường 21/8, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận |  |
|  | 7 | Trung tâm Y tế huyện Ninh Hải | Thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Bình Thuận |  |
|  | 8 | Trung tâm Y tế huyện Ninh Phước | Thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận |  |
|  | 9 | Trung tâm Y tế huyện Thuận Bắc | Xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận |  |
|  | 10 | Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Ninh Thuận | KCN Thành Hải, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận |  |
|  | 11 | Bệnh viện Đa khoa khu vực Ninh Sơn | Thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận |  |
|  | 12 | Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn | Xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận |  |
|  | 13 | Trung tâm Y tế huyện Thuận Nam | Trung tâm hành chính huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận |  |
| **44** | **Phú Thọ** | | | |
|  | 1 | Bệnh viện Xây dựng Việt Trì | Phường Thọ Sơn, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 2 | Phòng khám Đa khoa Bạch Mai | Xã Tây Cốc, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 3 | Phòng khám Đa khoa Phong Châu | Khu 14, xã Cổ Tiết, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ | 7 tr |
|  | 4 | Phòng khám Đa khoa Hoa Đăng | Thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 5 | Phòng khám Nha khoa Minh Quân | Số nhà 47, phố Đồng Tâm, thị trấn Đoan Hùng, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 6 | Bệnh viện Y học Cổ truyền và Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ | Phường Gia Cẩm, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 7 | Ban bảo vệ, Chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh | Số 380, đường Tiên Dung, phường Tiên Cát, TP. Việt trì, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 8 | Bệnh viện Đa khoa thị xã Phú Thọ | Số 69 Cao Băng, phường Âu cơ, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 9 | Bệnh viện Lao và bệnh Phổi tỉnh Phú Thọ | Khu 5, xã Thanh Vinh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 10 | Bệnh viện Tâm thần tỉnh Phú Thọ | Phố Hoà Bình, phường Âu cơ, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 11 | Phòng khám Đa khoa Hữu Nghị | Số 132 Cầu Đất, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 12 | Phòng khám Đa khoa Thân Bôn | Số 86 Cầu Đất, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 13 | Trung tâm Y tế huyện Phù Ninh | Khu 12, xã Phú Lộc, Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 14 | Phòng khám Đa khoa Đức Chí | Khu Núi Miếu, thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 15 | Trung tâm Y tế huyện Cẩm Khê | Khu 3, thị trấn Sông Thao, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 16 | Phòng khám Đa khoa Y cao Thiện Đức | Thị trấn Sông Thao, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ | 9 tr |
|  | 17 | Trung tâm Y tế huyện Thanh Ba | Thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 18 | Trung tâm Y tế huyện Thanh Thuỷ | Khu 5, thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 19 | Phòng khám Đa khoa Hà Nội Thanh Thủy | Khu 1, xã Bảo Yên, huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 20 | Trung tâm Y tế huyện Tân Sơn | Xã Tân Phú, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 21 | Phòng khám Y cao Đức Anh | Xã Tân Phú, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 22 | Phòng khám Đa khoa Y Đức 103 | Thị trấn Lâm Thao, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ | \* |
|  | 23 | Phòng khám Đa khoa 103 | Thị trấn Sông Thao, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ | \* |
|  | 24 | Phòng khám Đa khoa Hoa Lan | Thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ | \* |
|  | 25 | Phòng khám Đa khoa Hồng Ngọc | Xã Hương Cần, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ | \* |
| **45** | **Phú Yên** | | | |
|  | 1 | Bệnh viện Sản - Nhi Tỉnh | Số 270 Trần Hưng Đạo, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên |  |
|  | 2 | Trung tâm Y tế huyện Tây Hòa | Thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên |  |
|  | 3 | Trung tâm Y tế Đồng Xuân | Thị trấn La Hai, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên |  |
|  | 4 | Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng | Xã Long Thủy, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên |  |
|  | 5 | Trung tâm Y tế thị xã Sông Cầu | Thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên |  |
|  | 6 | Trung tâm Y tế huyện Tuy An | Thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên |  |
|  | 7 | Trung tâm Y tế huyện Sơn Hòa | Thị trấn Củng Sơn, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên |  |
|  | 8 | Trung tâm Y tế huyện Đông Hòa | Xã Hòa Hiệp Trung, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên |  |
|  | 9 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Yên | Số 15 đường Nguyễn Hữu Thọ, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên |  |
|  | 10 | Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát | KCN Hòa Hiệp, tỉnh Phú Yên |  |
|  | 11 | Cảng hàng không Tuy Hòa | Khu phố 4, phường Phú Thạnh, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên |  |
|  | 12 | Trung tâm Y tế huyện Phú Hòa | Thị trấn Phú Hòa, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên |  |
|  | 13 | Công ty TNHH-Trung tâm Y Khoa Lê Lợi | Số 186-188 Lê Lợi, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên |  |
|  | 14 | Bệnh xá Quân đội | Số 255 đường Trường Chinh, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên |  |
|  | 15 | Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Phú Yên | Số 368 đường Trần Hưng Đạo, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên |  |
|  | 16 | Bệnh viện Công an Tỉnh | Số 44 đường Lê Duẩn, phường 6, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên |  |
|  | 17 | Trung tâm Y tế TP. Tuy Hòa | Phường Phú lâm, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên |  |
|  | 18 | Bệnh viện Y học cổ truyển | Số 399 đường Lê Duẩn, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên |  |
|  | 19 | Trung tâm Y tế Sông Hinh | Thị xã Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên | \* |
|  | 20 | Phòng X-quang Bs. Phòng | Huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên | \* |
|  | 21 | Phòng khám siêu âm và X-quang Bs. Lập | Thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An tỉnh Phú Yên | \* |
|  | 22 | Trạm chuyên khoa Lao tỉnh | Xã Hòa An, huyện Phú Hoà, tỉnh Phú Yên | \* |
|  | 23 | Công ty TNHH Nha khoa Thiên Chương | Số 55 Trần Hưng Đạo, phường 1, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên | \* |
|  | 24 | Trung tâm chẩn đoán Đa khoa Đức Tín | Số 9 đường Mậu Thân, phường 5, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên | \* |
|  | 25 | Phòng chẩn đoán hình ảnh Bs. Ngữ | Tỉnh Phú Yên | \* |
|  | 26 | Phòng khám Bs. Bảo Thảo | Số 25 đường Nguyễn Thái Học, phường 3, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên | \* |
|  | 27 | Phòng X-quang Bs. Ân | Tỉnh Phú Yên | \* |
|  | 28 | Phòng X-quang Bs. Tố | Phường 4, TP. Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên | \* |
|  | 29 | Phòng khám Đa khoa Thiên Anh | Số 186 Trần Hưng Đạo, phường 3, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên | \* |
| **46** | **Quảng Bình – Không tiến hành thanh tra, kiểm tra ATBX năm 2018** | | | |
| **47** | **Quảng Nam** | | | |
|  | 1 | Phòng khám Đa khoa An Hiền – Công ty Cổ phần Y tế An Hiền | Số 68 Nguyễn Du, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam |  |
|  | 2 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam | Số 01 Nguyễn Du, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam |  |
|  | 3 | Bệnh viện Nhi Quảng Nam | Số 46 Lý Thường Kiệt, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam |  |
|  | 4 | Bệnh viện Đa khoa Thái Bình Dương | Số 06 Phan Đình Phùng, TP. Hội An, tỉnh Quảng Nam |  |
|  | 5 | Bệnh viện Đa khoa Hội An | Số 04 Trần Hưng Đạo, TP. Hội An, tỉnh Quảng Nam |  |
|  | 6 | Công ty Cổ phần Bệnh viên Đa khoa Thăng Hoa | Quốc lộ 1A, thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam | 6 tr |
|  | 7 | Bệnh viện Đa khoa Khu vực Quảng Nam | Số 24 Lê Hữu Trác, phường Vĩnh Điện, TP. Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam |  |
|  | 8 | Bệnh viện Y học Cổ truyền Quảng Nam | Số 13 Nguyễn Chí Thanh, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam | 7 tr |
|  | 9 | Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam | Xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam |  |
|  | 10 | Công ty Cổ phần Phòng khám Đa khoa Hồng Phúc | Nhà 60-64, đường Nguyễn Du, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam |  |
|  | 11 | Bệnh viện Đa khoa Minh Thiện | Số 101 Phan Bội Châu, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam |  |
|  | 12 | Trung tâm Y tế huyện Quế Sơn | Thị trấn Đông Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam |  |
|  | 13 | Trung tâm Y tế huyện Bắc Trà My | Thị trấn Trà My, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam | 9 tr |
|  | 14 | Trung tâm Y tế thành phố Tam Kỳ | Số 114 Tôn Đức Thắng, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam |  |
|  | 15 | Công ty TNHH MTV Phòng khám Bình An | Khối phố Long Xuyên 1, thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam | \* |
|  | 16 | Trường Cao đẳng Y tế Quảng Nam | Số 49 Nguyễn Du, phường An Mỹ, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam | \* |
|  | 17 | Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Đức | Thôn 8A, xã Điện Nam Trung, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam | \* |
|  | 18 | Trung tâm Y tế huyện Phước Sơn | Số 02 Lê Hữu Trác, thị trấn Khâm Đức, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam | \* |
|  | 19 | Trung tâm Y tế huyện Tây Giang | Thôn Agrồng, xã A Tiêng, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam | \* |
|  | 20 | Công ty Cổ phần Phòng khám Đa khoa Hồng Phúc | Nhà 60-64, đường Nguyễn Du, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam | \* |
|  | 21 | Công ty Cổ phần Bệnh viên Đa khoa Thăng Hoa | Quốc lộ 1A, thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam | \* |
|  | 22 | Bệnh viện Y học Cổ truyền Quảng Nam | Số 13 Nguyễn Chí Thanh, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam | \* |
|  | 23 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam | Số 01 Nguyễn Du, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam | \* |
|  | 24 | Trung tâm Y tế huyện Bắc Trà My | Thị trấn Trà My, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam | \* |
|  | 25 | Bệnh viện Đa khoa Khu vực Quảng Nam | Số 24 Lê Hữu Trác, phường Vĩnh Điện, TP. Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam | \* |
|  | 26 | Trung tâm Y tế huyện Phú Ninh | Số 101 Phan Bội Châu, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam | \* |
|  | 27 | Bệnh viện Đa khoa Minh Thiện | Số 101 Phan Bội Châu, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam | \* |
|  | 28 | Trung tâm Y tế huyện Duy Xuyên | Số 518 Hùng Vương, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam | \* |
|  | 29 | Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam | Xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam | \* |
| **48** | **Quảng Ngãi** | | |  |
|  |  | Công ty TNHH Apave Châu Á - Thái Bình Dương, | Trụ sở: Tầng 9, tòa nhà Sudio, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình, quận Từ Liêm, TP. Hà Nội  Địa chỉ làm việc tại Quảng Ngãi: Công trường DooSan Việt Nam, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi |  |
|  |  | Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kiểm tra kỹ thuật ALPHA | Địa chỉ làm việc tại Quảng Ngãi: Công trường DooSan, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi |  |
|  |  | Công ty Cổ phần bảo dưỡng và sủa chữa công trình dầu khí (PMS) – Chi nhánh giải pháp công nghệ kiểm tra không phá hủy dầu khí Việt Nam (PVNDT) | Địa chỉ làm việc tại Quảng Ngãi: Thôn Đông Lỗ, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi |  |
|  |  | Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật PHATECO | Địa chỉ làm việc tại Quảng Ngãi: Xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi |  |
| **49** | **Quảng Ninh** | | | |
|  | 1 | Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái | Phường Ninh Dương, TP. Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh |  |
|  | 2 | Trung tâm Y tế huyện Bình Liêu | Thị trấn Bình Liêu, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh |  |
|  | 3 | Trung tâm Y tế huyện Tiên Yên | Thị trấn Tiên Yên, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh |  |
|  | 4 | Trung tâm Y tế huyện Cô Tô | Thị trấn Tô Cô, huyện Tô Cô, tỉnh Quảng Ninh |  |
|  | 5 | Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả | Phường Cẩm Phả, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh |  |
|  | 6 | Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh | Phường Bạch Đằng, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh |  |
|  | 7 | Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí | Phường Quang Trung, TP. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh |  |
|  | 8 | Bệnh viện Y dược Cổ truyền | Phường Hồng Hà, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh |  |
|  | 9 | Phòng khám Nha khoa Hà Nội | Phường Trần Hưng Đạo, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh | 4,5 tr |
|  | 10 | Công ty Nhiệt điện Mông Dương | Phường Mông Dương, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh | \* |
|  | 11 | Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai | Đường Lê Lợi, phường Yếu Kiêu, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh | \* |
| **50** | **Quảng Trị** | | | |
|  | 1 | Trung tâm Y tế huyện Hướng Hóa | Thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị |  |
|  | 2 | Phòng khám Đa khoa Hiệp Đức | Xã Tân Hợp, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị |  |
|  | 3 | Phòng khám Sức khỏe cán bộ tỉnh Quảng Trị | Số 38 Trần Hưng Đạo, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị |  |
|  | 4 | Phòng khám Đa khoa Hồng An | Số 10 Lê Duẩn, phường 1, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị | 4 tr |
|  | 5 | Phòng khám Đa khoa Đức Linh | Số 483A Lê Duẩn, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị |  |
|  | 6 | Trung tâm Y tế huyện Triệu Phong | Thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị | \* |
|  | 7 | Bệnh viện Chuyên khoa Lao và Bệnh phổi Quảng Trị | Phường Đông Lễ, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị | \* |
|  | 8 | Bệnh viện Đa khoa khu vực Triệu Hải | Số 67 Phan Đình Phùng, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị | \* |
|  | 9 | Trung tâm Y tế - Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị | Thôn Trung An, xã Hải Thái, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị | \* |
|  | 10 | Phòng khám Chuyên khoa Tâm Trí | Số 322 Trần Hưng Đạo, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị | \* |
|  | 11 | Công ty TNHH MTV Hoàng Dũng | Số 18 Lê Duẩn, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị | \* |
|  | 12 | Phòng khám Bs. Toàn | Số 77 Hùng Vương, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị | \* |
|  | 13 | Công ty Cổ phần Phòng khám Đa khoa Đức Linh | Số 483A Lê Duẩn, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị | \* |
|  | 14 | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Hồng An | Số 10 Lê Duẩn, phường 1, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị | \* |
|  | 15 | Cơ sở khám, chữa bệnh Tà Rụt thuộc Trung tâm Y tế huyện Đakrông | Km49 Tà Rụt 1, xã Tà Rụt, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị | \* |
| **51** | **Sóc Trăng – Không tiến hành thanh tra, kiểm tra ATBX năm 2018** | | | |
| **52** | **Sơn La** | | | |
|  | 1 | Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Sơn La | Đường Lò Văn Giá, huyện Bản Cá, tỉnh Sơn La |  |
|  | 2 | Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Sơn La | Đường Lò Văn Giá, huyện Bản Cá, tỉnh Sơn La |  |
|  | 3 | Bệnh viện Đa khoa Cuộc sống | Huyện Chiềng Cơi, tỉnh Sơn La |  |
|  | 4 | Phòng khám Đa khoa Bình An | Số 123 đường Lò Văn Giá, huyện Chiềng An, tỉnh Sơn La |  |
|  | 5 | Phòng khám Đa khoa Tâm Đức | Số 2 Cách Mạng Tháng Tám, phường Tô Hiệu, TP. Sơn La, tỉnh Sơn La |  |
|  | 6 | Phòng khám Đa khoa Trường Vinh | Số 223 đường Lò Văn Giá, huyện Chiềng An, tỉnh Sơn La |  |
|  | 7 | Phòng khám Đa khoa Cuộc sống | Số 6 đường Lò Văn Giá, phường Chiềng Lề, TP. Sơn La, tỉnh Sơn La |  |
|  | 8 | Phòng khám Đa khoa Bình Minh | Đường Lê Duẩn, tổ 3, TP. Sơn La, tỉnh Sơn La |  |
|  | 9 | Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Yên | Phiêng Ban III, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La | \* |
|  | 10 | Bệnh viện Đa khoa khu vực Phù Yên | Khối II, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La | \* |
|  | 11 | Phòng khám Nội tổng hợp | Khối III, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La | \* |
|  | 12 | Phòng khám Đa khoa Hải Hùng | Khu đô thị mới, bản Phố, xã Huy Bắc, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La | \* |
|  | 13 | Phòng khám Đa khoa Mường La | Tiểu khu IV, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La | \* |
|  | 14 | Ban Bảo vệ và chăm sóc sức khỏe Tỉnh | Tổ 4, phường Chiềng Lề, TP. Sơn La, tỉnh Sơn La | \* |
|  | 15 | Bệnh viện Quân y 6 | Tổ 1, phường Chiềng Sinh, TP. Sơn La, tỉnh Sơn La | \* |
|  | 16 | Công ty TNHH Đậu Thắm | Số 383 Chu Văn Thịnh, phường Chiềng Lề, TP. Sơn La, tỉnh Sơn La | \* |
|  | 17 | Phòng khám Đa khoa Đức An | Đường quốc lộ 4G, Tổ 6, phường Chiềng Sinh, TP. Sơn La, tỉnh Sơn La | \* |
|  | 18 | Bệnh viện Đa khoa Sốp Cộp | Bản Sốp Nặm, xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La | \* |
|  | 19 | Bệnh viện Đa khoa Sông Mã | Bản Quyết Thắng, xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La | \* |
|  | 20 | Phòng khám Đa khoa CLC Thiện Tâm | Tổ 6, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La | \* |
|  | 21 | Bệnh viện Đa khoa Quỳnh Nhai | Xóm 8, xã Mường Giàng, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La | \* |
|  | 22 | Bệnh viện Đa khoa Thuận Châu | TK21, thị trấn Thuận Châu, tỉnh Sơn La | \* |
|  | 23 | Phòng khám Đa khoa Việt Đức | TK03, thị trấn Thuận Châu, tỉnh Sơn La | \* |
| **53** | **Tây Ninh** | | | |
|  |  | Phòng khám Nội tổng hợp BS. Trần Thành Tấn | Số 226, khu phố Rạch Sơn, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh |  |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Bến Cầu | Ấp Thuận Tây, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh |  |
|  |  | Cục Hải quan Tây Ninh | Cơ sở 1: Cửa khẩu Xa Mát, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh;  Cơ sở 2: Cửa khẩu Mộc Bài, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh | \* |
|  |  | Doanh nghiệp Tư nhân Phúc – V10 | Số E5/3, ấp Long thới, xã Long Thành Bắc, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh | \* |
| **54** | **Thái Bình** | | | |
|  | 1 | Bênh viện Phổi Thái Bình | Đường Trần Lãm, xã Vũ Chính, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 2 | Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Lâm Hoa Hưng Hà | Xã Minh Khai, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 3 | Trung tâm Giám định Y khoa | Lý Bôn, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 4 | Bệnh viện Đại học Y Thái Bình | Lý Bôn, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 5 | Trung tâm Y tế Dự phòng Thái Bình | Đường Hoàng Công Chất, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình. |  |
|  | 6 | Bệnh viện Phong Da liễu Văn Môn | Xã Vũ Vân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 7 | Bệnh viện Đa khoa Đông Hưng | Thị trấn Đông Hưng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 8 | Bệnh viện Đa khoa Vũ Thư | Thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 9 | Bệnh viện Đa khoa Hoàng An | Số 786 Lý Bôn, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 10 | Phòng khám Đa khoa Đại Dương | Xã Nam Chính, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 11 | Bệnh viện Đa khoa Hưng Nhân | Thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 12 | Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình | Số 290 Phan Bá Vành, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 13 | Bệnh viện Đa khoa huyện Thái Thụy | Khu 7, thị trấn Diêm điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. |  |
|  | 14 | Công ty Cổ phần Y tế Phúc Sơn | Xóm 3, xã Thụy Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 15 | Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà | Xã Minh Khai, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. |  |
|  | 16 | Bệnh viện Đa khoa Quỳnh Côi | Thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 17 | Phòng khám Đa khoa Thảo Doanh | Khu 3, xã Tây Giang, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 18 | Bệnh viện Phục hồi chức năng | Đường Ngô Quyền, phường Trần Lãm, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 19 | Phòng khám Đa khoa Quỳnh Côi | Khu 3, thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 20 | Phòng khám Chẩn đoán hình ảnh | Khu 4 thị trấn Quỳnh Côi, Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 21 | Bệnh viện Nhi Thái Bình | Khu Trần Lãm, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình |  |
| **55** | **Thái Nguyên** | | | |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Minh Đức | Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên |  |
|  |  | Bệnh viện Gang thép Thái Nguyên | Phường Trung Thành, TP. thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên |  |
|  |  | Trung tâm Chẩn đoán hình ảnh VIETMED - Công ty Cổ phần Phòng khám Đa khoa Hà Nội - Thái Nguyên | Phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên |  |
|  |  | Trung tâm Y tế TP. Thái Nguyên | Phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | 18 tr |
|  |  | Bệnh viện Điều dưỡng Phục hồi chức năng | Phường Trưng Vương, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa An Phú - Chi nhánh công ty TNHH Hoàng Hà | Tổ 6, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Thi Vân | Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên |  |
|  |  | Chi nhánh phòng khám Đa khoa Việt Bắc - Công ty TNHH Xuân Thành Phát | Số nhà 440/1, đường CMT8, tổ 9 phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | 9 tr |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Lương (nay là Trung tâm Y tế huyện Phú Lương) | Thị trấn Đu, huyện Phú Lượng, tỉnh Thái Nguyên |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Thái Nguyên, Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Y tế Thái Nguyên | Thị trấn Đu, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ | Phố Sơn Tập 3, thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên |  |
|  |  | Phòng khám Tư nhân Dương Hùng | Phố Sơn Tập 3, thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Thiên Hồng | Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên |  |
|  |  | Chi nhánh Phòng khám Trung tâm Phổ Yên - Công ty Cổ phần Y dược Thái Hà | Tổ dân phố 4, phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên | 9 tr |
|  |  | Phòng khám Quân Dân | Phường Mỏ Chè, TP. Sông Công, tỉnh Thái Nguyên | 4,5 tr |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa huyện Đồng Hỷ (nay là Trung tâm Y tế huyện Đồng Hỷ) | Thị trấn Chùa Hang, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên | 10 tr |
|  |  | Công ty Cổ phần phòng khám Đa khoa 103 Hà Nội - Phổ Yên | Đường Phạm Văn Đồng, phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên |  |
|  |  | Phòng khám Trường Cao đẳng Y Thái Nguyên | Phường Thịnh Đán, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên |  |
|  |  | Bệnh viện Chỉnh hình phục hồi chức năng | Phường Thịnh Đán, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên |  |
|  |  | Công ty TNHH Dịch vụ TM Công Minh | Số 335/1, tổ 20, phường Hương Sơn, TP. Thái Nguyên |  |
|  |  | Doanh nghiệp Tư nhân Vàng bạc Kim Quy | Số 19, đường Gang Thép, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên |  |
|  |  | Bệnh viện Trường Đại học Y Thái Nguyên | Số 284 đường Lương Ngọc Quyến, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên |  |
|  |  | Doanh nghiệp Tư nhân Vàng bạc Minh Phúc | Số 253, đường Lương Ngọc Quyến, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên |  |
| **56** | **Thanh Hóa** | | | |
|  | 1 | Cảng Hàng không Thọ Xuân | Thị trấn Sao Đỏ, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa |  |
|  | 2 | Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Phateco | Địa chỉ trụ sở: Số 308 đường Nam Cao, quận Hải An, TP. Hải Phòng |  |
|  | 3 | Công ty Cổ phần Giấy Mục Sơn | Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa |  |
|  | 4 | Công ty TNHH TMDV Trung Tín Á Châu Asia | Địa chỉ trụ sở: Số 25, đường 12A, khu phố Kiên A, phường Phước Long B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 5 | Công ty TNHH Giải pháp CN Kiểm tra không phá hủy Dầu khí Việt Nam | Địa chỉ trụ sở: Số 63, đường 30/4, phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu | 4 tr |
|  | 6 | Bệnh viện Đa khoa Thanh Hà | Quốc lộ 1A, Đồng Hương, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa |  |
|  | 7 | Bệnh viện Đa khoa TP. Thanh Hóa | Số 140 Tràng Thi, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa |  |
|  | 8 | Bệnh viện Đa khoa Phúc Thịnh | Xã Đông Lĩnh, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa | 4 tr |
|  | 9 | Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ | Số 181 Hải Thượng Lãn Ông, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa |  |
|  | 10 | Phòng khám Đa khoa Đàn Hường | Phường Ngọc Trạo, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa |  |
|  | 11 | Phòng khám Đa khoa 244 Hải Thượng Lãn Ông | Số 224 Hải Thượng Lãn Ông, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa |  |
|  | 12 | Công ty Cổ phần Y dược Hoàng Gia:  - Phòng khám Đa khoa 246 Hải Thượng Lãn Ông  - Phòng khám nhi | - Số 246 Hải Thượng Lãn Ông, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;  - Số 116 Đinh Công, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa | 6 tr |
|  | 13 | Phòng khám Đa khoa Giao thông vận tải | Phường Đông Thọ, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa |  |
|  | 14 | Bệnh viên Đa khoa Nga Sơn | Thị trấn Nga Sơn, Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa |  |
|  | 15 | Bệnh viện Điều dưỡng phục hồi chức năng Thanh Hóa | Số 36, đường Bắc Sơn, TP. Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa |  |
|  | 16 | Bệnh xá Z111 – Tổng cục CNQP | Số 248 đường Bà Triệu, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa |  |
| **57** | **Thừa Thiên Huế** | | | |
|  | 1 | Trung tâm Y tế huyện Quảng Điền | Thị trấn Sịa, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên – Huế |  |
|  | 2 | Bệnh viện Trường Đại học Y dược Huế | Số 41 Nguyễn Huệ, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên-Huế |  |
|  | 3 | Trung tâm Y tế huyện Phú Vang | Thôn Hòa Tây, xã Phú Đa, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên-Huế |  |
|  | 4 | Trung tâm Y tế thị xã Hương Thủy | Số 02 Quang Trung, phường Thủy Lương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên-Huế |  |
|  | 5 | Bệnh viện Đa khoa Bình Điền | Thôn Đông Hòa, xã Bình Điền, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên-Huế |  |
|  | 6 | Trung tâm Y tế huyện Phú Lộc | Khu vực 4, thị trấn Phú Lộc, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên-Huế |  |
|  | 7 | Phòng khám Đa khoa Việt Nhật thuộc TTTV&DV Sức khỏe sinh sản | Lô C1, khu quy hoạch xã Thủy Lương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên-Huế |  |
|  | 8 | Bệnh viện Giao thông vận tải | Số 17 Bùi Thị Xuân, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên-Huế |  |
|  | 9 | Bệnh xá thuộc Phòng Hậu cần kỹ thuật Công an tỉnh Thừa Thiên-Huế | Số 27 Trần Cao Vân, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên-Huế |  |
|  | 10 | Bệnh viện Răng hàm mặt Huế | Số 83 Nguyễn Huệ, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên-Huế |  |
|  | 11 | Phòng khám Nguyễn Văn Thái | Số 9A, đường Hà Nội, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên-Huế |  |
|  | 12 | Phòng khám An Thạnh | Số 46 Võ Thị Sáu, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên-Huế |  |
|  | 13 | Phòng khám Đa khoa Nguyễn Xuân Dũ | Số 120 Đặng Thái Thân, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên-Huế |  |
|  | 14 | Phòng khám Đa khoa Nguyễn Quang Hợp | Số 02, kiệt 91 Lê Đại Hành, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên-Huế |  |
|  | 15 | Bệnh viện Y học Cổ truyền tỉnh Thừa Thiên-Huế | Số 01 Nguyễn Trãi, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên-Huế |  |
|  | 16 | Phòng khám Đa khoa Âu Lạc-Thanh Sơn | Lô 35, khu tái định cư Thượng Thành Eo Bầu, phường Hương Sơn, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên-Huế |  |
|  | 17 | Công ty Cổ phần Xi măng Đồng Lâm | Thôn Cổ Xuân, xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên-Huế |  |
| **58** | **Tiền Giang** | | | |
|  | 1 | Trung tâm Y tế Châu Thành | Ấp Rẫy, thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 2 | Phòng X-quang Đỗ Thành Hoàng | Số 50 Hùng Vương, phường 1, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 3 | Trung tâm Y tế Tân Phước | Khu IV, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 4 | Bệnh viện Y học Cổ truyền Tiền Giang | Số 03 Thủ Khoa Huân, phường 1, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 5 | Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy | Quốc lộ 1, khu 4, thị trấn Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 6 | Trung tâm Y tế TP. Mỹ Tho | Số 57 Hùng Vương, phường 7, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 7 | Phòng X-quang Lê Thanh Liêm | Số 25/107, đường Mỹ Trang, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 8 | Phòng Chẩn đoán hình ảnh Hòa Thinh | Ấp Hòa Thinh, xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 9 | Phòng khám Đa khoa Nguyên Phương | Số 271B, khu 4, thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 10 | Phòng khám Đa khoa Khu vực Hậu Mỹ Bắc A | Ấp Mỹ Chánh 5, xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 11 | Trung tâm Y tế huyện Cái Bè | Ấp Hòa Phúc, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 12 | Phòng khám Dân lập An Mỹ | Ấp 1, xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 13 | Phòng khám Đa khoa Phước Thịnh SG | Số 176-178 Nguyễn Thị Thập, khu phố 5, phường 10, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 14 | Phòng khám Đa khoa Tư nhân Hậu Mỹ | Ấp Hậu Phú 1, xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 15 | Phòng khám Đa khoa DL Bình An | Ấp Bình An, xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 16 | Công ty TNHH VBL Tiền Giang | KCN Mỹ Tho, huyện Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 17 | Trung tâm Y tế Gò Công Tây | Đường Thiện Chí, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 18 | Phòng khám Đa khoa Long Bình | Ấp Hòa Phú, xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 19 | Trung tâm Y tế Tân Phú Đông | Ấp Tân Thạnh, xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 20 | Trung tâm Y tế Gò Công Đông | Ấp Hòa Thơm, thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 21 | Phòng khám Chẩn đoán hình ảnh X-quang | Số 1536, đường 862, phường 5, thị xã Gò Công, huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 22 | Bệnh viện Đa khoa Khu vực Gò Công | Khu phố 4, phường 5, thị xã Gò Công, huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 23 | Phòng khám Đa khoa khu vực Bình Đông | Ấp Muôn Nghiệp, xã Bình Đông, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang |  |
| **59** | **Trà Vinh** | | | |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải | Ấp Bến Chuối, xã Long Toàn, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh | **\*** |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Cầu Kè | K4, thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh | **\*** |
|  |  | Phòng khám Ngoài giờ Bs. Phạm Văn Triều | Số 234 Nguyễn Đáng, K8, phường 6, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh | **\*** |
|  |  | Bệnh viện Quân dân y Trà Vinh | Số 219 Nguyễn Thị Minh Khai, K6, phường 7, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh | **\*** |
|  |  | Phòng chụp X-quang Bs. Huỳnh Hữu Nhân | Số 139 Nguyễn Văn Trỗi, K7, phường 6, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh | **\*** |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiểu Cần | Ấp Đại Mong, xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh | **\*** |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Trà Cú | K1, thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh | **\*** |
|  |  | Phòng khám Ngoài giờ Bs. Dũng – Thủy | Số 7A Nguyễn Đáng, K1, phường 7, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh | **\*** |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa Minh Tâm | Số 36 Nguyễn Đáng, K10, phường 9, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh | **\*** |
|  |  | Phòng khám Ngoài giờ Bs. Nguyễn Sơn Hải | Khóm 3, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh | **\*** |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa Trà Vinh | Số 27 Điện Biêm Phủ, phường 6, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh | **\*** |
|  |  | Bệnh viện Y dược Cổ truyền Trà Vinh | Quốc lộ 53, Bến Có, Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh | **\*** |
| **60** | **Tuyên Quang** | | | |
|  | 1 | Bệnh viện Công an tỉnh | Tổ 8, phường Tân Hà, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang |  |
|  | 2 | Bệnh viện Đa khoa huyện Yên Sơn | Xã An Tường, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang |  |
|  | 3 | Bệnh viện Suối khoáng Mỹ Lâm | Xã Mỹ Lâm, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang |  |
|  | 4 | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Tuyên Quang | Phường Phan Thiết, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang |  |
|  | 5 | Phòng khám Đa khoa khu vực Trung Môn | Xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang |  |
|  | 6 | Phòng khám Đa khoa khu vực Tháng Mười | Xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang |  |
|  | 7 | Bệnh xá Nhà máy Z129 | Thị trấn Tân Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang |  |
|  | 8 | Bệnh viện Đa khoa huyện Sơn Dương | Thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang |  |
|  | 9 | Bệnh viện Đa khoa khu vực Kim Xuyên | Xã Hồng Lạc, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang |  |
|  | 10 | Phòng khám Đa khoa khu vực Tân Trào | Xã Tân Trào, huyện DSơn Dương, tỉnh Tuyên Quang |  |
|  | 11 | Phòng khám Đa khoa 153 | Phường Phan Thiết, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang |  |
|  | 12 | Bệnh viện Y dược cổ truyền Tuyên Quang | Số 38, đường Tuệ Tỉnh, phường Tân Hà, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang |  |
|  | 13 | Phòng khám Đa khoa khu vực Sơn Nam | Huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang |  |
| **61** | **Vĩnh Long** | | | |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Long | Số 301 Trần Phú, phường 4, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long |  |
|  |  | Trung tâm Giám định y khoa | Số 303 Trần Phú, phường 4, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long |  |
|  |  | Trung tâm Y tế Nguyễn Văn Thủ huyện Vũng Liêm | Thị trấn Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa huyện Bình Tân | Ấp Thành Nhân, xã Thành Lợi, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long | 6 tr |
| **62** | **Vĩnh Phúc – Không tiến hành thanh tra, kiểm tra ATBX năm 2018** | | | |
| **63** | **Yên Bái** | | | |
|  |  | Bệnh viện Giao thông vận tải Yên Bái | Số 170, đường Thanh niên, phường Hồng Hà, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái |  |
|  |  | Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Yên Bái | Phường Minh Tân, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa khu vực Hưng Khánh | Xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái |  |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Trấn Yên | Thị trấn Cổ Phúc, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái |  |
|  |  | Bệnh viện Y học cổ truyền | Số 723 đường Yên Ninh, phường Minh tân, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Hiệu Hoa–Hà Nội | Số nhà 642A đường Điện Biên, phường Minh Tân, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa Hữu nghị 103 | Tổ 44, phường Nguyễn Phúc, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái |  |
|  |  | Công ty TNHH Một thành viên Y học Minh Tâm (Phòng khám Việt Nga) | Số 01, đường Ngô Gia Tự, phường Đồng Tâm, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái |  |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Mù Cang Chải | Tổ 8, thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái |  |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Văn Yên | Xã Hồng Phong, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Hữu Nghị 103 Văn Yên | Khu phố II, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái |  |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Yên Bình | Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái |  |
|  |  | Công ty Cổ phần Y dược Yên Bái, Phòng khám Đa khoa Hồng Hà | Tổ III, khu phố II, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa 108 – Hà Nội | Tổ 17, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái |  |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Văn Chấn | Thị trấn Nông trường Trần Phú, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái |  |
|  |  | Bệnh viện Đa khoa khu vực Nghĩa Lộ | Tổ 1, phường Pú Trạng, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái |  |

**Kết quả thanh, kiểm tra ATBX trong năm 2018:**

Số Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành thanh, kiểm tra ATBX năm 2018: 54 Sở

Tổng số cơ sở được các Sở KH&CN thanh tra, kiểm tra trong năm 2018: 1211 cơ sở

Tổng số cơ sở bị các Sở KH&CN xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền): 49 cơ sở

Tổng số tiền phạt: 306 triệu đồng.

\_\_\_\_\_\_\_\_

Ghi chú: (\*) - Các cơ sở được Sở KH&CN tiến hành kiểm tra.

## PHỤ LỤC 6. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN CỦA LÒ PHẢN ỨNG NGHIÊN CỨU NĂM 2018

**Tình hình hoạt động của lò phản ứng nghiên cứu**

Hiện tại Việt Nam có duy nhất một lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu (Đà Lạt) thuộc Viện Nghiên cứu hạt nhân (số 1 Nguyên tử lực, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng) trực thuộc Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam.

Lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu (lò phản ứng hạt nhân) được cải tạo từ lò TRIGA Mark II do Mỹ thiết kế và đưa vào hoạt động từ năm 1963 đến năm 1968 với công suất 250 kW. Giai đoạn năm 1974-1975, toàn bộ nhiên liệu của lò phản ứng hạt nhân được lấy ra khỏi vùng hoạt và chuyển về Mỹ. Năm 1976-1980, lò phản ứng được cải tạo và thiết kế dưới sự hỗ trợ của Liên Xô cũ và chính thức vận hành từ tháng 3/1984 với công suất danh định là 500 kW. Tuy nhiên, đến năm 1997, lò phản ứng mới thực hiện thủ tục cấp phép theo quy định của Pháp lệnh An toàn và kiểm soát bức xạ năm 1996. Căn cứ xem xét, đánh giá hoạt động của lò phản ứng dựa chủ yếu trên bản Báo cáo đánh giá an toàn (SAR) được thực hiện trong khuôn khổ hợp tác và hỗ trợ nghiên cứu của cơ quan nguyên tử năng quốc tế (IAEA). Bản SAR đầu tiên này được hoàn thành vào năm 1989, gọi là SAR-1989.

Phiên bản thứ hai của SAR được thực hiện từ năm 1999 đến năm 2003 (SAR-2003). SAR-2003 gồm 20 chương, trong đó các tiêu chí đánh giá đều tuân thủ theo các tiêu chí hiện hành của IAEA, trong đó các số liệu thêm vào SAR-1989 và các khuyến cáo của IAEA cũng như của các chuyên gia quốc tế. SAR-2003 được dùng như là tài liệu chính để căn cứ, xem xét cấp phép cho lò phản ứng nghiên cứu (Giấy phép số 380/GP-BKHCN ngày 18/3/2004) cho phép vận hành và khai thác sử dụng lò phản ứng trong thời hạn 5 năm.

Phiên bản thứ 3, SAR-2009, là bản cập nhật của SAR-2003 trong đó bổ sung các thông tin, số liệu của lò phản ứng nghiên cứu trong giai toàn từ 2004 đến 2008: nâng cấp, thay thế hệ thống điều khiển lò phản ứng, dự án chuyển đổi một phần từ nhiên liệu có độ giàu cao (HEU) sang nhiên liệu có độ giàu thấp (LEU) và dự án nâng cấp hệ thống an ninh cho lò phản ứng nghiên cứu. Dựa trên cơ sở đó, Bộ Khoa học và Công nghệ đã cấp giấy phép vận hành lò phản ứng với công suất 500 kW – giấy phép số 1846/GP-BKHCN ngày 04/9/2009, hạn đến hết ngày 30/8/2014.

Năm 2013, sau khi hoàn thành dự án chuyển đổi toàn bộ nhiên liệu của lò phản ứng từ HEU sang LEU, lò phản ứng nghiên cứu đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy phép vận hành lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu với nhiên liệu độ giàu thấp cho mục đích:

- Sản xuất đồng vị phóng xạ;

- Phân tích kích hoạt nơtron;

- Nghiên cứu khoa học sử dụng Lò phản ứng hạt nhân;

- Đào tạo nhân lực.

Giấy phép vận hành này có hiệu lực trong vòng 10 năm với công suất danh định 500 kW, thông lượng nơtron nhiệt cực đại là 2 x 1013 nơtron/cm2.s, nhiên liệu loại VVR-M2 có độ giàu thấp (Hỗn hợp UO2 + Al, độ giàu 19,75%).

**Tình hình quản lý và bảo đảm an toàn hạt nhân, an toàn bức xạ đối với lò phản ứng nghiên cứu**

Trong năm 2018, lò phản ứng hạt nhân đã vận hành được 16 đợt chạy lò dài ngày (1 đợt 80 giờ, 1 đợt 120 giờ, 5 đợt 130 giờ và 9 đợt 150 giờ) ở công suất danh định 500 kW phục vụ cho việc chiếu mẫu để sản xuất các chất đồng vị phóng xạ, chiếu xạ kích hoạt mẫu để phân tích các nguyên tố và tiến hành các thí nghiệm nghiên cứu khoa học kết hợp khác. Ngoài các đợt vận hành lò dài ngày, thời gian còn lại được dành cho công tác kiểm tra bảo dưỡng, sửa chữa các máy móc thiết bị thuộc các hệ thống công nghệ lò phản ứng (LPƯ) hoặc vận hành lò ở công suất thấp và thời gian ngắn phục vụ cho các thí nghiệm nghiên cứu và công tác đào tạo, huấn luyện cán bộ cho Ngành. Tổng thời gian LPƯ hoạt động ở công suất trong năm 2018 khoảng 2300 giờ với năng lượng giải phóng 48 MWd. Tổng cộng khoảng 370 Ci các loại đồng vị phóng xạ đã được sản xuất trên lò phản ứng hạt nhân và cung cấp cho 14 cơ sở, bệnh viện trong nước. Các mẫu sinh học, mẫu địa chất, mẫu trầm tích,… cũng được chiếu xạ trên LPƯ phục vụ cho việc nghiên cứu và triển khai.

Trong năm 2018 đã xảy ra 02 lần dập lò tự động do nháy điện lưới thành phố, không xảy ra dập lò do sai hỏng thiết bị trên các hệ công nghệ LPƯ hoặc do sai sót của nhân viên vận hành.

***2.1. Công tác kiểm tra, hiệu chuẩn, bảo dưỡng và theo dõi nhằm bảo đảm an toàn hạt nhân***

Viện Nghiên cứu hạt nhân vận hành lò phản ứng nghiên cứu theo đúng các điều kiện và giới hạn vận hành của lò phản ứng quy định tại điều kiện giấy phép. Các hệ thống công nghệ được kiểm tra, bảo dưỡng và hiệu chuẩn định kỳ theo đúng các yêu cầu về kỹ thuật. Tất cả các hệ thống, chức năng cơ bản liên quan đến an toàn đều được kiểm tra trước khi vận hành như: các giới hạn an toàn, các ngưỡng đặt của hệ thống an toàn, các điều kiện và giới hạn vận hành an toàn, các yêu cầu về giám sát (giám sát độ phản ứng, giám sát hệ thống an toàn của lò phản ứng).

Để đảm bảo cho LPƯ hoạt động an toàn và theo đúng kế hoạch đề ra, công tác kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng định kỳ thiết bị của các hệ công nghệ lò phản ứng hạt nhân đã được quan tâm thực hiện thường xuyên. Thông qua nhiệm vụ Thường xuyên theo chức năng về Vận hành, Duy tu và Nâng cấp các hệ Công nghệ lò phản ứng hạt nhân năm 2018, một số thiết bị phục vụ cho công việc sửa chữa và bảo dưỡng đã được mua bổ sung, một số thiết bị/hệ thống của hệ công nghệ LPƯ đã được duy tu nâng cấp hoặc thay mới, góp phần đảm bảo cho việc vận hành an toàn LPƯ.

Công việc đảm bảo chất lượng và kiểm tra định kỳ các thông số hóa học của nước trong bể lò và trong bể chứa nhiên liệu đã cháy được quan tâm thực hiện thường xuyên. Độ pH và độ dẫn điện nước lò luôn được duy trì trong giới hạn vận hành cho phép (độ pH khoảng 5,5 - 5,7 và độ dẫn điện từ 0,4 - 0,5 μS/cm); độ pH của nước trong bể chứa nhiên liệu đã cháy được duy trì trong khoảng từ 5,6 - 5,8 và độ dẫn điện được giữ không lớn hơn 1,0 μS/cm. Việc bổ sung nước cho bể lò và bể chứa nhiên liệu đã cháy luôn được thực hiện kịp thời. Năm 2018 đã xử lý và cung cấp khoảng 15 m3 nước khử khoáng để bổ sung cho bể lò và bể chứa nhiên liệu đã cháy.

Việc đo đạc và theo dõi các đồng vị phóng xạ 135Xe, 41Ar, 28Al và 56Mn trong nước lò trên hệ phổ kế gamma được thực hiện thường xuyên vào những đợt vận hành lò dài ngày để thu nhận thông tin liên quan đến sản phẩm phân hạch, công suất lò và sự ăn mòn trong bể lò nhằm đảm bảo cho lò hoạt động an toàn. Kết quả xác định các đồng vị phóng xạ trong nước lò trong năm 2018 cho thấy không có những trường hợp thay đổi đặc biệt nào đáng quan tâm; điều đó chứng tỏ chất lượng nước trong bể lò luôn đảm bảo và không có bất thường nào liên quan đến tính toàn vẹn của vỏ bọc nhiên liệu.

Công việc quan sát, ghi hình bằng video camera và vệ sinh hút bẩn các cấu kiện bên trong bể lò được thực hiện 02 lần trong năm 2018, đảm bảo giữ cho đáy thùng lò và những nơi có thể lắng đọng bụi luôn sạch, giảm thiểu sự ăn mòn cục bộ. Kết quả đánh giá từ những lần kiểm tra, khảo sát thùng lò bằng thiết bị video camera phân giải cao cho thấy chưa có diễn biến đáng kể đối với tình trạng ăn mòn của thùng lò và các cấu kiện bên trong bể lò.

***Một số sự kiện bất thường trong công tác vận hành lò phản ứng:***

Trong năm 2018 không xảy ra sự kiện bất nào trong quá trình vận hành LPƯ.

***2.2. Công tác bảo đảm an toàn bức xạ***

Công tác đảm bảo an toàn bức xạ năm 2018 tại Viện nghiên cứu hạt nhân được thực hiện nghiêm túc theo hướng dẫn tại các các văn bản quy định hiện hành của nhà nước về đảm bảo an toàn bức xạ, hạt nhân. Một số nội dung chính để thực hiện đảm bảo an toàn bức xạ tại viện NCHN có thể kể ra như sau:

*a) Kiểm soát sự phát thải sinh ra từ hoạt động của LPƯ và hoạt động nghiên cứu - triển khai:*

Việc kiểm soát khí thải phóng xạ trong hệ thông gió V1, hút khí từ LPƯ và sau đó đi qua ống thải khí cao 40 m, được thực hiện bằng hệ kiểm soát khí thải AMS-4 đặt sau phin lọc của hệ thông gió. Hệ AMS-4 kiểm soát định kỳ hoạt độ khí trơ, Iốt phóng xạ và son khí trong dòng không khí thải ra từ hệ V1. Tổng hoạt độ khí trơ thải ra môi trường đo được trong các đợt vận hành Lò phản ứng năm 2018 là 4,63x1010 Bq, nhỏ hơn so với quy định theo Thông tư số 22/2014/TT-BKHCN về quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng. Kết quả đo hoạt độ phóng xạ của Iốt và son khí qua hệ AMS-4 rất thấp.

Việc tiếp nhận và xử lý nước thải phóng xạ sinh ra từ công việc vận hành LPƯ và sản xuất đồng vị phóng xạ được thực hiện thường xuyên. Nước sau khi qua hệ thống xử lý nước thải phóng xạ (đặt ở tầng hầm nhà số 2) được lấy mẫu kiểm tra và chỉ thải ra môi trường khi các thông số hóa lý thấp hơn giới hạn cho phép. Trong năm 2018 đã thu nhận và xử lý khoảng 23 m3 nước thải phóng xạ sinh ra từ hoạt động vận hành LPƯ và sản xuất đồng vị phóng xạ; cũng đã xử lý được 4 m3 nước thải phóng xạ thứ cấp (chủ yếu sinh ra trong quá trình tái sinh các phin nhựa trao đổi ion của Trạm xử lý nước thải phóng xạ, sản phẩm của quá trình keo tụ sử dụng hóa chất) bằng hệ hóa hơi hiện có ở Viện.

*b) Kiểm soát liều khu vực và nhiễm bẩn phóng xạ bề mặt:*

Việc kiểm soát suất liều gamma và suất liều neutron ở khu vực LPƯ trong thời gian lò hoạt động ở công suất 500 kW đã được thực hiện đều đặn trong các đợt vận hành lò dài ngày. Việc kiểm soát liều bức xạ gamma trong khu vực nhà lò được thực hiện bằng Hệ kiểm soát suất liều bức xạ cố định DORA (tại 12 vị trí) và máy đo liều xách tay (tại 10 vị trí). Kết quả đo suất liều gamma ở các vị trí trong khu vực nhà lò không thay đổi nhiều so với năm 2017. Tại các khu vực có nhân viên làm việc, suất liều nằm trong giới hạn cho phép (khoảng từ 0,14 – 8,93 µSv/h). Việc kiểm soát suất liều nơtron được thực hiện tại 6 vị trí trong khu vực nhà lò, bao gồm các kênh ngang số 1 (tại cửa kênh), các kênh ngang số 2, 3 và 4 (tại vị trí có người thường xuyên làm việc), cột nhiệt và một vị trí trên mặt lò. Trong năm 2018, suất liều neutron trung bình đo được trên các kênh ngang số 2 và số 4 thấp hơn so với năm 2017 và nằm trong khoảng từ 1,66 ÷ 2,57 µSv/h (suất liều tại các kênh ngang số 1 và số 3 thấp hơn ngưỡng phát hiện của thiết bị đo); suất liều neutron trung bình tại vị trí mặt lò là 0,94 µSv/h và cột nhiệt là 1,21 µSv/h, cao hơn so với năm 2017 nhưng không đáng kể.

Việc kiểm soát liều khu vực tại các phòng thí nghiệm ở tòa nhà số 1, nhà số 2, nhà số 2A, nhà số 5, nhà đặt nguồn Co-60 và Trung tâm Đào tạo được thực hiện mỗi tháng từ một đến hai lần tùy thuộc vào đợt chạy lò dài ngày. Suất liều gamma trung bình tại phòng thí nghiệm sản xuất Iốt viên nang đo tại các vị trí làm việc ở thời điểm sản xuất trung bình vào khoảng 24,22 µSv/h, tuy nhiên do thời gian làm việc tổng cộng của một nhân viên trong phòng này cho cả đợt sản xuất không quá 02 giờ nên liều tích lũy cho một ngày nằm trong giới hạn cho phép. Suất liều gamma ở các khu vực còn lại tương tự như những năm trước và đều ở dưới mức giới hạn cho phép (dưới 10 µSv/h).

Việc kiểm soát nhiễm bẩn phóng xạ bề mặt tại khu vực nhà lò và các phòng thí nghiệm được tiến hành sau khi LPƯ ngừng hoạt động và bắt đầu công việc sản xuất đồng vị phóng xạ. Việc phát hiện nhiễm bẩn phóng xạ và tiến hành công việc tẩy xạ ở những nơi có mức nhiễm bẩn phóng xạ bề mặt vượt giới hạn cảnh báo (giới hạn này do Viện NCHN thiết lập để kiểm soát và bằng ½ mức cho phép) được thực hiện kịp thời. Năm 2018, Mức nhiễm bẩn phóng xạ tại các vị trí kiểm soát ở khu vực nhà số 1 nằm trong giới hạn cho phép và không tăng so với năm 2017 (mức nhiễm bẩn phóng xạ bề mặt trung bình đo được tại khu vực sản xuất đồng vị là 8,35 Bq/cm2 cho nhân phát beta và gamma).

Việc kiểm soát nồng độ 131I trong không khí ở Phòng Điều khiển LPƯ, một số phòng sản xuất đồng vị phóng xạ và hành lang nhà số 1 được thực hiện sau một ngày sản xuất chất đồng vị phóng xạ (ngày làm việc đầu tiên sau đợt sản xuất đồng vị phóng xạ). Tại khu vực sản xuất 131I (phòng Đồng vị 2), nồng độ Iốt phóng xạ trong không khí trung bình ở mức 674,69 Bq/m3 (theo ICRP PUBLICATION 78, nồng độ 131I cho phép cực đại là 760 Bq/m3 với điều kiện làm việc thường xuyên 8 giờ/ngày và 5 ngày/tuần). Ở các vị trí kiểm soát còn lại, mức Iốt phóng xạ trong không khí luôn thấp hơn nhiều so với mức giới hạn cho phép.

*c) Kiểm soát liều cá nhân:*

Việc theo dõi liều chiếu trong cho các nhân viên có nguy cơ bị chiếu trong cao (04 nhân viên thuộc Trung tâm An toàn bức xạ và 09 nhân viên thuộc Trung tâm Nghiên cứu và Điều chế đồng vị phóng xạ) bằng phương pháp lấy mẫu nước tiểu và đo trên hệ phổ kế gamma được thực hiện thường xuyên sau mỗi đợt sản xuất đồng vị phóng xạ. Kết quả theo dõi liều chiếu trong cả năm (chủ yếu gây ra bởi 131I) đối với các nhân viên của Trung tâm Nghiên cứu và Điều chế đồng vị phóng xạ cho người thấp nhất là 0,62 mSv và người cao nhất là 3,54 mSv (năm 2017 tổng liều chiếu trong cả năm cho người thấp nhất là 0,01 mSv và người cao nhất là 5,61 mSv).

Việc theo dõi liều chiếu ngoài cho cán bộ công nhân viên của Viện được thực hiện với chu kỳ 2 tháng/lần và cho các nhân viên làm việc ở Trung tâm Nghiên cứu và Điều chế đồng vị phóng xạ là 1 tháng/lần. Liều cá nhân chiếu ngoài đối với nhóm sản xuất đồng vị phóng xạ đo được từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2018 nằm trong khoảng 0,80 ÷ 19,95 mSv; những nhân viên còn lại của Viện có liều chiếu ngoài trong năm 2018 nằm trong khoảng 0,15 ÷ 2,14 mSv.

*d) Quan trắc phóng xạ môi trường xung quanh khu vực Lò phản ứng:*

Đối tượng được quan trắc xung quanh LPƯ là son khí, suất liều gamma môi trường, nước bề mặt và sa lắng. Hoạt độ của các nguyên tố phóng xạ thu được trong quá trình quan trắc môi trường xung quanh lò phản ứng hạt nhân năm 2018 chỉ ở phóng xạ môi trường, tương đương với các vị trí quan trắc khác như ở Ninh Thuận và thành phố Hồ Chí Minh. Dưới đây là những kết quả quan trắc cụ thể thu được:

*- Thành phần phóng xạ trong không khí:*

Dải hoạt độ các đồng vị phóng xạ trong son khí ở Đà Lạt năm 2018:

7Be : (0,82÷3,62)×10-3 Bq/m3

40K : (0,05÷0,37)×10-4 Bq/m3

232Th : (0,52÷2,32)×10-6 Bq/m3

238U : (0,02÷0,16)×10-5 Bq/m3

134Cs : <0,07×10-6 Bq/m3

137Cs : <0,07×10-6 Bq/m3

Mật độ rơi lắng các đồng vị phóng xạ ở Đà Lạt năm 2018:

7Be : 1,3 ÷ 92,2 Bq/m2

40K : 0,90 ÷ 13,00 Bq/m2

232Th : 0,07 ÷ 0,27 Bq/m2

238U : 0,04 ÷ 0,61 Bq/m2

134Cs : < 0,02 Bq/m2

137Cs : < 0,02 Bq/m2

∑β : 1,9 ÷ 34,1 Bq/m2

Hoạt độ của các đồng vị phóng xạ tự nhiên 7Be, 40K, 232Th, 238U không thay đổi nhiều so với những năm trước. Đồng vị 137Cs (được sinh ra do việc xả thông lệ hoặc sự cố từ LPƯ hạt nhân, hoặc sinh ra từ các vụ thử vũ khí hạt nhân) có hoạt độ rất thấp, dải hoạt độ thu được từ 10 ÷100 lần thấp hơn ở các thành phố Châu Âu và Nhật Bản.

*- Suất liều chiếu ngoài gamma môi trường:*

Suất liều chiếu ngoài gamma môi trường nằm trong dải từ 1,50 ÷ 1,71 mSv/năm ở Đà Lạt, các giá trị suất liều này gây ra bởi các nguyên tố U, Th, K có trong đất, đá, thực vật, v.v… và 7Be từ tia vũ trụ.

*- Thành phần phóng xạ trong nước thải sinh hoạt và nước hồ Xuân Hương:*

Dải tổng hoạt độ phóng xạ bêta trong nước thải sinh hoạt được thu góp tại cửa xả hồ lắng của Viện NCHN năm 2018:

Σβ: (99 ÷ 201) mBq/L

Dải hoạt độ các đồng vị phóng xạ trong nước hồ Xuân Hương năm 2018:

238U : (1,1 ÷ 4,7) mBq/L

226Ra : (1,7 ÷ 6,9) mBq/L

232Th : (2,9 ÷ 5,8) mBq/L

40K : (93 ÷ 279) mBq/L

137Cs : < 0,20 mBq/L

Σβ : (158 ÷ 253) mBq/L

Các nguyên tố phóng xạ nhân tạo phát gamma chỉ có 137Cs ở mức rất thấp - nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp, hoạt độ không có thay đổi gì so với mức phông trước khi LPƯ hoạt động. Các nguyên tố phóng xạ tự nhiên chủ yếu là 238U, 226Ra, 232Th, 40K, trong đó thông số phóng xạ đáng quan ngại nhất trong nước là 226Ra, tuy nhiên, ở đây vẫn còn thấp xa (khoảng 100 lần) so với nồng độ cho phép của 226Ra trong nước sinh hoạt theo TCVN-4397-87 (0,370 Bq/L). Tổng hoạt độ phóng xạ β trong mẫu nước quan trắc, đều thấp hơn so với giới hạn cho phép của nước tự nhiên nêu trong QCVN 08-MT:2015/BTNMT (1 Bq/L). So với các năm trước, hoạt độ của các đồng vị phóng xạ trong nước hồ Xuân Hương không có biến động gì đáng kể.

*- Thành phần phóng xạ trong đất:*

Dải hoạt độ các đồng vị phóng xạ trong đất xung quanh LPƯ năm 2018:

238U : (62,7 ÷ 69,4) Bq/kg

232Th : (79,2 ÷ 87,2) Bq/kg

40K : (43 ÷ 105) Bq/kg

137Cs : (0,85 ÷ 1,05) Bq/kg

134Cs : < LOD (LOD=0,08 Bq/kg)

Σβ : (453 ÷ 479) Bq/kg

Kết quả về hoạt độ các đồng vị phóng xạ tự nhiên (40K, 232Th, và 238U) và nhân tạo (137Cs, 134Cs) trong đất xung quanh LPƯ nằm ở mức phông bình thường và không có biến động gì đáng kể.

## PHỤ LỤC 7. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO AN TOÀN CỦA CÁC CƠ SỞ CHIẾU XẠ CÔNG NGHIỆP TRONG NĂM 2018

### 1. Tình trạng cấp phép và thống kê thiết bị chiếu xạ

Hiện tại Việt Nam có 06 cơ sở chiếu xạ công nghiệp, gồm:

* Công ty cổ phần chiếu xạ An Phú;
* Công ty cổ phần chiếu xạ An Phú – Chi nhánh 1;
* Công ty TNHH Thái Sơn;
* Công ty CP Chế biến Thủy Hải Sản Sơn Sơn;
* Trung tâm chiếu xạ Hà Nội;
* Trung tâm Nghiên cứu và Triển khai Công nghệ Bức xạ.

Các cơ sở trên hiện đang vận hành 06 thiết bị chiếu xạ sử dụng nguồn phóng xạ Co-60 và 03 thiết bị sử dụng máy gia tốc.

* 06 thiết bị chiếu xạ sử dụng nguồn phóng xạ, gồm:

| **STT** | **Tên thiết bị** | **Tổng hoạt độ** | **Giấy phép** | **Đơn vị sử dụng** | **Địa chỉ** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Co-60/ thiết bị chiếu xạ công nghiệp (model: TBI 8250-140, VIE-02-2005/6) | 454.960 kCi,  31/3/2017 | GP 26/GP-BKHCN cấp ngày 15/06/2017 hạn đến ngày 26/06/2022 | Nhà máy số 1 -Công ty cổ phần chiếu xạ An Phú | Số 119A/2, tổ 4, khu  1B, phường An Phú, Thị xã Thuận An, tỉnh  Bình Dương |  |
| 2. | Co-60/ thiết bị chiếu xạ công nghiệp (model: TBI 8250-140, VIE-02-2005/6) | 387.759 kCi,  31/3/2017 | GP 26/GP-BKHCN cấp ngày 15/06/2017 hạn đến ngày 26/06/2022 | Nhà máy số 2- Công ty cổ phần chiếu xạ An Phú | Số 119A/2, tổ 4, khu  1B, phường An Phú, Thị xã Thuận An, tỉnh  Bình Dương |  |
| 3. | Co-60/ thiết bị chiếu xạ công nghiệp (model: TBI-10048-150, VIE-04-2009/10 | 432,95 kCi (ngày  19/12/2014) | GP 22/GP-BKHCN cấp ngày 29/07/2016 hạn đến ngày 31/07/2021 | Công ty cổ phần chiếu xạ An Phú - Chi nhánh  01 | Lô C1& C2 Khu Công Nghiệp Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long. |  |
|  | Co-60/ thiết bị chiếu xạ công nghiệp (model: TBI8250-140) | 512,170 kCi  (ngày 31/12/2016) | Giấy phép số 22/GPBKHCN cấp ngày  29/8/2014 hạn đến ngày  31/8/2019 | Công ty TNHH Thái  Sơn | Lô 2.10B, KCN Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ |  |
| 5. | Co-60/ thiết bị chiếu xạ công nghiệp (model: РПП 150М) | 04 bộ nguồn với tổng hoạt độ là  200,06 kCi (11/8/2016). Trong đó:   * 107,46 kCi (ngày 31/7/1991) * 97,9 kCi (ngày 24/10/2008) * 100 kCi (ngày   04/9/2013)  94,7 kCi (ngày 28/02/2016) | 34/GP-BKHCN, cấp ngày 09/12/2014 hạn đến ngày 30/11/2019 | Trung tâm chiếu xạ Hà Nội | Phương Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội |  |
| 6. | Co-60/ thiết bị chiếu xạ công nghiệp (model: SVST-  Co60/B) | 1. ộ nguồn  * 363,32 kCi (ngày 8/8/2007); * 166,98 kCi   (04/7/2013)  153,12 kCi (28/02/2016) | 38/GP-BKHCN cấp ngày 27/09/2017 hạn đến ngày 30/09/2022 | Trung tâm Nghiên cứu và Triển khai Công nghệ Bức xạ | 202A, Đường số 11, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ  Chí Minh |  |
| **Tổng cộng: 06 Thiết bị chiếu xạ sử dụng nguồn phóng xạ** | | | | | | |

* 03 thiết bị chiếu xạ sử dụng máy gia tốc, gồm:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thiết bị** | **Giấy phép** | **Đơn vị sử dụng** | **Địa chỉ** | **Ghi chú** |
| 1 | Máy gia tốc (model: SB  5/150, sêri: 01) | 35/GP-  BKHCN, ngày  01/9/2017 hạn đến ngày  01/9/2022 | Công ty CP Chế biến Thủy Hải Sản Sơn Sơn | E4/52 QL1A,P Bình Trị Đông B, Q Bình Tân, TPHCM |  |
| 2 | Máy gia tốc (model: LX2,  sêri: 02) | 14/GP-  BKHCN, ngày  26/6/2012 hạn đến ngày  12/7/2017 | Công ty CP Chế biến Thủy Hải Sản Sơn Sơn | E4/52 QL1A,P Bình Trị Đông  B, Q Bình Tân, TPHCM |  |
| 3 | Máy gia tốc (UELR-10-15S2) | 06/GP-BKHCN  Cấp ngày 25/01/2018 hạn đến 28/01/2023 | Trung tâm Nghiên cứu và Triển khai Công nghệ bức xạ | 202A, Đường số 11, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức, Tp.  Hồ Chí Minh |  |
| **Tổng cộng: 03 thiết bị chiếu xạ sử dụng máy gia tốc** | | | | |  |

### 2. Thống kê số nhân viên bức xạ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên cơ sở chiếu xạ** | **Số lượng nhân viên bức xạ** |
| 1. | Công ty cổ phần chiếu xạ An Phú. | 09 |
| 2. | Công ty cổ phần chiếu xạ An Phú – Chi nhánh 1. | 07 |
| 3. | Công ty TNHH Thái Sơn. | 09 |
| 4. | Công ty CP Chế biến Thủy Hải Sản Sơn Sơn | 09 |
| 5. | Trung tâm chiếu xạ Hà Nội. | 23 |
| 6. | Trung tâm Nghiên cứu và Triển khai Công nghệ Bức xạ | 17 |
|  | **Tổng số nhân viên bức xạ:** | **74** |

### 3. Đánh giá tình hình hoạt động và đảm bảo an toàn bức xạ

| **STT** | **Tình hình thực hiện hoạt động đảm bảo an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ** | **Đánh giá** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Thực hiện quy định về Khai báo và Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ | 100% cơ sở thực hiện tốt việc khai báo, đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ- sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ |
| 2 | Những thay đổi so với hồ sơ cấp phép | 100% cơ sở khi có thay đổi thông tin so với hồ sơ cấp phép (như địa chỉ, người phụ trách an toàn....) đều có văn bản khai báo với Cục ATBXHN theo quy định.  Các đơn vị nạp nguồn bổ sung đều được Cục ATBXHN phê duyệt cấp phép sử dụng bổ sung nguồn phóng xạ vào thiết bị chiếu xạ đã được Bộ KHCN cấp giấy phép vận hành |
| 3 | Đào tạo và huấn luyện cho nhân viên bức xạ | 100% người phụ trách và nhân viên vận hành thiết bị chiếu xạ được cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ  Các nhân viên bức xạ được đào tạo về an toàn bức xạ định kỳ theo quy định.  Hồ sơ đào tạo được lưu giữ đầy đủ tại cơ sở. |
| 4. | Kiểm soát liều chiếu xạ cá nhân | 100% cơ sở đã trang bị liều kế cá nhân và tổ chức đọc liều định kỳ 3 tháng/1 lần cho các nhân viên bức xạ;  Các nhân viên bức xạ đều được thông báo kết quả đọc liều sau mỗi lần đọc. Trong năm 2018, không có cá nhân nào nhận mức liều lớn hơn giá trị giới hạn liều hàng năm đối với nhân viên bức xạ.  Các cơ sở đã tổ chức lưu giữ hồ sơ đọc liều của nhân viên bức xạ. Tuy nhiên phần lớn các cơ sở chưa lập sổ theo dõi liều cá nhân cho từng nhân viên theo quy định tại Thông tư 19/2012/TT-BKHCN về kiểm soát chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng. |
| 5. | Hồ sơ theo dõi sức khoẻ của nhân viên bức xạ | 100% nhân viên bức xạ được khám sức khỏe định kỳ theo quy định.  Chưa có nhân viên nào qua theo dõi sức khỏe phát hiện có dấu hiệu ảnh hưởng do bức xạ gây ra. |
| 6 | Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ | 100% cơ sở đã xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tại cơ sở, 85% cơ sở đã được Cục ATBXHN phê duyệt theo quy định tại Thông tư 25/2014/TT-BKHCN quy định về chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân, lập và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân;  Trong năm 2018 các cơ sở không để xảy ra sự cố nào tại các đơn vị |
| 7 | Kiểm xạ khu vực làm việc | 100% các cơ sở thường xuyên thực hiện đo đánh giá an toàn bức xạ tại khu vực sử dụng thiết bị chiếu xạ, các đơn vị đều trang bị thiết bị đo suất liều bức xạ xách tay và thiết bị đo bức xạ lắp cố định để giám sát an toàn trong thời gian vận hành. |
| 8 | Đảm bảo an ninh nguồn phóng xạ | 100% các cơ sở đã trang bị hệ thống đảm bảo an ninh nguồn phóng xạ như: khóa liên động, camera an ninh... kết hợp với kiểm soát hành chính và đội ngũ |
|  |  | bảo vệ 24/24 giờ.  Kiểm đếm nguồn phóng xạ: hầu hết các cơ sở đều thực hiện việc kiểm đếm nguồn phóng xạ định kỳ theo quy định (ngoài trừ Trung tâm chiếu xạ Hà Nội, do đặc trưng của loại thiết bị chiếu xạ này nguồn phóng xạ lưu giữ trong bể khô với hệ thống hầm che chắn nên không thể thực hiện kiểm đếm thông thường như hệ bể lưu giữ bằng nước).  Trong năm 2018 không cơ sở nào có tình trạng bất ổn về an ninh nguồn. |
| 9 | Biển cảnh báo bức xạ và tín hiệu cảnh báo bức xạ, các thiết bị bảo đảm an toàn | 100% các cơ sở đã trang bị đầy đủ hệ thống cảnh báo bức xạ (hình ảnh và âm thanh....) và thiết bị đảm bảo an toàn bức xạ (hệ thống dừng khẩn cấp, khóa liên động, thiết bị theo dõi bức xạ.....);  Các thiết bị ghi đo bức xạ đều được kiểm chuẩn định kỳ hàng năm. |
| 10 | Quy trình vận hành, nhật ký vận hành và hồ sơ thiết bị chiếu xạ, nội quy an toàn bức xạ | 100% các cơ sở đã xây dựng và áp dụng nội quy an toàn, quy trình vận hành, nhật ký vận hành đến toàn bộ các nhân viên bức xạ;  Các cơ sở đã tổ chức ghi chép đầy đủ hoạt động vận hành và bảo dưỡng trong hồ sơ lưu;  Hoạt động bảo dưỡng thiết bị sử dụng nguồn phóng xạ chủ yếu do cơ sở tự thực hiện. Tuy nhiên một số đơn vị thực hiện hoạt động bảo dưỡng chưa tốt dẫn đến tình trạng kẹt nguồn trong quá trình hoạt động. |

## PHỤ LỤC 8. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO AN TOÀN CỦA CÁC CƠ SỞ XẠ TRỊ VÀ Y HỌC HẠT NHÂN

Đến hết năm 2018, Việt Nam có 27 cơ sở xạ trị (trong đó có 22 thiết bị xạ trị sử dụng nguồn phóng xạ và 47 máy gia tốc) và 41 cơ sở y học hạt nhân. 100% các thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ đã được cấp phép tiến hành công việc bức xạ.

### 1. Cơ sở xạ trị sử dụng nguồn phóng xạ

Hiện có 18 cơ sở xạ trị đang sử dụng nguồn phóng xạ với tổng cộng 22 thiết bị xạ trị trong đó: 12 thiết bị xạ trị từ xa sử dụng nguồn Co-60 (06 thiết bị xạ trị Co-60 thông thường; 06 thiết bị xạ trị Gamma Knife); 10 thiết bị xạ trị áp sát.

| **STT** | **Tên cơ sở** | **Địa chỉ** | **Số lượng** | **Loại máy** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Bệnh viện Chợ Rẫy | 201B Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, TP Hồ Chí Minh | 01 | 01 Co-60 Gamma Knife |
|  | Bệnh viện K | Số 43 Quán Sứ, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội | 02 | 01 máy xạ trị từ xa sử dụng nguồn Co-60 01 máy xạ trị áp sát sử dụng nguồn Ir-192 |
|  | Bệnh viện ung bướu TP. Hồ Chí Minh | 03 Nơ Trang Long, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh | 02 | 02 máy xạ trị áp sát sử dụng nguồn Ir-192 |
|  | Bệnh viện Bạch Mai | 78 Giải Phóng, TP. Hà Nội | 01 | 01 Co-60 Gamma Knife |
|  | Bệnh viện 103 | Km số 2, Đường Hà Đông – Văn Điển, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội | 01 | 01 máy xạ trị áp sát sử dụng nguồn Ir-192 |
|  | Bệnh viện Ung bướu Hà Nội | Số 42 Thanh Nhàn, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội | 01 | 01 thiết bị xạ trị áp sát sử dụng nguồn Ir-192 |
|  | Bệnh viện Đa khoa Khánh Hoà | 14 Lý Tự Trọng, TP. Nha Trang, Khánh Hoà | 01 | 01 Co-60 Gamma Knife |
|  | Bệnh viện đa khoa TW Thái Nguyên | Lương Ngọc Quyến, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Thái | 01 | 01 Co-60 Gamma Knife |
|  | Bệnh viện Đại học Y khoa Huế | 41 Nguyễn Huệ, p. Vĩnh Ninh, Tp. Huế | 02 | 02 Co-60 Gamma Knife |
|  | Bệnh viện TW Huế | 16 Lê Lợi, TP. Huế | 02 | 01 Co-60 Gamma Knife 01 máy xạ trị áp sát sử dụng nguồn Ir-192 |
|  | Bệnh viện Hy Vọng mới | Km 10, đường Cao tốc 5, KCN Phú Thị, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội | 01 | 01 Co-60 Gamma Knife |
|  | Bệnh viện Ung bướu TP. Cần Thơ | Số 4 đường Châu Văn Liêm, TP. Cần Thơ | 02 | 01 máy xạ trị từ xa sử dụng nguồn Co-60 01 máy xạ trị áp sát sử dụng nguồn Ir-192 |
|  | Bệnh viện C Thái Nguyên | Phường Phố Cò, thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên | 01 | 01 máy xạ trị từ xa sử dụng nguồn Co-60 Gamma Knife |
|  | Bệnh viện Nhân dân 115 | Số 527 Sư Vạn Hạnh, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh | 01 | 01 Co-60 Gamma Knife |
|  | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh | Bồ Sơn – Võ Cường – Tp. Bắc Ninh – tỉnh Bắc Ninh | 01 | 01 máy xạ trị áp sát sử dụng nguồn Ir-192 |
|  | Bệnh viện Quân Y 175 | Số 786 Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp | 01 | 01 máy xạ trị áp sát sử dụng nguồn Ir -192 |
|  | Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng | Số 04 Phạm Ngọc Thạch, phường 6, TP. Đà Lạt. tỉnh Lâm Đồng | 01 | 01 máy xạ trị áp sát sử dụng nguồn Ir -192 |
|  | BV ĐK tỉnh Kiên Giang | 46 Lê Lợi, Phường Vĩnh Thanh Vân, TP Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang | 01 | 01 máy xạ trị áp sát sử dụng nguồn Ir -192 |

### 2. Cơ sở xạ trị sử dụng máy gia tốc

Hiện có 27 cơ sở xạ trị sử dụng máy gia tốc với tổng số 47 máy gia tốc

| **STT** | **Tên cơ sở** | **Địa chỉ** | **Số lượng** | **Số Model, Sêri, Hãng/Nước sản xuất/cung cấp** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Công ty TNHH Y tế Viễn đông Việt Nam (BV. Pháp Việt) | 06 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, Q. 6, TP. Hồ Chí Minh | 1 | Precise Digital Accelerator ELECTRA, 105847, Electra Oncology System Ldt., EEC |
| 2 | Bệnh viện Chợ Rẫy | 201B Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, TP Hồ Chí Minh | 3 | PRIMUS M6/6ST, 3544, Siemens, Mỹ, Đức |
| PRIMUS MD2, 3525, Siemens, Mỹ, Đức |
| Model: Elekta Synergy Platform, Sêri: 153137 |
| 3 | Bệnh viện K | Số 43 Quán Sứ, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội | 8 | Primus 2D 6/15E, M4302, Siemens Medical Solutions USA |
|  |
| Primus, 3289, Siemens Medical Solutions USA |
| CLINAC 600C, 1253, VARIAN, Mỹ |
| Model: Mevatron M Class, Sêri: 3289; Siemens, Đức |
| Model: 04504200, Sêri: 70-4302, Siemens, Đức |
| Model: Compact, Sêri: 201157, ELEKTA, Trung Quốc |
| Model: UNIQUE Sêri: 2239 |
| Model: CX Clinac; Sêri : 4019 ; Varian, Mỹ |
| 4 | Bệnh viện ung bướu TP. Hồ Chí Minh | 03 Nơ Trang Long, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh | 5 | Clinac 2300C/D, 526, Varian Medical Systems, Inc., Mỹ |
| Clinac 2300C/D, 527, Varian Medical Systems, Inc., Mỹ |
| Clinac 600C/D, 1228, Varian Medical Systems Inc., Mỹ (gia hạn T6/2017) |
| Clinac 600CD,1230; 6MV; Varian Medical Systems Inc., Mỹ |
| Model: Precise Treatment System, Sêri: 154278; Elekta, Anh Quốc; 6MV ; 18MeV |
| 5 | Bệnh viện TW 108 | Số 1 Trần Hưng Đạo, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội | 3 | G3, C087, Acuray, Mỹ |
| CX, 5625, Varian, Mỹ |
| Model: Trubeam, Varian Medical Systems Inc., Mỹ Sêri: 2702; 15MV; 22MeV (GP, T7/2017) |
| 6 | Bệnh viện Bạch Mai | 78 Giải Phóng, TP. Hà Nội | 1 | Primus, M5052, Siemens, Đức |
| 7 | Bệnh viện 103 | Phùng hưng, Hà Đông – Văn Điển, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội | 2 | Precise Digital Accelerator,152377, ELEKTA, Vương Quốc Anh |
|  |  |  |  | Precise Digital Accelerator,152378, ELEKTA, Vương Quốc Anh |
| 8 | Bệnh viện đa khoa Phú Thọ | Số 298 Độc Lập, phường Tân Quý, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh | 1 | Precise Digital Accelerator, 152278, Elekta, Anh |
| 9 | Bệnh viện Ung bướu Hà Nội | Số 42 Thanh Nhàn, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội | 2 | Siemens Primus 2D, M5381, Siemens, Mỹ |
| Varian, Mỹ (Model: UNIQUE, Sêri: 2258); 6MV |
| 10 | Bệnh viện TW Huế | 16 Lê Lợi, TP. Huế | 2 | Siemens Primus 2D, M5381, Siemens, Mỹ |
| Model: AXESSE, Sêri: 152838; Elekta, Anh,2013; 18MV ; 15MeV |
| 11 | Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai | Số 4 đường 30/4, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | 1 | 01940035, 5497, Siemens, Đức |
| 12 | Bệnh viện Đa khoa Kiên Giang | Số 46 Lê Lợi, TP.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang | 1 | Model: PRIMUS; sêri: 5599; SIEMENS, Đức |
| 13 | Bệnh viện đa khoa Thanh Hóa | Số 181 Hải Thượng Lãn Ông, phường Đông Vệ, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa | 1 | Compact, Au 034, Elekta, Anh |
| 14 | Bệnh viện Nhân dân 115 | Số 527 Sư Vạn Hạnh, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh | 2 | 01940035, 5711, Siemens, Đức |
| 01940035, 5712, Siemens, Đức |
| 15 | Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định | Số 106 Nguyễn Huệ, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định | 1 | PRIMUS, 5613, Siemens, Đức |
| 16 | Viện Y học phóng xạ và U bướu quân đội | Số 18 Định Công Thượng, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội | 1 | PRECISE, 2198, Elekta, Anh |
| 17 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ | Phường Tân Dân, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ | 1 | Precise Digital Accelerator, 152278, Elekta, Anh |
| 18 | Bệnh viện Đà Nẵng | 124 đường Hải Phòng, TP. Đà Nẵng | 1 | Sêri: 153206; Elekta Limited, Anh |
| 19 | Bệnh viện 175 | 786 Nguyễn Kiệm, phường 3, Q. Gũ Vấp, TP. Hồ Chí Minh | 2 | Precise, 135280, ELEKTA, Anh; gia hạn tháng 11/2017 |
| Precise, 135281, ELEKTA, Anh |
| 20 | Bệnh viện phổi Trung ương | 463 Hoàng Hoa Thám, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội | 1 | 01940035, 5878, Siemens, Đức |
| 21 | Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa Quốc tế Vinmec | Số 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội | 1 | Model: Clinac IX, Sêri: 5933, VARIAN Mỹ |
| 22 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh | Bồ Sơn – Võ Cường – Tp. Bắc Ninh – tỉnh Bắc Ninh | 1 | Model: Precise, Sêri: 153193 |
| 23 | Bệnh viện Bãi Cháy | Phường Giếng Đáy, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh | 1 | Model: ELEKTA Synergy Platform, Sêri: 153636 Elekta, Anh, 2014; 15MV, 14MeV |
| 24 | Công ty TNHH MTV Bệnh viện Ung thư Đà Nẵng | Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng | 1 | Model: Unique Sêri : 2246 ; VARIAN Medical System Inc., Mỹ |
| 25 | Bệnh Viện Việt Nam- Thụy Điển Uông bí | Đường Tuệ Tĩnh, phường Thanh Sơn, Tp Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh | 1 | Model: Precise Treatment System; Sêri : 153582  Elekta, Anh, 2014 |
| 26 | Bệnh viện Hữu nghị Việt tiệp | Số 1, đường Nhà Thương, quận Lê Chân, Tp. Hải Phòng | 1 | Model: Elekta Synergy Platform; Sêri : 154037 Elekta Limited, Anh, 2015 |
| 27 | Bệnh viện C Đà Nẵng | Số 122 Hải Phòng, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng | 1 | Model: 4186 Precise Treatment System, Sêri: 154186, Elekta, Anh |
|  | **Tổng cộng** | | **47** |  |

**- Thiết bị xạ trị nông**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thiết bị** | **Mã hiệu, số sêri** | **Hãng, nước sản xuất, năm sản xuất** | **Umax (kV)** | **Imax (mA)** | **Mục đích sử dụng** | **Địa điểm đặt máy/ Cơ sở sử dụng** |
| 1 | Thiết bị xạ trị nông | Intrabeam PRS 500, 6630467523 | Zeiss Meditec, Đức 2012 | 50 | 40 | Xạ đích trong mổ | Địa chỉ: Số 16 Lê Lợi, Bệnh viện Trung ương Huế, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế |

**- Chiếu xạ mẫu bệnh phẩm:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên cơ sở** | **Địa chỉ** | **Số lượng nguồn** | **Thông tin nguồn** |
| 1 | Bệnh viện truyền máu huyết học | Số 118 Hồng Bàng, P. 12, Q. 5, TP.HCM | 02 | Nguồn Cs-137 38/GP hết hạn 24/10/2023;  Nguồn Co-60 05/GP hết hạn 31/1/2020 |

### 3. Thống kê số cơ sở sử dụng y học hạt nhân

Hiện có 42 cơ sở sử dụng y học hạt nhân:

| **STT** | **Tên cơ sở** | **Địa chỉ** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Bệnh viện 103 | Km số 2, Đường Phùng Hưng, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội |
| 2 | Bệnh viện 175 | Số 786 Nguyễn Kiệm, phường 3, Q. Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh |
| 3 | Bệnh viện Đa khoa Khánh Hòa | 19 Yersin, Tp. Nha Trang |
| 4 | Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên | Đường Lương Ngọc Quyến, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên |
| 5 | Bệnh viện Chợ Rẫy | 201B Nguyễn Chí Thanh phường 12 quận 5 Tp. HCM |
| 6 | Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp | 01 đường Nhà Thương, Tp. Hải Phòng |
| 7 | Bệnh viện Ung bướu Tp HCM | 03 Nơ Trang Long, P.7, Quận Bình Thanh, TP. Hồ Chí Minh |
| 8 | Công ty TNHH Y tế Viễn Đông Việt Nam | Số 6 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7 |
| 9 | Trung tâm y học hạt nhân và ung bướu - Bệnh viện Bạch Mai | 78 đường Giải Phóng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội |
| 10 | Viện Y học phóng xạ và U bướu Quân đội | N1, X8 Định Công, Thanh Trì, Hà Nội |
| 11 | Đại học Y dược TP. Hồ Chí Minh | 217 An Dương Vương, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh |
| 12 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng | 04 Phạm Ngọc Thạch - phường VI - Thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng |
| 13 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đắk Lắk | Số 2 Mai Hắc Đế, TP. Buôn Ma Thuột |
| 14 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi | 184 Đại Lộ Hùng Vương - TP Quảng Ngãi |
| 15 | Bệnh viện Đa khoa Thanh Hóa | Số 181 Hải Thượng Lãn Ông, phường Đông Vệ, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa |
| 16 | Bệnh viện Đà Nẵng | Số 124 Hải Phòng, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng |
| 17 | Bệnh viện đa khoa Trung tâm An Giang | 2 Lê Lợi - Thành phố Long Xuyên - tỉnh An Giang |
| 18 | Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An | 138 Nguyễn Phong Sắc, Tp. Vinh |
| 19 | Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức | 40 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội |
| 20 | Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cuba Đồng Hới | Đường Hữu Nghị, P.Nam Lý, TP. Đồng Hới , tỉnh Quảng Bình |
| 21 | Bệnh viện Nội Tiết | Khu B, Yên Lãng, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội |
| 22 | Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu | Số 109 Đoàn Hoàng Minh, phường 5, Thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre |
| 23 | Bệnh viện Nhân dân 115 | 527 Sư Vạn Hạnh, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh |
| 24 | Bệnh viện Trung Ương Quân đội 108 | Số 1 Trần Hưng Đạo |
| 25 | Trung tâm Y tế Thành phố Quy Nhơn | Số 114 Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn. tỉnh Bình Định |
| 26 | Bệnh viện Ung bướu Hà Nội | 42A Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |
| 27 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh | Bồ Sơn, Võ Cường, Tp. Bắc Ninh |
| 28 | Công ty CP Y học Rạng Đông | Số 83B Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội |
| 29 | Bệnh viện Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh | Số 215 Hồng Bàng, phường 11, quận 5, TP. Hồ Chí Minh |
| 30 | Bệnh viện Ung Bướu TP. Hồ Chí Minh | Số 03 đường Nơ Trang Long, P. 7, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh |
| 31 | Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh | Số 75 Hải Thượng Lãn Ông, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh |
| 32 | Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên | Số 15 Nguyễn Hữu Thọ, P. 9, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên |
| 33 | Bệnh viện Ung bướu Thành phố Cần Thơ | Số 4 Châu Văn Liêm, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ |
| 34 | Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng | Tổ 78 Hòa Minh, Q. Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng |
| 35 | Bệnh viện K | Bệnh viện K – Cơ sở 3 Điạ chỉ: Số 30 đường Cầu Bươu, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội |
| 36 | Bệnh viện Tim Hà Nội | Số 92 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội |
| 37 | Bệnh viện Ung Bướu Nghệ An | 60 đường Tôn Thất Tùng, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An |
| 38 | Bệnh viện Bãi Cháy | Phường Giếng Cháy, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh |
| 39 | Chi nhánh Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec – Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec Time City | Số 458 phố Minh Khai, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |
| 40 | Bệnh viện Nhi Trung ương | Số 18, ngõ 879 đường La Thành, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội |
| 41 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc | Đường Lam Sơn, Phường Đồng Tâm, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc |
| 42 | Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa chất lượng cao tỉnh Thái Bình | Số 530 đường Lý Bôn, P.Quang Trung |

# PHỤ LỤC 9. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN CỦA CÁC CƠ SỞ CHỤP ẢNH PHÓNG XẠ CÔNG NGHIỆP NĂM 2018

1. **Tình hình hoạt động chụp ảnh phóng xạ công nghiệp**

Theo thống kê về số lượng cơ sở tiến hành công việc bức xạ năm 2018, trên cả nước có khoảng 1500 cơ sở tiến hành công việc bức xạ và được phân bố trong nhiều lĩnh vực khác nhau như sau:

Như vậy, các cơ sở tiến hành công việc bức xạ trong lĩnh vực công nghiệp chiếm 58% trên tổng số các cơ sở tiến hành công việc bức xạ trên toàn quốc. Trong đó, có 71 cơ sở tiến hành công việc bức xạ trong lĩnh vực chụp ảnh phóng xạ công nghiệp (NDT) có sử dụng nguồn phóng xạ và thiết bị phát tia X chiếm khoảng 8,64% tổng số cơ sở tiến hành bức xạ trong công nghiệp. Các cơ sở tiến hành công việc bức xạ trong NDT đều đã được Cục An toàn bức xạ và hạt nhân cấp giấy phép.

- Năm 2018, trên cả nước có khoảng 3348 nguồn phóng xạ kín đang sử dụng được phân bố trong nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó lĩnh vực công nghiệp có khoảng 2000 nguồn phóng xạ chiếm 60% tổng số nguồn phóng xạ trên toàn quốc.

- Số lượng nguồn phóng xạ đang sử dụng trong NDT: khoảng 184 nguồn phóng xạ đang sử dụng trong NDT chiếm khoảng 25,2% tổng số nguồn đang sử dụng trong công nghiệp và chiếm 7,83% tổng số nguồn đang sử dụng trên toàn quốc.

1. **Đánh giá tình hình hoạt động và đảm bảo an toàn bức xạ**

| **Tình hình thực hiện hoạt động đảm bảo an toàn bức xạ** | | **Đánh giá** |
| --- | --- | --- |
| 1 | **Thực hiện quy định về Khai báo và Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ** | 100% cơ sở thực hiện việc khai báo, đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ- sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ.  Việc thực hiện khai báo khi nạp nguồn phóng xạ trong quá trình sử dụng thiết bị chụp ảnh phóng xạ dùng nguồn phóng xạ của hầu hết các cơ sở tốt. |
| 2 | **Những thay đổi so với hồ sơ cấp phép** | 100% cơ sở khi có thay đổi thông tin so với hồ sơ cấp phép (như địa chỉ, người phụ trách an toàn....) đều có văn bản khai báo với Cục ATBXHN theo quy định. |
| 3 | **Đào tạo và huấn luyện cho nhân viên bức xạ** | 100% người phụ trách và nhân viên chụp ảnh phóng xạ công nghiệp được cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ. Các nhân viên bức xạ được đào tạo về an toàn bức xạ định kỳ theo quy định. Hồ sơ đào tạo được lưu giữ đầy đủ tại cơ sở.  Hiện nay, theo quy định của Thông tư 34 /2014/TT-BKHCN ngày 27/11/2014 Quy định về đào tạo an toàn bức xạ đối với nhân viên bức xạ, người phụ trách an toàn và hoạt động dịch vụ đào tạo an toàn bức xạ, các nhân viên bức xạ mới đang dần chuyển sang học theo quy định này khi chứng nhận đào tạo hết hạn hoặc khi nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ mới. |
| 4 | **Kiểm soát liều chiếu xạ cá nhân** | - 100% cơ sở đã trang bị liều kế cá nhân và tổ chức đọc liều định kỳ 3 tháng/1 lần cho các nhân viên bức xạ;  - Các nhân viên bức xạ đều được thông báo kết quả đọc liều sau mỗi lần đọc. Trong năm 2018, một số cơ sở để liều xạ cá nhân vượt quá giới hạn liều (>20mS/năm). Mặc dù hầu hết các cơ sở đều có báo cáo giải trình và cam kết không để xảy ra tình trạng này tiếp diễn trong tương lai nhưng trên thực tế tình trạng này vẫn xảy ra.  - Các cơ sở đã tổ chức lưu giữ hồ sơ đọc liều của nhân viên bức xạ. Hầu hết các cơ sở đã lập sổ theo dõi liều cá nhân cho từng nhân viên theo quy định tại Thông tư 19/2012/TT-BKHCN về kiểm soát chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng. |
| 5 | **Hồ sơ theo dõi sức khoẻ của nhân viên bức xạ** | - 100% nhân viên bức xạ được khám sức khỏe định kỳ theo quy định,  - Chưa có nhân viên nào qua theo dõi sức khỏe phát hiện có dấu hiệu ảnh hưởng do bức xạ gây ra. |
| 6 | **Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ** | 100% cơ sở đã xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tại cơ sở và lập hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố gửi Cục ATBXHN phê duyệt theo quy định tại Thông tư 25/2014/TT-BKHCN quy định về chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân, lập và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân.  70% cơ sở đã triển khai công tác diễn tập ứng phó sự cố bức xạ cho thấy công tác chuẩn bị diễn tập ứng phó sự cố đang được chú trọng hơn. |
| 7 | **Kiểm xạ khu vực làm việc** | 100% các cơ sở thường xuyên thực hiện giám sát và đánh giá an toàn bức xạ tại khu vực tiến hành công việc bức xạ tại hiện trường, tại kho lưu giữ khi không sử dụng; 100% đơn vị trang bị thiết bị đo suất liều bức xạ xách tay và thiết bị đo bức xạ được hiệu chuẩn định kỳ theo quy định. |
| 8 | **Đảm bảo an ninh nguồn phóng xạ** | - 100% các cơ sở tuân thủ quy định hiện hành về công tác bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ: kiểm kê, kiểm đếm, bảo đảm an ninh khi vận chuyển hoặc khi không sử dụng,...  - Việc triển khai thực hiện quy định lắp đặt thiết bị giám sát nguồn phóng xạ theo quy định của Thông tư 13/2015/TT-BKHCN ngày 21/7/2015 sửa đổi bổ sung cho Thông tư 23/2010/TT-BKHCN còn nhiều tranh cãi và bất cập. |
| 9 | **Biển cảnh báo bức xạ và tín hiệu cảnh báo bức xạ, các thiết bị bảo đảm an toàn** | - 100% các cơ sở đã trang bị đầy đủ hệ thống cảnh báo bức xạ (biển cảnh báo, còi cảnh báo, đèn cảnh báo) và thiết bị đảm bảo an toàn bức xạ cũng như các trang thiết bị phục vụ công tác ứng phó sự cố.  - Các thiết bị ghi đo bức xạ đều được kiểm chuẩn định kỳ hàng năm. |
| 10 | **Quy trình vận hành, nhật ký vận hành và hồ sơ thiết bị chiếu xạ, nội quy an toàn bức xạ** | - 100% các cơ sở đã xây dựng và áp dụng nội quy an toàn, quy trình vận hành, nhật ký vận hành đến toàn bộ các nhân viên bức xạ;  - Các cơ sở đã tổ chức ghi chép đầy đủ hoạt động vận hành và bảo dưỡng trong hồ sơ lưu;  - Hoạt động bảo dưỡng thiết bị sử dụng nguồn phóng xạ chủ yếu do cơ sở tự thực hiện. Tuy nhiên một số đơn vị thực hiện hoạt động bảo dưỡng chưa tốt dẫn đến tình trạng kẹt nguồn trong quá trình hoạt động.  - Ngoài ra, do nhận thức về văn hóa an toàn, an ninh còn chưa được nâng cao nên tại một số đơn vị còn xuất hiện việc nhân viên chụp ảnh phóng xạ không tuân thủ các quy trình làm việc, nội quy an toàn dẫn đến các sự cố như bị chiếu xạ vượt quá giới hạn hoặc để mất nguồn phóng xạ. |

1. **Danh sách cơ sở tiến hành công việc bức xạ - chụp ảnh phóng xạ công nghiệp**

Thống kế số lượng các cơ sở đang hoạt động chụp ảnh phóng xạ công nghiệp trên toàn quốc (tính đến hết năm 2018): 71 cơ sở

| STT | Tên cơ sở | Địa chỉ |
| --- | --- | --- |
| 1 | Công ty cổ phần chế tạo máy VINACOMIN | 486 đường Trần Phú - Thị xã Cẩm Phả - Quảng Ninh |
| 2 | Công ty TNHH Một thành viên ứng dụng và phát triển công nghệ Nead | 59 Lý Thường Kiệt, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội |
| 3 | Công ty TNHH một thành viên CTTB và đóng tàu Hải Phòng | Km 6, QL 5 phường Hùng Vương, Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng |
| 4 | Công ty TNHH Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam | Khu Kinh tế Dung Quất - Bình Thuận - Bình Sơn - Quảng NGãi |
| 5 | Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp đóng Tàu thuỷ Dung Quất | Thôn Tân Hy - xã Bình Đông - huyện Bình Sơn - tỉnh Quảng Ngãi |
| 6 | Công ty TNHH KOBE EN&M Việt Nam | Số 6, đường 2A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa II, tỉnh Đồng Nai |
| 7 | Ban quản lý dự án Nhà máy điện Phả Lại II | Thị trấn Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương |
| 8 | Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) | 142 Nguyễn Khuyến, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội |
| 9 | Công ty Công nghiệp tàu thủy Cái Lân | Số 2 Láng Hạ, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội |
| 10 | Công ty Cơ khí và Xây dựng Thăng Long | Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội |
| 11 | Cục Đăng Kiểm Việt Nam | Số 18 Đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội |
| 12 | Công ty TNHH FURUKAWA AUTOMOTIVE PARTS (Việt Nam) | Đường 14-16 Khu chế xuất Tân Thuận, Q.7, TP. Hồ Chí Minh |
| 13 | Công ty TNHH Công nghệ Kiểm định và Đo lường | 17 lô 5 Phúc Xá, Q. Ba Đình, Hà Nội |
| 14 | Công ty TNHH Nhà nước một thành viên công nghiệp tàu thủy Sài Gòn | Số 1027 Phạm Thế Hiển, Ph.5, Q.8, Tp. Hồ Chí Minh |
| 15 | Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty phát điện 3 | Thị trấn Phú Mỹ |
| 16 | Chi nhánh Công ty Cổ phần Gas Sài Gòn - Nhà máy sản xuất bình áp lực Mỹ Phước | Lô D-3B-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước II, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương |
| 17 | Công ty Năng lượng Bình An | 57 Bến Bính, Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng |
| 18 | Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Trung Tín Á Châu | 247 Thích Quảng Đức, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Hồ Chí Minh |
| 19 | Tổng Công ty công nghiệp tàu thủy Bạch Đằng | Số 3 Phan Đình Phùng, Q. Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng |
| 20 | Công ty TNHH Một thành viên Ba Son | Số 2 Tôn Đức Thắng, Ph. Bến Nghé, Q.1 TP.Hồ Chí Minh |
| 21 | Công ty TNHH UACJ Foundry & Forging Việt Nam | Đường 16, Khu chế xuất Tân Thuận, Q.7, TP.Hồ Chí Minh |
| 22 | Công ty TNHH Sản xuất phụ tùng Yamaha Motor Việt Nam | G1 Khu công nghiệp Thăng Long, huyện Đông Anh, TP . Hà Nội |
| 23 | Chi nhánh Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam | Đường 2B, KCN Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu |
| 24 | Công ty cổ phần bình khí dầu khí Việt Nam | Xã Hố Nại 3, Huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai |
| 25 | Công ty Liên doanh Bình khí đốt Hong Leong Sài Gòn | 295/71 An Dương Vương, Q 6, TP.Hồ Chí Minh |
| 26 | Công ty cổ phần Linh Gas Việt Nam | Thị trấn Phú Minh, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây |
| 27 | Công ty TNHH Trọng Hiên | 410 Cư xá A9, Bắc Đinh Bộ Lĩnh, Ph.26, Q.Bình Thạnh, TP.Hồ Chí MInh |
| 28 | Công ty Cổ phần LILAMA 7 | Số 332 Đường 2/9, Quận hải Châu, TP Đà Nẵng |
| 29 | Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật C.A.N.D.T | Đường số 7, Khu công nghiệp Đông Xuyên, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |
| 30 | Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ và Thương mại Anpha | 130/77-79 Phạm Văn Hai, Phường 2, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh |
| 31 | Công ty TNHH Giám định các kết cấu hàn kim loại Yeong Jaan | Khu công nghiệp Nhơn Trạch III, Nhơn Trạch, Đồng Nai |
| 32 | Công ty Cổ phần LILAMA - Thí nghiệm cơ điện | 434-436 Nguyễn Trãi, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội |
| 33 | Nhà máy đóng tàu Đà Nẵng | Khu A5, Vũng Thùng, Quận Sơn Trà, TP.Đà Nẵng |
| 34 | Công ty TNHH Kỹ thuật Sao Mai Việt Nam | E11 Ngõ 210, Đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội |
| 35 | Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Việt Nam | Số 60A Cầu Bè, phường Vĩnh Thạnh, TP. Nha Trang, Khánh Hòa |
| 36 | Trung tâm Hạt Nhân TP Hồ Chí Minh | 217 Nguyễn Trãi, quận 1, TP Hồ Chí Minh |
| 37 | Công ty TNHH Một thành viên Thép không gỉ Long An | Lô ME7, KCN Đức Hòa 1, Ấp 5, xã Đức Hòa Đông, Đức Hòa, Long An |
| 38 | Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ kiểm tra kỹ thuật Anpha | 130/77-79 Phạm Văn Hai, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh |
| 39 | Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật PHATECO | Số 308 Văn Cao, phường Đằng Lâm, quận Hải An, TP. Hải Phòng |
| 40 | Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Dịch vụ Sản xuất Hồng Mộc | Số 52/20 Ấp Nam Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh |
| 41 | Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Việt | 79/54 Khu 6, phường Định Hòa, thị xã thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương |
| 42 | Công ty Cổ phần Dầu khí và Khoáng sản VITECH | Xóm 2, Xã Cổ Nhuế, Huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội |
| 43 | Xí nghiệp xây lắp, khảo sát và Sửa chữa các công trình khai thác dầu khí | 105 Lê Lợi, TP. Vũng Tàu |
| 44 | Trung tâm Kiểm định an toàn công nghiệp khu vực II | 35 Tôn Đức Thắng, quận 1 |
| 45 | Công ty TNHH Một thành viên Tháp UBI | Thôn Quỳnh Khê, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương |
| 46 | Công ty Cổ phần Giải pháp công nghệ kiểm tra không phá hủy Dầu khí Việt Nam | Toà nhà Petro Vietnam Tower, số 1-5 Lê Duẩn, p. Bến Nghé, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh |
| 47 | Công ty Cổ phần Khảo sát Kiểm định Công trình Dầu khí Việt Nam | Tầng 5A, toà nhà Viện Dầu khí Việt Nam, Ngõ 173 Phố Trung Kính, phường Yên Hoà, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội |
| 48 | Công ty Cổ phần sản xuất ống thép Dầu khí Việt Nam | Khu CN Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông |
| 49 | Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina | 295/71 An Dương Vương, P. 13, Q. 6, TP. Hồ Chí Minh |
| 50 | Chi nhánh Apave Việt Nam & Đông Nam Á tại TP. Hồ Chí Minh | 197 Điện Biên Phủ, P. 6, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh |
| 51 | Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Lập Tú | Lầu 02, số 35 Đường Lê Lợi, phường Bến Nghé, Q. 1 |
| 52 | Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật và công nghệ THT | 104 E4, Lê Thanh Nghị, P. Bách Khoa |
| 53 | Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí 17 | xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn |
| 54 | Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội | Số 144, Trần Phú, Q. Hà Đông |
| 55 | Công ty TNHH Argus Việt Nam | Phòng 1, tầng 6, tòa nhà Housing II, căn nhà C6, Dự án khu nhà ở Mai Dịch, phường Mai Dịch, Q. Cầu Giấy |
| 56 | Công ty TNHH Thương mại dịch vụ kỹ thuật Việt | 231/12B, Tôn Thất Thuyết, Quận 4 |
| 57 | Công ty TNHH Dịch vụ kỹ thuật Hoa An Việt Nam | Số 138 tập thể Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, tổ 19, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy |
| 58 | Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật GTC | Phòng 1901, toàn nhà Saigon Trade Center, số 37 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1 |
| 59 | Công ty cổ phần bình khí dầu khí Việt Nam | Xã Hố Nại 3, Huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai |
| 60 | Nhà máy bình khí dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Công ty Cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam | Ấp Thanh Hóa, Hố Nai 3, Trảng Bom, Đồng Nai |
| 61 | Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 | 49 Pasteur, quận 1, TP.Hồ Chí Minh |
| 62 | Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 2 | Số 97 Lý Thái Tổ, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng |
| 63 | Công ty TNHH dịch vụ kiểm soát chất lượng SQC | Số 14/389, đường 5/1, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng |
| 64 | Công ty Cổ phần thương mại dầu khí An Dương | LK6C-19, KĐT Mỗ Lao, P. Mỗ Lao, Q. Hà Đông, Tp Hà Nội |
| 65 | Công ty cổ phần công nghiệp OT-TO | Số 19, lô N03, đường ĐX3, khu đô thị Đặng Xá, xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội (mới) |
| 66 | Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty phát điện 3 – Công ty dịch vụ sửa chữa các nhà máy điện | 332 đường Độc lập, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành |
| 67 | Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị nông nghiệp | Số 54/102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa |
| 68 | Công ty cổ phần HTMP Việt Nam | Lô 43 D3, khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Chi Đông |
| 69 | Công ty TNHH Một thành viên Đồng vị phóng xạ | P4, nhà 7, ngõ 1B Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội |
| 70 | Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ - tỉnh Đồng Nai | Số 1597 Phạm Văn Thuận, phường Thống Nhất, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |
| 71 | Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty phát điện 3 – Công ty Nhiệt điện Mông Dương | Khu 8, phường Mông Dương, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh |
| 72 | Công ty TNHH Vilam Engineering Việt Nam | Phòng R1-11.07, The Ever Rich, số 968 đường 3/2, phường 15, Q. 11, TP. Hồ Chí Minh |
| 73 | Trung tâm Đánh giá không phá hủy | 140 Nguyễn Tuân, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội |
| 74 | Công ty TNHH khí đốt Thăng Long | Cụm Công nghiệp Gas Lưu Xá, Quất Động, Thường Tín, Tp Hà Nội |
| 75 | Công ty TNHH kết cấu thép Mitsui Thăng Long | Xâm Dương, Ninh Sở, Thường Tín, Tp.Hà Nội |
| 76 | Viện Nghiên cứu cơ khí | 04 Phạm Văn Đồng, quận Cầu Giấy, tp. Hà Nội |
| 77 | Công ty Cổ phần tư vấn khảo sát dầu khí PVE | Lầu 6, tòa nhà PV Gas, số 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh |